

Số: 443 /2023/CV - SHS
(CBTT: Báo cáo thường niên năm 2022)

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
2. Mã chứng khoán: SHS
3. Mã thành viên: 069
4. Địa chỉ: Tầng 1-5, Toà nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội
5. Điện thoại: 024.38.181888 Fax: 024.38.181688 Email: congbothongtin@shs.com.vn
6. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Đức Tiến - Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật.
7. Loại thông tin công bố: định kỳ
8. Nội dung thông tin công bố:
- Báo cáo thường niên năm 2022.

(Căn cứ: Khoản 2, Điều 10; Khoản 1, Điều 14 và Khoản 1, Điều 22 của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán)

9. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/04/2023 tại đường dẫn: <https://www.shs.com.vn/News/2023414/1011718/shs-cbtt-bao-cau-thuong-nien-nam-2022.aspx>

<https://www.shs.com.vn/News/2023414/1011719/shs-cbtt-bao-cau-thuong-nien-nam-2022.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo thường niên năm 2022.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, P.PC&QTRR.

CÔNG TY CPCK SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tổng Giám đốc 

Vũ Đức Tiến



Biến cơ hội thành giá trị

KIÊN ĐỊNH ĐỂ THÀNH CÔNG VƯỢT TRỘI



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022

▶▶ MỤC LỤC

01

GIỚI THIỆU CHUNG	04
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	06
Điểm nhấn hoạt động năm 2022	08
Thông tin chung	11
Các chỉ số cơ bản	20

02

QUẢN TRỊ CÔNG TY	22
Cơ cấu tổ chức	24
Nhân sự chủ chốt	26
Hội đồng Quản trị	32
Ban Kiểm soát	47
Kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ	53
Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích	62
Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	65
Thông tin dành cho cổ đông	70

03

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022	96
Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022	98
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	113
Báo cáo của Ban Điều hành	118

04

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023	136
Nhận định tổng quan năm 2023	138
Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2023	155

05

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	158
Giới thiệu chung	160
Báo cáo phát triển bền vững năm 2022	163
Kế hoạch phát triển bền vững năm 2023	181

06

BÁO CÁO KIỂM TOÁN NĂM 2022	182
Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán	184
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2022 được kiểm toán	236

MANAGEMENT

STANDARDS

RESEARCH

PROCESS

OBJECTIVE

ACCOUNT

01

GIỚI THIỆU CHUNG

- THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT
- ĐIỂM NHẤN HOẠT ĐỘNG NĂM 2022
- THÔNG TIN CHUNG
- CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Một trong những kế hoạch trọng yếu mà SHS đã thực hiện trong năm 2022 là tăng vốn điều lệ thành công lên hơn

8.131

 tỷ đồng,

đưa SHS trở thành một trong những công ty chứng khoán có quy mô vốn điều lệ lớn nhất thị trường chứng khoán Việt Nam.



Kính gửi Quý vị Cổ đông, Quý Nhà đầu tư và Quý Khách hàng!

Thưa Quý vị, chúng ta đã trải qua năm 2022 với nhiều thăng trầm, biến động về kinh tế, chính trị, xã hội cả trong và ngoài nước. Những biến động lớn này đã ảnh hưởng không nhỏ tới kế hoạch kinh doanh của SHS. Mặc dù dịch Covid-19 đã được đẩy lùi nhưng chiến dịch quân sự đặc biệt của Nga đối với Ukraine, lãi suất, lạm phát đã tạo thành lốc xoáy, cuốn bay mọi thành quả tích lũy được của thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2021. Tại ngày 31/12/2022, VNI đóng cửa ở mức 1007,09 điểm, thấp hơn gần 34% so với mức đỉnh 1528,57 điểm được thiết lập vào ngày 6/1/2022, đánh dấu mức sụt giảm lớn nhất thế giới trong năm.

Trong bối cảnh đó, dù đã nỗ lực tối đa, SHS cũng chỉ ghi nhận được mức lợi nhuận 197,3 tỷ đồng trước thuế trong năm, đạt 9,7% kế hoạch đề ra và thấp hơn 88,75% so với cùng kỳ năm ngoái. Một trong những kế hoạch trọng yếu mà SHS đã thực hiện trong năm 2022 là tăng vốn điều lệ thành công lên hơn 8.131 tỷ đồng, đưa SHS trở thành một trong những công ty chứng khoán có quy mô vốn điều lệ lớn nhất thị trường chứng khoán Việt Nam. Chúng tôi đánh giá đây là một bước đi cực kỳ quan trọng, góp phần củng cố năng lực tài chính của Công ty, tạo tiền đề phát triển và xây dựng năng lực cạnh tranh trong thời kỳ mới. Bước đi này càng có ý nghĩa hơn trong bối cảnh cả thị trường chứng khoán rơi vào cuộc khủng hoảng trầm trọng mà hệ lụy còn kéo dài sang tận 2023. Có thể khẳng định rằng, mặc dù đối mặt với rất nhiều khó khăn trong năm 2022, nhưng SHS đã vững vàng vượt qua và luôn giữ vững sự ổn định, an toàn trong mọi hoạt động, tạo nền tảng cho những bước phát triển mới.

Bước sang năm 2023, mặc dù kinh tế Việt Nam còn đối mặt với rủi ro lạm phát khó lường và mặt bằng lãi suất còn đang ở mức cao, nhưng thị trường chứng khoán đang ở mức định giá hấp dẫn. Hoạt động đầu tư công sẽ là động lực chính thúc đẩy nền kinh tế. Nhiều chính sách và quy định pháp luật được kỳ vọng sẽ thay đổi, dự báo sẽ tiếp tục hỗ trợ thị trường chứng khoán hồi phục và sôi động trở lại. Với nhận định đó, SHS sẽ luôn thận trọng, tự tin và vững bước tiến lên, phát huy tốt những lợi thế của mình, tập trung cung cấp dịch vụ cho những doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh ổn định, tăng trưởng dài hạn, tình hình tài chính lành mạnh và minh bạch.

Cũng trong năm 2023, ngoài các nhiệm vụ kinh doanh, một nội dung trọng tâm được đặt ra là phải nâng cao và toàn diện năng lực quản trị hệ thống, nhằm đáp ứng việc sử dụng quy mô vốn điều lệ mới đạt hiệu quả. Hệ thống cơ cấu tổ chức, quy trình của toàn bộ hệ thống sẽ được rà soát, cập nhật, chỉnh sửa và chuẩn hóa nhằm đáp ứng yêu cầu của quy mô vốn điều lệ mới.

Với tôn chỉ đã kiên định: “Lấy tăng trưởng tài sản ròng của khách hàng làm động lực”, chúng tôi đặt trọng tâm hoạt động của Công ty trong năm 2023 vào việc nâng cao toàn diện chất lượng sản phẩm dịch vụ cũng như chất lượng tư vấn của hoạt động Mỗi giới, với kỳ vọng đưa SHS trở lại Top các công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong năm 2023, SHS sẽ tiếp tục tập trung các nguồn lực đẩy mạnh các dự án chuyển đổi số gắn liền với việc đa dạng, nâng cao chất lượng và tính tiện ích của các sản phẩm, dịch vụ để phục vụ tốt hơn các nhu cầu của khách hàng. Đây là nhiệm vụ chúng tôi bằng mọi giá phải hoàn thành trong năm 2023, tạo nền tảng vững chắc cho việc chuyển đổi mô hình hoạt động theo định hướng quản lý tài sản với tôn chỉ đã đặt ra.

Chúng tôi tin tưởng rằng, với nền tảng vững chắc đã được tạo dựng qua hơn 15 năm hình thành và phát triển, tập thể SHS sẽ vững vàng vượt qua giai đoạn khó khăn hiện tại, nắm bắt và khai thác hiệu quả các cơ hội kinh doanh để phát triển lớn mạnh, kiên định để thành công vượt trội hơn trong năm 2023 và các năm sắp tới.

Thưa Quý vị, trên đây là một số chia sẻ của tôi với tư cách là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty. Những nội dung chi tiết hơn Quý vị có thể tìm hiểu thêm trong Báo cáo thường niên này. Rất mong Quý vị sẽ tiếp tục đồng hành cùng Công ty, Hội đồng Quản trị cũng như Ban Điều hành, đưa Công ty ngày càng phát triển. Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm, hợp tác tích cực và ủng hộ nhiệt thành của Quý khách hàng, đối tác. Tôi cũng đặc biệt dành lời cảm ơn chân thành tới toàn thể cán bộ công nhân viên của SHS, những người đã đồng hành cùng SHS trải qua nhiều khó khăn, trở ngại, để SHS có được nền tảng vững mạnh như ngày hôm nay. Chúc Quý vị và gia đình thật nhiều sức khỏe, may mắn và đạt nhiều thành công trong hoạt động đầu tư!

Trân trọng cảm ơn!

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Chủ tịch
Đỗ Quang Vinh

▶▶ ĐIỂM NHẤN HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

TĂNG VỐN
ĐIỀU LỆ
THÀNH CÔNG LÊN

8.131,6 TỶ ĐỒNG

ĐỨNG THỨ

4

VỀ QUY MÔ VỐN
CHỦ SỞ HỮU VÀ
VỐN ĐIỀU LỆ

TRONG SỐ CÁC CÔNG TY TRONG NGÀNH
CHỨNG KHOÁN

1
TOP

THÀNH VIÊN CÓ **THỊ PHẦN GIAO DỊCH
MÔI GIỚI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ
LỚN NHẤT** TẠI SÀN HNX (NHÓM CÓ THỊ
PHẦN TRÊN 10%)



PHÁT HÀNH ỨNG DỤNG

SHTRADING VỚI NHIỀU CẢI TIẾN,
HƯỚNG ĐẾN ĐA DẠNG HÓA HÌNH THỨC GIAO
DỊCH VÀ QUẢN LÝ TÀI SẢN CHUYÊN NGHIỆP
CHO KHÁCH HÀNG

**TOP
10**

NĂM THỨ 4 LIÊN TIẾP TRONG
**TOP 10 BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT**
NHÓM VỐN HÓA VỪA

HỆ SỐ THANH TOÁN NỢ NGẮN HẠN ĐẠT

7,9 LẦN

TĂNG 3 LẦN SO VỚI NĂM 2021. MỨC ĐỘ CHỦ ĐỘNG VỀ VỐN TỰ CÓ
VÀ NĂNG LỰC VỀ NGUỒN VỐN TĂNG MẠNH.

VỐN CHỦ SỞ HỮU GẤP

6,4 LẦN

NỢ PHẢI TRẢ. CÁC CHỈ SỐ TÀI
CHÍNH KHÁC ĐƯỢC CẢI THIỆN
VƯỢT BẬC.



THÀNH VIÊN TIÊU BIỂU CỦA SỞ GIAO
DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI, SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH,
TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM



HOÀN THÀNH THỦ TỤC XIN CẤP **GIẤY
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT
ĐỘNG** CHO HỘI SỞ VÀ CÁC CHI NHÁNH
CỦA SHS.





TẦM NHÌN

Trở thành công ty chứng khoán hoạt động đa năng theo mô hình ngân hàng đầu tư hàng đầu Việt Nam và là thương hiệu uy tín trên TTCK Châu Á.



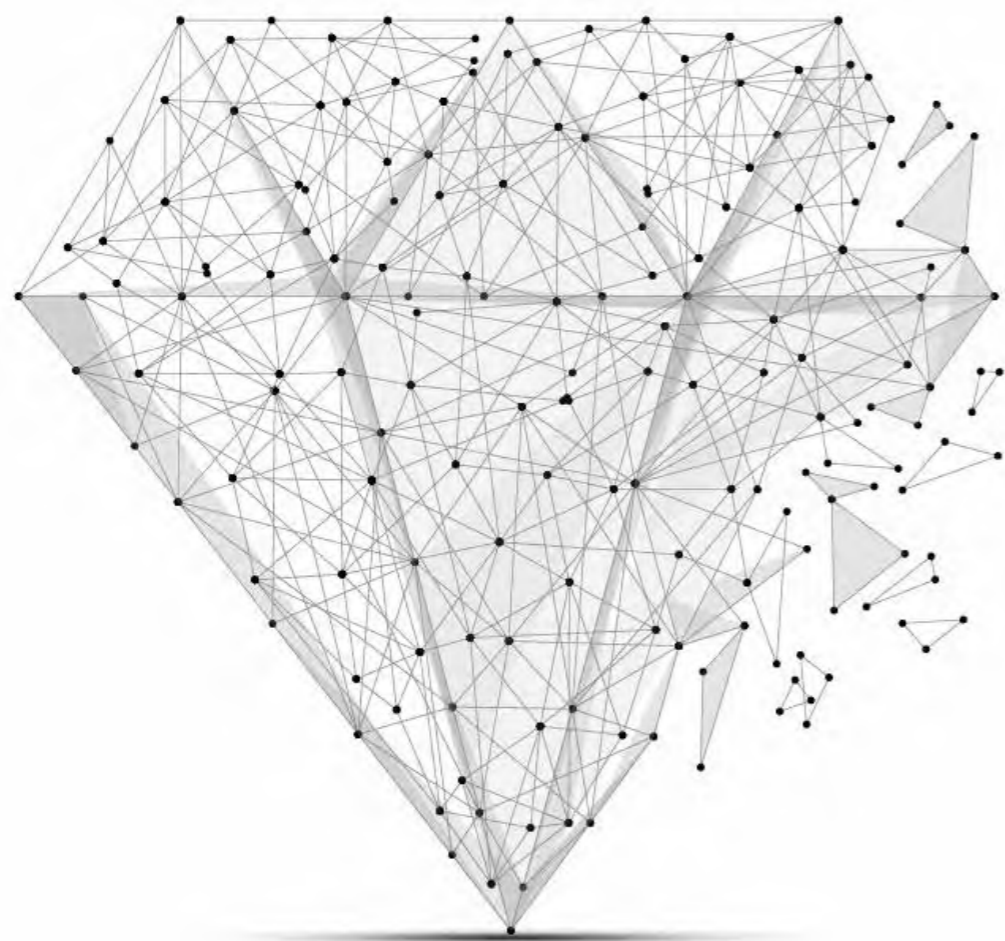
SỨC MỆNH

Tạo ra lợi nhuận tối đa cho các cổ đông; đóng góp, xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam an toàn, hiệu quả; tạo môi trường làm việc tốt, thu nhập cao và cơ hội thăng tiến cho cán bộ, nhân viên; cung cấp những dịch vụ tài chính, chứng khoán đa dạng, chất lượng cho khách hàng và đối tác.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chính trực, sáng tạo, chuyên nghiệp và sự hài lòng của khách hàng.



THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Giấy phép thành lập và hoạt động:

Số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/11/2007

Giấy phép điều chỉnh:

Số 32/GPĐC-UBCK ngày 01/12/2014, số 08/GPĐC-UBCK ngày 23/01/2018, số 85/GPĐC-UBCK ngày 05/09/2022

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Số 0102524651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 09/09/2022

Mã cổ phiếu:

SHS

Mã thành viên:

069

Vốn điều lệ:

8.131,6 tỷ đồng (từ 09/09/2022)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

8.853,3 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2022)

Địa chỉ:

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại:

84-24-38 181 888

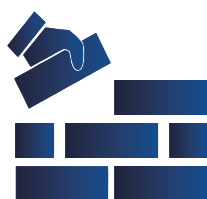
Fax:

84-24-38 181 688

Website:

www.shs.com.vn

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



2007

Chính thức được thành lập, vốn điều lệ 350,0 tỷ đồng, địa chỉ Trụ sở chính tại số 162-164, Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội.

Thành viên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

2008

Thành viên SGDCK Tp. HCM và SGDCK Hà Nội.

Thành lập Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh tại số 41, Pasteur, Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

2009

Chuyển Trụ sở chính đến Tầng 1&5, Tòa nhà Đào Duy Anh, số 9, Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội.

Tăng vốn điều lệ lên 410,6 tỷ đồng thông qua phương thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.

Niêm yết tại SGDCK Hà Nội với mã chứng khoán SHS từ ngày 25/06/2009.

Thành lập Chi nhánh Đà Nẵng tại số 97 Lê Lợi, Thạch Thang, Hải Châu, Đà Nẵng.

2010

Tăng vốn điều lệ lên 1.000,0 tỷ đồng thông qua phương thức phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu, cán bộ nhân viên và đối tác tiềm năng.

Thành lập Chi nhánh Nghệ An.

Thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ chuyên biệt tại SGDCK Hà Nội.

2011

Chuyển Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh đến số 141-143 Hàm Nghi, Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Đóng cửa Chi nhánh Nghệ An.

Chuyển Trụ sở chính đến Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, số 1, Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2013

Chuyển Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh đến Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

2014

Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán niêm yết lớn nhất trên cả 2 sàn HNX và HOSE.

Thành lập Phòng Giao dịch Thăng Long tại Tầng 3, tòa nhà M5, số 91, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

2015

Top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán niêm yết lớn nhất trên cả 2 sàn HNX và HOSE.

2016

Thành lập Văn phòng đại diện Đồng Nai tại số 129, Hà Huy Giáp, Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai.

2017

Mở rộng Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh tại Tầng 1&3, Tòa nhà AS, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2018

Chuyển Trụ sở chính đến Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Chính thức sáp nhập SHBS vào SHS và tăng vốn điều lệ lên 1.054,0 tỷ đồng bằng phương thức hoán đổi cổ phần.

2019

Chuyển Chi nhánh Đà Nẵng đến Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, số 3 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.

Tăng vốn điều lệ lên 2.072,7 tỷ đồng thông qua phương thức phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu, cán bộ nhân viên và đối tác tiềm năng.

2020

Thành lập Văn phòng đại diện Hải Phòng tại Tầng 3, Tòa nhà DG Tower, số 15 Trần Phú, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

2021

Tăng vốn điều lệ lên 3.252,7 tỷ đồng theo phương thức phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cho cổ đông hiện hữu, cán bộ nhân viên.

2022

Tăng vốn điều lệ lên 6.505,3 tỷ đồng theo phương thức chào bán ra công chứng cho cổ đông hiện hữu (tháng 6/2022).

Tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 8.131,6 tỷ đồng theo phương thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (tháng 9/2022).

Đóng cửa Văn phòng đại diện Đồng Nai.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trên Thị trường Tài chính Việt Nam, được cấp phép thực hiện tất cả các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và cung cấp tất cả các dịch vụ liên quan đến các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán được cấp phép bao gồm:

Môi giới chứng khoán



- ▶ **Dịch vụ đối với chứng khoán niêm yết:** mở tài khoản giao dịch; thực hiện lệnh mua bán chứng khoán (thỏa thuận, lô chẵn, lô lẻ đối với cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết và chưa niêm yết...); ứng trước tiền bán chứng khoán; chuyển tiền từ tài khoản chứng khoán đến tài khoản ngân hàng và ngược lại; chuyển tiền giữa các tài khoản chứng khoán; đăng ký bán cổ phiếu lô lẻ; đăng ký quyền mua cổ phiếu; quản lý tài khoản thường và tài khoản ký quỹ; chuyển tiền và chứng khoán giữa 2 loại tài khoản này; đấu giá dưới nhiều hình thức khác nhau (đấu giá trực tiếp tại SHS, tại doanh nghiệp; đại lý đấu giá của Sở Giao dịch chứng khoán); cung cấp thông tin bảng giá, giá chứng khoán, lịch đấu giá và các dịch vụ khác theo nhu cầu của khách hàng và trong phạm vi hoạt động của SHS.
- ▶ **Các kênh/công cụ giao dịch chứng khoán:** giao dịch trực tiếp tại sàn; giao dịch qua môi giới; giao dịch qua hệ thống tổng đài có ghi âm; giao dịch qua điện thoại, website; ứng dụng SHTrading ...

Lưu ký và Quản lý chứng khoán



- ▶ **Dịch vụ lưu ký chứng khoán:** bao gồm nhưng không giới hạn ở việc gửi, rút chứng khoán; lưu ký và tái lưu ký chứng khoán; thực hiện quyền; chuyển khoản, tất toán chứng khoán; biểu, tặng, cho, thừa kế, chuyển quyền sở hữu chứng khoán; phong tỏa và giải tỏa chứng khoán.
- ▶ **Dịch vụ quản lý chứng khoán:** theo dõi và quản lý chuyển nhượng; thực hiện quyền cho cổ đông, trái chủ; báo cáo việc quản lý chứng khoán, chuyển nhượng chứng khoán và người sở hữu chứng khoán...

Đầu tư chứng khoán



- ▶ **Danh mục đầu tư đa dạng:** cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ... niêm yết và chưa niêm yết thuộc nhiều quy mô, lĩnh vực, ngành nghề khác nhau.
- ▶ **Danh mục đầu tư của SHS** bao gồm các doanh nghiệp có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng cao và khả năng sinh lời hấp dẫn.

Phân tích và Tư vấn đầu tư



- ▶ **Sản phẩm tư vấn đầu tư:** các báo cáo phân tích như báo cáo phân tích vĩ mô, báo cáo nhận định thị trường, báo cáo phân tích ngành, báo cáo phân tích doanh nghiệp, báo cáo phân tích chứng khoán, báo cáo khuyến nghị đầu tư...
- ▶ **Dịch vụ tư vấn đầu tư:** thông qua nhiều kênh khác nhau như các bản tin, báo cáo phân tích trên các phương tiện truyền thông hoặc gửi trực tiếp cho nhà đầu tư, tổ chức các buổi hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư, thăm và tìm hiểu doanh nghiệp, báo giá chứng khoán...

Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành



- ▶ **Dịch vụ tư vấn tài chính:** tư vấn, đại lý phát hành cổ phiếu (riêng lẻ, ra công chúng), phát hành trái phiếu, tư vấn niêm yết, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, tư vấn thoái vốn và bán đấu giá cổ phần, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn mua bán, sáp nhập, tư vấn khác (tổ chức ĐHCĐ, công bố thông tin, lập báo cáo thường niên, đăng ký công ty đại chúng, đăng ký giao dịch, quản lý cổ đông, huy động vốn...).
- ▶ **Dịch vụ tư vấn đấu giá** dưới các hình thức khác nhau như trực tiếp tổ chức đấu giá tại doanh nghiệp, tại SHS; đại lý đấu giá của Sở GDCK...
- ▶ **Dịch vụ bảo lãnh phát hành:** bảo lãnh với cam kết chắc chắn, bảo lãnh với cố gắng cao nhất... cho nhiều loại chứng khoán khác nhau như cổ phiếu, trái phiếu...

Dịch vụ tài chính



- ▶ **Các dịch vụ tài chính:** ứng trước tiền bán chứng khoán, cho vay giao dịch ký quỹ, tư vấn đầu tư và quản lý tài sản bảo đảm cho bên thứ ba, phối hợp với ngân hàng hỗ trợ khách hàng giao dịch chứng khoán.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

CHIẾN LƯỢC CHUNG

Phát triển đồng đều các mảng hoạt động truyền thống của một công ty chứng khoán đa năng, trong đó lấy hoạt động Môi giới và Tư vấn tài chính doanh nghiệp làm nền tảng cốt lõi.

Hoạt động Môi giới

Lấy lợi thế thị phần trong Top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất trên cả hai sàn HOSE và HNX, đẩy mạnh phát triển hoạt động môi giới cả bề rộng về quy mô và chiều sâu về chất lượng, nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn đầu tư, giữ được sự ổn định nguồn tài chính phục vụ nhu cầu nhà đầu tư.

Triển khai hoạt động kinh doanh Chứng khoán Phái sinh, Chứng quyền có bảo đảm theo quy định của pháp luật, gia tăng hiệu quả sử dụng vốn cho Nhà đầu tư và Cổ đông.

Hoạt động Tư vấn tài chính

SHS hướng tới việc cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư với chất lượng hàng đầu và giá trị gia tăng cao như: thu xếp vốn, bảo lãnh phát hành, M&A, tái cấu trúc doanh nghiệp. Qua đó, định vị SHS là một trong những nhà tư vấn tài chính và thu xếp vốn hàng đầu trên thị trường tài chính Việt Nam.

Hoạt động Đầu tư

Tiếp tục duy trì danh mục đầu tư theo hướng gia tăng tỷ trọng đầu tư dài hạn vào các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh tốt, có nền tảng vững chắc, có thể tham gia đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững. Danh mục ngắn hạn được đầu tư theo xu hướng thị trường chung và tập trung quản lý rủi ro.



Hoạt động Nguồn vốn

SHS đã thực hiện tăng quy mô vốn chủ sở hữu của Công ty, làm cơ sở cho việc đa dạng hóa các kênh hợp tác, kinh doanh nguồn vốn, với mục tiêu phân tán rủi ro trên cơ sở tự chủ tài chính.

Hoạt động Quản trị công ty

Hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo định hướng chiến lược của Công ty, tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và các thông lệ quản trị hiện đại.

MẠNG LƯỚI VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG: SHS có địa bàn hoạt động trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: Công ty không có các công ty con, công ty liên kết.

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Đường Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Điện thoại: 84-24-38181 888
Fax: 84-24-38181 688
Email: contact@shs.com.vn
Website: www.shs.com.vn

PHÒNG GIAO DỊCH THĂNG LONG

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà M5, Số 91, Đường Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Điện thoại: 84-24-32696 666
Fax: 84-24-32919 999
Email: contact-thanglong@shs.com.vn

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 3 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 84-236-3525 777
Fax: 84-236-3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 1&3, Tòa nhà AS Số 236-238, Đường Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: 84-28-3945 1368
Fax: 84-28-3915 1369
Email: contact-hcm@shs.com.vn



VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà DG Tower, Số 15, đường Trần Phú, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Điện thoại: 078 317 0939



GIẢI THƯỞNG DO CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VINH DANH

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ▶ Bằng khen đã có thành tích trong phong trào thi đua của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa các năm từ 2015 đến năm 2019 và năm 2022.
- ▶ Bằng khen đã có thành tích trong phong trào chuyên đề nộp ngân sách năm 2017.
- ▶ Bằng khen đã có thành tích trong lĩnh vực nộp Ngân sách Nhà nước trên địa bàn Tp. Hà Nội năm 2019.
- ▶ Bằng khen đã có thành tích trong phong trào thi đua “Tôn vinh doanh nhân, doanh nghiệp Thăng Long” của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021.
- ▶ Cúp Thăng Long 2022.

ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ▶ Bằng khen đã tích cực vận động ủng hộ Quỹ “Vì biển đảo Việt Nam” năm 2021.

BỘ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

- ▶ Nhà Tư vấn Cổ phần hóa và Thoái vốn DNNN tiêu biểu năm 2014-2015.
- ▶ Nhà tư vấn IPO tiêu biểu năm 2016-2017.
- ▶ Công ty chứng khoán uy tín năm 2015.
- ▶ Nhà tư vấn M&A tiêu biểu năm 2017-2018, 2019.

BỘ/SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

- ▶ Bằng khen vì đã có nhiều đóng góp cho công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em năm 2019.
- ▶ Giấy khen vì đã có nhiều đóng góp cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn TP. Hà Nội năm 2020.

SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ▶ Cờ thi đua dành cho đơn vị Xuất sắc trong Phong trào thi đua năm 2020, 2021.

VIỆN KINH TẾ VÀ VĂN HÓA

- ▶ Top 10 Dịch Vụ Chất Lượng Vàng năm 2020 - Giải thưởng dành cho Dịch vụ Môi giới Chứng khoán.

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- ▶ Giấy khen đã có thành tích đóng góp cho sự phát triển của UBCKNN giai đoạn 1996-2016, năm 2017.

SỞ GD CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- ▶ Công ty chứng khoán tiêu biểu giai đoạn 2005-2015 và các năm từ năm 2015 đến năm 2020.
- ▶ Doanh nghiệp niêm yết thực hiện quản trị công ty tốt nhất năm 2016-2017.

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH & BÁO ĐẦU TƯ

- ▶ Công ty chứng khoán tiêu biểu các năm từ năm 2017 đến năm 2020.
- ▶ Top 50 Báo cáo thường niên tốt nhất trao giải năm 2013, 2016, 2017.
- ▶ Top 30 Báo cáo thường niên tốt nhất và Top 20 Báo cáo quản trị tốt nhất Nhóm vốn hóa vừa trao giải năm 2018.
- ▶ Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm vốn hóa vừa trao giải năm 2019, 2020, 2021, 2022.

TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

- ▶ Công ty chứng khoán tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2016, 2017.
- ▶ Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán các năm từ năm 2018 đến năm 2020 và 2022.

CỤC THUẾ HÀ NỘI

- ▶ Người nộp thuế thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế năm 2017.



GIẢI THƯỞNG DO CÁC ĐƠN VỊ KHÁC VINH DANH

HỘI SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM

- ▶ Top 50 thương hiệu nổi tiếng năm 2018.
- ▶ Top 20 thương hiệu nổi tiếng trao giải năm 2020.

HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ▶ Doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu Hà Nội vàng 2015.

HỘI KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN VIỆT NAM VÀ BÁO DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP

- ▶ Doanh nghiệp 3 năm liên tiếp (2017-2019) đạt chỉ số năng lực tài chính tốt nhất

HIỆP HỘI PHÁT TRIỂN VĂN HÓA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

- ▶ Bằng khen đã tích cực hưởng ứng cuộc vận động “Xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam” do Thủ tướng Chính phủ phát động từ năm 2016 đến năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VIỆT NAM (VIETNAM REPORT)

- ▶ Top 50 Công ty đại chúng uy tín và hiệu quả nhất năm và Số 1 nhóm ngành chứng khoán năm 2021
- ▶ Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2021.

ASIA PACIFIC ENTERPRISE AWARDS (APEA)

- ▶ Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á năm 2021.

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

- ▶ Top 100 doanh nghiệp đạt chỉ số năng lực quản trị tài chính tốt các năm từ 2016 đến năm 2018.
- ▶ Công ty đạt chỉ số năng lực quản trị tài chính tốt nhất ngành chứng khoán Việt Nam năm 2018.

▶ CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN (KPIs)

CÁC CHỈ TIÊU BCĐKT

(Đơn vị: tỷ đồng)

	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng tài sản	4.869,0	6.072,7	6.929,7	10.910,9	10.899,6
Nợ phải trả	3.003,6	3.380,4	3.703,4	4.855,3	1.463,7
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.865,3	2.692,3	3.226,3	6.055,6	9.435,9
Vốn điều lệ	1.054,0	2.072,7	2.072,7	3.252,7	8.131,6
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cp)	105.395.674	207.268.201	207.268.201	325.265.027	813.156.748

CÁC CHỈ TIÊU BCKQKD

(Đơn vị: tỷ đồng)

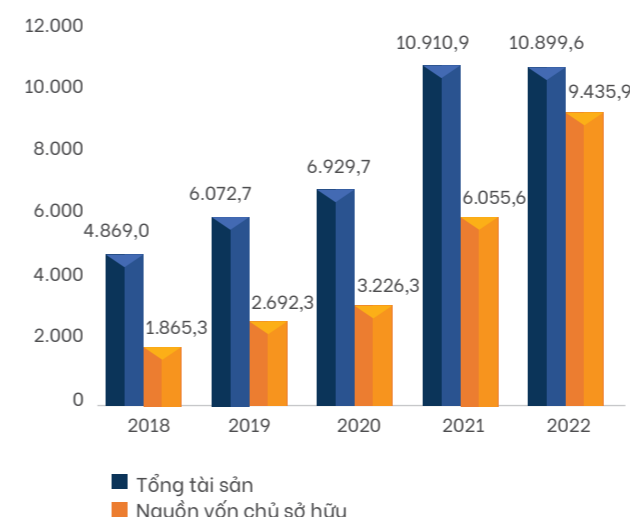
	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.247,9	1.072,4	1.808,5	2.899,8	1.547,6
Tổng chi phí	837,2	760,4	869,6	1.146,9	1.547,7
Lợi nhuận kế toán trước thuế	410,7	312,0	938,9	1.752,9	197,3
Lợi nhuận kế toán sau thuế	358,1	254,6	754,3	1.396,3	162,2

CÁC CHỈ TIÊU ĐẶC THÙ KHÁC

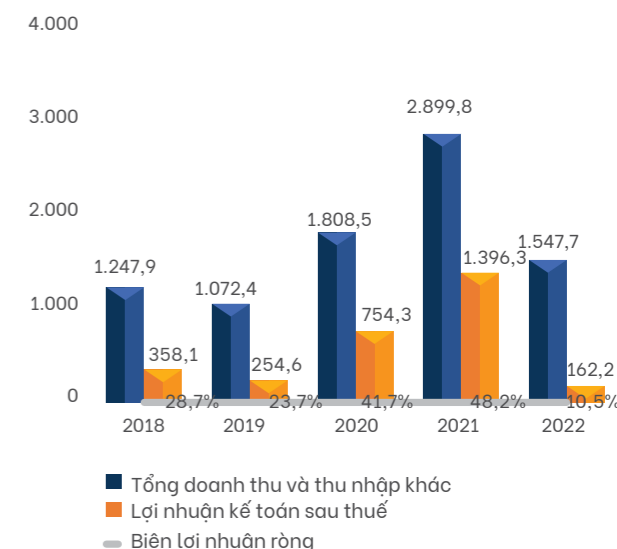
(Đơn vị: đồng)

	2018	2019	2020	2021	2022
Hệ số thanh toán nhanh	66,0%	31,2%	18,2%	15,5%	76,2%
Hệ số thanh toán hiện hành	375,5%	177,5%	191,2%	257,8%	793,6%
Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	21,5%	11,2%	25,5%	30,1%	2,1%
Tỷ lệ lợi nhuận trên tài sản (ROA)	8,0%	4,7%	11,6%	15,7%	1,5%
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại 31/12	351,6%	338,4%	347,9%	386,6%	291,17%
Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu (BV)	17.698	12.990	15.563	18.617	11.604
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS)	2.746	1.359	3.649	2.862	238
Hệ số giá trên lợi nhuận một cổ phiếu (P/E) (lần)	4,2	5,7	6,9	8,7	35,1
Hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách (P/B) (lần)	0,7	0,6	1,6	2,7	0,7

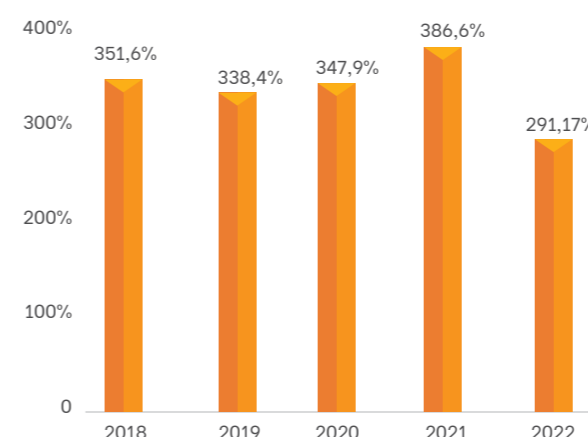
Tăng trưởng tổng tài sản và vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)



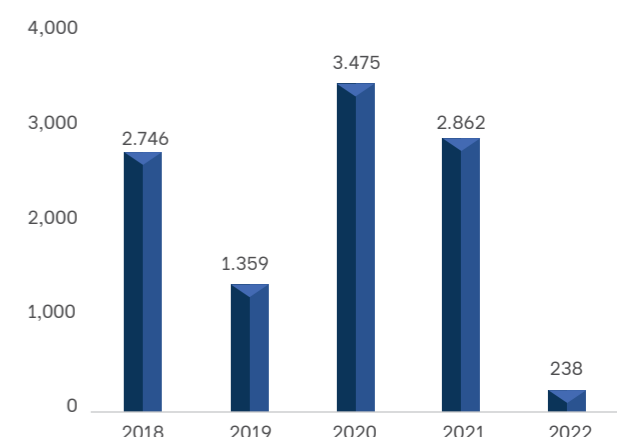
Doanh thu, lợi nhuận ròng và biên lợi nhuận (tỷ đồng)



Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại thời điểm 31/12/2022



Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS) (đồng/cp)





02

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ▶ CƠ CẤU TỔ CHỨC
- ▶ NHÂN SỰ CHỦ CHỐT
- ▶ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- ▶ BAN KIỂM SOÁT
- ▶ KIỂM SOÁT NỘI BỘ, QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ
- ▶ LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH
- ▶ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- ▶ THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

▶▶ CƠ CẤU TỔ CHỨC



▶▶ NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG ĐỖ QUANG VINH
Chủ tịch HĐQT
(Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành)

Ngày bổ nhiệm:
27/04/2022.

Ngày sinh: 23/08/1989.

Học vấn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính và Quản trị tại University of East Anglia, Vương quốc Anh.

Sở hữu: 7.500.000 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,92%).

Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Đầu tư, Tài chính, Ngân hàng và đang đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý cấp cao.

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết: Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Ngân hàng Số tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB).

Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS).

Tại công ty chưa niêm yết: Chủ tịch HĐQT - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội (BSHC).

Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM (BVIM).

Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT - Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB Finance).



ÔNG LÊ ĐĂNG KHOA
Thành viên HĐQT
(Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành)

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:

22/03/2013; 26/04/2017 và 27/04/2022.

Ngày sinh: 18/08/1974.

Học vấn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học Kinh tế Quốc dân; Cử nhân Kế toán - Học viện Ngân hàng.

Sở hữu: 531.250 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,07%).

Kinh nghiệm làm việc: Chuyên gia trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh, Tài chính, Chứng khoán, Ngân hàng, Bảo hiểm, Đầu tư, Bất động sản; nhiều năm kinh nghiệm trong quản lý, điều hành, cố vấn tại các tổ chức kinh tế, tài chính tín dụng lớn.

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết: Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB).

Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS).

Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội (TPH).

Tại công ty chưa niêm yết: Thành viên HĐQT - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội (BSHC).

Thành viên HĐQT - Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB Finance).

Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama (LilamaLand).



ÔNG VŨ ĐỨC TIẾN
Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
(Thành viên HĐQT điều hành và không độc lập)

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:

15/09/2014; 26/04/2017 và 27/04/2022 đối với chức danh Thành viên HĐQT.

01/11/2014, 01/11/2017, 01/11/2020 đối với chức danh Tổng Giám đốc.

Ngày sinh: 02/09/1973.

Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Học viện Ngân hàng; Cử nhân tiếng Anh - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội; Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính - UBCKNN cấp.

Sở hữu: 20.054.983 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 2,47%).

Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, phân tích, đầu tư và quản lý tài sản.

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết: Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS).

Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (PVM).

Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVH).

Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu (PLA).

Tại công ty chưa niêm yết: Thành viên HĐQT - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội (BSHC).



BÀ NGUYỄN DIỆU TRINH
Thành viên HĐQT
(Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành)

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:

03/01/2020 và 27/04/2022.

Ngày sinh: 30/06/1979.

Học vấn: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng - Trung tâm Đào tạo Quản lý Pháp Việt (CFVG); Cử nhân Quản trị kinh doanh - Đại học Kinh tế quốc dân.

Sở hữu: 337.500 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,04%).

Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, đầu tư, chứng khoán, quản lý tài sản.

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS).

Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội (DHN).

Tại công ty chưa niêm yết: Thành viên HĐQT - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (AIC).

Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Dược và Trang thiết bị Y tế quân đội Armephaco

Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội (HAB).



ÔNG LƯU DANH ĐỨC
Thành viên HĐQT
(Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành)

Ngày bổ nhiệm:

27/04/2022.

Ngày sinh: 26/07/1973.

Học vấn: Thạc sĩ Công nghệ Thông tin - Học viện CNTT Các nước nói tiếng Pháp - IFI (Institut de la Francophonie pour l'Informatique); Kỹ sư Công nghệ Thông tin ngành Luật Kinh doanh - Đại học Bách khoa Hà Nội.

Sở hữu: 375.000 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,05%).

Kinh nghiệm làm việc: Chuyên gia cao cấp, nhiều năm kinh nghiệm tại các tập đoàn lớn trong nước và nước ngoài trên lĩnh vực công nghệ thông tin đối với Ngân hàng, tài chính, đầu tư, quản lý tài sản.

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS).

Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB).

Tại công ty chưa niêm yết: Giám đốc Ban Công nghệ Thông tin - Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T.

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2022

- Bổ nhiệm mới: 02 người: Chủ tịch HĐQT Đỗ Quang Vinh, Thành viên HĐQT Lưu Danh Đức (27/4/2022)
- Miễn nhiệm: 02 người: Chủ tịch HĐQT Đỗ Quang Hiển (26/4/2022), Thành viên HĐQT Mai Xuân Sơn (27/4/2022)

▶▶ NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

THÔNG TIN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ▶ HĐQT Công ty có 05 Thành viên, bao gồm: Chủ tịch HĐQT, 03 Thành viên HĐQT và 01 Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty. Số lượng Thành viên HĐQT không thay đổi.
- ▶ Ông Đỗ Quang Hiến gửi Đơn xin từ nhiệm Chức danh Chủ tịch HĐQT và đã được Hội đồng Quản trị thông qua, chấp thuận tại Quyết định số 22-2022/QĐ-HĐQT ngày 26/4/2022. Đồng thời, ông Đỗ Quang Hiến cũng không tham gia đề cử/ứng cử/bầu cử bản thân vào Hội đồng Quản trị SHS nhiệm kỳ 2022-2027.
- ▶ Ông Mai Xuân Sơn - Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022, thôi giữ chức vụ Thành viên HĐQT SHS kể từ ngày 27/4/2022 do hết nhiệm kỳ, không tham gia đề cử/ứng cử/bầu cử bản thân vào Hội đồng Quản trị SHS nhiệm kỳ 2022-2027.
- ▶ Tại Đại hội đồng cổ đông phiên họp thường niên 2022 ngày 27/4/2022, ĐHĐCĐ đã triển khai bầu cử Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027. Kết quả trúng cử như sau:

TT	Họ và tên	Số phiếu bầu (phiếu)
1	Ông Đỗ Quang Vinh	210.420.577
2	Ông Vũ Đức Tiến	177.588.780
3	Ông Lê Đăng Khoa	163.328.590
4	Ông Lưu Danh Đức	143.330.423
5	Bà Nguyễn Diệu Trinh	125.899.450

- ▶ Cùng ngày 27/4/2022, HĐQT đã tiến hành họp bầu Chủ tịch HĐQT, nhất trí bầu ông Đỗ Quang Vinh giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2022-2027 và phân công nhiệm vụ cho các Thành viên.
- ▶ Thành viên HĐQT độc lập:
 - Nhiệm kỳ 2017-2022: Ông Lê Đăng Khoa
 - Nhiệm kỳ 2022-2027: Bà Nguyễn Diệu Trinh

BAN KIỂM SOÁT



BÀ PHẠM THỊ BÍCH HỒNG
Trưởng Ban Kiểm soát
(Thành viên BKS chuyên trách)

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:
15/01/2008, 06/04/2012; 26/04/2017 và 27/04/2022.

Ngày sinh: 08/02/1968.

Học vấn: Cử nhân Tài chính kế toán - Đại học Tài chính Kế toán (nay là Học viện Tài chính); Chứng chỉ hành nghề Môi giới chứng khoán - UBCKNN cấp.

Sở hữu: 355.299 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,04%).

Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, chứng khoán.

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết: Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS).

Tại công ty chưa niêm yết: Không.



ÔNG VŨ ĐỨC TRUNG
Thành viên Ban Kiểm soát
(Thành viên BKS không chuyên trách)

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:
06/04/2012; 26/04/2017 và 27/04/2022.

Ngày sinh: 25/12/1980.

Học vấn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học Kinh tế quốc dân; Cử nhân Kế toán - Đại học Kinh tế quốc dân; Chứng chỉ hành nghề kiểm toán viên - Hiệp hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam cấp; Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ - UBCKNN cấp.

Sở hữu: 2.743.750 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,34%).

Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, thương mại, sản xuất, chứng khoán.

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết: Thành viên HĐQT - Tổng Công ty Thăng Long - CTCP (TLG).

Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS).

Tại công ty chưa niêm yết: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội (BSHC).

Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM (BVIM).

Thành viên HĐQT - Tổng công ty Rau quả CTCP (Vegetexco).



BÀ LƯƠNG THỊ LỰU
Thành viên Ban Kiểm soát
(Thành viên BKS không chuyên trách)

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:
27/04/2015; 26/04/2017 và 27/04/2022.

Ngày sinh: 09/11/1983.

Học vấn: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng - Đại học Kinh tế quốc dân; Cử nhân Kế toán tổng hợp và Kinh tế bảo hiểm - Đại học Kinh tế quốc dân.

Sở hữu: 62.578 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,01%).

Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại, sản xuất, chứng khoán, tài chính kế toán.

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS).

Tại công ty chưa niêm yết: Thành viên BKS - Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Tân Mai.

Thành viên BKS - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tam Sơn.

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM

- Bổ nhiệm: Không.
- Miễn nhiệm: Không.

▶▶ NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG VŨ ĐỨC TIẾN
Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:
15/09/2014; 26/04/2017 và 27/04/2022 đối với chức danh Thành viên HĐQT.
01/11/2014, 01/11/2017 và 01/11/2020 đối với chức danh Tổng Giám đốc.

Các thông tin khác
(Vui lòng xem tại mục Hội đồng Quản trị).



ÔNG TRẦN SỸ TIẾN
Phó Tổng Giám đốc - Kế toán trưởng

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:
16/04/2014, 16/04/2017 và 16/04/2020 đối với chức danh Phó Tổng Giám đốc.
20/09/2011 đối với chức danh Kế toán trưởng.

Ngày sinh: 06/05/1973.
Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội; Cử nhân Tín dụng - Học viện Ngân hàng; Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính - UBCK cấp.
Sở hữu: 1.112.500 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,14%).

Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, tài chính kế toán, đầu tư và quản lý tài sản, nguồn vốn.

Các chức vụ hiện tại:
Tại công ty niêm yết: Phó Tổng Giám đốc - Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS).
Tại công ty chưa niêm yết: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Bảo hiểm hàng không (AIC).



BÀ TRẦN THỊ THU THANH
Phó Tổng Giám đốc

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:
01/08/2018 và 01/08/2021.

Ngày sinh: 08/04/1975.
Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Học viện Ngân hàng; Cử nhân tiếng Anh - Đại học Sư phạm Ngoại ngữ; Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ - UBCKNN cấp.
Sở hữu: 0 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0%).
Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán.

Các chức vụ hiện tại:
Tại công ty niêm yết: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS).
Tại công ty chưa niêm yết: Không.



ÔNG NGUYỄN CHÍ THÀNH
Phó Tổng Giám đốc
Trưởng Văn phòng đại diện Hải Phòng

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:
05/05/2014, 05/05/2017 và 05/05/2020 đối với chức danh Phó Tổng Giám đốc.
18/09/2020 đối với chức danh Trưởng Văn phòng đại diện Hải Phòng.

Ngày sinh: 13/11/1980.
Học vấn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học Tổng hợp Boston (Mỹ); Cử nhân Kinh tế đối ngoại - Đại học Ngoại thương Hà Nội; Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ - UBCKNN cấp.

Sở hữu: 1.112.500 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,14%).
Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý dự án, chứng khoán, tài chính, đầu tư, quản lý tài sản.

Các chức vụ hiện tại:
Tại công ty niêm yết: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS).
Trưởng Văn phòng Đại diện của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại Hải Phòng.
Tại công ty chưa niêm yết: Không.



BÀ TRẦN PHƯỚC HẠ NHI
Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng

Ngày bổ nhiệm: 09/08/2011.
Ngày sinh: 29/03/1982.

Học vấn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Đại học Columbia Southern; Cử nhân Kế toán - Đại học Kinh tế Đà Nẵng; Chứng chỉ hành nghề môi giới chứng khoán - UBCKNN cấp.
Sở hữu: 75.750 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,01%).

Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, đầu tư, quản trị.

Các chức vụ hiện tại:
Tại công ty niêm yết: Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS).
Tại công ty chưa niêm yết: Không.



BÀ LÊ QUANG NGỌC THANH
Giám đốc Chi nhánh
Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày bổ nhiệm: 06/09/2022.
Ngày sinh: 24/07/1982.

Học vấn: Cử nhân trường Đại học Kinh tế Tp. HCM chuyên ngành Kế toán; Chứng chỉ hành nghề Phân tích - UBCKNN cấp.
Sở hữu: 125.000 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,01%).
Kinh nghiệm làm việc: Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, đầu tư, quản trị.

Các chức vụ hiện tại:
Tại công ty niêm yết: Giám đốc Chi nhánh TP.HCM - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS).
Tại công ty chưa niêm yết: Không.

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG NĂM:

- **Bổ nhiệm:** Bổ nhiệm Bà Lê Quang Ngọc Thanh giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh TP.HCM kể từ ngày 06/09/2022
- **Miễn nhiệm:** Thôi giữ chức danh kiêm nhiệm Giám đốc Chi nhánh TPHCM đối với Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Chí Thành kể từ ngày 06/09/2022

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Thành viên	Nhiệm kỳ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT
1	Ông Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch HĐQT	Không độc lập Không điều hành	2017-2022	03/12/2007 - 26/04/2022
2	Ông Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT	Không độc lập Không điều hành	2022-2027	27/04/2022
3	Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	Độc lập Không điều hành	2017-2022	22/03/2013
			Không độc lập Không điều hành	2022-2027	
4	Ông Mai Xuân Sơn	Thành viên HĐQT	Không độc lập Không điều hành	2017-2022	24/01/2014 - 27/04/2022
5	Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên & TGD	Không độc lập Điều hành	2017-2022; 2022-2027	10/09/2014
6	Bà Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT	Độc lập Không điều hành	2017-2022 2022-2027	03/01/2020
7	Ông Lưu Danh Đức	Thành viên HĐQT	Không độc lập Không điều hành	2022-2027	27/04/2022

(Thông tin chi tiết về các thành viên HĐQT vui lòng xem tại phần Nhân sự chủ chốt).

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Trước ngày ĐHCĐ thường niên năm 2022 của Công ty (27/4/2022), HĐQT hoạt động theo các quy định, quy chế đã được ĐHCĐ và HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 thông qua, đã thành lập các Tiểu ban trực thuộc từ các năm trước, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên chịu trách nhiệm về các mảng công việc cụ thể, bao gồm:

TT	Tiểu ban	Thành viên HĐQT phụ trách	Nội dung công việc
1	Quản trị chung	Ông Đỗ Quang Hiến - Chủ tịch HĐQT	Quản trị và giám sát hoạt động điều hành, tìm kiếm và giới thiệu các nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, hoạt động điều hành của Ban Điều hành, đảm bảo tính tuân thủ pháp luật và thông lệ quản trị.
2	Chính sách phát triển		Xây dựng và hoạch định chiến lược dài hạn và ngắn hạn.
3	Nhân sự, lương thưởng và Quản trị hệ thống	Ông Đỗ Quang Hiến - Chủ tịch HĐQT; Ông Vũ Đức Tiến - Thành viên HĐQT	Xây dựng cơ chế lương thưởng, đãi ngộ theo quy chuẩn và thực tế hoạt động kinh doanh, giám sát Ban Điều hành triển khai thực thi và đo lường hiệu quả.
4	Quản trị rủi ro, Tài chính kế toán, Truyền thông, Thương hiệu	Ông Mai Xuân Sơn - Thành viên HĐQT Bà Nguyễn Diệu Trinh - Thành viên HĐQT	Rà soát hệ thống quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ, thanh kiểm tra, thực hiện việc KTNB thường xuyên và bất thường các hoạt động của Công ty mà không gây xáo trộn hoạt động, lập báo cáo kiến nghị để xuất với HĐQT, TGD giải pháp xử lý nếu cần thiết.
5	Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ, Công nghệ	Ông Lê Đăng Khoa - Thành viên HĐQT độc lập	

Ngày 27/4/2022, Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 đã họp và ban hành Quyết định thông qua việc thành lập các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội như sau:

TT	Tiểu ban	Thành viên HĐQT phụ trách	Trưởng Tiểu ban	Nội dung công việc
1	Quản trị chung	1. Ông Đỗ Quang Vinh - Chủ tịch HĐQT 2. Ông Vũ Đức Tiến - Thành viên HĐQT, TGD	Ông Đỗ Quang Vinh - Chủ tịch HĐQT	Quản trị và giám sát hoạt động điều hành, tìm kiếm và giới thiệu các nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, hoạt động điều hành của Ban Điều hành, đảm bảo tính tuân thủ pháp luật và thông lệ quản trị.
2	Chính sách phát triển	1. Ông Đỗ Quang Vinh - Chủ tịch HĐQT 2. Ông Vũ Đức Tiến - Thành viên HĐQT, TGD 3. Bà Nguyễn Diệu Trinh - Thành viên HĐQT độc lập	Ông Vũ Đức Tiến - Thành viên HĐQT, TGD	Xây dựng và hoạch định chiến lược dài hạn và ngắn hạn, lập báo cáo kiến nghị để xuất với HĐQT, TGD giải pháp xử lý nếu cần thiết. Xác định, đánh giá và thẩm tra hiện trạng doanh nghiệp của Công ty và các doanh nghiệp mà SHS đầu tư, hợp tác; Xác định trọng tâm hoạt động của SHS và đánh giá hiệu quả ngắn hạn cũng như dài hạn các hoạt động của SHS. Xây dựng và đề xuất phương hướng quản lý, điều hành cho cấp quản lý của Công ty.

TT	Tiểu ban	Thành viên HĐQT phụ trách	Trưởng Tiểu ban	Nội dung công việc
3	Nhân sự, lương thưởng và Quản trị hệ thống	1. Ông Vũ Đức Tiến – Thành viên HĐQT, TGD 2. Bà Nguyễn Diệu Trinh – Thành viên HĐQT độc lập 3. Ông Lê Đăng Khoa – Thành viên HĐQT	Ông Lê Đăng Khoa – Thành viên HĐQT	Xây dựng cơ chế lương thưởng, đãi ngộ theo quy chuẩn và thực tế hoạt động kinh doanh, giám sát Ban Điều hành triển khai thực thi và đo lường hiệu quả, lập báo cáo kiến nghị đề xuất với HĐQT, TGD giải pháp xử lý nếu cần thiết.
4	Tài chính kế toán, Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ	1. Bà Nguyễn Diệu Trinh – Thành viên HĐQT độc lập 2. Ông Lê Đăng Khoa – Thành viên HĐQT 3. Bà Phạm Thị Bích Hồng – Trưởng Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Diệu Trinh – Thành viên HĐQT độc lập	Rà soát hệ thống quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ, thanh kiểm tra, thực hiện việc KTNB thường xuyên và bất thường các hoạt động của Công ty mà không gây xáo trộn hoạt động, lập báo cáo kiến nghị đề xuất với HĐQT, TGD giải pháp xử lý nếu cần thiết. Thẩm tra các hoạt động liên quan đến lĩnh vực Quản trị Tài chính, ngân sách, rủi ro tài chính, thẩm định dự án đầu tư, mua bán chứng khoán, trái phiếu, các loại tài sản khác, dịch vụ tư vấn, bảo lãnh phát hành, chào bán của Công ty. Thẩm tra kế hoạch tài chính, kế hoạch kinh doanh, các báo cáo liên quan đến tình hình tài chính của Công ty; Thẩm tra các nguồn lực tài chính tại các phòng ban Công ty; Thẩm tra và hỗ trợ Phòng Kế toán Tài chính trong công tác quản lý dòng tiền, nguồn vốn, huy động vốn. Quản lý bộ phận KTNB trực thuộc HĐQT
5	Công nghệ, Dịch vụ, sản phẩm, Truyền thông, Thương hiệu	1. Ông Đỗ Quang Vinh – Chủ tịch HĐQT; 2. Ông Lưu Danh Đức – Thành viên HĐQT	Ông Lưu Danh Đức – Thành viên HĐQT	Giám sát, tư vấn, báo cáo và nghiên cứu đề xuất xây dựng, khai thác và phát triển hệ thống công nghệ thông tin, công nghệ số, các ứng dụng giao dịch; phát triển dịch vụ, sản phẩm, hoạt động truyền thông và phát triển thương hiệu của SHS; lập báo cáo kiến nghị đề xuất với HĐQT, TGD giải pháp xử lý nếu cần thiết. Xác định chiến lược CNTT, kế hoạch “Chuyển đổi số” cho Công ty và làm việc với các phòng ban để thực hiện kế hoạch, xây dựng hệ thống quản lý dựa trên phần mềm quản lý doanh nghiệp.

- Số lượng thành viên, chức năng, nhiệm vụ của Tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định tùy từng thời điểm nếu xét thấy cần thay đổi phù hợp.
- Mỗi Tiểu ban đảm bảo tối thiểu 01 người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và có thể mời thêm thành viên bên ngoài nhưng theo các quy định phù hợp của SHS và pháp luật.
- Hoạt động của tiểu ban trên tinh thần trách nhiệm, chính trực, tự giác và phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị, pháp luật, Điều lệ. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
- Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- Hoạt động của các Tiểu ban:
 - Các thành viên phụ trách các tiểu ban được phân công, cập nhật thông tin, diễn biến tình hình công ty trên cơ sở hồ sơ, dữ liệu và các báo cáo của Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Bộ phận KTNB và báo cáo về cho tất cả các Thành viên HĐQT được biết để cùng có biện pháp xử lý, định hướng và hỗ trợ cho Ban Điều hành tìm ra hướng giải quyết phù hợp, đặc biệt trong những thời điểm thị trường biến động lớn và nền kinh tế có nhiều chính sách tác động.
 - Định kỳ hàng tháng và quý, Khối QTRR gửi báo cáo hoạt động giao dịch và danh sách các rủi ro quan trọng được nhận diện trong tháng, quý cùng với kế hoạch hành động và kết quả giám sát đến Tiểu ban QTRR. Tiểu ban QTRR tổ chức họp để rà soát và phê duyệt các giao dịch trong giới hạn thẩm quyền của mình.

CÁC CUỘC HỌP CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

TT	Tiểu ban	Số lượng	Nội dung họp	Kết quả họp
1	Quản trị chung	04	Xây dựng định hướng chiến lược phát triển Công ty trình ĐHĐCĐ phê duyệt và triển khai thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ. Xây dựng và triển khai hoạt động chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành, xác định vai trò và giới hạn thẩm quyền của HĐQT đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty và đối với Ban Điều hành.	Xây dựng và triển khai chiến lược cụ thể và chi tiết cho các hoạt động kinh doanh, chủ động khai thác cơ hội, phát huy được lợi thế doanh nghiệp để giành vị thế cao trên thị trường cũng như đạt hiệu quả kinh doanh, đạt và vượt kế hoạch đề ra; Kiểm soát và chỉ đạo, hỗ trợ Ban Điều hành trong công tác quản trị, điều hành các hoạt động của SHS, ứng phó phù hợp với diễn biến bất thường và tác động bất ngờ, kéo dài và quy mô lớn của dịch bệnh Covid-19.
2	Chính sách phát triển	06	Xây dựng và triển khai chính sách phát triển các hoạt động kinh doanh của Công ty, tập trung vào hoạt động môi giới, nguồn vốn, đầu tư, tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành trên cơ sở khai thác thế mạnh của Công ty và lợi thế từ chính sách kinh tế vĩ mô và xu hướng đi lên của Thị trường Chứng khoán Việt Nam.	
3	Nhân sự, lương thưởng và Quản trị hệ thống	04	Rà soát chính sách lương, thưởng, phúc lợi và đào tạo của Công ty để điều chỉnh và hoàn thiện nhằm khai thác tối đa nguồn lực con người. Xem xét tăng, giảm quy mô tuyển dụng và đào tạo ở một số vị trí để đảm bảo hệ thống vận hành thông suốt và hiệu quả.	Đảm bảo được đội ngũ nhân sự có trình độ, kinh nghiệm và phù hợp với định hướng phát triển của SHS; khai thác được lợi thế con người, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận do một cán bộ, nhân viên SHS tạo ra trung bình lớn hơn hoặc ngang với các công ty chứng khoán hàng đầu.



TT	Tiểu ban	Số lượng	Nội dung hợp	Kết quả hợp
4	Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ	04	Xây dựng, điều chỉnh và triển khai định kỳ và bất thường kế hoạch quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ, thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với điều kiện hoạt động kinh doanh của SHS; Đánh giá sự phù hợp và tuân thủ chính sách, khẩu vị, hạn mức rủi ro.	Định kỳ và bất thường kiểm tra, theo dõi và xử lý 5 loại rủi ro trọng yếu theo quy định của UBCKNN, đảm bảo an toàn hệ thống, hoạt động tuân thủ pháp luật, an toàn tài chính và hiệu quả bền vững.
5	Kế toán tài chính và Kiểm soát nội bộ	05	Kiểm tra tính tuân thủ, phù hợp của hệ thống kế toán tài chính và các báo cáo tài chính do Ban Điều hành, đơn vị kiểm toán lập. Kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống quy chế, quy trình, quy định nội bộ để hệ thống tuân thủ pháp luật và vận hành đồng bộ, quy chuẩn.	Đảm bảo các báo cáo tài chính được lập phù hợp với các quy định pháp luật và công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch và đúng quy định. Đảm bảo các hoạt động kinh doanh của Công ty đều có quy định hướng dẫn đầy đủ, chi tiết, rõ ràng và khả thi.
6	Công nghệ, Dịch vụ, sản phẩm, Truyền thông, Thương hiệu	04	Tư vấn, hỗ trợ tìm đối tác cung cấp dịch vụ và nhân sự cấp cao; phối hợp cùng Ban Điều hành xây dựng và triển khai chiến lược, kế hoạch hành động phát triển các hoạt động Công nghệ, Dịch vụ, Sản phẩm, Truyền thông, Thương hiệu; đặc biệt là đầu tư cho Công nghệ Số, nâng cấp hệ thống phần mềm giao dịch, theo dõi và quản lý tài sản, đẩy mạnh truyền thông về sản phẩm, dịch vụ mới.	Xây dựng và triển khai chiến lược cụ thể và chi tiết cho các hoạt động Công nghệ, Truyền thông, Dịch vụ, Sản phẩm; chủ động khai thác cơ hội, phát huy được lợi thế doanh nghiệp để giành vị thế cạnh tranh trên thị trường và đạt hiệu quả kinh doanh đạt và vượt kế hoạch đề ra. Kiểm soát và chỉ đạo, hỗ trợ Ban Điều hành trong công tác quản trị, điều hành các hoạt động nêu trên của SHS.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HDQT


Các tiểu ban thuộc HDQT đã làm tốt vai trò và trách nhiệm của mình, đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, định hướng, tư vấn cho Ban Điều hành nhưng không can thiệp sâu vào hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như hoạt động của từng phòng ban. Ban Điều hành được chủ động phát huy vai trò người điều hành và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động của Công ty. Thông qua hoạt động của các tiểu ban thuộc HDQT, các vấn đề trọng yếu của Công ty phát sinh trong từng lĩnh vực được bàn bạc, trao đổi và thống nhất hướng giải quyết. Các tiểu ban thuộc HDQT cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tư vấn cho HDQT ban hành các quyết định quan trọng ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của Công ty.

Trong quá trình giám sát, quản trị, các Tiểu ban thuộc HDQT cũng nhận thấy: tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ, thay đổi cả lượng và chất của hoạt động kinh doanh trong bối cảnh Thị trường Chứng khoán sôi động đi kèm với rủi ro gia tăng trong các hoạt động đầu tư, quản trị nguồn vốn, tư vấn tài chính nên việc nâng cao tính giám sát, quản trị rủi ro, của HDQT nhất thiết phải tăng cường.

Các hoạt động kinh doanh mà HDQT đặc biệt lưu ý là: đầu tư cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, việc huy động nguồn vốn, kinh doanh nguồn vốn, hoạt động tư vấn tài chính, cho vay kinh doanh chứng khoán và hoạt động kinh doanh trái phiếu. Với các hoạt động này, nhiệm vụ xuyên suốt của các Tiểu ban trong năm 2022 và các năm sau là tăng cường hợp, thảo luận, kiểm tra, rà soát tình hình tài chính, cách thức vận hành, phương thức quản trị hoạt động, thường xuyên cập nhật các biến động, báo cáo HDQT để có phương án xử lý, giải pháp phù hợp, hạn chế thấp nhất các rủi ro đồng thời vẫn đảm bảo các hoạt động được chủ động, linh hoạt vận hành dưới sự điều hành của Ban Điều hành trong khuôn khổ cho phép.


HDQT ưu tiên đầu tư cho Công nghệ Số, nâng cấp hệ thống phần mềm giao dịch, theo dõi và quản lý tài sản, đẩy mạnh truyền thông về sản phẩm, dịch vụ mới; xây dựng và triển khai chiến lược cụ thể và chi tiết theo từng giai đoạn cho các hoạt động công nghệ, truyền thông, dịch vụ, sản phẩm; chủ động khai thác cơ hội, phát huy được lợi thế của SHS về vốn và mạng lưới đối tác, khách hàng, để giành vị thế cạnh tranh trên thị trường và đạt hiệu quả kinh doanh đạt và vượt kế hoạch đề ra.

CÁC BỘ PHẬN, CÁ NHÂN HỖ TRỢ HDQT




**Văn phòng
Hội đồng Quản trị**

- ▶ Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch HDQT trong việc tổ chức ĐHCĐ, tổ chức công tác của HDQT và BKS.
- ▶ Quản lý cổ đông và hỗ trợ cổ đông của Công ty thực hiện các quyền của mình.
- ▶ Soạn thảo và lưu trữ các văn bản liên quan đến ĐHCĐ và HDQT.



**Bộ phận
Kiểm toán nội bộ**

- ▶ Thực hiện kiểm toán nội bộ các hoạt động quản lý điều hành và kinh doanh của Công ty.
- ▶ Kiến nghị và đề xuất hướng tới giải quyết triệt để các tồn tại và rủi ro của Công ty, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- ▶ Báo cáo hoạt động kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của HDQT và Cơ quan quản lý Nhà nước.



**Thư ký Công ty
Người phụ trách Quan hệ
Cổ đông và Quản trị Công ty**

- ▶ Bà Doãn Thị Như Quỳnh - Phó Chánh Văn phòng HDQT
- ▶ Học vấn: Cử nhân Đại học Ngoại giao
- ▶ Kinh nghiệm làm việc: 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán.
- ▶ Điện thoại liên hệ: 024.38.181.888 (312)
- ▶ Email: quynh.dtn@shs.com.vn

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022

Trong năm 2022, hoạt động của Công ty vận hành theo biến động của Thị trường Chứng khoán và sự hồi phục của nền kinh tế sau ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. SHS đang có đà tăng trưởng mạnh mẽ do nội lực và nguồn vốn mới, HĐQT và Ban Điều hành Công ty tiếp tục tập trung triển khai giám sát và định hướng phát triển toàn diện các hoạt động kinh doanh của SHS, tăng cường quản trị rủi ro, tìm kiếm những cơ hội đầu tư mới và nâng cao năng lực phát triển, gia tăng sức cạnh tranh của SHS.

Năm 2022, Công ty phải đối mặt với nhiều thách thức lớn, ảnh hưởng toàn diện tới mọi mặt hoạt động của Công ty do các biến động lớn từ các sự kiện pháp luật, quản trị của một số công ty chứng khoán và bộ máy hành chính quản lý nhà nước ngành chứng khoán, chứng kiến và chịu ảnh hưởng nặng nề từ sự trở lại mạnh mẽ của các chỉ số trọng yếu trên thị trường chứng khoán và dòng tiền Nhà đầu tư.

- ▶ HĐQT chỉ đạo và theo sát Ban Điều hành thực hiện các nội dung của Nghị quyết HĐQT và ĐHĐCĐ.
- ▶ HĐQT đã thực hiện giám sát việc công bố thông tin các Báo cáo tài chính định kỳ và Báo cáo thường niên năm 2021, các văn bản về công bố thông tin thuộc thẩm quyền.
- ▶ HĐQT đã giám sát việc tổ chức họp ĐHĐCĐ phiên họp bất thường năm 2022 (ngày 28/01/2022) và thường niên năm 2022 ngày 27/4/2022) tại địa điểm số 1 Nguyễn Tri Phương, Ba Đình, Hà Nội và thông qua kênh phát trực tuyến <http://dhcd.shs.com.vn> đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo an toàn, phù hợp với hoạt động kinh doanh.
- ▶ HĐQT chỉ đạo, hỗ trợ phát triển hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành, tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp/thoái vốn/chào bán cổ phần/niêm yết cổ phiếu, hoạt động môi giới chứng khoán và hoạt động tự doanh.
- ▶ HĐQT tăng cường giám sát hoạt động tư vấn tài chính, dịch vụ tài chính, kiểm soát chi phí doanh nghiệp và chi phí quản lý, quản trị rủi ro, cơ cấu danh mục tồn kho và nợ xấu. Thành viên HĐQT phụ trách việc quản trị rủi ro và tài chính phải định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý họp với Tổng Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát để trao đổi về các vấn đề và giải pháp thực hiện.
- ▶ HĐQT đã triển khai 25 cuộc họp chính thức, ngoài ra còn rất nhiều các cuộc họp giữa Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT khác, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát để thảo luận và thông qua nhiều vấn đề định hướng chiến lược của Công ty, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT như: hoàn thành việc tăng vốn điều lệ và sử dụng nguồn vốn huy động hiệu quả, đúng kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua; trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông, mở rộng ngành nghề kinh doanh chứng khoán phái sinh, phát hành chứng quyền có bảo đảm, phát hành cổ phiếu, phát hành Trái phiếu, đầu tư Trái phiếu, cổ phiếu, phương án vay vốn, các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua và Phương án triển khai thực hiện cụ thể sau đó.
- ▶ HĐQT xem xét và phê duyệt các khoản mục đầu tư chiến lược của Công ty, các vấn đề cơ cấu nhân sự quản lý cấp cao, các vấn đề về lương thưởng, cơ cấu nhân sự thuộc thẩm quyền HĐQT.
- ▶ HĐQT chú trọng việc tiếp tục mở rộng, gia tăng thị phần môi giới, song song với đảm bảo an toàn nguồn vốn của Nhà đầu tư và Công ty, nhiều sản phẩm môi giới đa dạng đáp ứng nhu cầu của Nhà đầu tư và tuân thủ pháp luật, chú trọng việc đầu tư cơ sở hạ tầng và nền tảng công nghệ thông tin để phục vụ cho hoạt động quản lý tài khoản, môi giới, giao dịch chứng khoán và lưu ký chứng khoán.
- ▶ HĐQT ban hành 06 Nghị quyết, ký phê duyệt gần 170 văn bản gồm Quy chế, Biên bản, Nghị quyết, Quyết định, Tờ trình liên quan đến nhiều vấn đề trọng yếu của Công ty, làm cơ sở và định hướng cho Ban Điều hành triển khai nhiệm vụ.



CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 25 phiên họp, cho ý kiến thảo luận và thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền, tham gia ĐHĐCĐ phiên họp bất thường và thường niên 2022 với vai trò Đoàn Chủ tọa:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1	Ông Đỗ Quang Hiến	10	100%	Đến 26/04/2022
2	Ông Đỗ Quang Vinh	15	100%	Từ 27/04/2022
3	Ông Lê Đăng Khoa	25	100%	
4	Ông Mai Xuân Sơn	10	100%	Đến 27/04/2022
5	Ông Vũ Đức Tiến	25	100%	
6	Bà Nguyễn Diệu Trinh	25	100%	
7	Ông Lưu Danh Đức	15	100%	Từ 27/04/2022

CÁC VĂN BẢN ĐÃ ĐƯỢC HĐQT THÔNG QUA

Trong năm 2022, HĐQT đã thông qua 6 nghị quyết và 48 quyết định như sau:

STT	Số hiệu	Ngày	Nội dung
I Nghị quyết HĐQT			
1	01-2022/NQ-HĐQT	01/03/2022	Lập danh sách cổ đông và tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
2	02-2022/NQ-HĐQT	01/03/2022	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ và áp dụng Điều lệ sửa đổi
3	03-2022/NQ-HĐQT	03/06/2022	Tăng vốn Điều lệ SHS (6.500 tỷ đồng)
4	04-2022/NQ-HĐQT	28/06/2022	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ và áp dụng Điều lệ sửa đổi
5	05-2022/NQ-HĐQT	15/08/2022	Tăng vốn Điều lệ SHS (8.131,6 tỷ đồng)
6	06-2022/NQ-HĐQT	06/09/2022	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ và áp dụng Điều lệ sửa đổi
II Quyết định HĐQT			
1	01-2022/QĐ-HĐQT	14/01/2022	Hợp tác giữa SHS và SHB triển khai hoạt động bán lẻ Trái phiếu
2	02-2022/QĐ-HĐQT	28/01/2022	Triển khai phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ
3	03-2022/QĐ-HĐQT	28/01/2022	Cam kết tuân thủ các quy định pháp luật
4	04-2022/QĐ-HĐQT	28/01/2022	Cam kết triển khai niêm yết cổ phiếu trên hệ thống GDCK
5	05-2022/QĐ-HĐQT	28/01/2022	Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ đáp ứng quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài
6	06-2022/QĐ-HĐQT	28/01/2022	Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ

STT	Số hiệu	Ngày	Nội dung
7	07-2022/QĐ-HĐQT	17/02/2022	Thôi giữ chức danh kiêm nhiệm Phụ trách Văn phòng HĐQT
8	08-2022/QĐ-HĐQT	28/01/2022	Xin phê duyệt và ký ban hành Hồ sơ Chào bán cổ phiếu cho CDHH năm 2022
9	09-2022/QĐ-HĐQT	21/02/2022	Tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022
10	10-2022/QĐ-HĐQT	01/03/2022	Sửa đổi bổ sung Điều lệ và áp dụng Điều lệ sửa đổi
11	11-2022/QĐ-HĐQT	03/03/2022	Vay vốn hạn mức tại Eximbank - Chi nhánh HN
12	12-2022/QĐ-HĐQT	21/03/2022	Vay vốn hạn mức tại Ngân hàng TMCP Bắc Á
13	13-2022/QĐ-HĐQT	21/03/2022	Triển khai dịch vụ cho khách hàng ứng trước tiền bán chứng khoán
14	14-2022/QĐ-HĐQT	24/03/2022	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại ĐHCĐ thường niên năm 2022
15	15-2022/QĐ-HĐQT	28/03/2022	Thực hiện quyền mua cổ phiếu SHS chào bán cho CDHH
16	16-2022/QĐ-HĐQT	08/04/2022	Hợp tác cung cấp dịch vụ thu chi tiền mặt và các dịch vụ ngân hàng khác giữa SHS và SHB Đông Đô
17	17-2022/QĐ-HĐQT	13/04/2022	Chấm dứt HĐLĐ đối với ông Trần Đình Dũng - Trưởng phòng Tư vấn Tài chính & Bảo lãnh phát hành
18	18-2022/QĐ-HĐQT	20/04/2022	Thông qua danh sách ứng viên tham gia HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027
19	19-2022/QĐ-HĐQT	20/04/2022	Vay theo hạn mức tại SHB Đông Đô
20	20-2022/QĐ-HĐQT	22/04/2022	Bổ nhiệm Chánh văn phòng HĐQT
21	21-2022/QĐ-HĐQT	18/04/2022	Ban hành Quy chế Tổ chức hoạt động Văn phòng HĐQT
22	22-2022/QĐ-HĐQT	26/04/2022	Thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT đối với ông Đỗ Quang Hiến
23	23-2022/QĐ-HĐQT	26/04/2022	Bầu ông Vũ Đức Tiến - Thành viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tọa ĐHCĐ thường niên năm 2022
24	24-2022/QĐ-HĐQT	27/04/2022	Bầu Chủ tịch HĐQT
25	25-2022/QĐ-HĐQT	27/04/2022	Thành lập các tiểu ban và phân công nhiệm vụ cho các Thành viên HĐQT
26	26-2022/QĐ-HĐQT	05/05/2022	Hợp tác cung cấp Dịch vụ thu, chi hệ giữa SHS và SHB
27	27-2022/QĐ-HĐQT	06/05/2022	Chấm dứt HĐLĐ đối với Trưởng phòng Công nghệ thông tin
28	28-2022/QĐ-HĐQT	10/05/2022	Chi thù lao, phụ cấp và các lợi ích khác cho HĐQT, BKS năm tài chính 2022
29	29-2022/QĐ-HĐQT	17/05/2022	Cung cấp Dịch vụ tư vấn chào bán và tư vấn niêm yết cổ phiếu giữa SHS và RCC
30	30-2022/QĐ-HĐQT	25/05/2022	Xử lý cổ phiếu còn dư của đợt Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho CDHH năm 2022

STT	Số hiệu	Ngày	Nội dung
31	31-2022/QĐ-HĐQT	31/05/2022	Kết quả Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho CDHH năm 2022
32	32-2022/QĐ-HĐQT	07/06/2022	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
33	33-2022/QĐ-HĐQT	10/06/2022	Ký hợp đồng dịch vụ thuê văn phòng giữa SHS và RCC
34	34-2022/QĐ-HĐQT	07/07/2022	Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ phiếu của đợt Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
35	35-2022/QĐ-HĐQT	07/07/2022	Vay vốn hạn mức tại Indovinabank
36	36-2022/QĐ-HĐQT		(Không ban hành)
37	37-2022/QĐ-HĐQT	28/07/2022	Thông qua việc xử lý cổ phiếu còn dư của đợt Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
38	38-2022/QĐ-HĐQT	15/08/2022	Phương án vay vốn hạn mức tại ABB năm 2022
39	39-2022/QĐ-HĐQT	26/08/2022	Bổ nhiệm Nhân sự
40	40-2022/QĐ-HĐQT	26/08/2022	Chi trả thu nhập cho nhân sự được HĐQT bổ nhiệm
41	41-2022/QĐ-HĐQT	06/09/2022	Thôi kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh TP.HCM đối với PTGD Nguyễn Chí Thành
42	42-2022/QĐ-HĐQT	06/09/2022	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh TPHCM
43	43-2022/QĐ-HĐQT	27/09/2022	Tư vấn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ cho SHB
44	44-2022/QĐ-HĐQT	28/09/2022	Thay đổi địa điểm đặt Chi nhánh TPHCM
45	45-2022/QĐ-HĐQT	15/11/2022	Vay vốn hạn mức tại CTBC TPHCM
46	46-2022/QĐ-HĐQT	30/11/2022	Đóng cửa Văn phòng đại diện Đồng Nai
47	47-2022/QĐ-HĐQT	20/12/2022	Vay vốn hạn mức tại VPB
48	48-2022/QĐ-HĐQT	26/12/2022	Khen thưởng CBNV xuất sắc

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Trong cơ cấu HĐQT đến ngày 27/4/2022, Công ty có 2/5 số Thành viên HĐQT là độc lập và 4/5 số thành viên HĐQT là không điều hành. Sau phiên họp bầu cử Chủ tịch và Thành viên HĐQT, Công ty có 1/5 số thành viên HĐQT là độc lập và 4/5 số thành viên HĐQT là không điều hành.

Các thành viên HĐQT độc lập của SHS tham gia tích cực và chủ động vào hoạt động quản trị, giám sát, định hướng các hoạt động kinh doanh của Công ty, sử dụng nhiều kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm hoạt động nhiều năm trong lĩnh vực mình hiểu biết để tư vấn, kiến nghị, đề xuất cho HĐQT và Ban Điều hành triển khai các hoạt động của Công ty.

Thành viên HĐQT độc lập thực hiện nhiệm vụ theo phân công nhiệm vụ của ĐHĐCĐ, HĐQT và trách nhiệm đối với Công ty, tuân thủ Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, tuân thủ quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ Công ty và các quy định nội bộ khác.

Thành viên HĐQT độc lập tại SHS tham dự đầy đủ các cuộc họp ĐHĐCĐ và HĐQT, thường xuyên gặp gỡ trực tiếp Chủ tịch HĐQT và các thành viên Ban Kiểm soát, Ban Điều hành. Do đó, các chỉ đạo của HĐQT luôn đảm bảo tính khách quan và kịp thời, bám sát các hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, đảm bảo lợi ích chung của cổ đông và của Công ty.

Để thực thi nhiệm vụ quản trị và giám sát của mình, các thành viên HĐQT độc lập phối hợp với Ban Kiểm soát và Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT để kiểm tra, tra soát tính hợp lý, tuân thủ, quản trị rủi ro và phát triển bền vững, an toàn của các hoạt động kinh doanh của Công ty, thông qua các báo cáo, dữ liệu cung cấp của Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, KTNB định kỳ và bất thường theo chuyên đề hoặc theo từng nội dung. Tại nhiều thời điểm quan trọng, các thành viên HĐQT độc lập đã có những kiến nghị, đề xuất đối với HĐQT và Ban Điều hành để điều chỉnh một số hoạt động của Công ty cho phù hợp.

Công ty không có sự phân biệt nào giữa thành viên HĐQT độc lập và các thành viên HĐQT khác. Các thành viên HĐQT độc lập đều chủ động, tích cực trong việc thực thi trách nhiệm của mình, đã đóng góp tích cực vào việc ra các quyết định chung của HĐQT.



ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2022, Cán bộ, nhân viên thuộc Văn phòng HĐQT đã tham gia các khóa đào tạo trực tuyến về quản trị doanh nghiệp do Viện Thành Viên Hội Đồng Quản Trị Việt Nam (VIOD) tổ chức, Chương trình đào tạo tập huấn về Quản trị Công ty năm 2022 tại UBCK do Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Chứng khoán (SRTC) tổ chức và cấp chứng chỉ.

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia:

STT	Đối tượng tham gia	Chương trình tham gia
1	Thư ký HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> Hội thảo về Báo cáo phát triển bền vững, Báo cáo thường niên do UBCKNN và IFC tổ chức. Hội thảo về Quản trị Doanh nghiệp do HNX và một số CTCK Thành viên tổ chức. Hội thảo về Thư ký Công ty, Quản trị công ty.
2	Ban Điều hành	<ul style="list-style-type: none"> Các buổi tọa đàm, hướng dẫn của UBCKNN, Sở GDCK và TTLKCKVN về việc tiếp cận và triển khai các văn bản quy phạm pháp luật mới về công bố thông tin, quản trị công ty, tổ chức hoạt động công ty chứng khoán...
3	Người Quản trị Công ty	<ul style="list-style-type: none"> Chương trình đào tạo tập huấn về Quản trị Công ty do Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Chứng khoán (SRTC) tổ chức và cấp chứng chỉ. Các chứng chỉ đào tạo về chứng khoán, thị trường chứng khoán, phân tích, đầu tư và pháp luật do Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Chứng khoán (SRTC) tổ chức và cấp chứng chỉ. Diễn đàn Thường niên về Đẩy mạnh Quản trị Công ty trong Giai đoạn Bình thường Mới do Viện Thành Viên Hội Đồng Quản Trị Việt Nam (VIOD) phối hợp với UBCKNN tổ chức. Diễn đàn Hội nghị Thành viên HNX về Quản trị Công ty do Sở GDCKHN phối hợp với UBCKNN, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD), Sở GDCK TP Hồ Chí Minh, Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam, Viện Thành viên HĐQT Việt Nam tổ chức. Chương trình Đào tạo tập huấn về Ủy ban Kiểm toán năm 2020 do Viện Thành Viên Hội Đồng Quản Trị Việt Nam (VIOD) phối hợp với UBCKNN tổ chức và cấp chứng chỉ. Hội nghị trực tuyến “Quy định pháp lý về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng” do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo Chứng khoán - SRTC) tổ chức.
4	Trưởng Ban Kiểm soát	<ul style="list-style-type: none"> Chương trình Đào tạo Tập huấn về Quản trị Cấp cao Chứng nhận Thành viên Hội đồng Quản trị lần 7 - DCP7.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội (SHS) nhận định:

SHS đã trải qua một năm 2022 đầy thăng trầm với nhiều biến động bất thường của Thị trường Chứng khoán, kinh tế vĩ mô, hoạt động điều hành, quản trị, kinh doanh của Công ty bị tác động và chịu ảnh hưởng của thị trường nói chung. Kết quả kinh doanh của SHS tuy có lãi nhưng không đạt được kế hoạch kinh doanh đã đề ra. HĐQT và Ban Điều hành đã có những đánh giá và phương án đối với biến động mạnh trên thị trường chứng khoán năm vừa qua. Trên cơ sở những thay đổi tích cực, tuy còn chậm nhưng chắc chắn, vào những tháng cuối năm 2022, HĐQT đánh giá và dự báo: "Kinh tế Việt Nam sẽ phát triển nhờ những chính sách mở cửa linh hoạt của Chính phủ, SHS kỳ vọng năm 2023 thị trường sẽ "chuyển mình" tích cực để đem lại cho Công ty và nhà đầu tư những cơ hội mới với nhiều lợi nhuận và ít rủi ro hơn. Năm 2023, Thị trường Chứng khoán Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục xu hướng phát triển theo hướng hình thành mặt bằng giá mới và đi vào quá trình tích lũy với ngưỡng hỗ trợ quanh vùng 950 điểm và ngưỡng trên khoảng 1.050 - 1.100 điểm. Chứng khoán vẫn là kênh huy động vốn chủ lực cho nền kinh tế trong dài hạn và SHS tiếp tục là một chủ thể tự tin, năng động, ấn tượng và chất lượng với tư cách một công ty chứng khoán thành viên và một doanh nghiệp niêm yết".

SHS vẫn kiên trì phát triển bền vững vì mục tiêu "Tất cả vì tăng trưởng tài sản ròng của khách hàng", Công ty tiếp tục phát triển bền vững, an toàn, hiệu quả, năng lực tài chính vững mạnh, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đa dạng và độc đáo.

Một số ngành mà Công ty sẽ tập trung hướng tới là công nghệ, cảng biển, logistics, bất động sản khu công nghiệp, dầu khí, đầu tư công, ngân hàng, tài chính để cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư tài chính.

SHS dự kiến xây dựng Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2023 với mục tiêu doanh thu và lợi nhuận tiếp tục tăng trưởng với tỷ lệ tối thiểu là 20%.

Năm 2023, SHS đặt trọng tâm tăng cường đẩy mạnh mảng dịch vụ liên quan đến môi giới, tăng trưởng số lượng tài khoản mới và giá trị tài sản ròng của khách hàng. Công ty đã đưa vào hệ thống phần mềm giao dịch SHTrading mới và tiếp tục nâng cấp phần mềm, được cấp phép triển khai các dịch vụ ứng trước tiền bán, thu hộ, cho vay margin...

Hoạt động kinh doanh sản phẩm chứng khoán Phái sinh và Chứng quyền chưa triển khai trong năm 2022. Ngày 01/3/2023, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh do UBCKNN cấp và bắt đầu triển khai hoạt động kinh doanh sản phẩm Phái sinh theo Giấy phép, Công ty chưa được cấp giấy phép kinh doanh Chứng quyền và dự kiến sẽ xin phép cơ quan quản lý Nhà nước và đưa vào hoạt động trong thời gian sớm nhất.

HĐQT định hướng hoạt động của HĐQT và hoạt động của Công ty trong năm 2023 như sau:

Công ty sẽ tiếp tục khẳng định năng lực, tầm nhìn và sức bật bền vững, kiên định theo đuổi mục tiêu duy trì vị thế Công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam. Công ty tập trung cung cấp đa dạng các dịch vụ, giải pháp tư vấn, quản lý và phát triển tài sản toàn diện cho khách hàng. Cùng với đó, Công ty tiếp tục theo sát kế hoạch chuyển đổi số, ứng dụng hệ thống công nghệ hiện đại vào mọi hoạt động của Công ty, kiến tạo, đón đầu cơ hội tăng trưởng mới và gia tăng giá trị thịnh dư cho Nhà đầu tư, Cổ đông và khách hàng

- ▶ HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 sẽ tiếp tục quá trình đổi mới về tư duy, cách thức tổ chức, phương pháp quản trị để theo kịp với sự thay đổi tích cực từ hành lang pháp lý, kinh tế vĩ mô, vĩ mô và thị trường chứng khoán.
- ▶ HĐQT ưu tiên mạnh mẽ hoạt động đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh ổn định, tăng trưởng dài hạn, tình hình tài chính lành mạnh, minh bạch.
- ▶ Các hoạt động kinh doanh chủ lực của Công ty bao gồm: Đầu tư, Nguồn vốn, Môi giới, Tư vấn tài chính được tập trung củng cố, xây dựng chiến lược phát triển riêng phù hợp, đồng bộ với kế hoạch tổng thể, tăng cường quản trị rủi ro, giám sát tuân thủ pháp luật và an toàn tài chính.
- ▶ Mảng kinh doanh cần phát triển hơn trong năm 2023 là dịch vụ môi giới. SHS đặt mục tiêu nằm trong Nhóm công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên cả 2 sàn HOSE và HNX.
- ▶ HĐQT sẽ thành lập Ban Nghiên cứu chiến lược phát triển và thuê đơn vị tư vấn nước ngoài để tái cấu trúc, cải tổ SHS, xây dựng tầm nhìn hoạt động của SHS trong 3 năm, 10 năm, 15 năm, tập trung vào hai mục tiêu: Giai đoạn 1: Phát triển kinh doanh và Giai đoạn 2: Phát triển công nghệ.
- ▶ HĐQT ưu tiên việc đồng thời xây dựng, triển khai chiến lược phát triển với tầm nhìn xa, hiệu quả và bền vững, song song với việc kiểm soát, quản trị rủi ro, duy trì thành quả, bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư và các Cổ đông.
- ▶ HĐQT tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong việc định hướng toàn bộ chiến lược hoạt động kinh doanh của Công ty.
- ▶ HĐQT duy trì việc họp và thảo luận thường xuyên các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và các vấn đề mang tính chiến lược đối với sự phát triển của Công ty.
- ▶ Tất cả các thành viên HĐQT đều phải tham gia tích cực vào hoạt động của HĐQT và các tiểu ban thuộc HĐQT để nắm bắt kịp thời các biến động của thị trường cũng như các hoạt động của Công ty.
- ▶ Các tiểu ban thuộc HĐQT chủ động, tăng cường các hoạt động cập nhật, tham mưu và báo cáo cho HĐQT thực trạng các hoạt động của Công ty để đề xuất các giải pháp và phương hướng xử lý kịp thời.
- ▶ HĐQT giám sát, thúc đẩy quá trình đổi mới công nghệ thông tin, áp dụng cơ chế lương mới, giám sát chặt chẽ rủi ro.
- ▶ HĐQT hỗ trợ, tư vấn và tham mưu cho Ban Điều hành trong việc tìm kiếm, tiếp cận và khai thác các nguồn lực từ bên ngoài (từ các đối tác, khách hàng, doanh nghiệp...) để tăng quy mô vốn, mở rộng hoạt động kinh doanh, gia tăng khách hàng và phát triển sản phẩm.
- ▶ HĐQT đã và sẽ tiếp tục hỗ trợ và tư vấn cho Ban Điều hành, Văn phòng HĐQT và các phòng ban liên quan sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát và các văn bản/quy định có liên quan của SHS để làm hành lang pháp lý cho các hoạt động kinh doanh của SHS được triển khai tuân thủ các quy định của pháp luật.
- ▶ Đồng lòng cùng Ban Điều hành tìm kiếm và khai thác những giải pháp sáng tạo, đột phá trong hoạt động kinh doanh, bứt phá khỏi các hoạt động kinh doanh, thị trường, sản phẩm, khách hàng truyền thống...
- ▶ Tiếp tục áp dụng các biện pháp nâng cao năng lực quản trị điều hành theo các chuẩn mực quốc tế và Việt Nam; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính.
- ▶ Hoàn thiện triển khai nhóm giải pháp để giữ vững và gia tăng thị phần môi giới, trong bối cảnh dòng tiền của Nhà đầu tư nước ngoài (đặc biệt là nhóm khách hàng tổ chức nước ngoài) đầu tư vào thị trường Việt Nam tăng mạnh trong thời gian gần đây.
- ▶ Hoàn thiện triển khai nhóm giải pháp liên quan đến kiểm soát chi phí hoạt động và chỉ tiêu an toàn tài chính của SHS trong bối cảnh quá trình tái cơ cấu ngành chứng khoán diễn ra cùng với nhiều quy định pháp luật mới có hiệu lực. Việc này được đánh giá là sẽ có tác động tới chi phí hoạt động, chỉ tiêu an toàn tài chính của SHS và ảnh hưởng đến khả năng linh hoạt trong công tác quản trị, điều hành của SHS.
- ▶ Hoàn thiện triển khai các giải pháp ứng phó với những thách thức tiềm ẩn, đảm bảo hoạt động của SHS linh hoạt, nhanh nhạy, nắm bắt các tốt cơ hội.
- ▶ Hoàn thiện triển khai nhóm giải pháp gia tăng lợi thế cạnh tranh của SHS thông qua việc đổi mới, phát triển chất lượng dịch vụ, tiếp tục đầu tư về nhân sự và công nghệ, duy trì và nâng cao thị phần, hình ảnh Công ty; đầu tư nghiên cứu áp dụng công nghệ AI vào hoạt động kinh doanh và quản trị Công ty trong thời gian tới.



HĐQT chỉ đạo Ban Điều hành tiếp tục triển khai các nhiệm vụ sau:

- ▶ Thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược mà ĐHCĐ giao phó, tuân thủ đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và định hướng hoạt động của Cơ quan quản lý Nhà nước.
- ▶ Tiếp tục áp dụng các biện pháp nâng cao năng lực quản trị điều hành theo các chuẩn mực quốc tế về quản trị công ty, quản trị rủi ro và an toàn tài chính; đảm bảo Công ty hoạt động minh bạch, an toàn, hiệu quả và tuân thủ các quy định pháp luật.
- ▶ Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình nghiệp vụ, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật và nâng cao tính chuyên nghiệp.
- ▶ Tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ; Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình nghiệp vụ... trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật và nâng cao tính chuyên nghiệp.
- ▶ Tiếp tục đầu tư chứng khoán niêm yết, hiện thực hóa các khoản đầu tư chưa niêm yết, cơ cấu danh mục đầu tư thông qua việc tham gia đấu giá cổ phần hóa, IPO các DNNN, thoái vốn ngoài ngành của các Tập đoàn, Tổng công ty, hoạt động tái cơ cấu nợ của các ngân hàng.
- ▶ Tiếp tục khai thác và phát triển lợi thế kinh doanh đối với các nhóm ngành, doanh nghiệp trong hệ sinh thái (Cổ đông lớn, Cổ đông chiến lược, Khách hàng chiến lược) trong ngắn và dài hạn để mang lại hiệu quả cao nhất cho các bên.
- ▶ Hoạt động phát hành và niêm yết cổ phiếu trên TTCK được đánh giá là sẽ có nhiều thay đổi lớn, giảm về lượng, tăng về chất và tạo ra cơ hội, thách thức khác nhau đối với các hoạt động Đầu tư, Môi giới, Tư vấn và Bảo lãnh phát hành
- ▶ Triển khai sử dụng hiệu quả nguồn vốn điều lệ mới với các điều kiện và mốc thời gian hợp lý để gia tăng lợi thế cạnh tranh cho SHS trong bối cảnh chịu nhiều áp lực cạnh tranh từ các công ty chứng khoán khác có nguồn vốn và vốn điều lệ dồi dào hơn; đồng thời để đáp ứng những yêu cầu mới về vốn kinh doanh, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ mới.
- ▶ Triển khai phương án kinh doanh chứng khoán phái sinh và chứng quyền có bảo đảm, các hoạt động đầu tư, tư vấn, môi giới khai thác phát triển sản phẩm trái phiếu;
- ▶ Đề cao tinh thần Chính trực – Đoàn kết – Trách nhiệm – Kỷ luật của mỗi cán bộ, nhân viên trong Công ty nhằm tạo dựng và duy trì sức mạnh tập thể.
- ▶ Phát triển SHS bền vững, chú trọng công tác cộng đồng, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội, thể hiện trách nhiệm cao với xã hội và cộng đồng.

▶▶ BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

TT	Họ tên	Chức vụ	Thành viên	Nhiệm kỳ	Ngày bắt đầu nhiệm kỳ
1	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban Kiểm soát	Chuyên trách	2022-2027	27/04/2022
2	Vũ Đức Trung	Thành viên BKS	Không chuyên trách	2022-2027	27/04/2022
3	Lương Thị Lựu	Thành viên BKS	Không chuyên trách	2022-2027	27/04/2022

(Thông tin về các thành viên BKS vui lòng xem tại phần Nhân sự chủ chốt).

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

TT	Phiên họp	Nội dung họp	Số thành viên tham dự	Tỷ lệ
1	Phiên họp Ngày 10/01/2022	Họp để thông qua tài liệu ĐHCĐ bất thường ngày 28/1/2022.	3/3	100%
2	Phiên họp Ngày 15/2/2022	Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 để trình ĐHCĐ thường niên 2022. Lập báo cáo của BKS để trình ĐHCĐ thường niên 2022. Họp để triển khai ĐHCĐ bất thường vào ngày 28/1/2022.	3/3	100%
3	Phiên họp Ngày 27/4/2022	Họp để bầu Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027	3/3	100%
4	Phiên họp Ngày 6/5/2022	Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát Quý I/2022 và triển khai hoạt động Quý II/2022. Kế hoạch kiểm tra hoạt động Phòng Dịch vụ Tài chính 4 tháng đầu năm 2022. Kế hoạch kiểm tra hoạt động Chi nhánh HCM năm 2021 và 5 tháng đầu năm 2022. Lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ và năm 2022 trên cơ sở đó để xuất HĐQT phê duyệt. Họp để phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.	3/3	100%



Giám sát hoạt động Công ty

- ▶ BKS đã thực hiện giám sát hoạt động Công ty thông qua việc kiểm tra định kỳ, trực tiếp tại Hội sở Công ty và các Chi nhánh hoặc kiểm tra gián tiếp thông qua các báo cáo của Ban Điều hành, Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Bộ phận Kiểm toán nội bộ. Hoạt động kiểm tra, giám sát tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu sau:
- ▶ Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2022, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, công tác tổ chức quản trị điều hành của Công ty.
- ▶ Kiểm tra, đánh giá việc quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh.
- ▶ Kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, quy chế tại hầu hết các phòng ban của Công ty cũng như hiệu quả của hoạt động kiểm tra, kiểm soát.
- ▶ Kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả của hoạt động kinh doanh.
- ▶ Trong năm 2022, BKS đã hoàn thiện Báo cáo kiểm tra hoạt động Phòng Dịch vụ tài chính 4 tháng đầu năm 2022, Báo cáo kiểm tra hoạt động Phòng Nguồn vốn 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo kiểm tra hoạt động của Chi nhánh TP.HCM năm 2021 và 5 tháng đầu năm 2022, Báo cáo kiểm tra hoạt động của Chi nhánh Đà Nẵng năm 2021 và 8 tháng đầu năm, Báo cáo kiểm tra hoạt động đầu tư năm 2022, Báo cáo kiểm tra hoạt động của Phòng Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành năm 2022...



Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập và thẩm định BCTC được kiểm toán

- ▶ BKS đã tổ chức thẩm định và xác nhận sự khớp đúng số liệu của Báo cáo tài chính năm 2022 đồng thời với việc xem xét Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
- ▶ BKS thống nhất số liệu của AASC, xác nhận Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2022 đã phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
- ▶ BKS đã làm việc với một số đơn vị Kiểm toán độc lập để lựa chọn và đề xuất với HĐQT ra quyết định phê duyệt đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.



Giải quyết các kiến nghị của Cổ đông đối với Công ty

- ▶ Trong năm 2022, BKS không nhận được bất cứ yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty, về việc điều hành của HĐQT và Ban Điều hành.



Xây dựng và hoàn thiện quy chế, quy trình trong Công ty và các công tác khác của BKS

- ▶ BKS đã xây dựng hoàn thiện Quy trình Kiểm soát của Ban Kiểm soát và đã ban hành Quy trình ngày 15/10/2022, góp ý xây dựng Quy chế Tài chính, Quy chế Kiểm toán nội bộ, Điều lệ Công ty...

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trên cơ sở kết quả hoạt động của BKS trong năm 2022, BKS đánh giá các mặt hoạt động của Công ty và của BKS như sau:

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá
1	Việc thực hiện quy định của pháp luật và chế độ kế toán	Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật hiện hành trong hoạt động kinh doanh và tuân thủ chế độ kế toán hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.
2	Việc điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác	<p>HĐQT đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty trong công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều hành. HĐQT đã tiến hành các cuộc họp, ban hành các Nghị quyết, quyết định phù hợp, kịp thời, ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>Trong điều kiện thị trường gặp nhiều khó khăn và nhiều yếu tố bất lợi xảy ra đối với thị trường chứng khoán, Ban Điều hành Công ty đã đoàn kết, chủ động, sáng tạo, quyết đoán và linh hoạt trong công tác điều hành để thực hiện kế hoạch kinh doanh mà ĐHCĐ thường niên 2022 đã thông qua. Tuy mức độ hoàn thành kế hoạch chưa cao, nhưng Công ty đã bảo toàn được vốn để làm cơ sở cho hoạt động kinh doanh của các năm sau.</p> <p>Các cán bộ quản lý đã tận tâm, chuyên nghiệp, nỗ lực nhiều trong công tác quản lý cũng như hoàn thành tốt công việc được giao.</p> <p>BKS không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường, không tuân thủ pháp luật và các quy định của Công ty trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý của HĐQT, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý.</p>
3	Về kết quả hoạt động của Công ty	Trong năm 2022, do điều kiện thị trường chứng khoán không thuận lợi nên tỷ lệ hoàn thành kế hoạch do ĐHCĐ đề ra còn thấp, nhưng HĐQT, Ban Điều hành cùng toàn thể cán bộ, nhân viên trong Công ty đã nỗ lực trong việc bảo toàn vốn, ứng phó tốt với những biến động trên thị trường. Công ty đã quản trị tốt rủi ro, không phát sinh thêm nợ xấu, tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh, công tác tài chính kế toán và công bố thông tin.
4	Về sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và cổ đông	<p>BKS đã duy trì được mối quan hệ công tác tốt với HĐQT, Ban Điều hành trên cơ sở nguyên tắc bảo vệ lợi ích cổ đông, tuân thủ pháp luật và quy định của Công ty.</p> <p>Trong năm 2022, BKS đã duy trì tốt các quan hệ với cổ đông và không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại nào từ cổ đông liên quan đến hoạt động chỉ đạo, điều hành, quản lý của HĐQT, Ban Điều hành, cán bộ quản lý của Công ty cũng như các hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>
5	Về hoạt động của Ban Kiểm soát	Trong phạm vi quyền hạn của mình, BKS đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát đề ra kế hoạch hoạt động năm 2023 như sau:

Nhiệm vụ chung

- ▶ Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động điều hành, quản trị của HĐQT, Ban Điều hành công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính tuân thủ, tính trung thực và cẩn trọng trong quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý vốn, vật tư, tài sản ... của Công ty.
- ▶ Xem xét kế hoạch, báo cáo của Công ty về: Tình hình tài chính, tình hình kinh doanh, các phương án phát triển, công tác quản lý về tổ chức, lao động, tiền lương, tiền thưởng, các chế độ khác liên quan đến Công ty và tập thể người lao động trong Công ty.
- ▶ Xem xét kết quả kiểm tra, kiểm soát của Bộ phận Kiểm soát nội bộ và ý kiến phản hồi của HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty.
 - Kết hợp với Công ty tìm hiểu các khó khăn, vướng mắc trong các lĩnh vực hoạt động để cùng giải quyết, tháo gỡ.
 - Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với HĐQT, Ban Điều hành và các phòng ban trong Công ty.
 - Tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn đồng thời tham dự đầy đủ các hội nghị, hội thảo chuyên ngành có liên quan đến công tác kiểm soát.
 - Ban Kiểm soát duy trì họp định kỳ hàng quý để sơ kết công tác trong quý và đề ra phương hướng công tác quý tiếp theo của Ban Kiểm soát.

KẾ HOẠCH NHÂN SỰ

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Dự kiến phân công công việc
1	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng BKS	Phụ trách chung Phụ trách công tác kiểm tra, kiểm soát các phòng: Đầu tư, Nguồn vốn, Kế toán tài chính, Kiểm toán nội bộ, Pháp chế & Quản trị rủi ro.
2	Vũ Đức Trung	Thành viên BKS	Phụ trách công tác kiểm tra, kiểm soát các phòng: Tư vấn tài chính & Bảo lãnh phát hành, Công nghệ thông tin, Kế hoạch và Phát triển thị trường, Tổ chức hành chính, Ban xử lý nợ.
3	Lương Thị Lựu	Thành viên BKS	Phụ trách công tác kiểm tra, kiểm soát các phòng: Trung tâm Môi giới, Dịch vụ Tài chính.

NHIỆM VỤ CỤ THỂ NĂM 2023

- ▶ Cùng với Văn phòng HĐQT, Bộ phận Pháp chế rà soát lại toàn bộ hệ thống quy chế nội bộ của Công ty để đảm bảo phù hợp với các quy định mới ban hành của Nhà nước như: Quy chế Tài chính, Quy chế tiền lương. Đồng thời, rà soát, đề nghị Công ty chỉnh sửa và xây dựng lại các quy trình chưa phù hợp, đã lỗi thời, bổ sung xây dựng mới các quy trình còn thiếu để hoạt động của Công ty an toàn, hiệu quả, giảm thiểu rủi ro.
- ▶ Tăng cường kiểm soát Công ty thông qua việc xây dựng kiểm toán nội bộ vững mạnh.
- ▶ Thường xuyên tư vấn, hỗ trợ nghiệp vụ đối với các phòng, ban về việc ban hành các văn bản và thực hiện các giao dịch, hợp đồng đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty.
- ▶ Kiểm tra hoạt động của các phòng, ban tại Hội sở, Chi nhánh và Phòng Giao dịch định kỳ theo kế hoạch quý, bán niên, năm.

▶ KIỂM SOÁT NỘI BỘ, QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Kiểm soát nội bộ bao gồm Hệ thống Kiểm soát nội bộ và Bộ phận Kiểm soát nội bộ.

Hệ thống Kiểm soát nội bộ

Hệ thống Kiểm soát nội bộ SHS bao gồm: cơ cấu tổ chức, nhân sự, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty. Mục tiêu của Hệ thống kiểm soát nội bộ là:

- ▶ Hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, an toàn, hiệu quả.
- ▶ Bảo đảm quyền lợi của khách hàng.
- ▶ Bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực của Công ty.
- ▶ Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý đầy đủ, kịp thời, trung thực và hợp lý trong việc lập BCTC của Công ty.

Bộ phận Kiểm soát nội bộ

Bộ phận Kiểm soát nội bộ SHS độc lập, chuyên trách thuộc Phòng Pháp chế & QTRR và trực thuộc Ban Điều hành của Công ty. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có trách nhiệm báo cáo trực tiếp cho Tổng Giám đốc. Mục tiêu hoạt động của Bộ phận Kiểm soát nội bộ là:

- ▶ Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, quy định của Công ty đối với các bộ phận và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty.
- ▶ Giám sát các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.
- ▶ Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- ▶ Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính.
- ▶ Bảo quản, lưu giữ và tách biệt tài sản của khách hàng.
- ▶ Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.
- ▶ Nội dung khác theo nhiệm vụ được Tổng Giám đốc giao.



Hoạt động Kiểm soát nội bộ năm 2022

Đối với Hệ thống Kiểm soát nội bộ

Năm 2022, Công ty tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm: đánh giá, hoàn thiện các quy trình, quy chế nội bộ; nâng cao năng lực kiểm soát của toàn hệ thống góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty. Hoạt động kiểm soát được thiết lập, tồn tại ở mọi bộ phận nghiệp vụ, ở mọi cấp độ và mọi hoạt động trong toàn Công ty. Tùy vào mục tiêu, từng quy trình, đặc điểm từng bộ phận nghiệp vụ sẽ có các hoạt động kiểm soát riêng, kiểm soát tuân thủ hay tự động, kiểm soát phòng ngừa hay phát hiện.

Đối với Bộ phận Kiểm soát nội bộ

Bộ phận Kiểm soát nội bộ hoạt động trên cơ sở Kế hoạch kiểm soát hàng năm được Tổng Giám đốc phê duyệt, bao gồm: kế hoạch kiểm soát thường xuyên và kế hoạch kiểm soát định kỳ.

Trong năm 2022, Bộ phận Kiểm soát nội bộ tập trung vào việc kiểm soát thường xuyên (hàng ngày, hàng tháng) đối với các hoạt động có rủi ro cao. Các hoạt động kiểm soát thường xuyên được chú trọng như: (i) Việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và tuân thủ quy trình, quy định nội bộ của Công ty của cán bộ, nhân viên; (ii) Giám sát các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích chủ yếu trong các hoạt động như: môi giới, đầu tư, cho vay; (iii) Việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên như môi giới, giải chấp, phát vay, thu nợ, cài đặt hệ thống, nhận ủy quyền; (iv) Việc tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp của nhân viên; (v) Việc tuân thủ các hạn mức huy động, cho vay, đầu tư, bảo lãnh phát hành; (vi) Việc ký kết các hợp đồng như mở đóng tài khoản, hợp đồng về sản phẩm dịch vụ tài chính...; (vii) Việc hoàn thiện văn bản, giấy tờ như hợp đồng, phiếu lệnh; (viii) Việc lập và trình bày các báo cáo gửi ra bên ngoài...

Đối với các hoạt động kiểm tra, kiểm soát định kỳ, Bộ phận Kiểm soát nội bộ chú trọng vào kiểm soát sự bất cập của hệ thống quy trình, quy định nội bộ; hoạt động và hiệu quả hoạt động của các Phòng, Ban, Chi nhánh; việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty.

Thông qua hoạt động kiểm soát thường xuyên và định kỳ, Bộ phận Kiểm soát nội bộ đã báo cáo kịp thời Tổng Giám đốc về các hạn chế, bất cập trong quy trình, quy định nội bộ, các vấn đề tài chính và hoạt động của Công ty. Đồng thời, phối hợp với các Phòng, Ban, Chi nhánh liên quan hoàn thiện, chỉnh sửa kịp thời các yếu tố điểm của hệ thống kiểm soát nội bộ. Ngoài ra, Bộ phận Kiểm soát nội bộ đã phối hợp với Bộ phận Pháp chế và các phòng ban nghiệp vụ đánh giá ảnh hưởng của các chính sách và quy định mới của Cơ quan quản lý Nhà nước nhằm giúp Công ty chủ động tuân thủ và áp dụng các thay đổi mới này.

Kế hoạch kiểm soát nội bộ năm 2023

Đối với Hệ thống Kiểm soát nội bộ:

Tập trung vào việc hoàn thiện hệ thống đảm bảo tuân thủ các quy định mới của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành. rà soát, đánh giá toàn bộ hệ thống quy chế, quy trình tại các phòng nghiệp vụ; sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hơn nữa hệ thống quy chế, quy trình để phù hợp với sự phát triển về quy mô nhân sự cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.

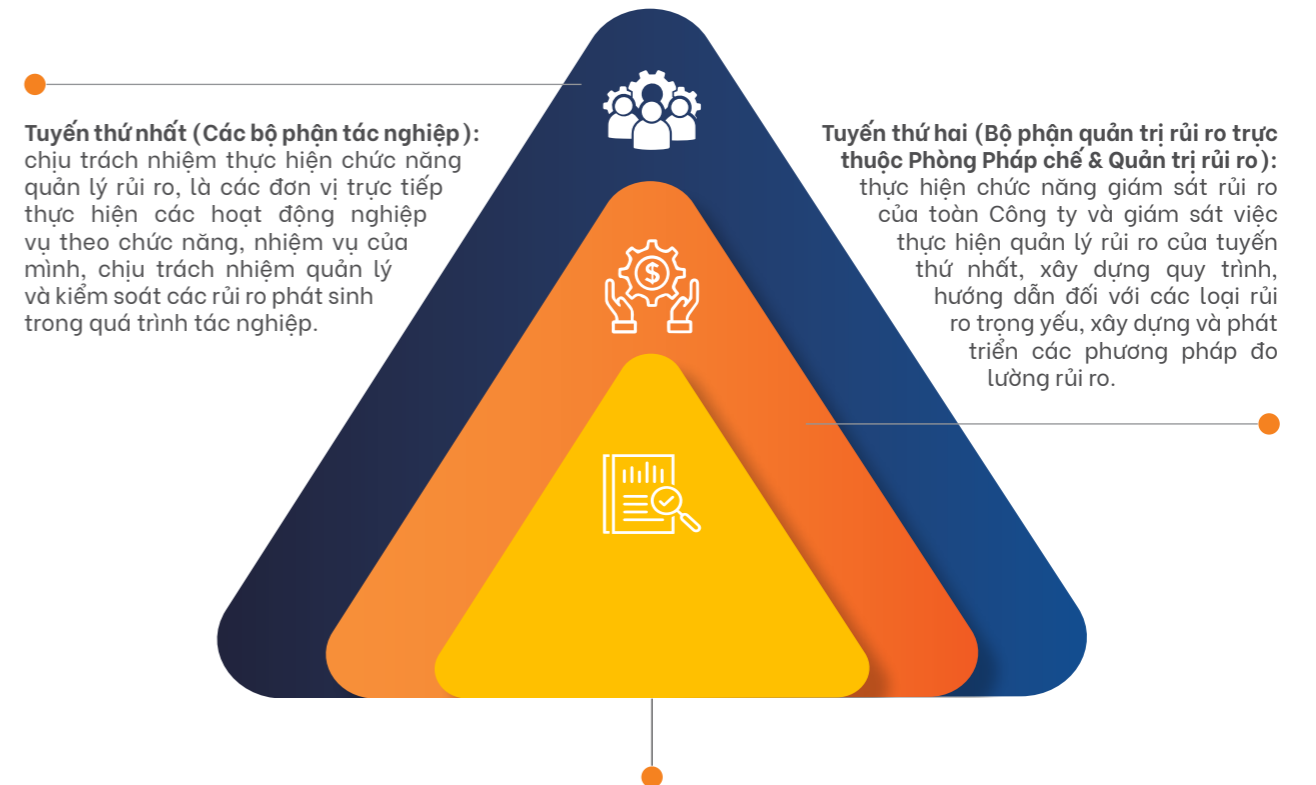
Đối với Bộ phận Kiểm soát nội bộ:

Thực hiện kế hoạch kiểm tra, kiểm soát hàng năm đã được Tổng Giám đốc phê duyệt, tập trung đánh giá và kiểm soát tốt các rủi ro của Công ty, góp phần ngăn ngừa, phát hiện kịp thời các sai sót, gian lận. Phối hợp chặt chẽ với Ban Dự án đổi mới công nghệ thông tin, các phòng ban nghiệp vụ trong việc xây dựng, hoàn thiện, nâng cấp phần mềm và bổ sung các tính năng mới. Phối hợp chặt chẽ với Ban dự án phát triển sản phẩm, các phòng nghiệp vụ xây dựng quy trình kiểm soát rủi ro đối với các sản phẩm mới.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Mô hình quản trị rủi ro

SHS tổ chức quản trị rủi ro theo 3 tuyến, gồm:



Tuyến thứ nhất (Các bộ phận tác nghiệp): chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý rủi ro, là các đơn vị trực tiếp thực hiện các hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của mình, chịu trách nhiệm quản lý và kiểm soát các rủi ro phát sinh trong quá trình tác nghiệp.

Tuyến thứ hai (Bộ phận quản trị rủi ro trực thuộc Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro): thực hiện chức năng giám sát rủi ro của toàn Công ty và giám sát việc thực hiện quản lý rủi ro của tuyến thứ nhất, xây dựng quy trình, hướng dẫn đối với các loại rủi ro trọng yếu, xây dựng và phát triển các phương pháp đo lường rủi ro.

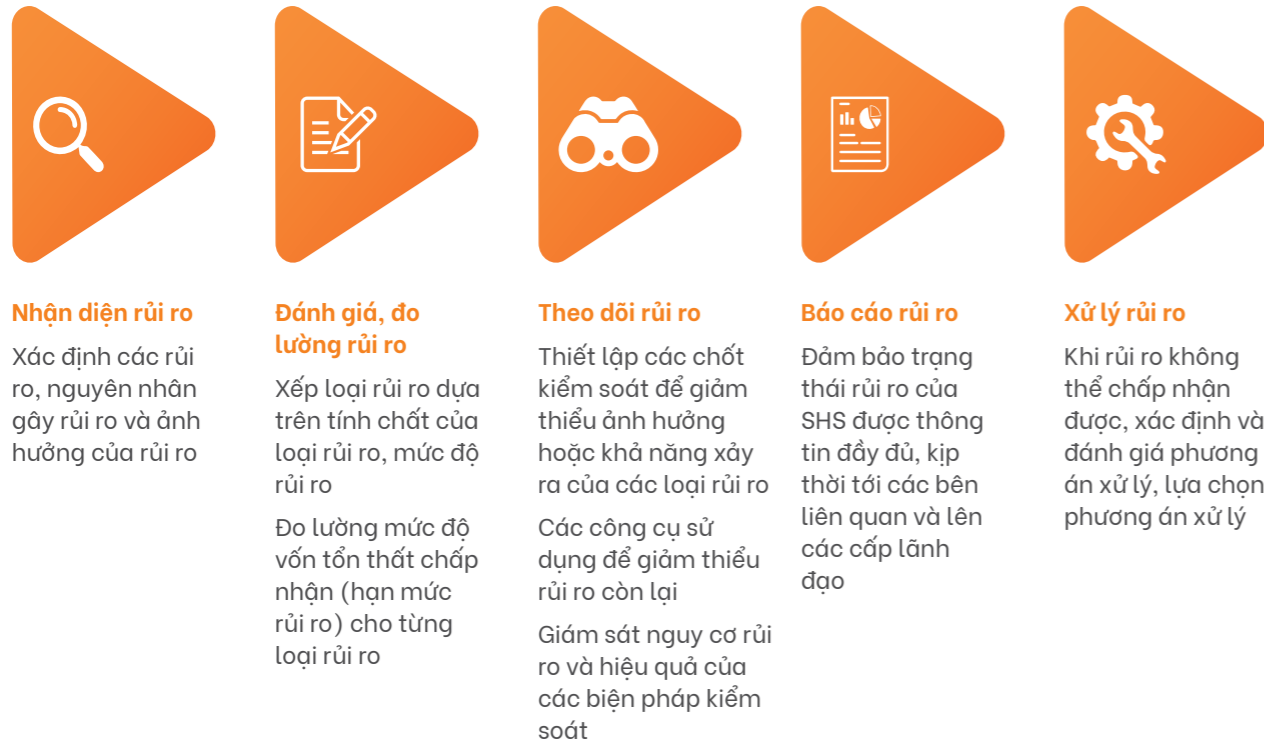
Tuyến thứ ba (Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị): thực hiện chức năng đánh giá độc lập về tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro của SHS.

Để thực hiện được điều đó, mô hình quản trị rủi ro tại SHS được xây dựng theo 3 cấp nhằm thực hiện đầy đủ các chức năng xây dựng chiến lược, thực thi chiến lược và giám sát thực hiện chiến lược quản trị rủi ro.

Vai trò	Bộ phận
Xây dựng, ban hành chiến lược, chính sách, quy chế, hạn mức rủi ro.	Hội đồng Quản trị Tiểu ban quản trị rủi ro
Trực tiếp thực hiện quản trị rủi ro bằng việc sử dụng công cụ, quy trình, hạn mức rủi ro.	Ban Điều hành Các phòng ban, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện
Giám sát đảm bảo hoạt động quản trị rủi ro phù hợp với chiến lược và chính sách.	Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro Kiểm toán nội bộ
Giám sát và đánh giá độc lập về tính hiệu quả của công tác quản trị rủi ro.	Ban Kiểm soát

Quy trình quản trị rủi ro

Quy trình quản trị rủi ro của SHS tham chiếu theo các tiêu chuẩn quốc tế với 5 bước thực hiện nhằm nhận diện, đo lường, theo dõi, báo cáo và xử lý hiệu quả các loại rủi ro.



Nhận diện các rủi ro trọng yếu của Công ty

SHS tập trung nhận diện và xử lý 6 loại rủi ro trọng yếu gồm: **rủi ro pháp lý, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thương hiệu.**

1 Rủi ro pháp lý

- ▶ **Nhận diện:** Rủi ro pháp lý là loại rủi ro phát sinh do Công ty không tuân thủ, tuân thủ không đầy đủ, không đúng các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình hoạt động; Công ty hoạt động và cung cấp sản phẩm, dịch vụ khi chưa có quy định của pháp luật; Công ty ký kết hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá thẩm quyền, thiếu sót các điều khoản quan trọng; Tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến các Hợp đồng kinh tế mà Công ty đã ký kết với khách hàng, đối tác, người lao động...
- ▶ **Phương pháp xác định:** Rủi ro pháp lý được xác định trong quá trình Bộ phận Pháp chế phối hợp với các phòng ban liên quan rà soát các quy định pháp lý hiện hành và mới ban hành với thực tế áp dụng tại Công ty.
- ▶ **Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện:** Công ty đã thành lập Bộ phận Pháp chế để tư vấn pháp lý cho Ban Điều hành và các Phòng, Ban, Chi nhánh trong Công ty; tham gia xây dựng các sản phẩm, dịch vụ của Công ty; soạn thảo, soát xét hầu hết các thỏa thuận, hợp đồng, văn bản, giấy tờ của Công ty; cập nhật, phổ biến các văn bản, chế độ, chính sách pháp luật cho toàn Công ty... Cán bộ, nhân viên pháp chế thường xuyên được yêu cầu tham gia các hội thảo về pháp lý và góp ý kiến đầy đủ về các dự thảo văn bản pháp luật khi được yêu cầu. Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm pháp lý cho Ban lãnh đạo và phụ trách các Phòng ban trên cơ sở tăng cường trao đổi, đào tạo, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm pháp lý với Bộ phận Pháp chế và các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan đến hoạt động pháp chế.



2 Rủi ro hoạt động

- ▶ **Nhận diện:** Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống của hệ thống công nghệ thông tin; do quy trình nghiệp vụ và thủ tục không đầy đủ, không cập nhật, không phù hợp; do lỗi của con người thực hiện không đúng hoặc cố tình làm sai; do kiểm soát tài chính và báo cáo chậm trễ, có sai sót; do thiếu vốn kinh doanh và do các nguyên nhân khách quan từ bên ngoài khác.
- ▶ **Phương pháp xác định:** Rủi ro hoạt động được xác định trong quá trình Bộ phận Pháp chế, Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Bộ phận Quản trị rủi ro phối hợp với các Phòng ban liên quan rà soát quy trình, quy chế nội bộ và thực tế hoạt động của Công ty; trong quá trình Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Ban Kiểm soát đánh giá độc lập hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty.
- ▶ **Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện:** Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và thành lập Bộ phận Kiểm soát nội bộ. Ngoài ra, Công ty áp dụng các hoạt động để thực hiện giảm thiểu rủi ro này như: ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp và giám sát việc tuân thủ bộ quy tắc này; thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung, cập nhật quy chế, quy trình, quy định nội bộ; tăng cường tự động hóa trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ, hạn chế tối đa thao tác thủ công; nâng cấp các phần mềm bảo mật, phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, liên tục với đối tác cung cấp phần mềm để đảm bảo tính ổn định, bảo mật của hệ thống phần mềm giao dịch; xây dựng hạn mức phê duyệt; phân công, phân nhiệm rõ ràng; tăng cường cơ chế kiểm tra chéo, giám sát lẫn nhau giữa các bộ phận, cá nhân; tăng cường các hoạt động kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy chế, quy trình, quy định nội bộ; xây dựng cơ chế dự phòng để đối phó với các rủi ro phát sinh.

3 Rủi ro thị trường

- ▶ **Nhận diện:** Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh trong các hoạt động đầu tư, gửi tiền, cho vay... của Công ty mà nguyên nhân là do giảm giá trị các khoản đầu tư của Công ty, giảm lãi suất tiền gửi và giảm giá trị tài sản đảm bảo của Khách hàng đối với các khoản cho vay từ đó gây nên những ảnh hưởng bất lợi cho Công ty.
- ▶ **Phương pháp xác định:** Rủi ro thị trường được xác định bằng cách theo dõi và phân tích thường xuyên trên cơ sở phối hợp chặt chẽ giữa Bộ phận Quản trị rủi ro và các phòng nghiệp vụ liên quan như: Phòng Đầu tư, Dịch vụ tài chính, Nguồn vốn.
- ▶ **Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện:** Công ty thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để ngăn ngừa, phát hiện các rủi ro thị trường như:
 - Đối với hoạt động đầu tư cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết và chưa niêm yết, Phòng Đầu tư được yêu cầu thực hiện tốt công tác phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến thị trường và giá chứng khoán, áp dụng các công cụ đánh giá rủi ro... để thực hiện vào, ra kịp thời.
 - Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các công cụ tài chính khác, Phòng Nguồn vốn có trách nhiệm theo dõi sát sao biến động mặt bằng lãi suất trên thị trường để ra quyết định mua, bán nhanh chóng, kịp thời.
 - Đối với hoạt động gửi tiền tại các ngân hàng, Phòng Nguồn vốn có trách nhiệm cập nhật mặt bằng lãi suất tiền gửi tại các ngân hàng hằng ngày, cân đối nguồn vốn toàn Công ty một cách hợp lý, đa dạng hóa các ngân hàng và các kỳ hạn tiền gửi nhằm đảm bảo tối đa hóa lợi ích của SHS.
 - Đối với hoạt động cho vay, Phòng Phân tích và Phòng Dịch vụ tài chính có trách nhiệm cập nhật mặt bằng lãi suất cho vay của các công ty chứng khoán; phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến thị trường và giá chứng khoán làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của khách hàng; xây dựng và tuân quy định về bán giải chấp chứng khoán.

4 Rủi ro tín dụng

- ▶ **Nhận diện:** Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh khi khách hàng, ngân hàng, đối tác không thanh toán, thanh toán không đầy đủ, không kịp thời cho SHS các khoản tiền cho vay, các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư công cụ nợ dưới dạng trái phiếu...
- ▶ **Phương pháp xác định:** Rủi ro tín dụng được xác định theo từng khách hàng, đối tác và khoản nợ trong quá trình các phòng ban nghiệp vụ như Dịch vụ tài chính, Nguồn vốn... phối hợp với Bộ phận Quản trị rủi ro, Kiểm soát nội bộ và Pháp chế theo dõi, quản lý và đánh giá khách hàng, đối tác, khoản nợ.
- ▶ **Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện:** Công ty thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để ngăn ngừa, phát hiện rủi ro tín dụng như:
 - Đối với hoạt động cho vay, Công ty thực hiện phân loại khách hàng; xây dựng hạn mức cho vay, áp dụng chính sách tín dụng phù hợp với độ tín nhiệm, khả năng thanh toán và tài sản ký quỹ của khách hàng; xây dựng danh mục chứng khoán cho vay và tỷ lệ cho vay, tỷ lệ duy trì, tỷ lệ giải chấp phù hợp với quy định pháp luật và quy định Công ty; bán giải chấp, gọi bổ sung tài sản đảm bảo và thu hồi nợ kịp thời.
 - Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu bao gồm cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp, Công ty thực hiện tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và tờ trình được HĐQT phê duyệt; đánh giá cẩn thận mức độ tín nhiệm, khả năng thanh toán, tài sản đảm bảo của tổ chức phát hành; xây dựng chính sách cụ thể để xử lý tài sản đảm bảo của tổ chức phát hành trong trường hợp phải đối diện với rủi ro không có khả năng thanh toán.
 - Đối với hoạt động gửi tiền, Công ty thực hiện tuân thủ hạn mức tiền gửi hàng năm được HĐQT phê duyệt; lựa chọn gửi tiền tại các tổ chức tín dụng được các tổ chức xếp hạng đánh giá có độ tín nhiệm cao; đa dạng kỳ hạn gửi và ngân hàng gửi.

5 Rủi ro thanh khoản

- ▶ **Nhận diện:** Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi kịp thời các loại tài sản thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn. Rủi ro này phát sinh khi Công ty không cân đối được dòng vốn đầu vào và dòng vốn đầu ra của Công ty.
- ▶ **Phương pháp xác định:** Rủi ro thanh khoản được xác định bằng cách theo dõi và phân tích thường xuyên trên cơ sở phối hợp chặt chẽ giữa Bộ phận Quản trị rủi ro và các phòng nghiệp vụ liên quan như Phòng Nguồn vốn, Kế toán tài chính.
- ▶ **Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện:** Công ty thực hiện mở rộng hình thức và quy mô vốn huy động như sáp nhập, tăng vốn, phát hành trái phiếu doanh nghiệp; mở rộng số lượng tổ chức tín dụng cho Công ty vay vốn kinh doanh; tăng cường hợp tác với các tổ chức tín dụng để cho khách hàng vay tiền đầu tư chứng khoán nhằm giảm áp lực lên việc sử dụng vốn tự có để cho vay; cân đối hợp lý kỳ hạn các khoản đi vay và cho vay; phân bổ hợp lý nguồn vốn cho các hoạt động; tận dụng tiền gửi nhàn rỗi để tối đa hóa hiệu quả sử dụng nguồn cũng như góp phần ổn định thanh khoản.

6 Rủi ro thương hiệu

- ▶ **Nhận diện:** Rủi ro thương hiệu là những tổn thất, thiệt hại về hình ảnh, thương hiệu của Công ty do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng, đối tác về Công ty, có thể ảnh hưởng lớn đến nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ của Công ty cũng như ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của Công ty.
- ▶ **Phương pháp xác định:** Rủi ro thương hiệu thường đi theo sau các rủi ro khác như: rủi ro pháp lý, rủi ro hoạt động... Công ty xác định các rủi ro này bằng cách phân tích các ảnh hưởng, tác động của các rủi ro liên quan (nếu có) đến hình ảnh, thương hiệu của Công ty.
- ▶ **Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện:** Công ty không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động; không ngừng xây dựng mối quan hệ tốt với Cổ đông, Khách hàng, Đối tác; truyền thông nội bộ và ra bên ngoài hiệu quả thông qua việc đa dạng hóa các kênh thông tin, truyền thông mang tính chủ động, nhất quán, duy trì tần suất xuất hiện trên các phương tiện truyền thông; đẩy mạnh thông tin chính thống bằng tiếng Anh đều đặn nhằm tăng cường thông tin cho các nhà đầu tư và đối tác quốc tế; cử cán bộ chuyên trách phụ trách công tác truyền thông, công tác báo cáo & công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch; chủ động lập các kế hoạch dự phòng để quản trị rủi ro thương hiệu.



7 Các rủi ro khác

- ▶ Bên cạnh 6 loại rủi ro trọng yếu nêu trên, một số rủi ro khác cũng được Công ty xem xét, đánh giá trong quá trình hoạt động như rủi ro của môi trường kinh doanh, rủi ro chiến lược, rủi ro cạnh tranh... Cụ thể:
 - *Đối với rủi ro của môi trường kinh doanh:* SHS hoạt động trong lĩnh vực tài chính nên các yếu tố của môi trường kinh doanh như chính trị, kinh tế, văn hóa... đều ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của SHS. Do đó, Công ty thường xuyên cập nhật những thay đổi của môi trường kinh doanh và đánh giá các tác động của nó đến mọi mặt hoạt động của Công ty, khi các yếu tố của môi trường kinh doanh thay đổi.
 - *Đối với rủi ro chiến lược:* SHS đánh giá việc không có chiến lược kinh doanh phù hợp, hiệu quả hoặc thực hiện không đúng chiến lược kinh doanh đã đề ra là rủi ro chiến lược của Công ty. Theo đó, hàng năm và định kỳ, Công ty tập trung nguồn lực xây dựng chiến lược phù hợp, hiệu quả; thường xuyên rà soát, đánh giá việc triển khai thực hiện chiến lược đã đề ra.
 - *Đối với rủi ro cạnh tranh:* SHS hoạt động trong lĩnh vực tài chính có môi trường kinh doanh thay đổi liên tục, nên thường xuyên phải đối mặt với rủi ro cạnh tranh. Đó là rủi ro không giữ vững vị trí và thị phần... Để kiểm soát rủi ro này, SHS tập trung nguồn lực tổng hợp thông tin, nhận định diễn biến tình hình chính trị, kinh tế, thị trường chứng khoán và đối thủ cạnh tranh ảnh hưởng đến hoạt động Công ty; xây dựng chiến lược kinh doanh hàng năm một cách khả thi, hiệu quả; kiên trì thực hiện chiến lược đã đề ra; ứng biến linh hoạt theo diễn biến phát triển của thị trường và đối thủ cạnh tranh...



KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Mô hình Kiểm toán nội bộ

Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT và có trách nhiệm báo cáo trực tiếp cho HĐQT. Đây là tuyến phòng thủ thứ ba của Công ty có mục tiêu:

- ▶ Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ của các chính sách pháp luật, Điều lệ Công ty, các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- ▶ Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ.
- ▶ Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ.
- ▶ Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Điều hành.
- ▶ Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh.
- ▶ Đánh giá hiệu quả của các hoạt động.
- ▶ Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty.
- ▶ Thực hiện các chuyên đề kiểm toán nội bộ Công ty theo chỉ đạo của HĐQT.
- ▶ Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục và xử lý sai sót, vi phạm.

Quy trình Kiểm toán nội bộ

Quy trình Kiểm toán nội bộ tại SHS gồm các bước như sau:

- ▶ Đánh giá rủi ro;
- ▶ Lập kế hoạch kiểm toán;
- ▶ Phê duyệt kế hoạch kiểm toán;
- ▶ Thông báo kế hoạch kiểm toán;
- ▶ Thực hiện các chuyên đề/cuộc kiểm toán;
- ▶ Báo cáo kiểm toán;
- ▶ Theo dõi các biện pháp khắc phục sau kiểm toán.

Hoạt động quản trị rủi ro năm 2022

Năm 2022, Công ty đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo cho Công ty phát triển an toàn, hiệu quả. Bộ phận Quản trị rủi ro phối hợp với các bộ phận nghiệp vụ khác nhận diện, phát hiện các rủi ro tiềm ẩn, đánh giá và xây dựng các phương án xử lý phù hợp cho từng loại rủi ro sau khi nhận diện. Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đo lường và theo dõi rủi ro.

Kế hoạch quản trị rủi ro năm 2023

Tiếp tục nhận diện rủi ro, đề xuất biện pháp quản trị rủi ro theo danh mục đã được nhận diện. Tổ chức thực hiện quản lý rủi ro theo kế hoạch đã được phê duyệt. Bộ phận Quản trị rủi ro tăng cường giám sát quản lý rủi ro nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ về quản trị rủi ro.

Trong bối cảnh bùng nổ công nghệ thông tin đang diễn ra mạnh mẽ, đặc biệt là công nghệ eKYC, AI, Blockchain, và kế hoạch phải hoàn thành nâng cấp phần mềm lõi chứng khoán cũng như bổ sung các tính năng mới cho hệ thống trong năm 2023, Bộ phận Quản trị rủi ro đặt kế hoạch phối hợp hiệu quả với Ban Dự án đổi mới công nghệ thông tin và các Phòng ban liên quan trong Công ty để hoàn thành việc xây dựng, nâng cấp phần mềm và bổ sung các tính năng mới của hệ thống. Cùng với đó, tiếp tục triển khai việc xây dựng các công cụ quản trị rủi ro tự động trên hệ thống, xây dựng các quy trình quản trị rủi ro cũng như phối hợp với các phòng ban xây dựng các quy trình nghiệp vụ đầy đủ, kịp thời, hiệu quả.

Hoạt động Kiểm toán nội bộ năm 2022

Trong năm 2022, Bộ phận kiểm toán nội bộ đã thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ định hướng theo rủi ro trên cơ sở Tờ trình được HĐQT phê duyệt bao gồm các kế hoạch kiểm toán định kỳ và kế hoạch kiểm toán bất thường theo chuyên đề. Quá trình kiểm toán nội bộ năm 2022 đã nhận diện được số vấn đề trọng yếu liên quan đến sự phù hợp của tổ chức bộ máy trong giai đoạn mới, hiệu quả hoạt động của hệ thống công nghệ thông tin, các hoạt động như đầu tư, cho vay, quản trị nguồn nhân lực và triển khai các sản phẩm mới. Trên cơ sở đó, Bộ phận Kiểm toán nội bộ đã đưa ra các đề xuất, kiến nghị để Ban Điều hành và các Phòng ban liên quan thực hiện điều chỉnh, hoàn thiện theo ý kiến của Bộ phận Kiểm toán nội bộ.

Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2023

Bên cạnh việc tuân thủ kế hoạch kiểm toán nội bộ đã được HĐQT phê duyệt, trọng tâm trong kế hoạch hoạt động năm 2023 của Bộ phận là thực hiện kiện toàn nhân sự, quy định/quy trình Kiểm toán nội bộ, đánh giá hiệu quả hoạt động Kế toán – Tài chính, Quản trị nguồn nhân lực, khả năng đáp ứng của hệ thống công nghệ thông tin trong việc triển khai các sản phẩm mới và theo nhu cầu khách hàng. Mục tiêu của hoạt động Kiểm tra nội bộ năm 2023 là phát hiện những rủi ro trọng yếu, tìm giải pháp hoàn thiện và nâng cao năng lực hoạt động, lợi thế cạnh tranh của Công ty, hướng tới mục tiêu phát triển an toàn, bền vững đặc biệt đối với hoạt động tài chính, quản trị nguồn nhân lực và nền tảng công nghệ thông tin.

➤ LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

LƯƠNG, THƯỞNG VÀ THÙ LAO

Nguyên tắc chi trả

Đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát

Nguyên tắc chi trả thù lao cho Thành viên HĐQT, BKS của Công ty như sau:

- ▶ Điều lệ và các văn bản nội bộ Công ty quy định Nguyên tắc việc trích, lập Quỹ Ngân sách, thù lao, thưởng, phụ cấp của HĐQT, BKS và cách thức chi trả cho các thành viên HĐQT, BKS.
- ▶ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2022 của Công ty phê chuẩn báo cáo và kiến nghị của HĐQT tại Tờ trình số 08-2022/TTr-ĐHCĐ đối với Ngân sách, thù lao, thưởng, phụ cấp của HĐQT, BKS năm tài chính 2021 và 2022.
- ▶ Đảm bảo cạnh tranh, giữ chân và thu hút nhân tài khi so sánh với các CTCK khác; đảm bảo hài hòa lợi ích và trách nhiệm của Người lao động; đảm bảo công bằng, minh bạch, đúng pháp luật và quy định của SHS.

Theo đó, Ngân sách, thù lao, thưởng, phụ cấp dành cho các thành viên HĐQT và BKS năm tài chính 2022 của Công ty không thay đổi, vẫn đảm bảo 1,5% lợi nhuận sau thuế của năm đó nhưng không thấp hơn 4,6 tỷ đồng. Mức phân bổ chi tiết cho từng thành viên HĐQT, BKS sẽ do HĐQT quyết định phù hợp với kết quả kinh doanh năm 2022 của Công ty.

Đối với Thành viên Ban Điều hành

Việc chi trả tiền lương cho các thành viên Ban Điều hành tuân thủ theo Điều lệ Công ty, Quy chế tiền lương và Hợp đồng lao động. Ngoài ra, HĐQT sẽ quyết định các khoản tiền thưởng, phụ cấp khác cho các thành viên Ban Điều hành căn cứ theo các tiêu chí như: vị trí đảm nhiệm, kiêm nhiệm, năng lực cá nhân, đóng góp thực tế, kết quả kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty.

Đối với Cán bộ quản lý của Công ty

Các cán bộ quản lý do HĐQT bổ nhiệm được chi trả lương theo Quy chế tiền lương của Công ty và Hợp đồng lao động. Ngoài ra, Ban Điều hành sẽ quyết định các khoản tiền thưởng cho cán bộ quản lý căn cứ vào nhiều tiêu chí như đối với Thành viên Ban Điều hành.



LƯƠNG, THƯỞNG VÀ THÙ LAO ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022

Thu, chi Quỹ thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát

STT	Chỉ tiêu	Số tiền chi cho HĐQT (đồng)	Số tiền chi cho BKS (đồng)	Tổng (đồng)
1	Số dư quỹ thù lao tại 01/01/2022	0	0	0
2	Trích lập quỹ năm 2022 theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2022	3.600.000.000	974.811.108	4.574.811.108
3	Chi quỹ thù lao năm 2022 (*)	3.600.000.000	974.811.108	4.574.811.108
4	Số dư quỹ thù lao đến 31/12/2022	0	0	0

Chi tiết chi trả như sau:

STT	Chức danh	Chức danh	Thù lao	Thưởng
I THÀNH VIÊN HĐQT				
1	Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch HĐQT (từ 01/01/2022 đến 26/04/2022)	v	v
2	Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	v	v
3	Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT	v	v
4	Mai Xuân Sơn	Thành viên HĐQT (từ 01/01/2022 đến 27/04/2022)	v	v
5	Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT	v	v
6	Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT (từ 27/04/2022)	v	v
7	Lưu Danh Đức	Thành viên HĐQT (từ 27/04/2022)	v	v
II THÀNH VIÊN BKS				
1	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban	v	v
2	Vũ Đức Trung	Thành viên	v	v
3	Lương Thị Lựu	Thành viên	v	v

Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc

Tổng chi

16.888.997.576 đồng

Chi lương

8.689.976.909 đồng

Chi thưởng theo kết quả kinh doanh

8.199.020.667 đồng

Chi tiết chi trả như sau:

STT	Chức danh	Chức danh	Lương	Thưởng
1	Vũ Đức Tiến	Tổng Giám đốc	v	v
2	Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	v	v
3	Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc	v	v
4	Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Chi nhánh Tp.HCM (từ 01/01/2022 đến 5/9/2022) Trưởng VPĐD Hải Phòng	v	v

Lương, thưởng của Cán bộ quản lý

Tổng chi

28.680.640.359 đồng

Chi lương

16.176.596.140 đồng

Chi thưởng theo kết quả kinh doanh

12.504.044.219 đồng**CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC**

Bên cạnh nhận thù lao, lương, thưởng, các thành viên HĐQT, BKS, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty còn được hưởng các khoản lợi ích khác trong năm 2022 như sau:

- ▶ Chế độ ăn ca;
- ▶ Chế độ nghỉ phép;
- ▶ Chế độ bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN);
- ▶ Chế độ bảo hiểm tự nguyện (bảo hiểm sức khỏe hàng năm);
- ▶ Chế độ khám sức khỏe định kỳ;
- ▶ Chế độ xăng xe, điện thoại, công tác phí.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY****Văn bản pháp luật**

- ▶ Luật doanh nghiệp năm 2020;
- ▶ Luật chứng khoán năm 2019;
- ▶ Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- ▶ Thông tư 121/2020/TT-BTC quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- ▶ Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Văn bản nội bộ của SHS

- ▶ Điều lệ sửa đổi có hiệu lực từ ngày 06/09/2022;
- ▶ Quy chế Quản trị Nội bộ có hiệu lực kể từ ngày 16/06/2021;
- ▶ Các quy chế, quy trình, quy định nội bộ khác.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2022

Công ty đặc biệt chú trọng công tác quản trị, điều hành, quản trị rủi ro, công bố thông tin, kiểm soát và kiểm toán nội bộ tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, đặc biệt là các quy định về thành lập và tổ chức hoạt động, quản trị, điều hành Công ty vì quyền lợi của Cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

Duy trì và phát huy vai trò của cơ cấu bộ máy được xây dựng hoàn chỉnh và có nền tảng, theo thông lệ quốc tế, bao gồm: HĐQT, HĐQT, Ban Kiểm soát, Kiểm toán nội bộ, Ban Điều hành, các phòng ban, chi nhánh có liên quan. Hệ thống phòng ban được phân tách thành trực tiếp và vận hành, tại Trụ sở chính, tất cả các Chi nhánh và Văn phòng đại diện.

Các hoạt động quản trị, điều hành của Công ty tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Dân sự, Luật BHXH..., các văn bản luật và hướng dẫn thi hành. Công ty liên tục cập nhật, phổ biến áp dụng và triển khai các quy định pháp luật và quy định sửa đổi, bổ sung. Công ty cũng cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, phổ biến kiến thức về quản trị và hành nghề chứng khoán để cập nhật kiến thức và áp dụng vào thực tiễn hoạt động tại Công ty.

Công ty tuân thủ có chọn lọc các thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị Công ty, các chuẩn mực lập báo cáo tài chính, báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững theo hướng dẫn của các tổ chức quốc tế và UBCKNN trên cơ sở phù hợp với điều kiện hoạt động của Công ty để dần dần thích ứng với việc trở thành một định chế tài chính có tiềm lực, uy tín và chuyên nghiệp, đối tác của Khách hàng và Nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Công ty đã thông qua việc sửa đổi, ban hành các văn bản sửa đổi theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp hiện hành tại phiên họp HĐQT thường niên năm 2021 bao gồm:

- ▶ Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty;
- ▶ Quy chế Tổ chức Đại hội trực tuyến, biểu quyết trực tuyến, biểu quyết từ xa;
- ▶ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị;
- ▶ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.



Các Quy chế này vẫn đang có hiệu lực áp dụng thi hành kể từ ngày 16/6/2021. Tuy nhiên, Công ty vẫn triển khai điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện Dự thảo các Quy chế này trình ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua và ban hành để đảm bảo phù hợp với các thay đổi của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm 2022, Công ty đã sửa đổi Điều lệ năm (05) lần và nội dung sửa đổi tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thi hành Luật.

- ▶ Ngày 28/01/2022, ĐHĐCĐ phiên họp bất thường năm 2022 thông qua việc sửa đổi Điều lệ và áp dụng Điều lệ sửa đổi kể từ ngày 28/01/2022.
- ▶ Ngày 01/03/2022, HĐQT được ủy quyền của ĐHĐCĐ đã thông qua việc sửa đổi, bổ sung nội dung tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49% và ban hành Điều lệ và áp dụng Điều lệ sửa đổi kể từ ngày 01/03/2022.
- ▶ Ngày 27/04/2022, ĐHĐCĐ phiên họp thường niên năm 2022 thông qua việc sửa đổi Điều lệ và áp dụng Điều lệ sửa đổi kể từ ngày 27/04/2022.
- ▶ Ngày 28/06/2022, HĐQT được ủy quyền của ĐHĐCĐ đã thông qua việc sửa đổi, bổ sung nội dung vốn điều lệ mới theo Giấy phép điều chỉnh do UBCKNN cấp, ghi nhận nội dung vốn Điều lệ SHS mới là 6.505.300.540.000 đồng tại Phụ lục Điều lệ.
- ▶ Ngày 15/08/2022, HĐQT được ủy quyền của ĐHĐCĐ đã thông qua việc sửa đổi, bổ sung nội dung vốn điều lệ mới theo Giấy phép điều chỉnh do UBCKNN cấp, ghi nhận nội dung vốn Điều lệ SHS mới là 8.131.567.480.000 đồng tại Phụ lục Điều lệ.

Các nội dung khác về quản trị Công ty đã thực hiện và tuân thủ:

- ▶ Tỷ lệ sở hữu của Cổ đông Nhà nước: 0%;
- ▶ Mô hình Công ty: Mô hình Công ty có Ban Kiểm soát theo Điểm a Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp;
- ▶ Số lượng người đại diện theo pháp luật của công ty: 01 người (Tổng Giám đốc);
- ▶ Ngày tổ chức ĐHĐCĐ bất thường: 28/01/2022;
- ▶ Ngày đăng tải tài liệu ĐHĐCĐ bất thường trong kỳ báo cáo: 07/01/2022;
- ▶ Ngày công bố Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2022: 28/01/2022;
- ▶ Ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên: 27/04/2022;
- ▶ Ngày đăng tải tài liệu ĐHĐCĐ thường niên trong kỳ báo cáo: 05/04/2022;
- ▶ Ngày công bố Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022: 27/04/2022;
- ▶ Công ty tổ chức ĐHĐCĐ thành công ở lần đầu tiên;
- ▶ Công ty không bị khiếu kiện về việc tổ chức ĐHĐCĐ, Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ;
- ▶ Công ty không bị UBCKNN/Sở GDCK nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về ĐHĐCĐ và nhắc nhở, lưu ý về giao dịch với các bên liên quan;
- ▶ Công ty đã thành lập các Tiểu ban, có Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phụ trách vấn đề lương thưởng, nhân sự;
- ▶ Trưởng Ban Kiểm soát có làm việc chuyên trách tại Công ty;
- ▶ Toàn bộ Thành viên Ban Kiểm soát là Kế toán viên hoặc Kiểm toán viên, không nắm giữ chức vụ quản lý/ Nhân viên tại Công ty;
- ▶ Toàn bộ Thành viên Ban Kiểm soát không là Người có liên quan của Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác;
- ▶ Website công ty (www.shs.com.vn) cung cấp đầy đủ thông tin cho cổ đông theo quy định;
- ▶ Công ty đã trả cổ tức trong vòng 6 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên.

Hoạt động của Người phụ trách Quản trị nội bộ Công ty:

Người phụ trách quản trị nội bộ Công ty thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Thông tư 16/2020/TT-BTC và các văn bản pháp luật khác và các quy định nội bộ của Công ty, Người nội bộ và các cá nhân có liên quan thường xuyên được phổ biến và tiếp cận với các thay đổi trong hệ thống văn bản pháp luật chứng khoán và doanh nghiệp, quản trị; đã tham gia các khóa đào tạo của Viện thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD), UBCKNN và các Sở GDCK, Trung tâm LKCKVN để nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn, tăng cường giám sát đảm bảo trách nhiệm báo cáo về các lợi ích của người nội bộ và người có liên quan; trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về các giao dịch của Công ty với người có liên quan cũng như việc phê chuẩn các giao dịch cần phải được thông qua bởi ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của pháp luật hiện hành.

- ▶ Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức các phiên họp ĐHĐCĐ 2022 theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- ▶ Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
- ▶ Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- ▶ Tham dự các cuộc họp;
- ▶ Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết/quyết định của Hội đồng Quản trị phù hợp với luật pháp;
- ▶ Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và Kiểm soát viên;
- ▶ Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- ▶ Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2023

- ▶ Tuân thủ pháp luật, các nguyên tắc áp dụng pháp luật về quản trị công ty và công bố, minh bạch thông tin với tư cách là công ty chứng khoán và doanh nghiệp đại chúng quy mô lớn niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán.
- ▶ Kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua việc hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, và ban hành Điều lệ công ty, Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT và BKS... theo các nội dung của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và văn bản pháp luật có liên quan.
- ▶ Đảm bảo quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan bằng cách thiết lập và hoàn thiện hệ thống quản trị công ty, hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ cho hoạt động quản lý cổ đông, cổ phần, cổ phiếu, tổ chức sự kiện cấp ĐHĐCĐ Công ty chuyên nghiệp, đúng pháp luật và thuận tiện cho cổ đông.
- ▶ Triển khai và thực hiện các nội dung phải được ĐHĐCĐ thông qua theo quy định của Luật Doanh nghiệp, xây dựng, tổng hợp, chuẩn bị hồ sơ và trình ĐHĐCĐ phiên họp gần nhất các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ để ĐHĐCĐ thông qua và dựa vào đó Công ty có căn cứ triển khai hoạt động trong năm.

- ▶ Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết ĐHĐCĐ trước đó chưa được thực hiện, HĐQT phải tổng hợp và báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT phải tổng hợp, chuẩn bị hồ sơ và trình ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.
- ▶ Triển khai các cuộc họp ĐHĐCĐ tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, công bố thông tin, đảm bảo Cổ đông được tham dự họp hoặc ủy quyền cho người đại diện dự họp theo quy định pháp luật.
- ▶ HĐQT, BKS, người triệu tập họp ĐHĐCĐ nếu có yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ sẽ được tạo điều kiện phối hợp sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian hợp lý để các cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật.
- ▶ Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả của Chương trình ĐHĐCĐ trực tuyến, áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định pháp luật.
- ▶ Thông báo, hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát việc tuân thủ quy định về quản trị của các Thành viên HĐQT, BKS, đảm bảo các Thành viên được bổ nhiệm đủ Tư cách thành viên HĐQT, thành viên HĐQT độc lập, thành viên BKS theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- ▶ Đảm bảo cơ cấu HĐQT của Công ty có thành viên HĐQT độc lập, tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành;
- ▶ Đảm bảo cơ cấu Ban Kiểm soát Công ty có Trưởng ban làm việc chuyên trách, các thành viên đảm bảo số lượng theo quy định và đủ tư cách Thành viên BKS theo quy định pháp luật và Điều lệ SHS..
- ▶ Đảm bảo các Thành viên HĐQT/BKS được tạo điều kiện và hỗ trợ để thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty; thực hiện nhiệm vụ giám sát, báo cáo ĐHĐCĐ của mình và nghĩa vụ công bố thông tin với cơ quan quản lý Nhà nước, được đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho.
- ▶ Đảm bảo các Thành viên HĐQT, các Tiểu ban HĐQT được thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của mình được quy định trong các văn bản pháp luật và Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức hoạt động HĐQT và Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.
- ▶ Thông báo, hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật về trách nhiệm trung thực và ngăn ngừa xung đột lợi ích của Thành viên HĐQT/BKS/Ban Điều hành và người quản lý khác trong Công ty; Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công ty, thực hiện trách nhiệm với cộng đồng theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.
- ▶ Thông báo, hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát việc báo cáo và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công ty, về quản trị Công ty, về thu nhập của thành viên HĐQT, BKS, Ban Điều hành và các giao dịch của Công ty và Cổ đông lớn, Người nội bộ thuộc quy định về công bố thông tin, xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty theo pháp luật.

Consistency

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu SHS

Mã cổ phiếu:

SHS

Sàn niêm yết:

HNX

Thông tin trong năm 2022

Giá thấp nhất:

5.400 đồng/cp

Giá cao nhất:

27.474 đồng/cp

Tổng khối lượng giao dịch năm:

2.642.357.405 (cp)

Tổng giá trị giao dịch năm:

42.661,9 tỷ đồng

EPS:

238 (đồng/cp)

P/B:

0,7

P/E:

35,3

Thông tin tại ngày 31/12/2022

Số lượng cổ phiếu phát hành:

813.156.748 (cp)

Số lượng cổ phiếu phổ thông:

813.156.748 (cp)

Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng:

813.156.748 (cp)

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:

813.156.748 (cp)

Số lượng cổ phiếu quỹ:

0 (cp)

Số lượng cổ phiếu niêm yết:

813.156.748 (cp)

Thay đổi vốn điều lệ trong năm 2022:

Tăng từ **3.252,7** tỷ đồng tại 01/01/2022 lên

8.131,6 tỷ đồng từ tháng 9/2022

Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không

Giá thị trường:

8.400 đồng/cp

Giá trị vốn hóa thị trường:

6.830,5 tỷ đồng

Giá trị sổ sách (Book value):

11.604 (đồng/cp)

THÔNG TIN KHÁC:

Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2022:

- ▶ Ngày đăng ký cuối cùng để lập Danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ bất thường 2022: 31/12/2021
- ▶ Ngày tổ chức: 28/01/2022

Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022:

- ▶ Ngày đăng ký cuối cùng để lập Danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2022: 28/03/2022
- ▶ Ngày tổ chức: 27/04/2022

Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng: Tỷ lệ thực hiện quyền 1:1, Giá 12.000 đồng/cp

- ▶ Ngày đăng ký cuối cùng: 15/04/2022
- ▶ Thời gian chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: từ ngày 22/04/2022 đến ngày 11/05/2022
- ▶ Thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu: từ ngày 22/04/2022 đến ngày 16/05/2022
- ▶ Ngày kết thúc đợt chào bán: 31/05/2022

Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:18; Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:7

- ▶ Ngày đăng ký cuối cùng: 25/07/2022
- ▶ Ngày giao dịch không hưởng quyền: 22/07/2022

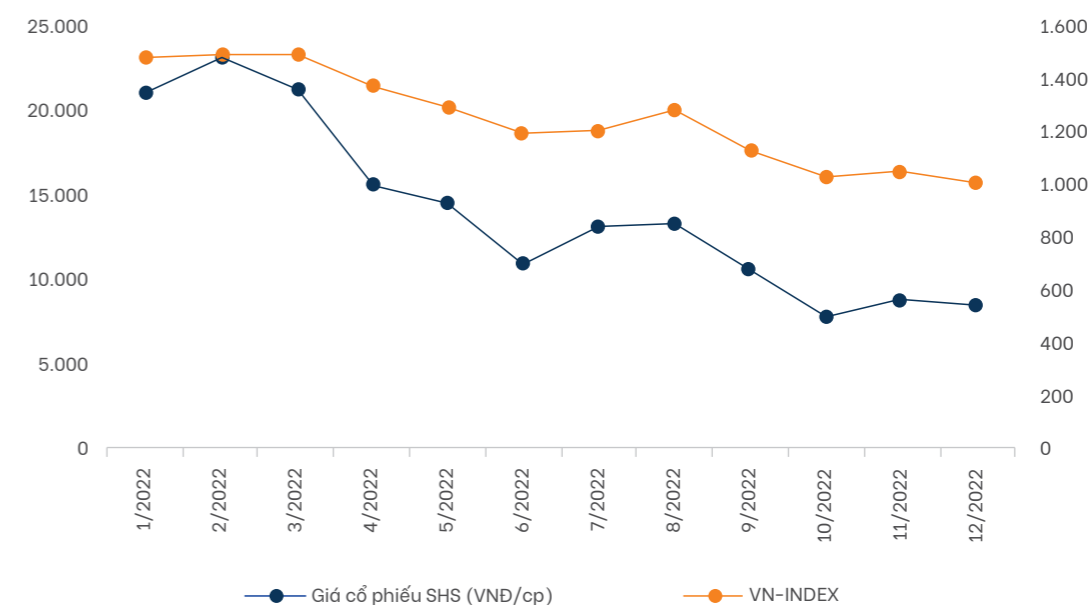
BIẾN ĐỘNG CỔ PHIẾU SHS NĂM 2022

	VN-Index	HNX-Index	SHS (đồng/cp)
Chỉ số/Giá cổ phiếu đầu năm	1.525,58	474,10	27.158
Chỉ số/Giá cổ phiếu cuối năm	1.007,09	205,31	8.400
Chỉ số/Giá cổ phiếu thấp nhất	911,9	175,78	5.400
Chỉ số/Giá cổ phiếu cao nhất	1.528,57	493,84	27.474
Biến động chỉ số/giá cuối năm so với đầu năm	-33,99%	-56,69%	-69,07%
Biến động chỉ số/giá thấp nhất so với cao nhất	-40,34%	-64,41%	-80,35%

	VN-Index	HNX-Index	SHS (đồng/cp)
Khối lượng giao dịch đầu năm (cp/phiên)	842.087.429	100.089.923	5.949.537
Khối lượng giao dịch cuối năm (cp/phiên)	390.088.283	43.917.147	7.070.356
Khối lượng giao dịch thấp nhất (cp/phiên)	372.539.627	34.529.323	2.271.270
Khối lượng giao dịch cao nhất (cp/phiên)	1.428.258.054	190.843.836	49.679.023
Biến động khối lượng giao dịch cuối năm so với đầu năm	-53,68%	-56,12%	18,84%
Biến động khối lượng giao dịch thấp nhất so với cao nhất	-73,92%	-81,91%	-95,43%

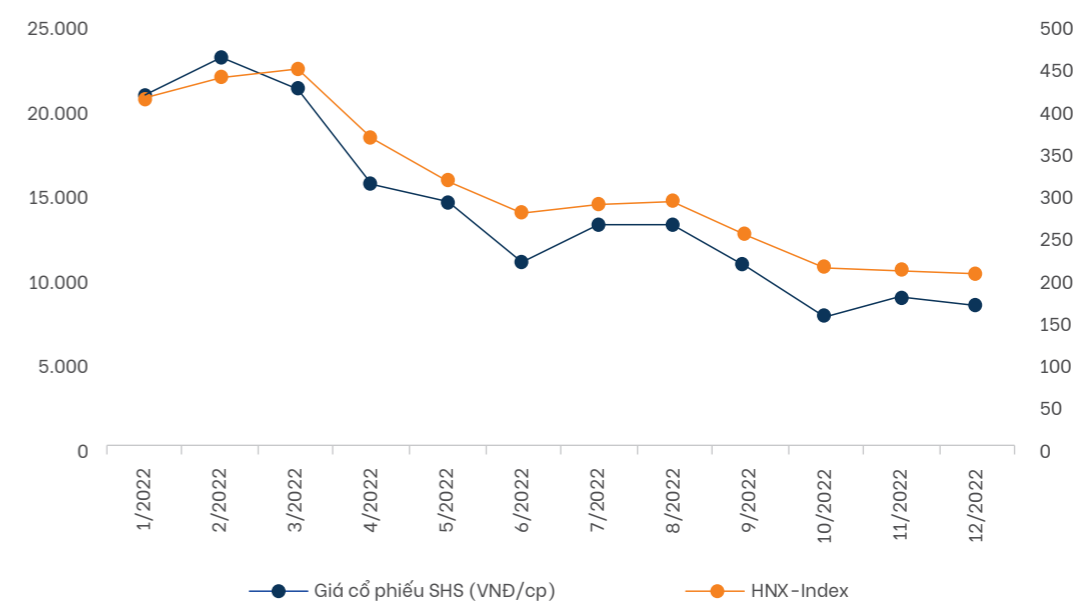
So sánh biến động giá và khối lượng giao dịch của cổ phiếu SHS với các chỉ số VN-Index và HNX-Index trong năm 2022 cho thấy, giá cổ phiếu SHS tại thời điểm cuối năm so với đầu năm hay so sánh mức giá cao nhất của cổ phiếu SHS với mức giá thấp nhất trong năm đều có sự biến động mạnh hơn so với 2 chỉ số trên.

Biến động giá đóng cửa của cổ phiếu SHS so với VN-Index từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2022



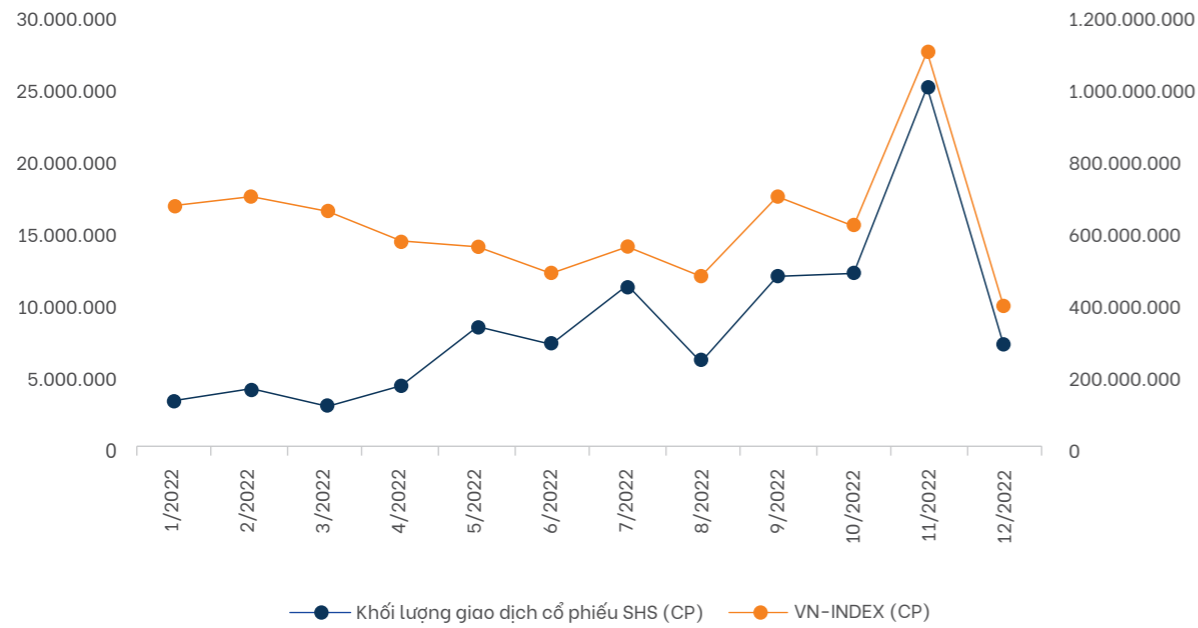
(Nguồn: SHS Research)

Biến động giá đóng cửa của cổ phiếu SHS so với HNX-Index từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2022



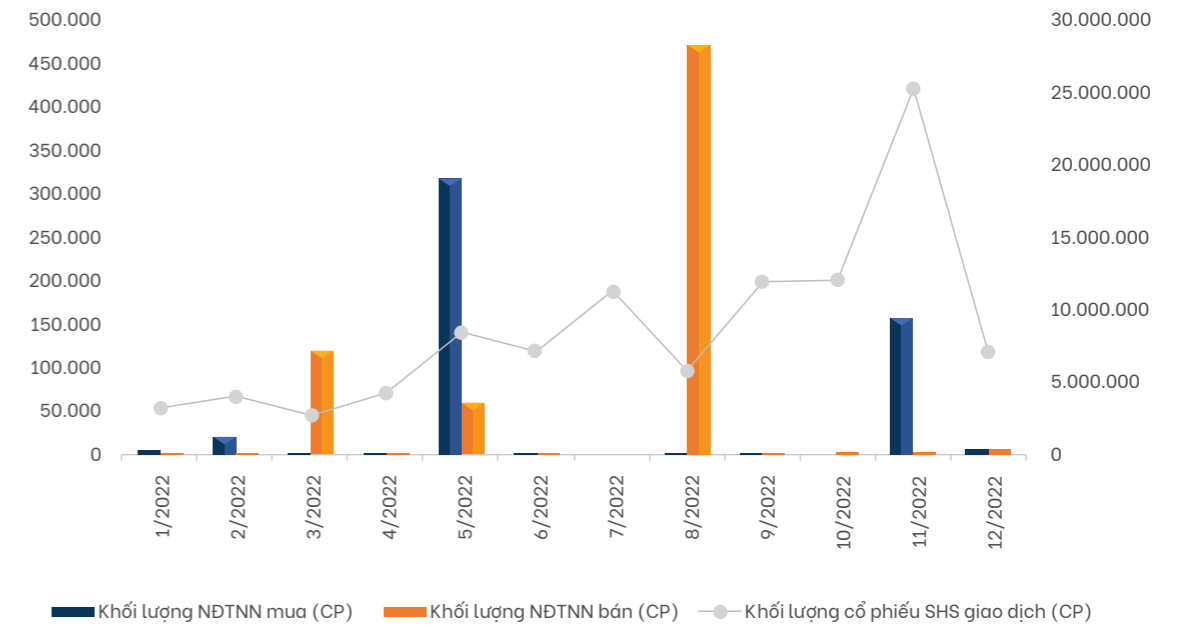
(Nguồn: SHS Research)

Biến động khối lượng giao dịch cổ phiếu SHS so với VN-Index từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2022



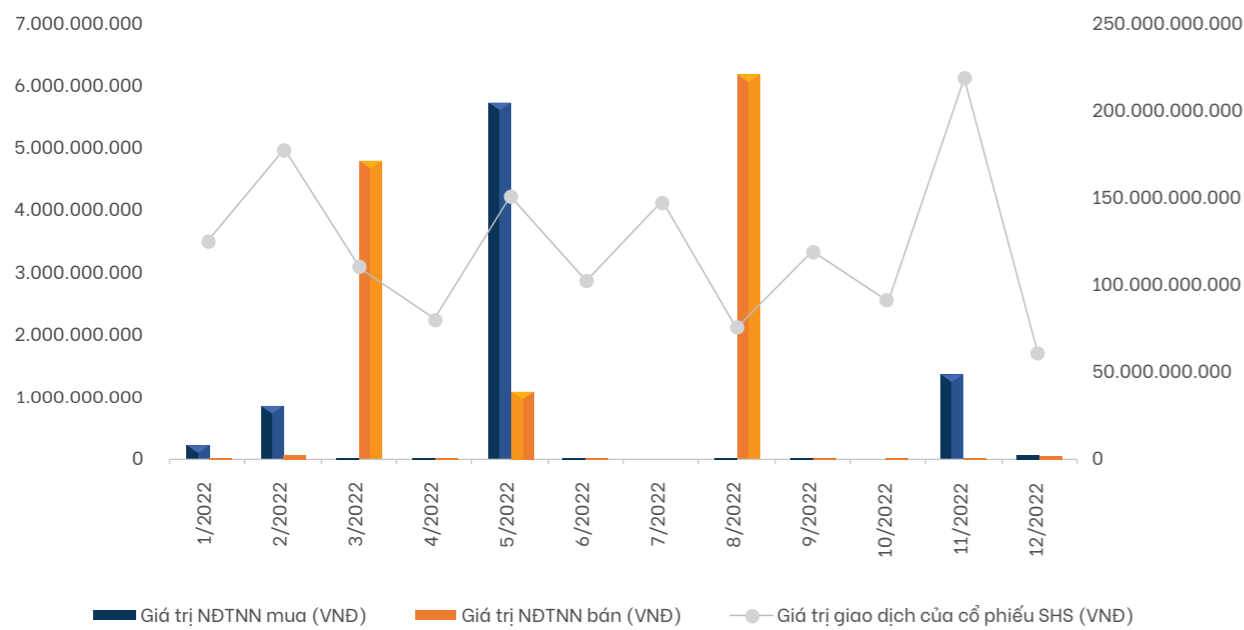
(Nguồn: SHS Research)

Biến động khối lượng giao dịch của cổ phiếu SHS và khối lượng giao dịch của NĐTNN đối với cổ phiếu SHS từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2022



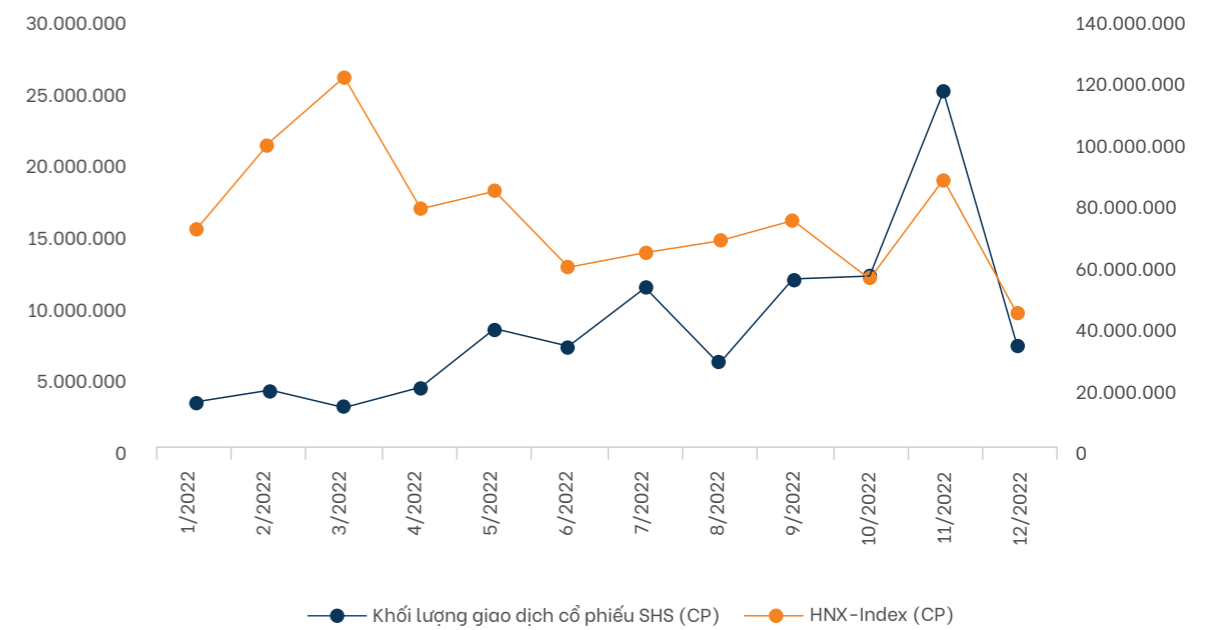
(Nguồn: SHS Research)

Biến động giá trị giao dịch của cổ phiếu SHS và giá trị giao dịch của NĐTNN đối với cổ phiếu SHS từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2022



(Nguồn: SHS Research)

Biến động khối lượng giao dịch cổ phiếu SHS so với HNX-Index từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2022



(Nguồn: SHS Research)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/12/2022, Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược, cổ phiếu quỹ như sau:

TT	Danh mục	Danh sách ngày 31/12/2022			
		Số lượng cổ đông (cổ đông)	Số lượng cổ phiếu (CP)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
TỔNG CỘNG		46.928	813.156.748	8.131.567.480.000	100,00
I	Trong nước	46.716	766.520.453	7.665.204.530.000	94,26
1	Tổ chức	59	54.217.192	542.171.920.000	6,66
2	Cá nhân	46.657	712.303.261	7.123.032.610.000	87,60
II	Nước ngoài	212	46.636.295	466.362.950.000	5,74
3	Tổ chức	27	43.653.928	436.539.280.000	5,37
4	Cá nhân	185	2.982.367	29.823.670.000	0,37
5	Cổ đông sở hữu trên 5% có QBQ	1	45.505.734	455.057.340.000	5,60
	Trong nước	1	45.505.734	455.057.340.000	5,60
	Nước ngoài	-	-	-	-
6	Cổ đông sở hữu dưới 5% có QBQ	46.927	767.651.014	7.676.510.140.000	94,40
	Trong nước	46.715	721.014.719	7.210.147.190.000	88,66
	Nước ngoài	212	46.636.295	466.362.950.000	5,74
7	Cổ phiếu quỹ	0	0	-	-

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU SHS CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

Danh sách cổ đông lớn của SHS tính đến 31/12/2022:

STT	Tên cá nhân/tổ chức (người đại diện)	Phân loại cổ đông	Số lượng CP nắm giữ (cp)	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Cổ đông lớn	45.505.734	5,6	Ngày 25/7/2022 nhận thêm 9.101.146 cổ phiếu SHS phát hành thêm từ trả cổ tức và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu



Giao dịch cổ phiếu SHS của cổ đông lớn trong năm 2022:

Tên tổ chức/ cá nhân	Địa chỉ	SLCP, tỷ lệ sở hữu đầu kỳ 01/01/2022	SLCP, tỷ lệ sở hữu cuối kỳ 31/12/2022
Nguyễn Duy Kiên	108 Nguyễn Thái Học, Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội	18.812.000; 5,8%	9.386.000; 1,2%
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Tòa nhà Artextport, 2A Phạm Sư Mạnh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	18.202.294; 5,6%	45.505.734; 5,6%

Ghi chú:

- Công ty tăng vốn điều lệ từ 3.252,7 tỷ đồng lên 6.505,3 đồng kể từ ngày 31/05/2022 đến tháng 8/2022 và tăng lên 8.131,6 đồng kể từ tháng 09/2022 đến nay, nên sau mỗi đợt tăng vốn, Vốn điều lệ, tổng số lượng cổ phần của Công ty và số lượng cổ phần của từng cổ đông thay đổi và tỷ lệ cổ phần /vốn điều lệ thay đổi.
- Hiện nay, Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T là Cổ đông lớn duy nhất của SHS.

HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG LỚN

Trong năm 2022, SHS không ký Hợp đồng, giao dịch với cổ đông lớn (Xin vui lòng xem Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán).

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU SHS CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ TỔ CHỨC/NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu SHS trong đợt chào bán cổ phiếu năm 2022

Thông tin về quyền của cổ đông:

- ▶ Quyền mua cổ phiếu SHS được phát hành chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ phát hành: 1:1, giá chào bán 12.000 đồng/cổ phiếu.
- ▶ Quyền mua cổ phiếu SHS còn dư từ đợt phát hành chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ phát hành: 1:1, giá chào bán 12.000 đồng/cổ phiếu

Thông tin về giao dịch

Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch		Thông tin về người nội bộ			Số lượng, tỷ lệ CP SHS nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch quyền mua	Số lượng, tỷ lệ CP SHS đã đăng ký giao dịch và đã giao dịch	Giá trị giao dịch đã thực hiện (VNĐ)	Số lượng, tỷ lệ CP SHS nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch
Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức	Chức vụ tại SHS, mối quan hệ với SHS	Họ và tên người nội bộ	Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với NNB	Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)				
Đỗ Quang Hiến		Đỗ Quang Vinh	NCLQ của CT HĐQT	3.539.588 CP; 0,5441%	1.769.794 CP; 0,5441%	1.769.794 CP; 0,5441%	21.237.528.000	3.539.588 CP; 0,5441%
Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT			6.000.000 CP; 0,922%	0 CP; 0%	6.000.000 CP; 0,922%	72.000.000.000	6.000.000 CP; 0,922%
Công ty CP Tập đoàn T&T		Lưu Danh Đức	Cổ đông lớn, TCCLQ của TVHĐQT Lưu Danh Đức	36.404.588 CP; 5,5961%	18.202.294 CP; 5,5961%	18.202.294 CP; 5,5961%	218.427.528.000	36.404.588 CP; 5,5961%
Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	425.000 CP; 0,0653%	212.500 CP; 0,0653%	212.500 CP; 0,0653%	2.550.000.000	425.000 CP; 0,0653%
Lưu Danh Đức	Thành viên HĐQT	Lưu Danh Đức	Thành viên HĐQT	300.000 CP; 0,0461%	0 CP; 0%	300.000 CP; 0,0461%	3.600.000.000	300.000 CP; 0,0461%
Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	16.043.988 CP; 2,466%	8.021.994 CP; 2,466%	8.021.994 CP; 2,466%	96.263.928.000	16.043.988 CP; 2,466%
Uông Văn Hạnh		Vũ Đức Tiến	NCLQ TGD – Vũ Đức Tiến	190.012 CP; 0,0292%	95.006 CP; 0,0292%	95.006 CP; 0,0292%	1.140.072.000	190.012 CP; 0,0292%
Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT	Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT	270.000 CP; 0,0415%	135.000 CP; 0,0415%	135.000 CP; 0,0415%	1.620.000.000	270.000 CP; 0,0415%
Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng Ban Kiểm soát	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng Ban Kiểm soát	284.240 CP; 0,0437%	142.120 CP; 0,0437%	142.120 CP; 0,0437%	1.705.440.000	284.240 CP; 0,0437%
Phạm Anh Quân		Phạm Thị Bích Hồng	NCLQ của TBKS	8.000 CP; 0,0012%	4.000 CP; 0,0012%	4.000 CP; 0,0012%	48.000.000	8.000 CP; 0,0012%
Lương Thị Lựu	TVBKS	Lương Thị Lựu	TVBKS	50.063 CP; 0,0077%	25.063 CP; 0,0077%	25.000 CP; 0,0077%	300.000.000	50.063 CP; 0,0077%
Vũ Đức Trung	TV BKS	Vũ Đức Trung	TV BKS	2.195.000 CP; 0,3413%	1.110.000 CP; 0,3413%	1.085.000 CP; 0,335%	13.020.000.000	2.195.000 CP; 0,3413%
Trần Sỹ Tiến	PTGD. Kế toán trưởng	Trần Sỹ Tiến	PTGD. Kế toán trưởng	890.000 CP; 0,1368%	455.000 CP; 0,1368%	455.000 CP; 0,1368%	5.340.000.000	890.000 CP; 0,1368%
Trần Thanh Bình		Trần Sỹ Tiến	NCLQ của PTGD-KTT Trần Sỹ Tiến	52 CP; 0,00002%	52 CP	0 CP; 0%	0	52 CP; 0,00002%
Nguyễn Chí Thành	Phó TGD-GD SHSHCM, Trưởng VPĐD Hải Phòng	Nguyễn Chí Thành	Phó TGD, Trưởng VPĐD Hải Phòng	890.000 CP; 0,1368%	455.000 CP; 0,1368%	455.000 CP; 0,1368%	5.340.000.000	890.000 CP; 0,1368%
Trần Thị Thu Thanh	Phó TGD	Trần Thị Thu Thanh	Phó TGD	890.000 CP; 0,1368%	455.000 CP; 0,1368%	455.000 CP; 0,1368%	5.340.000.000	890.000 CP; 0,1368%
Nguyễn Thủy Hạnh Mai	NĐUQCBTT	Nguyễn Thủy Hạnh Mai	NĐUQCBTT	142.892 CP; 0,0220%	71.446 CP; 0,0220%	71.446 CP; 0,0220%	857.352.000	142.892 CP; 0,0220%
Phan Thùy Linh	CV KTNB	Phan Thùy Linh	CVKTNB	15.200 CP; 0,0023%	7.600 CP; 0,0023%	7.600 CP; 0,0023%	91.200.000	15.200 CP; 0,0023%
Doãn Thị Như Quỳnh	NPTQTCT	Doãn Thị Như Quỳnh	NPTQTCT	47.000 CP; 0,0072%	23.500 CP; 0,0072%	23.500 CP; 0,0072%	282.000.000	47.000 CP; 0,0072%

Thông tin về sở hữu

TT	Cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch	Quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện GD với NNB	Số lượng cổ phiếu SHS sở hữu đầu kỳ		Số lượng cổ phiếu SHS sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL (%) (Vốn điều lệ: 3.252.650.270.000 đồng)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL (%) (Vốn điều lệ mới: 6.505.300.540.000 đồng)	
1	Đỗ Quang Vinh	Người nội bộ (Chủ tịch HĐQT SHS)	0	0	6.000.000	0,922	Mua cổ phiếu SHS còn dư từ đợt phát hành chào bán ra công chúng cho CDHH, tỷ lệ 1:1, giá 12.000 đồng/cổ phiếu
2	Lưu Danh Đức	Người nội bộ (Thành viên HĐQT SHS)	0	0	300.000	0,0461	
3	Đỗ Quang Hiển	NCLQ của NNB (bố đẻ của CT HĐQT SHS)	1.769.794	0,5441	3.539.588	0,5441	Mua cổ phiếu SHS của đợt phát hành chào bán ra công chúng cho CDHH, tỷ lệ phát hành: 1:1, giá 12.000 đồng/cổ phiếu
4	Công ty CP Tập đoàn T&T	Cổ đông lớn, TCCLQ của NNB (TVHĐQT SHS Lưu Danh Đức)	18.202.294	5,5961	36.404.588	5,5961	
5	Lê Đăng Khoa	Người nội bộ (Thành viên HĐQT SHS)	212.500	0,0653	425.000	0,0653	
6	Vũ Đức Tiến	Người nội bộ (Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc SHS)	8.021.994	2,466	16.043.988	2,466	
7	Uông Văn Hạnh	NCLQ của NNB (Vợ của Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc SHS)	95.006	0,0292	190.012	0,0292	
8	Nguyễn Diệu Trinh	Người nội bộ (Thành viên HĐQT SHS)	135.000	0,0415	270.000	0,0415	
9	Phạm Thị Bích Hồng	Người nội bộ (Trưởng Ban Kiểm soát)	142.120	0,0437	284.240	0,0437	
10	Phạm Anh Quân	NCLQ của NNB (Con trai của TBKS SHS)	4.000	0,0012	8.000	0,0012	
11	Lương Thị Lựu	Người nội bộ (TVBKS SHS)	25.063	0,0077	50.063	0,0077	
12	Vũ Đức Trung	Người nội bộ (TVBKS SHS)	1.110.000	0,3413	2.195.000	0,3413	
13	Trần Sỹ Tiến	Người nội bộ (PTGD, Kế toán trưởng)	455.000	0,1368	890.000	0,1368	Mua cổ phiếu SHS của đợt phát hành chào bán ra công chúng cho CDHH, tỷ lệ phát hành: 1:1, giá 12.000 đồng/cổ phiếu
14	Trần Thanh Bình	NCLQ của NNB (em trai PTGD-KTT Trần Sỹ Tiến)	52	0	52	0,00002	
15	Nguyễn Chí Thành	Người nội bộ (Phó TGD SHS -GD SHSHCM, Trưởng VPĐD Hải Phòng)	455.000	0,1368	890.000	0,1368	
16	Trần Thị Thu Thanh	Người nội bộ (Phó TGD SHS)	455.000	0,1368	890.000	0,1368	
17	Nguyễn Thủy Hạnh Mai	Người nội bộ (NDUQCBTT)	71.446	0,0220	142.892	0,0220	
18	Phan Thùy Linh	Người nội bộ (CV KTNB)	7.600	0,0023	15.200	0,0023	
19	Doãn Thị Như Quỳnh	Người nội bộ (NPTQTCT)	23.500	0,0072	47.000	0,0072	

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu SHS trong đợt phát hành cổ phiếu SHS để trả cổ tức năm 2021

Thông tin về quyền của cổ đông:

Quyền nhận cổ phiếu SHS của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội được phát hành trong đợt phát hành cổ phiếu SHS để trả cổ tức năm 2021 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 25%, trong đó:

- ▶ Tỷ lệ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: 18%;
- ▶ Tỷ lệ phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 7%.

Thông tin về giao dịch

Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch		Thông tin về người nội bộ			Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu SHS sở hữu đầu kỳ	Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu SHS được nhận	Giá trị giao dịch đã thực hiện (VNĐ)	Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu SHS sở hữu cuối kỳ
Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức	Chức vụ tại SHS, mối quan hệ với SHS	Họ và tên người nội bộ	Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với NNB	Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)				
Đỗ Quang Hiển		Đỗ Quang Vinh	NCLQ của CT HĐQT	6.000.000 CP; 0,922%	3.539.588 CP; 0,544%	884.896 CP; 0,136%	8.848.960.000	4.424.485 CP; 0,544%
Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT			6.000.000 CP; 0,922%	6.000.000 CP; 0,922%	1.500.000 CP; 0,231%	15.000.000.000	7.500.000 CP; 0,922%
Công ty CP Tập đoàn T&T		Lưu Danh Đức	Cổ đông lớn, TCCLQ của TVHĐQT Lưu Danh Đức	300.000 CP; 0,046%	36.404.588 CP; 5,5961%	9.101.146 CP; 1,40%	91.011.461.600	45.505.734 CP; 5,596%
Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	425.000 CP; 0,065%	425.000 CP; 0,065%	106.250 CP; 0,016%	1.062.500.000	531.250 CP; 0,065%
Lưu Danh Đức	Thành viên HĐQT	Lưu Danh Đức	Thành viên HĐQT	300.000 CP; 0,0461%	300.000 CP; 0,0461%	75.000 CP; 0,012%	900.000.000	375.000 CP; 0,0461%
Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	16.043.988 CP; 2,466%	16.043.988 CP; 2,466%	4.010.995 CP; 0,617%	40.109.950.000	20.054.983 CP; 2,466%
Uông Văn Hạnh		Vũ Đức Tiến	NCLQ của TGD – Vũ Đức Tiến	16.043.988 CP; 2,466%	190.012 CP; 0,0292%	47.503 CP; 0,007%	475.030.000	47.693 CP; 0,0292%
Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT	Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT	270.000 CP; 0,042%	270.000 CP; 0,042%	67.500 CP; 0,01%	675.000.000	337.500 CP; 0,042%
Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng Ban Kiểm soát	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng Ban Kiểm soát	284.240 CP; 0,044%	284.240 CP; 0,044%	71.059 CP; 0,011%	710.590.000	355.299 CP; 0,044%
Phạm Anh Quân		Phạm Thị Bích Hồng	NCLQ của TBKS	284.240 CP; 0,044%	8.000 CP; 0,001%	1.440 CP; < 0,001%	80.000.000	9.440 CP; 0,001%
Lương Thị Lựu	TVBKS	Lương Thị Lựu	TV BKS	50.063 CP; 0,008%	50.063 CP; 0,008%	12.516 CP; 0,002%	125.160.000	12.566 CP; 0,008%
Vũ Đức Trung	TV BKS	Vũ Đức Trung	TV BKS	2.195.000 CP; 0,337%	2.195.000 CP; 0,337%	548.750 CP; 0,084%	5.487.500.000	2.743.750 CP; 0,337%
Trần Sỹ Tiến	PTGD. Kế toán trưởng	Trần Sỹ Tiến	PTGD. Kế toán trưởng	890.000 CP; 0,137%	890.000 CP; 0,137%	222.500 CP; 0,034%	2.225.000.000	1.112.500 CP; 0,137%
Trần Thanh Bình		Trần Sỹ Tiến	NCLQ của PTGD-KTT Trần Sỹ Tiến	890.000 CP; 0,137%	52 CP; <0,00001%	12 CP; <0,00001%	120.000	64 CP; <0,00001%
Nguyễn Chí Thành	Phó TGD, Trưởng VPĐD Hải Phòng	Nguyễn Chí Thành	Phó TGD, Trưởng VPĐD Hải Phòng	890.000 CP; 0,137%	890.000 CP; 0,137%	222.500 CP; 0,034%	2.225.000.000	1.112.500 CP; 0,137%
Trần Thị Thu Thanh	Phó TGD	Trần Thị Thu Thanh	Phó TGD	890.000 CP; 0,137%	890.000 CP; 0,137%	222.500 CP; 0,034%	2.225.000.000	1.112.500 CP; 0,137%
Nguyễn Thủy Hạnh Mai	NĐUQCBTT	Nguyễn Thủy Hạnh Mai	NCBTT	142.892 CP; 0,022%	142.892 CP; 0,022%	35.722 CP; 0,005%	357.220.000	178.614 CP; 0,022%
Phan Thùy Linh	CV KTNB	Phan Thùy Linh	CV KTNB	15.200 CP; 0,002%	15.200 CP; 0,002%	3.800 CP; 0,001%	38.000.000	19.000 CP; 0,002%
Doãn Thị Như Quỳnh	NPT QTCT	Doãn Thị Như Quỳnh	NPT QTCT	47.000 CP; 0,0072%	47.000 CP; 0,007%	11.750 CP; 0,002%	117.500.000	58.750 CP; 0,007%

Chi tiết thông tin về giao dịch

TT	Cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch	Quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện GD với NNB	Số lượng cổ phiếu SHS sở hữu đầu kỳ (trước khi thực hiện nhận CP PHT)		Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021: 18%		Phát hành cổ phiếu để tăng VCP từ nguồn VCSH: 7%		Tổng tỷ lệ phát hành 25%		Số lượng cổ phiếu SHS sở hữu cuối kỳ (sau khi nhận CP PHT)	
			Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ/VĐL (%)	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ/VĐL (%)	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ/VĐL (%)	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ/VĐL (%)	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ/VĐL (%)
1	Đỗ Quang Hiển	NCLQ của NNB (bố đẻ của CT HĐQT SHS)	3.539.588	0,544	637.125	0,098	247.771	0,038	884.896	0,136	4.424.484	0,544
2	Đỗ Quang Vinh	Người nội bộ (Chủ tịch HĐQT SHS)	6.000.000	0,922	1.080.000	0,166	420.000	0,065	1.500.000	0,231	7.500.000	0,922
3	Công ty CP Tập đoàn T&T	Cổ đông lớn, TCCLQ của NNB (TVHĐQT SHS Lưu Danh Đức)	36.404.588	5,596	6.552.825	1,007	2.548.321	0,392	9.101.146	1,399	45.505.734	5,596
4	Lê Đăng Khoa	Người nội bộ (Thành viên HĐQT SHS)	425.000	0,065	76.500	0,012	29.750	0,005	106.250	0,016	531.250	0,065
5	Lưu Danh Đức	Người nội bộ (Thành viên HĐQT SHS)	300.000	0,046	54.000	0,008	21.000	0,003	75.000	0,012	375.000	0,046
6	Vũ Đức Tiến	Người nội bộ (Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc SHS)	16.043.988	2,466	2.887.917	0,444	1.123.078	0,173	4.010.995	0,617	20.054.983	2,466
7	Uông Văn Hạnh	NCLQ của NNB (Vợ của Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc SHS)	190.012	0,029	34.202	0,005	13.300	0,002	47.502	0,007	237.514	0,029
8	Nguyễn Diệu Trinh	Người nội bộ (Thành viên HĐQT SHS)	270.000	0,042	48.600	0,007	18.900	0,003	67.500	0,010	337.500	0,042
9	Phạm Thị Bích Hồng	Người nội bộ (Trưởng Ban Kiểm soát)	284.240	0,044	51.163	0,008	19.896	0,003	71.059	0,011	355.299	0,044
10	Phạm Anh Quân	NCLQ của NNB (Con trai của TBKS SHS)	8.000	0,001	1.440	0,000	560	0,000	2.000	0,000	10.000	0,001
11	Lương Thị Lựu	Người nội bộ (TVBKS SHS)	50.063	0,008	9.011	0,001	3.504	0,001	12.516	0,002	62.579	0,008
12	Vũ Đức Trung	Người nội bộ (TVBKS SHS)	2.195.000	0,337	395.100	0,061	153.650	0,024	548.750	0,084	2.743.750	0,337
13	Trần Sỹ Tiến	Người nội bộ (PTGD, Kế toán trưởng)	890.000	0,137	160.200	0,025	62.300	0,010	222.500	0,034	1.112.500	0,137
14	Trần Thanh Bình	NCLQ của NNB (em trai PTGD-KTT Trần Sỹ Tiến)	52	0,000	9	0,000	3	0,000	12	0,000	64	0,000
15	Nguyễn Chí Thành	Người nội bộ (Phó TGD SHS - GD SHSHCM, Trưởng VPĐD Hải Phòng)	890.000	0,137	160.200	0,025	62.300	0,010	222.500	0,034	1.112.500	0,137
16	Trần Thị Thu Thanh	Người nội bộ (Phó TGD SHS)	890.000	0,137	160.200	0,025	62.300	0,010	222.500	0,034	1.112.500	0,137
17	Nguyễn Thủy Hạnh Mai	Người nội bộ (NĐUQCBTT)	142.892	0,022	25.720	0,004	10.002	0,002	35.722	0,005	178.614	0,022
18	Phan Thùy Linh	Người nội bộ (CV KTNB)	15.200	0,002	2.736	0,000	1.064	0,000	3.800	0,001	19.000	0,002
19	Doãn Thị Như Quỳnh	Người nội bộ (NPTQTCT)	47.000	0,007	8.460	0,001	3.290	0,001	11.750	0,002	58.750	0,007

GIAO DỊCH KHÁC CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

- ▶ SHS: Bà Trần Thị Thu Thanh - Phó Tổng Giám đốc Báo cáo kết quả thực hiện quyền mua: 445.000 cổ phiếu - Tổng sở hữu: 890.000 cổ phiếu (ngày 12/05/2022)
- ▶ SHS: Bà Trần Thị Thu Thanh - Phó Tổng Giám đốc nhận thêm 222.500 cổ phiếu - Tổng sở hữu đạt: 1.112.500 cổ phiếu ; 0,137% (ngày 25/07/2022)
- ▶ SHS: Bà Trần Thị Thu Thanh - Phó Tổng Giám đốc đã bán 445.000 CP - Tổng sở hữu còn lại: 667.500 cổ phiếu (ngày 04/08/2022)
- ▶ SHS: Bà Trần Thị Thu Thanh - Phó Tổng Giám đốc đã bán 667.500 cổ phiếu - Tổng sở hữu còn lại: 0% (ngày 08/11/2022)

HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ TỔ CHỨC/NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

TT	Tên giao dịch	Văn bản	Người có liên quan tại SHS	Ghi chú
1	HĐQT ban hành Quyết định thông qua Phương án Hợp tác giữa SHS và SHB triển khai hoạt động bán lẻ Trái phiếu	Quyết định HĐQT SHS số 01-2022/QĐ-HĐQT ngày 14/01/2022		
2	HĐQT ban hành Quyết định thông qua Hợp tác cung cấp DV thu chi tiền mặt và các DV ngân hàng khác giữa SHS và SHB Đông Đô	Quyết định số 16-2022/QĐ-HĐQT ngày 08/04/2022	Chủ tịch HĐQT Đỗ Quang Hiến và TVHĐQT Lê Đăng Khoa	Ông Đỗ Quang Hiến là CT HĐQT SHS - SHB ; Ông Lê Đăng Khoa là TVHĐQT SHS - Phó TGD SHB
3	HĐQT SHS thông qua phương án vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Đông Đô (SHB Đông Đô) với hạn mức 1.800 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng.	Quyết định số 19-2022/QĐ-HĐQT ngày 20/04/2022		
4	HĐQT SHS thông qua phương án Hợp tác cung cấp dịch vụ thu, chi hộ giữa SHS và SHB	Quyết định số 26-2022/QĐ-HĐQT ngày 05/05/2022		
5	HĐQT SHS thông qua phương án cung cấp dịch vụ tư vấn chào bán và tư vấn niêm yết CP giữa SHS và CTCP TCT Công trình Đường sắt (RCC)	Quyết định số 29-2022/QĐ-HĐQT ngày 17/05/2022	Ông Vũ Đức Tiến - TVHĐQT - Tổng Giám đốc SHS	Ông Vũ Đức Tiến - TVHĐQT - Tổng Giám đốc SHS, là anh ruột bà Vũ Thị Hải Yến - PTGD RCC; đại diện SHS sở hữu 1.500.000 CP RCC (9,7% vốn điều lệ RCC)
6	Quyết định HĐQT v/v ký hợp đồng dịch vụ thuê văn phòng giữa SHS và CTCP TCT Công trình đường sắt (RCC)	Quyết định số 33-2022/QĐ-HĐQT ngày 10/6/2022		
7	Quyết định HĐQT v/v ký hợp đồng cung cấp dịch vụ Tư vấn phát hành cổ phiếu tăng VDL cho SHB	43-2022/QĐ-HĐQT ngày 27/09/2022	Chủ tịch HĐQT Đỗ Quang Vinh và TVHĐQT Lê Đăng Khoa, Lưu Danh Đức	Ông Đỗ Quang Vinh - Chủ tịch HĐQT SHS; Ông Lê Đăng Khoa - TVHĐQT SHS; và Ông Lưu Danh Đức - TVHĐQT SHS đều là Phó TGD SHB



Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có.

Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: không có.

- ▶ Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): không có.
- ▶ Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: không có.
- ▶ Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: không có.

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Bộ phận Quan hệ cổ đông

Bộ phận quan hệ cổ đông trực thuộc HĐQT.

Dưới đây là thông tin về Người phụ trách bộ phận quan hệ cổ đông của Công ty:

Bà Đoãn Thị Như Quỳnh

- ▶ Học vấn: Cử nhân Đại học Ngoại giao
- ▶ Kinh nghiệm làm việc: 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán.
- ▶ Chức vụ tại SHS: Phó Chánh Văn phòng HĐQT/Thư ký Công ty/Người phụ trách quan hệ cổ đông/ Người phụ trách quản trị công ty
- ▶ Điện thoại liên hệ: 024.38.181.888 (312)
- ▶ Email: quynh.dtn@shs.com.vn

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG NĂM 2022

- ▶ Ngay từ những ngày đầu hoạt động (12/2007), Công ty đã thành lập Văn phòng HĐQT là bộ phận chức năng chuyên môn quản lý thông tin dữ liệu cổ đông và thực hiện nhiệm vụ quan hệ Cổ đông, tuyển chọn, phân công nhiệm vụ cho cán bộ thực hiện. Văn phòng HĐQT có vai trò là Ban Thư ký, cố vấn của HĐQT và quản lý hồ sơ cổ đông, thực hiện các công việc theo chỉ đạo của HĐQT, Chủ tịch HĐQT.
- ▶ Đầu mối tổ chức 02 phiên họp ĐHCĐ, trên 25 cuộc họp chính thức và các cuộc họp không chính thức của HĐQT, các cuộc họp của BKS và của Bộ phận KTNB, các chuyến công tác của HĐQT, Ban Kiểm soát;
- ▶ Đầu mối soạn thảo văn kiện ĐHCĐ, các văn bản, quy chế, quy trình, báo cáo... thuộc thẩm quyền ĐHCĐ và HĐQT ban hành;
- ▶ Xây dựng hệ thống lưu trữ, quản lý hồ sơ, văn bản thuộc thẩm quyền ĐHCĐ, HĐQT, BKS, TGD và Văn phòng HĐQT;
- ▶ Đầu mối triển khai việc Phát hành cổ phiếu trả cổ tức, tặng vốn chủ sở hữu bằng nguồn vốn cổ phần cho cổ đông, chào bán cổ phiếu ra công chúng, trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông, niêm yết và lưu ký cổ phần, cổ phiếu;
 - Phối hợp với Ban Điều hành và các phòng ban thuộc SHS soạn thảo nội dung Bản cáo bạch, các Quyết định, Công văn điều chỉnh, giải trình, công bố thông tin theo yêu cầu của Luật Chứng khoán và UBCKNN;
 - Làm việc với UBCKNN, VSD, Sở GDCK HN để xin giấy phép chào bán. Kết quả thực hiện: SHS nhận được Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 69/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/03/2022;
 - Thông báo về việc chào bán, chốt Danh sách cổ đông thực hiện quyền và phân phối cổ phiếu, lưu ký cổ phiếu cho Cổ đông theo Nghị quyết của HĐQT và hướng dẫn của Cơ quan quản lý Nhà nước;
 - Hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng 2022 đạt tỷ lệ 100%;
 - Sửa đổi điều lệ, in và quản lý sổ cổ đông đối với các cổ đông chưa lưu ký.
- ▶ Theo dõi hồ sơ cổ đông công ty, trả cổ tức, Giấy Chứng nhận sở hữu cổ phần cho cổ đông chưa lưu ký, hỗ trợ cổ đông tiến hành các thủ tục pháp lý liên quan đến trao, tặng, thừa kế cổ phần SHS; .
- ▶ Đầu mối soạn thảo các Báo cáo như Báo cáo cơ cấu cổ đông, Báo cáo việc tăng vốn điều lệ, Báo cáo chi trả cổ tức, Báo cáo quản trị định kỳ, Báo cáo chi thù lao, Báo cáo hoạt động của HĐQT và Văn phòng HĐQT, các báo cáo riêng thuộc thẩm quyền ĐHCĐ, HĐQT và Văn phòng HĐQT ban hành và trong các Báo cáo Tài chính, Báo cáo Thường niên, Bản cáo bạch và Báo cáo phát triển bền vững...;
- ▶ Quản lý hồ sơ ĐHCĐ, HĐQT, cung cấp cho các phòng ban, đơn vị tra cứu và thực hiện;
- ▶ Quản lý thông tin và dữ liệu của các đối tác, khách hàng... thuộc ĐHCĐ, HĐQT, quản lý Danh sách cổ đông, các dữ liệu về cổ đông;
- ▶ Đầu mối tổng hợp các thông tin về cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan, các thông tin về quản trị công ty và cung cấp cho các phòng ban, đơn vị, tra cứu và thực hiện, báo cáo các Cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định;
- ▶ Pháp chế: tra soát, kiểm tra tính hợp quy chuẩn, pháp luật và Điều lệ Công ty của các văn bản trước và sau khi trình ĐHCĐ, HĐQT ký và ban hành, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh và ban hành;
- ▶ Tham gia nhóm soạn thảo và phát hành Báo cáo thường niên của Công ty; chịu trách nhiệm về các nội dung liên quan đến quản trị và quan hệ cổ đông;
- ▶ Tham gia dự án website mới của SHS, xây dựng nội dung, tính năng liên quan đến HĐQT, quan hệ cổ đông và Công bố thông tin.



KẾ HOẠCH QUAN HỆ CỔ ĐÔNG NĂM 2023

Với cơ cấu lên tới gần 50.000 cổ đông, đa dạng thành phần, quốc tịch và hình thức tổ chức, Công ty xác định Quan hệ cổ đông và Nhà đầu tư là hoạt động quản lý có tính chiến lược, đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa tài chính, truyền thông, marketing và tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán nhằm thúc đẩy các tương tác hai chiều giữa doanh nghiệp với cộng đồng tài chính, đảm bảo giá cổ phiếu phản ánh đúng giá trị doanh nghiệp. Giá cổ phiếu của một doanh nghiệp là do Nhà đầu tư quyết định thông qua các thông tin nhà đầu tư thu thập được. Vì vậy, hoạt động này ngày càng được ưu tiên chú trọng nhằm đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và Nhà đầu tư và chiến lược và hoạt động của Công ty được truyền tải một cách đầy đủ, kịp thời và nhất quán.

- ▶ Xây dựng và kiện toàn Bộ phận Quan hệ cổ đông, bố trí nhân sự hợp lý, có trình độ nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp phù hợp với công tác hỗ trợ, phục vụ Cổ đông, Nhà đầu tư thực hiện quyền và nghĩa vụ theo pháp luật và Điều lệ Công ty.
- ▶ Chỉ đạo, điều hành, giám sát Cán bộ Văn phòng HĐQT thực hiện những nhiệm vụ cụ thể theo Quy chế tổ chức hoạt động Văn phòng HĐQT và thực tế hoạt động của Công ty.
- ▶ Chỉ đạo, điều hành và giám sát việc xây dựng, cập nhật nội dung tại Chuyên trang Quan hệ Cổ đông trực tuyến và Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến với các tính năng cơ bản:
 - Thường xuyên cung cấp tình hình hoạt động và tình hình tài chính, lịch sử phát triển của Công ty qua các thời kỳ; thông tin về cơ cấu tổ chức, bộ máy lãnh đạo, điều hành của Công ty.
 - Thông tin trên trang Website phải thể hiện sự bình đẳng trong việc cung cấp thông tin, Nhà đầu tư nước ngoài, Nhà đầu tư cá nhân được bình đẳng về tiếp cận thông tin như Nhà đầu tư trong nước, Nhà đầu tư tổ chức.
 - Công bố thông tin và báo cáo theo quy định pháp luật đúng thời điểm, nội dung, biểu mẫu, minh bạch, chi tiết, đầy đủ.



- ▶ Lên kế hoạch tổ chức việc tiếp đón các Nhà đầu tư định kỳ hoặc bất thường; chỉ đạo, điều hành và giám sát cán bộ Văn phòng HĐQT thực hiện việc tiếp đón các Nhà đầu tư, cổ đông và đối tác quan tâm tới hoạt động của Công ty.
- ▶ Chú trọng nâng cao chất lượng của cán bộ thực hiện công tác quản lý cổ đông, quan hệ cổ đông: đào tạo kiến thức pháp luật, ngành nghề, phổ biến thông tin, tình hình tài chính và quản trị của Công ty cho Cán bộ nắm vững được và truyền tải được đúng, đủ, thực hiện tuân thủ các quy định pháp luật và quy định nội bộ Công ty.
 - Nhân sự của Văn phòng HĐQT phải rất am hiểu về các mảng hoạt động kinh doanh, cũng như về tình hình tài chính doanh nghiệp để sẵn sàng trả lời một cách đầy đủ các câu hỏi của Nhà đầu tư đưa ra;
 - Bộ phận Quan hệ cổ đông phải thường xuyên quan hệ chặt chẽ với các bộ phận kinh doanh của Công ty cũng như Phòng Kế toán tài chính để nắm bắt thông tin làm cơ sở giải đáp những thắc mắc từ các Nhà đầu tư;
 - Sẵn sàng trả lời những thắc mắc hay yêu cầu từ các thư hay email của Nhà đầu tư một cách thoả đáng và kịp thời.
- ▶ Lập kế hoạch và chỉ đạo, điều hành, giám sát các đơn vị phòng ban tổ chức ĐHCĐ tuân thủ quy định pháp luật, tiết kiệm chi phí và chuẩn bị hồ sơ đầy đủ, chi tiết để trình ĐHCĐ thông qua những nội dung thuộc thẩm quyền
- ▶ Lập kế hoạch và chỉ đạo, điều hành, giám sát các đơn vị phòng ban triển khai việc trả cổ tức, phát hành cổ phiếu, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo pháp luật và Điều lệ Công ty.
- ▶ Chịu trách nhiệm, chỉ đạo và điều hành Cán bộ có thẩm quyền trả lời các vấn đề hay gây thắc mắc đối với cổ đông bên ngoài, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của Cổ đông.

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nhân sự báo cáo và công bố thông tin

Bộ phận BC&CBTT: Trục thuộc Phòng PC&QTRR.

Người phụ trách Báo cáo & Công bố thông tin:

Bà Nguyễn Thủy Hạnh Mai

- ▶ Học vấn: Thạc sĩ kế toán
- ▶ Kinh nghiệm làm việc: 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, chứng khoán.
- ▶ Chức vụ tại SHS: Trưởng phòng PC&QTRR/Người được ủy quyền công bố thông tin
- ▶ Điện thoại liên hệ: 024.38.181.888 (318)
- ▶ Email: mai.nth@shs.com.vn

Công bố thông tin năm 2022

Toàn bộ các công bố thông tin định kỳ và bất thường của Công ty trong năm 2022 đã được đăng tải trên website Công ty tại mục “Tin SHS” và “Quan hệ cổ đông” cũng như qua hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội, Sở GDCK Tp. Hồ Chí Minh.

1/2022	2/2022	3/2022	4/2022	5/2022	6/2022
<p>Định kỳ</p> <ul style="list-style-type: none"> Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ quý I/2022 (06/01/2022) Báo cáo tài chính quý IV/2021 (20/01/2022) Báo cáo tình hình quản trị công ty niêm yết năm 2021 (27/01/2022) <p>Bất thường</p> <ul style="list-style-type: none"> Báo cáo kết quả phát hành Trái phiếu doanh nghiệp đợt 3 (05/01/2022) Tài liệu ĐHĐCĐ bất thường 2022 (07/01/2022) Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người có liên quan đến Người nội bộ (11/01/2022) Hợp tác giữa SHS và SHB triển khai hoạt động bán lẻ trái phiếu (14/01/2022) Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2021 (14/01/2022) Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được đợt phát hành năm 2021- đã kiểm toán (27/01/2022) Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ bất thường 2022 (28/01/2022) 	<p>Định kỳ</p> <ul style="list-style-type: none"> Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 1/2022 (07/02/2022) <p>Bất thường</p> <ul style="list-style-type: none"> Không có 	<p>Định kỳ</p> <ul style="list-style-type: none"> Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 2/2022 (01/03/2022) Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán (29/03/2022) Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2021 được kiểm toán (29/03/2022) <p>Bất thường</p> <ul style="list-style-type: none"> Sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty (02/03/2022) Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2022 (02/03/2022) Đính chính thông tin (số hiệu văn bản) của các tờ trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 (08/03/2022) Toàn văn Bản cáo bạch phát hành cổ phiếu SHS năm 2022 (22/03/2022) SHS nhận được Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 69/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/03/2022 (22/03/2022) Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại SHS (23/03/2022) Chào bán cổ phiếu ra công chúng và ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua (28/03/2022) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (28/03/2022) 	<p>Định kỳ</p> <ul style="list-style-type: none"> Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 3/2022 (01/04/2022) Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ quý II/2022 (14/04/2022) Báo cáo tài chính quý I/2022 (19/04/2022) Báo cáo thường niên năm 2021 (19/04/2022) Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên 2022 (27/04/2022) <p>Bất thường</p> <ul style="list-style-type: none"> Quyết định chấp thuận thành viên giao dịch của VNX (04/04/2022) Tài liệu họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (05/04/2022) Quyết định của HĐQT về việc hợp tác giữa SHS và SHB Đông Đô (08/04/2022) CBTT bổ sung tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 (21/04/2022) Quyết định HĐQT vay hạn mức tại SHB Đông Đô (21/04/2022) CBTT bổ sung tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 (26/04/2022) CBTT từ nhiệm chủ tịch HĐQT công ty (26/04/2022) ĐHĐCĐ thông qua DS trúng cử thành viên HĐQT và BKS (27/04/2022) ĐHĐCĐ thường niên 2022 thông qua cổ tức năm 2021 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn (27/04/2022) ĐHĐCĐ thường niên 2022 thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022 (27/04/2022) ĐHĐCĐ thường niên 2022 thông qua Điều lệ (27/04/2022) Quyết định bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị (28/04/2022) Quyết định bổ nhiệm Trưởng ban Kiểm soát (28/04/2022) 	<p>Định kỳ</p> <ul style="list-style-type: none"> Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 4/2022 (04/05/2022) <p>Bất thường</p> <ul style="list-style-type: none"> SHS thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu RCC (04/05/2022) Hợp tác cung cấp dịch vụ thu chi hộ với SHB (05/05/2022) Đăng ký thực hiện quyền mua SHS của Người nội bộ & Người có liên quan (09/05/2022) Cung cấp dịch vụ tư vấn chào bán, tư vấn niêm yết cổ phiếu RCC (17/05/2022) Báo cáo kết quả thực hiện quyền mua CP PHT của người nội bộ và người có liên quan (19/05/2022) Thay đổi Người có liên quan của Người nội bộ (20/05/2022) Quyết định xử lý cổ phiếu còn dư của đợt phát hành cổ phiếu (25/05/2022) Giao dịch mua cổ phiếu SHS phần còn dư của đợt phát hành thêm của người nội bộ (26/05/2022) 	<p>Định kỳ</p> <ul style="list-style-type: none"> Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 5/2022 (01/06/2022) <p>Bất thường</p> <ul style="list-style-type: none"> Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (01/06/2022) Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu SHS có quyền biểu quyết (01/06/2022) Báo cáo kết quả giao dịch mua cổ phiếu phát hành của người nội bộ (01/06/2022) UBCKNN chấp thuận Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2022 của SHS (02/06/2022) Nghị quyết HĐQT về việc tăng vốn điều lệ (03/06/2022) Đính chính Số lượng cổ đông tại Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phần SHS (07/06/2022) Quyết định của HĐQT về việc triển khai phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 và tăng vốn cổ phần từ Nguồn vốn chủ sở hữu (08/06/2022) Báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu (09/06/2022) Quyết định của HĐQT về việc ký hợp đồng thuê văn phòng giữa SHS và RCC (10/06/2022) Thay đổi Tổ chức có liên quan của Người nội bộ (13/06/2022) SHS được Cấp Giấy chứng nhận Đăng ký cuối cùng thay đổi lần 5, Cổ phiếu SHS phát hành thêm năm 2022 được lưu ký từ 16/6/2022 (14/06/2022) CBTT về việc SHS thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu PMC (21/06/2022) SHS nhận được Quyết định chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu SHS tại HNX (27/06/2022) SHS nhận Thông báo chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu SHS chào bán năm 2022 tại HNX (27/06/2022) Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của SHS (27/06/2022) Sửa đổi điều lệ và áp dụng Điều lệ sửa đổi kể từ 28/06/2022 (28/06/2022) Thay đổi người có liên quan của Người nội bộ (29/06/2022) SHS thay đổi tỉ lệ sở hữu cổ phiếu KTL (29/06/2022)

Định kỳ

- ▶ Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 6/2022 (01/07/2022)
- ▶ Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ quý III/2022 (08/07/2022)
- ▶ Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2022 (18/07/2022)
- ▶ Báo cáo thường niên 2021 – tiếng Anh (19/07/2022)
- ▶ Báo cáo tài chính quý II/2022 (20/07/2022)

Bất thường

- ▶ Ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu SHS niêm yết bổ sung sau đợt chào bán năm 2022 (04/07/2022)
- ▶ UBCKNN đã nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu (06/07/2022)
- ▶ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 8 (07/07/2022)
- ▶ Ngày Đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông nhận cổ phiếu phát hành thêm (25%) (cổ tức năm 2021 (18%) và cổ phiếu tăng Vốn cổ phần từ Nguồn vốn chủ sở hữu (7%)) (07/07/2022)
- ▶ SHS ký Hợp đồng kiểm toán và soát xét BCTC, BCTLATTC năm 2022 (14/07/2022)
- ▶ Người nội bộ và Người có liên quan thực hiện quyền nhận cổ phiếu SHS được phát hành để trả cổ tức năm 2021 và tăng vốn cổ phần từ Nguồn vốn chủ sở hữu (18/07/2022)
- ▶ Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2021 và để tăng vốn cổ phần từ Nguồn vốn chủ sở hữu (29/07/2022)
- ▶ Quyết định của HĐQT thông qua xử lý cổ phiếu dư của đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2021 và để tăng vốn cổ phần từ Nguồn vốn chủ sở hữu (29/07/2022)

Định kỳ

- ▶ Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 8/2022 (05/09/2022)

Bất thường

- ▶ Thay đổi Tổ chức có liên quan của người nội bộ (05/09/2022)
- ▶ Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán của SHS (06/09/2022)
- ▶ Ông Nguyễn Chí Thành thôi giữ chức vụ kiêm nhiệm Giám đốc Chi nhánh Tp.HCM (06/09/2022)
- ▶ Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Tp.HCM (06/09/2022)
- ▶ Nghị quyết của HĐQT về việc sửa đổi Điều lệ và áp dụng Điều lệ sửa đổi (06/09/2022)
- ▶ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 (13/09/2022)
- ▶ Thông báo ngày điều chỉnh Tổng số lượng chứng khoán SHS Nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ tối đa (19/09/2022)
- ▶ Nhận Giấy chứng nhận Thành viên lưu ký sửa đổi (với vốn Điều lệ 8.131.567.480.000 đồng) (23/09/2022)
- ▶ Quyết định của HĐQT thông qua Hợp đồng, giao dịch giữa SHS với Tổ chức có liên quan (SHB) (27/09/2022)
- ▶ CBTT Quyết định của HĐQT thông qua phương án thay đổi địa điểm đặt Trụ sở làm việc của Chi nhánh Tp. HCM (28/09/2022)

Định kỳ

- ▶ Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 10/2022 (01/11/2022)

Bất thường

- ▶ Cổ đông nội bộ đăng ký giao dịch thỏa thuận cổ phiếu SHS (03/11/2022)
- ▶ Cổ đông nội bộ báo cáo kết quả giao dịch thỏa thuận cổ phiếu SHS (09/11/2022)
- ▶ Quyết định của HĐQT về việc đóng cửa Văn phòng đại diện của SHS tại Đồng Nai (30/11/2022)
- ▶ Thông báo dự kiến bán giải chấp cổ phiếu của Người nội bộ, Người liên quan mã cổ phiếu HPX – CTCP Đầu tư Hải Phát (HSX) (30/11/2022)

7/2022

8/2022

9/2022

10/2022

11/2022

12/2022

Định kỳ

- ▶ Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 7/2022 (01/08/2022)
- ▶ Báo cáo tài chính bán niên 2022 được soát xét (12/08/2022)
- ▶ Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên 2022 được soát xét (12/08/2022)

Bất thường

- ▶ Thông báo thay đổi lượng cổ phiếu lưu hành do Đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (01/08/2022)
- ▶ UBCKNN chấp thuận Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (09/08/2022)
- ▶ Nghị quyết HĐQT về việc tăng vốn điều lệ của SHS (15/08/2022)
- ▶ Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 16/2009/GCNCP-VSD-6 do VSD cấp ngày 16/08/2022 (17/08/2022)
- ▶ Quyết định chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu SHS tại HNX (23/08/2022)
- ▶ 8/9/2022 - Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu SHS niêm yết bổ sung sau đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 (18%) và tăng vốn cổ phần từ Nguồn vốn chủ sở hữu (7%)(29/08/2022)

Định kỳ

- ▶ Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 9/2022 (03/10/2022)
- ▶ Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ quý IV/2022 (11/10/2022)
- ▶ Báo cáo tài chính quý III/2022 (20/10/2022)

Bất thường

- ▶ Thông báo về việc bán giải chấp chứng khoán ký quỹ của Khách hàng là Người nội bộ của Công ty đại chúng (04/10/2022)
- ▶ Báo cáo kết quả Thông báo về việc bán giải chấp chứng khoán ký quỹ của Khách hàng là Người nội bộ của Công ty đại chúng (06/10/2022)

Định kỳ

- ▶ Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 11/2022 (01/12/2022)

Bất thường

- ▶ Quyết định của UBCKNN về việc sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (08/12/2022)
- ▶ Báo cáo Dự kiến bán giải chấp cổ phiếu của Người nội bộ, Người liên quan mã cổ phiếu HPX – Công ty CP Đầu tư Hải Phát (HSX) (22/12/2022)
- ▶ Quyết định của UBCKNN về việc chấp thuận cho SHS được đóng cửa VPĐD tại Đồng Nai (22/12/2022)
- ▶ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh thay đổi lần thứ 8 (22/12/2022)
- ▶ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Đà Nẵng thay đổi lần thứ 4 (29/12/2022)
- ▶ SHS trở thành cổ đông lớn của SAF (29/12/2022)

KẾ HOẠCH CÔNG BỐ THÔNG TIN NĂM 2023

- ▶ Cập nhật các quy định mới về BC&CBTT (nếu có).
- ▶ Tuân thủ đúng các quy định pháp luật hiện hành về BC&CBTT.
- ▶ Tăng cường công bố thông tin bằng tiếng Anh để thu hút NĐTNN.



03

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

- ▶ TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG
CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2022
- ▶ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- ▶ BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

▶▶ TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2022

KINH TẾ VIỆT NAM 2022

Nền kinh tế Việt Nam năm 2022 đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, chịu áp lực lớn từ các biến động khó lường của kinh tế thế giới cũng như trong nước. Tuy vậy, năm 2022 là năm đánh dấu một số thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế, ổn định vĩ mô. Một số điểm nổi bật của nền kinh tế trong năm 2022 như sau:

- ▶ **GDP năm 2022 tăng trưởng 8,02% so với cùng kỳ, vượt chỉ tiêu đề ra và là mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2011.** Nền kinh tế đã phục hồi tích cực sau đại dịch nhờ những tiến triển tốt và đồng đều trên cả 3 khu vực: nông, lâm, thủy sản; công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Kết quả này có được cũng một phần do kinh tế tăng trưởng trên nền thấp với GDP năm 2021 tăng trưởng 2,58%, còn năm 2020 là 2,91%.
- ▶ **Các khu vực Công nghiệp – Xây dựng và Dịch vụ đóng vai trò động lực dẫn dắt tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế trong khi sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục vai trò bệ đỡ.** Cụ thể, Công nghiệp – Xây dựng tăng trưởng 7,78% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực chính với tốc độ tăng 8,10%, đóng góp 2,09% vào tăng trưởng GDP. Khu vực dịch vụ là điểm sáng của bức tranh kinh tế, khi đã khôi phục và tăng trưởng mạnh mẽ với tốc độ tăng đạt 9,99% năm 2022, cao nhất trong giai đoạn 2011-2022.
- ▶ **Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2022 lập kỷ lục mới.** Theo đó, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 732,5 tỷ USD, tăng 9,5% so với năm 2021. Cán cân thương mại thặng dư 11,2 tỷ USD, hỗ trợ tích cực cho cán cân thanh toán, nâng cao dự trữ ngoại hối, ổn định tỷ giá và các chỉ số kinh tế vĩ mô khác.
- ▶ **Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục tăng trưởng.** Tổng vốn FDI vào Việt Nam năm 2022 đạt 27,72 tỷ USD trong đó vốn đăng ký mới đạt 12,45 tỷ USD (-18% YoY), vốn đăng ký điều chỉnh tăng thêm đạt 10,12 tỷ USD (+12% YoY). Giải ngân FDI tiếp tục là điểm sáng khi ước đạt 22,4 tỷ USD (+13,5% YoY), mức cao nhất trong 5 năm qua. Dòng vốn FDI vào Việt Nam tập trung vào ngành công nghiệp chế tạo, ngành BĐS và ngành sản xuất, phân phối điện. Việt Nam đang được định hình là trung tâm sản xuất thiết bị điện tử với nhiều khoản đầu tư của các ông lớn như Samsung, Apple, Foxconn, LG... Theo UNCTAD, 5 ngành đang thu hút đầu tư quốc tế lớn nhất tại Asean là năng lượng tái tạo, BĐS khu công nghiệp, dầu khí, công nghệ và khai mỏ. Việt Nam vẫn được đánh giá nhiều tiềm năng trong thu hút FDI nhờ lợi thế so với các đối thủ cạnh tranh như chi phí nhân công rẻ, vị trí địa lý thuận lợi (gần trung tâm sản xuất phía Nam Trung Quốc), ổn định chính trị và nhiều ưu đãi từ các FTA.
- ▶ **Giải ngân vốn ngân sách Nhà nước năm 2022 ước tính đạt 511.562 tỷ, tăng 18,8% so với năm 2021.** Mặc dù mức độ hoàn thành kế hoạch gần như tương đồng với năm 2021 (84%), tốc độ tăng trưởng về giá trị tuyệt đối của vốn ngân sách được giải ngân trong năm 2022 cho thấy sự cố gắng của Chính phủ trong việc thúc đẩy đầu tư công. Giải ngân vốn đầu tư công trong năm 2022 còn chậm và chưa đạt kế hoạch do 2 yếu tố chính: (i) thủ tục liên quan đến quy hoạch cho các dự án diễn ra khá chậm và (ii) đội vốn đầu tư tại 1 số dự án lớn trong lĩnh vực đường bộ, đường sắt.
- ▶ **Dù chịu nhiều áp lực từ trong nước và trên thế giới, lạm phát vẫn được kiểm soát tốt.** CPI bình quân năm 2022 tăng 3,15% so với năm 2021, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Điều này thể hiện nỗ lực to lớn trong điều hành của Chính phủ trong bối cảnh giá cả các loại hàng hóa cơ bản diễn biến rất phức tạp trong năm qua. Để kiểm soát lạm phát, NHNN đã tăng lãi suất điều hành hai lần (vào tháng 9 và tháng 10/2022) trước áp lực từ đồng USD tăng mạnh, lãi suất FED tăng cao và lạm phát toàn phần gia tăng. Lãi suất tái chiết khấu tăng từ 2,5% lên 4,5% và lãi suất tái cấp vốn tăng từ 4% lên 6%. Đồng thời, Nghị định 65/2022/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế) thắt chặt thị trường Trái phiếu doanh nghiệp (chủ yếu là nhóm bất động sản) cũng đã gây áp lực mạnh lên vốn đầu tư dài hạn.



- ▶ **Tỷ giá được kiểm soát trong biên độ, lãi suất được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với tình hình kinh tế,** nhằm đạt được mục tiêu ổn định vĩ mô, lạm phát và mục tiêu chính sách tiền tệ, kịp thời ứng phó với các biến động của thị trường tài chính trên thế giới.

Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô năm 2022

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022
Tăng trưởng GDP (%)	7,08	7,02	2,91	2,58	8,02
Tăng CPI bình quân (%)	3,54	2,80	3,22	1,83	3,15
Tăng trưởng tín dụng (%)	14,0	13,6	12,1	13,5	14,5
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	22.825	23.155	23.131	23.145	23.612
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	60	80	92	105	84
Thâm hụt/thặng dư ngân sách so với GDP (%)	0,0	2,6	-2,0	-3,8	2,3

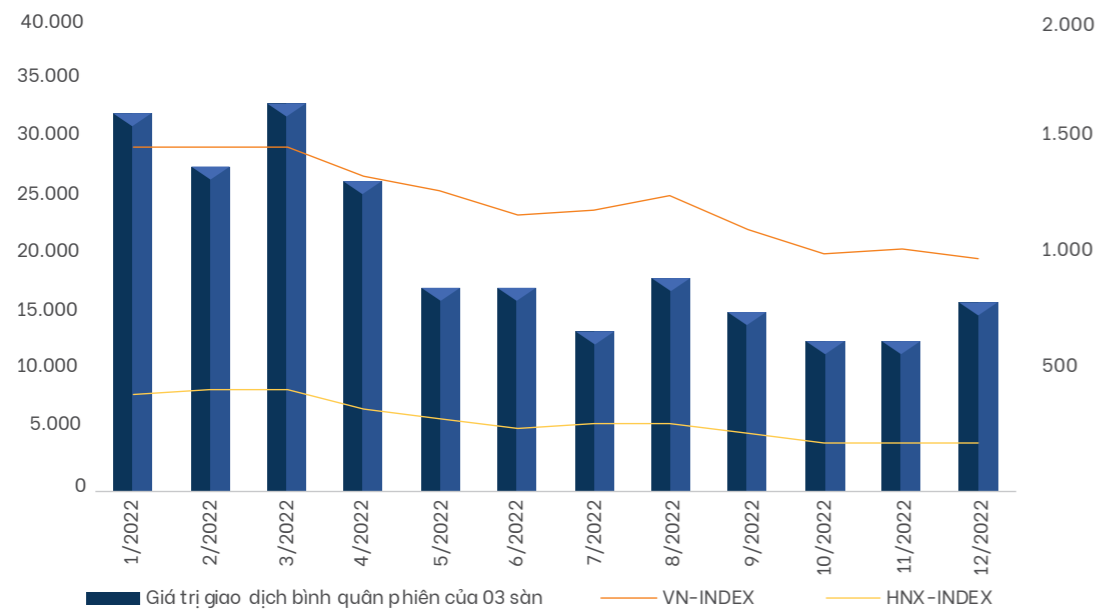
(Nguồn: TCTK, WB, HSBC, NHNN, SHS Research)

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Năm 2022 thế giới trải qua nhiều sự kiện bất ngờ và đón nhận những quyết định mang tính bước ngoặt của các NHTW trên thế giới. Mặt khác những vấn đề nội tại của nền kinh tế Việt Nam cũng như TTCK bắt đầu bộc lộ, hành động quyết liệt của các cơ quan quản lý trong việc làm lành mạnh, thanh lọc và ổn định thị trường là điều cần thiết để TTCK có những sự tăng trưởng bền vững hơn trong tương lai. Tuy nhiên, điều này cũng gây ra những ảnh hưởng nhất định đến thị trường và tâm lý chung của nhà đầu tư.

- ▶ **TTCK Việt Nam năm 2022 trải qua nhiều biến động do tác động của nhiều sự kiện có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế**, thị trường tài chính, chứng khoán Việt Nam cũng như toàn cầu. TTCK Việt Nam đã trải qua 02 năm thăng hoa với nhiều kỷ lục được xác lập, tuy nhiên thị trường bắt đầu chứng kiến bức tranh tương phản trong năm 2022. Đóng cửa phiên cuối năm, VN-Index đạt 1.007,09 điểm, giảm 32,78% so với cuối năm 2021, thuộc nhóm các TTCK giảm mạnh nhất trên thế giới. VN30 đạt 1.005,19 điểm giảm 34,55% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số HNX-Index cuối năm đóng cửa tại mốc 205,31 điểm, giảm 56,65% so với cuối năm 2021. Chỉ số Upcom-Index đạt 71,65 điểm, giảm 36,4%. Vốn hóa toàn thị trường đạt gần 5,23 triệu tỷ đồng, giảm 33% so với cuối năm 2021, tương đương 61% GDP và chấm dứt chuỗi tăng về quy mô thị trường từ năm 2011.
- ▶ **Diễn biến địa chính trị trên thế giới cũng như quan điểm điều hành CSTT của nhiều NHTW lớn bắt đầu thay đổi đã tác động đáng kể đến TTCK thế giới nói chung và TTCK Việt Nam nói riêng.** Cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine xảy ra vào ngày 24/02/2022 đã khiến giá cả nhiều loại mặt hàng thiết yếu như: dầu thô, ngô, lúa mì... tăng vọt, nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới như Hoa Kỳ, Anh, Đức... ghi nhận tỷ lệ lạm phát cao nhất trong 30-40 năm. Lạm phát tăng cao kéo các NHTW bước vào cuộc đua “tăng lãi suất” chưa từng có tiền lệ.

Diễn biến Thị trường Chứng khoán Việt Nam năm 2022



(Nguồn: SHS Research)

- ▶ **Quy mô vốn hóa thị trường điều chỉnh giảm theo diễn biến của thị trường.** Vốn hóa thị trường đạt 238,31 tỷ USD, giảm -30,6% YoY và tương đương 58,7% GDP. Sự điều chỉnh giảm sâu của các cổ phiếu khi tâm lý tiêu cực, thận trọng chiếm xu thế chủ đạo đã khiến vốn hóa toàn thị trường điều chỉnh sau quãng thời gian thăng hoa trước đó.
- ▶ **Thanh khoản toàn thị trường suy giảm mạnh, trái ngược với số lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư.** Tính chung cả năm 2022, giá trị giao dịch bình quân đạt hơn 20.350 tỷ đồng/phiên, giảm 23,46% so với bình quân năm 2021. Số lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư trong nước năm 2022 đạt gần 2,6 triệu tài khoản. Đây là con số kỷ lục trong 22 năm hoạt động của TTCK Việt Nam, vượt qua tổng số lượng tài khoản mở mới của 6 năm từ 2016 đến 2021 cộng lại. Kết thúc năm 2022, tổng số tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư trong nước là hơn 6,8 triệu, tương đương khoảng 6,9% dân số Việt Nam, vượt mục tiêu 5% theo chiến lược phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam đến năm 2025.

- ▶ **Thị trường phái sinh trở nên sôi động, thu hút được lượng lớn các nhà đầu tư tham gia và ghi nhận nhiều kỷ lục mới.** Số lượng hợp đồng giao dịch tăng từ mức trung bình 135.000 hợp đồng/phiên vào Quý I/2022 lên 434.900 hợp đồng/phiên vào thời điểm cuối năm, tương đương với mức tăng 3,2 lần. Tổng khối lượng giao dịch và giá trị danh nghĩa của thị trường phái sinh trong năm 2022 đạt 67,9 triệu hợp đồng và 8.123.577 tỷ đồng, tăng lần lượt 43,51% và 24,11% so với năm 2021. Tính đến hết năm 2022, số lượng tài khoản giao dịch phái sinh đạt hơn 1,18 triệu tài khoản, tăng 61% so với cuối năm 2021. Thị trường hợp đồng chứng quyền (CW) diễn ra khá sôi động khi KLGĐ đạt bình quân 32,2 triệu CW/phiên, tăng 52,6% so với năm 2021 dù tổng GTGD giảm từ 17.600 tỷ (2021) xuống còn 5.180 tỷ năm 2022 do giá cổ phiếu cơ sở giảm mạnh. Trong năm 2022, có tổng cộng 368 mã chứng quyền được niêm yết trên sàn của 8 công ty chứng khoán, trong đó KIS phát hành nhiều nhất với 124 mã chứng quyền.
- ▶ **Thị trường trái phiếu doanh nghiệp trải qua năm 2022 trầm lắng trong bối cảnh nhiều quy định chặt chẽ về điều kiện phát hành, giao dịch TPDN có hiệu lực.** Cụ thể, trong năm vừa qua, tổng giá trị trái phiếu phát hành là 255.164 tỷ đồng. Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ có 420 đợt phát hành, với giá trị xấp xỉ 244.565 tỷ đồng, giảm 66% so với cùng kỳ năm trước. Trái phiếu doanh nghiệp phát hành ra công chúng có giá trị 10.599 tỷ đồng, giảm 65% so với năm 2021. Nhóm ngân hàng dẫn đầu về giá trị phát hành với 136.772 tỷ đồng, chiếm 53,6% tổng giá trị phát hành. Nhóm bất động sản tiếp tục giữ vị trí thứ 02 với giá trị phát hành 51.979 tỷ đồng, chiếm khoảng 20,4%. So với năm 2021, lượng trái phiếu do nhóm doanh nghiệp bất động sản phát hành sụt giảm gần 76%.
- ▶ **Hoạt động niêm yết và đăng ký giao dịch trên 3 sàn diễn ra kém sôi động, hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Nhà nước đình trệ.** Trong năm 2022, có tổng cộng 49 mã cổ phiếu được đăng ký mới, thấp hơn kết quả 74 mã trong năm 2021. Không có DNNN nào được cổ phần hóa trong năm 2022, do nhiều vướng mắc, khó khăn trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa chưa được tháo gỡ.
- ▶ **Về chính sách, nhiều văn bản pháp luật đã được ban hành mới như:** Nghị định 65/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 153/2020/NĐ-CP về hoạt động phát hành trái phiếu riêng lẻ, Nghị quyết 86/NQ-CP của Chính phủ về phát triển thị trường vốn an toàn, minh bạch, hiệu quả, bền vững nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, huy động nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, Quyết định 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025... Ngoài ra, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam cũng đã đưa vào triển khai một số quy định mới: (i) Rút ngắn chu kỳ thanh toán, qua đó nhà đầu tư có thể bán chứng khoán ngay vào chiều ngày T+2 thay vì T+3, (ii) Thực hiện giao dịch lô lẻ tại HOSE, (iii) Thay đổi cách tính giá đáo hạn của Hợp đồng tương lai bằng cách lấy trung bình giá khớp lệnh trong 30 phút cuối sau khi loại trừ 3 giá trị chỉ số cao nhất và 3 giá trị chỉ số thấp nhất của phiên khớp lệnh liên tục và (iv) Nâng tỷ lệ ký quỹ phái sinh từ 13% lên 17% từ tháng 12/2022.
- ▶ **Một số sự kiện, diễn biến bất ngờ có tác động tiêu cực đến thị trường chứng khoán năm 2022:** Các vụ án liên quan tới Tập đoàn FLC, Tập đoàn Tân Hoàng Minh, Tập đoàn Vạn Thịnh Phát... và nhiều vụ việc khác trên thị trường tài chính đã dấy lên những lo ngại về sự đổ vỡ trên thị trường TPDN và tác động không nhỏ đến tâm lý thị trường. Mặt khác, xung đột địa chính trị giữa Nga-Ukraine xảy ra vào tháng 2 khiến thế giới và các NHTW bước vào cuộc đua tăng lãi suất chưa từng có - thị trường chứng khoán thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng trải qua giai đoạn giảm điểm mạnh sau diễn biến tích cực của giai đoạn 2020-2021
- ▶ **Khối ngoại quay trở lại mạnh mẽ - điểm sáng cuối năm cho thị trường.** Khối ngoại mua ròng 910 triệu USD trong năm 2022, trong đó mua ròng trên thị trường cổ phiếu với giá trị 1,25 tỷ USD tuy nhiên trên thị trường trái phiếu Chính phủ thứ cấp khối này bán ròng 336 triệu USD. Đặc biệt 2 tháng cuối năm 2022, NĐT nước ngoài mua ròng 30.268 tỷ đồng trên 3 sàn đã giúp chỉ số hồi phục tích cực và tâm lý nhà đầu tư không quá bi quan trong bối cảnh thị trường đã giảm điểm sâu. Lực mua ròng tốt đã giúp trạng thái khối này đảo chiều sang mua ròng trong cả năm 2022 - gần tương đương giai đoạn năm 2017.

Các số liệu thống kê Thị trường Chứng khoán Việt Nam năm 2022

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	+/- 2022 so với 2021 (%)
VN-Index	961,0	1.103,9	1.498,28	1.007,09	-32,8%
HNX-Index	102,5	203,1	473,99	205,31	-56,7%
Upcom-Index	56,6	74,5	112,63	71,65	-36,4%
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ đồng)	4.384	5.294	7.729	5.261	-31,9%
Vốn hóa/GDP	72,6%	84,2%	112,8%	61%	-45,9%
Số lượng tài khoản (triệu tài khoản)	2,4	2,8	4,3	6,8	58,1%
Tổng số cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	744	755	760	757	-0,4%

(Nguồn: TTCK, SHS Research)

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

- Tính tới thời điểm cuối năm 2022, số lượng công ty chứng khoán đang hoạt động là 81 theo danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép hoạt động môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán. Phần lớn các công ty chứng khoán ghi nhận doanh thu, lợi nhuận sụt giảm mạnh, thậm chí báo lỗ so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, 42 công ty chứng khoán đã báo cáo kết quả kinh doanh có lãi với tổng doanh thu đạt trên 52,6 nghìn tỷ đồng, tổng lợi nhuận sau thuế đạt 10,1 nghìn tỷ đồng.
- Về hoạt động môi giới chứng khoán và tự doanh, hầu hết các công ty báo cáo doanh thu và lợi nhuận của cả hai mảng này giảm mạnh so với năm 2021. Một số nguyên nhân chính: VN-Index có xu hướng chủ đạo là giảm điểm trong suốt cả năm, mức giảm trên 30% cùng thanh khoản yếu và tâm lý hoang mang, có phần bị quan của các nhà đầu tư. Cạnh tranh thị phần môi giới tiếp tục diễn ra quyết liệt trên nhiều phương diện như công nghệ và trải nghiệm người dùng, phí giao dịch, hoa hồng cho cộng tác viên... Điều kiện thị trường đã dẫn trở nên khó khăn hơn, tác động không ít tới kết quả của các mảng hoạt động truyền thống của các công ty chứng khoán.
- Hoạt động tư vấn, đại lý và bảo lãnh phát hành chứng khoán gặp nhiều khó khăn do: (i) những thay đổi trong khung pháp lý, siết chặt điều kiện phát hành, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp, chào bán chứng khoán ra công chúng; (ii) các vướng mắc trong quá trình cổ phần hóa, thoái vốn DNNN; (iii) các sự kiện, vụ việc lớn đã xảy ra trên thị trường tài chính. Khối lượng phát hành trái phiếu doanh nghiệp giảm mạnh: tổng khối lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong năm 2022 đạt 255.164 tỷ đồng, giảm 66% so với năm trước.

SỰ THAY ĐỔI KHUNG PHÁP LÝ

Cơ quan ban hành	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung văn bản	Hiệu lực thi hành	Văn bản thay thế
Ban hành năm 2022					
Luật	03/2022/QH15	11/01/2022	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế Tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự	01/03/2022	Không
	Hiệu lực từ năm 2022				
Không có					
Ban hành năm 2022					
Nghị định	65/2022/NĐ-CP	16/9/2022	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.	16/9/2022	Không
	41/2022/NĐ-CP	20/06/2022	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ và Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	20/6/2022	Không
Hiệu lực từ năm 2022					
Thông tư	128/2021/NĐ-CP	30/12/2021	Sửa đổi Nghị định 156/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán	01/01/2021	Không
	Ban hành năm 2022				
Thông tư	06/2022/TT-BTC	08/02/2022	Hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	24/03/2022	Thông tư số 116/2017/TT-BTC Thông tư số 35/2019/TT-BTC
	25/2022/TT-BTC	28/04/2022	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán	01/07/2022	Thông tư số 272/2016/TT-BTC

Cơ quan ban hành	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung văn bản	Hiệu lực thi hành	Văn bản thay thế
Hiệu lực từ năm 2022					
Thông tư	101/2021/TT-BTC	17/11/2021	Quy định giá dịch vụ áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	01/01/2022	Thông tư số 127/2018/TT-BTC Thông tư số 14/2020/TT-BTC Thông tư số 70/2020/TT-BTC Thông tư số 30/2021/TT-BTC
	102/2021/TT-BTC	17/11/2021	Quy định giá dịch vụ áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào TTCK.	01/01/2022	Thông tư số 128/2018/TT-BTC
	114/2021/TT-BTC	17/12/2021	Bãi bỏ Thông tư 146/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.	01/02/2022	Thông tư 146/2014/TT-BTC
	120/2021/TT-BTC	24/12/2021	Quy định về mức thu một số khoản phí, lệ phí, nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành.	01/01/2022 - 30/06/2022	Không
Quyết định	Ban hành năm 2022				
Thủ tướng Chính phủ	Không có				
	Hiệu lực từ năm 2022				
Bộ Tài chính	Không có				
	Hiệu lực từ năm 2022				
	Không có				
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Ban hành năm 2022				
	Không có				
	Hiệu lực từ năm 2022				
Không có					

Cơ quan ban hành	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung văn bản	Hiệu lực thi hành	Văn bản thay thế
Ban hành năm 2022					
SGDCK Việt Nam	01/QĐ-SGDVN	20/01/2022	Quy chế thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam	20/01/2022	Không
	06/QĐ-SGDVN	25/02/2022	Quy chế về hệ thống công nghệ thông tin kết nối giao dịch đến Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	25/02/2022	Không
	17/QĐ-SGDVN	31/03/2022	Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết	31/03/2022	Không
	20/QĐ-SGDVN	20/05/2022	Quy chế Niêm yết và giao dịch hợp đồng tương lai	20/05/2022	
	618/QĐ-SGDVN	29/08/2022	Quy định Hòa giải tranh chấp liên quan đến giao dịch chứng khoán giữa các thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam	29/08/2022	Không
	30/QĐ-HĐTV	31/08/2022	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế Niêm Yết và giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam	31/08/2022	Không
	34/QĐ-HĐTV	16/11/2022	Quy chế Đăng ký và Quản lý giao dịch chứng khoán chưa niêm yết	16/11/2022	Không
	Hiệu lực từ năm 2022				
Không có					
Ban hành năm 2022					
SGDCK Hà Nội	223/QĐ-SGDHN	11/04/2022	Quyết định về việc ban hành Quy trình về hệ thống Công nghệ thông tin kết nối giao dịch đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	11/04/2022	Không
	396/QĐ-SGDHN	20/06/2022	Quyết định về việc ban hành Quy trình giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	20/06/2022	144/QĐ-SGDHN (20/04/2021)
	398/QĐ-SGDHN	20/06/2022	Quyết định về việc ban hành Quy trình giao dịch mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ từ nguồn ngân quỹ Nhà nước tạm thời nhàn rỗi của Kho bạc Nhà nước tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	20/06/2022	Không

Cơ quan ban hành	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung văn bản	Hiệu lực thi hành	Văn bản thay thế
SGDCK Hà Nội	890/QĐ-SGDCKHN	30/12/2022	Quyết định số 890/QĐ-SGDHN về việc ban hành Bộ Quy trình tham gia đấu thầu công cụ nợ của Chính phủ, TPĐCPL do NHCS phát hành và TPCQP tại SGDCKHN	30/12/2022	276/QĐ-SGDHN (03/08/2012) 576/QĐ-SGDHN (04/09/2015) 373/QĐ-SGDHN (15/06/2016) 381/QĐ-SGDHN (28/07/2020) 382/QĐ-SGDHN (28/07/2020) 383/QĐ-SGDHN (28/07/2020)
	Hiệu lực từ năm 2022				
	Không có				
	Ban hành năm 2022				
	201/QĐ-SGDHCM	08/04/2022	Quy định hướng dẫn Quy chế về hệ thống công nghệ thông tin kết nối giao dịch đến Sở GDCK TPHCM, Sở GDCK Hà Nội	08/04/2022	Không
Hiệu lực từ năm 2022					
Không có					
Ban hành năm 2022					
TTLKCKVN	109/QĐ-VSD	19/8/2022	Quy chế hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán tại VSD	29/8/2022	Quyết định số 211/QĐ-VSD ngày 18/12/2015
	61/QĐ-VSD	16/05/2022	Quy chế bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	01/06/2022	Quyết định 96/QĐ-VSD năm 2017
	84/QĐ-VSD	23/06/2022	Quyết định năm 2022 về Quy chế thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	23/06/2022	Quyết định 95/QĐ-VSD năm 2017
	110/QĐ-VSD	19/8/2022	Quy chế Thành viên lưu ký tại VSD	29/8/2022	Quyết định 112/QĐ-VSD năm 2021

Cơ quan ban hành	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung văn bản	Hiệu lực thi hành	Văn bản thay thế
TTLKCKVN	115/QĐ-VSD	09/9/2022	Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ cho thị trường CKPS tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam	09/9/2022	Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017, Quyết định 145/QĐ-VSD ngày 04 tháng 8 năm 2017 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017
	160/QĐ-VSD	15/11/2022	Quy chế hướng dẫn hoạt động đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán đã đăng ký tập trung tại VSD	15/11/2022	Quyết định số 110/QĐ-VSD ngày 23 tháng 08 năm 2021
Hiệu lực từ năm 2022					
Không có					



ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA MÔI TRƯỜNG KINH TẾ, THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ SỰ THAY ĐỔI CỦA KHUNG PHÁP LÝ ĐẾN SHS

Thuận lợi

- Năm 2022, trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều bất ổn do xung đột địa chính trị Nga - Ukraine, đứt gãy chuỗi cung ứng do chính sách chống dịch Covid-19 của Trung Quốc, giá cả leo thang và chính sách tiền tệ thắt chặt ở nhiều nơi trên thế giới. Trong khi đó, nền kinh tế Việt Nam đạt được mức tăng trưởng cao, nhiều chỉ số kinh tế vĩ mô (lãi suất, tỷ giá và lạm phát) tương đối ổn định và được kiểm soát sẽ tạo hỗ trợ tốt cho sự phục hồi và tăng trưởng của cho thị trường chứng khoán trong nước.
- Định giá thị trường chứng khoán đang ở mức hấp dẫn, nhiều chứng khoán tốt được chiết khấu về vùng giá hợp lý, thậm chí về vùng đáy lịch sử đã tạo ra nhiều cơ hội đầu tư, hứa hẹn mang lại lợi suất cao trong trung và dài hạn, thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tháng 11/2022, có thời điểm VN-Index giao dịch ở mức P/E 10,91 lần, tiệm cận mức thấp nhất 10 năm (10,34 lần) mà thị trường đã ghi nhận vào ngày 5/11/2012. Kết thúc năm 2022, chỉ số VN-Index đạt 1.007,09 điểm, P/E toàn thị trường ở mức 11 lần, P/B ở mức 2 lần. So với mức định giá trung bình, trung vị 10 năm của VN-Index (khoảng 16 lần) và chỉ số chứng khoán của các nước ASEAN-6, mức định giá theo P/E hiện tại của VN-Index thấp hơn đáng kể.
- Hệ thống văn bản pháp quy hiện hành (Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, các Nghị định, Thông tư, hướng dẫn thực hiện...) đã góp phần cải thiện chất lượng các doanh nghiệp cũng như chất lượng hàng hóa trên Thị trường chứng khoán Việt Nam, tạo cơ hội cho các công ty chứng khoán đa dạng hóa các phương thức, loại hình dịch vụ cung cấp; tăng tính công khai, minh bạch, bảo đảm cho thị trường hoạt động bền vững, an toàn, chuyên nghiệp, hiện đại. Đồng thời, các văn bản pháp lý này còn tạo cơ sở để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát của Cơ quan quản lý Nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, tăng niềm tin của thị trường.

Khó khăn

- Chiến dịch quân sự đặc biệt của Nga đối với Ukraine, dịch bệnh Covid-19 ở Trung Quốc đã châm ngòi cho một loạt biến động bất thường trên thị trường hàng hóa thế giới và tiếp đó là cuộc chiến chống lạm phát trên phạm vi toàn cầu. Những sự kiện này đã tạo ra một bối cảnh đầy thách thức đối với sự hồi phục và phát triển của nền kinh tế Việt Nam sau đại dịch. Để kiềm chế lạm phát và phù hợp với xu hướng chung trên thế giới, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam áp dụng chính sách tiền tệ thắt chặt, duy trì mật bằng lãi suất ở mức cao. Như một hệ quả tất yếu, dòng tiền bị rút mạnh ra khỏi TTCK Việt Nam trong phần lớn thời gian của năm 2022. VN-Index trở thành một trong những chỉ số chứng khoán giảm mạnh nhất thế giới.
- Những nỗ lực làm lạnh mạnh hóa thị trường tài chính, chứng khoán Việt Nam của các cơ quan quản lý trong thời gian qua có một số tác động tiêu cực như việc xuất hiện nhiều tin đồn thất thiệt, tạo ra tâm lý bất ổn, mất niềm tin của một bộ phận nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư cá nhân, dẫn đến những phản ứng thái quá, những phiên giao dịch hoảng loạn, bán tháo ồ ạt... Do thiếu vắng lực cầu, thị trường chứng khoán năm 2022 khó hồi phục và tiếp tục xu hướng giảm điểm, ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán.
- Nghị định 65/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và Thông tư 16/2021/TT-NHNN thay đổi một số quy định về việc các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán TPDN đã đưa ra những điều kiện cao hơn đối với tổ chức phát hành TPDN và hạn chế số lượng nhà đầu tư được tham gia giao dịch TPDN so với quy định trước, làm thu hẹp đáng kể quy mô TPDN phát hành mới trong năm 2022. Trong bối cảnh tín dụng bất động sản khó có thể mở rộng được mở rộng, việc hạn chế nguồn vốn huy động từ trái phiếu có ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường bất động sản, thị trường tài chính nói chung và hoạt động tư vấn, bảo lãnh phát hành chứng khoán của các công ty chứng khoán nói riêng.

ĐỊNH VỊ SHS

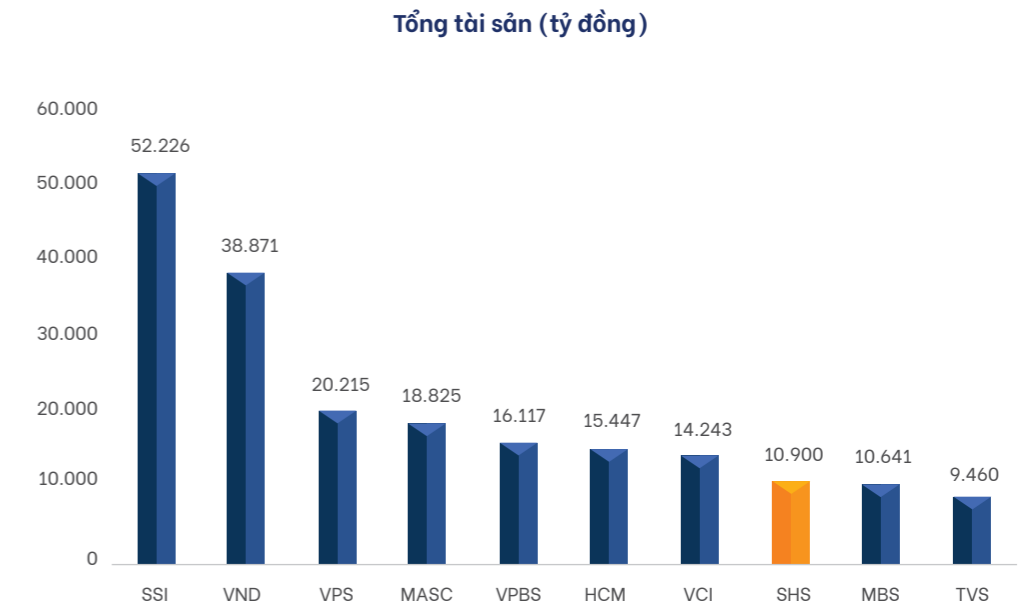
So sánh SHS với Thị trường và với ngành (số liệu năm 2022)

Tiêu chí	EPS (VNĐ/cp)	P/E	P/B
SHS	238	35,1	0,7
VN-Index	3.925	11,0	2,0
HNX-Index	2.389	12,0	1,0
Upcom - Index	3.181	11,0	2,0
Ngành chứng khoán	1.876	9,0	1,0

(Nguồn: FiinPro, SHS Research)

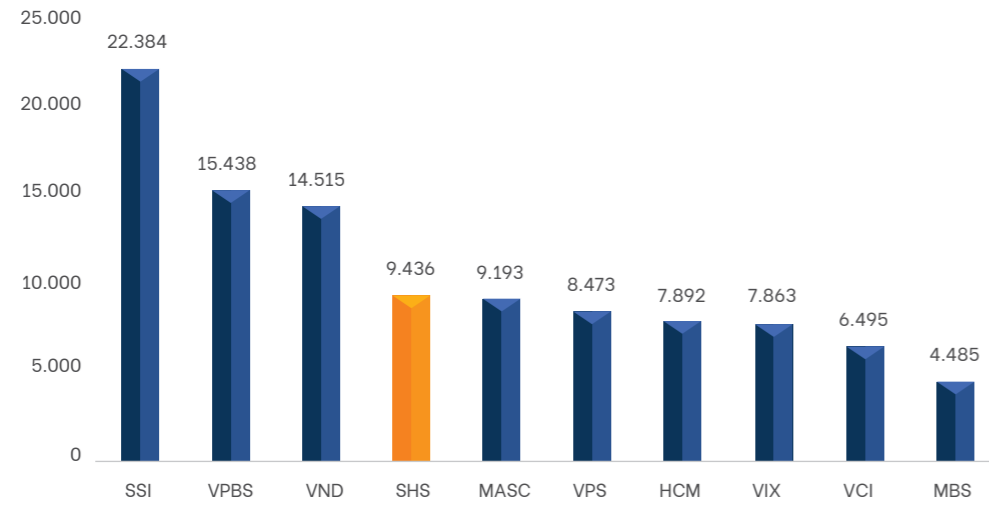
Trong năm 2022, so với thị trường chứng khoán nói chung và lĩnh vực chứng khoán nói riêng, SHS có kết quả kinh doanh và EPS khá khiêm tốn. Tuy nhiên, với nguồn vốn chủ sở hữu và vốn điều lên lần lượt là 9.436 tỷ đồng và 8.131,6 tỷ đồng, đứng thứ 4 ngành chứng khoán cùng quy mô Tổng tài sản đạt 10.900 tỷ đồng, đứng thứ 8 trong ngành, Công ty đã chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực cần thiết để bứt phá trong tương lai.

So sánh SHS với các công ty chứng khoán khác (số liệu năm 2022)

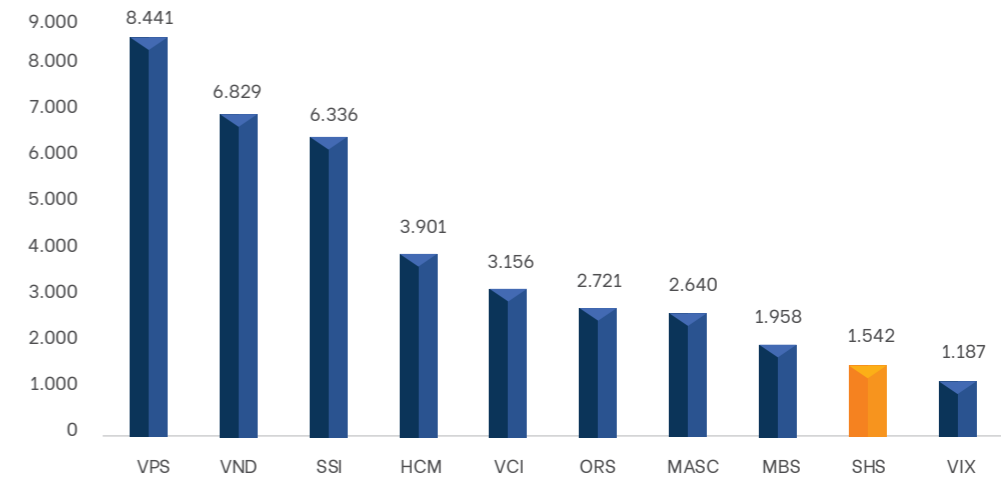


(Nguồn: FiinPro)

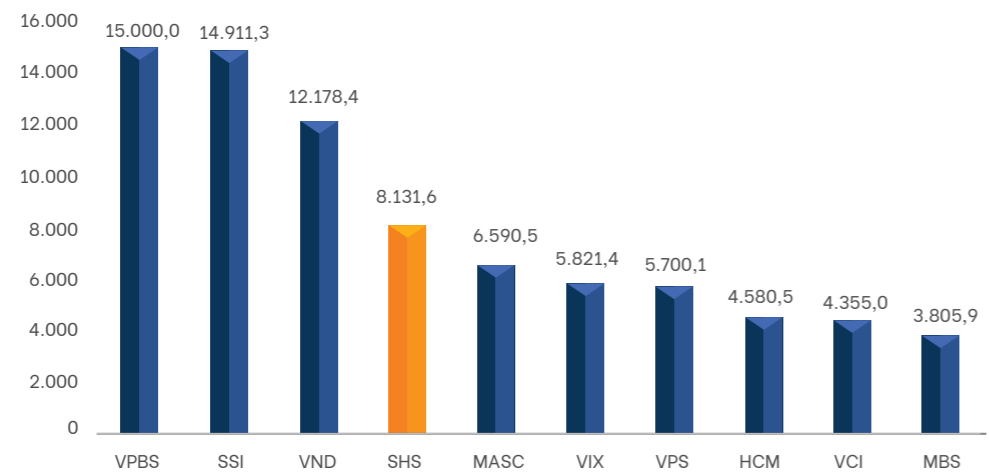
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)



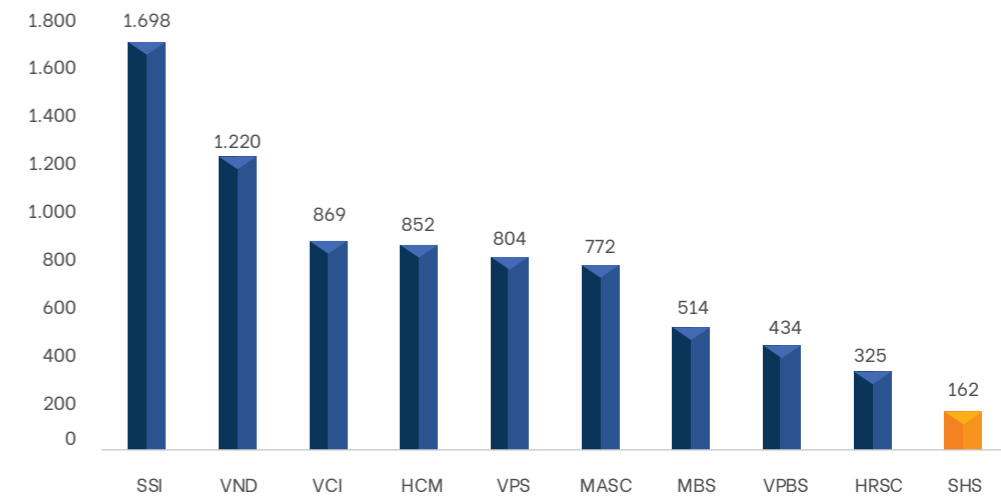
Doanh thu (tỷ đồng)



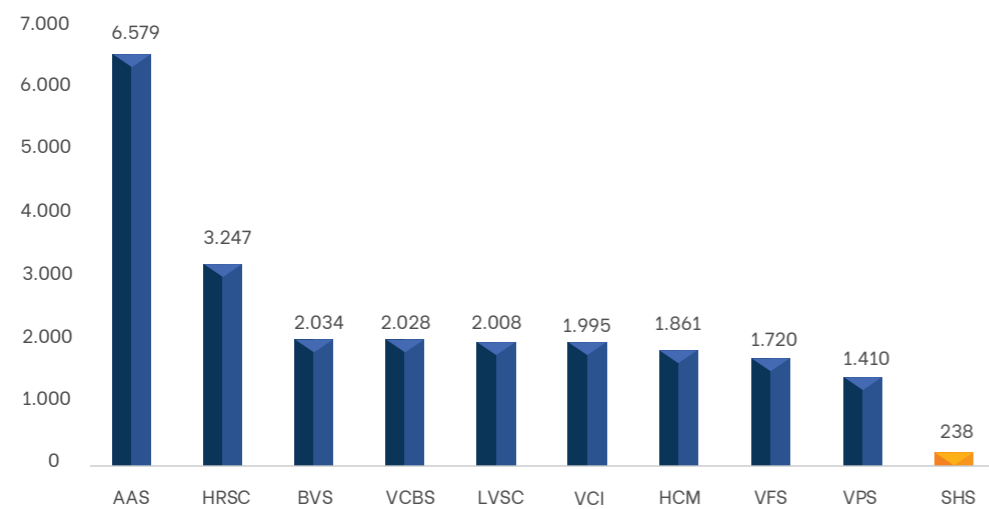
Vốn điều lệ (tỷ đồng)



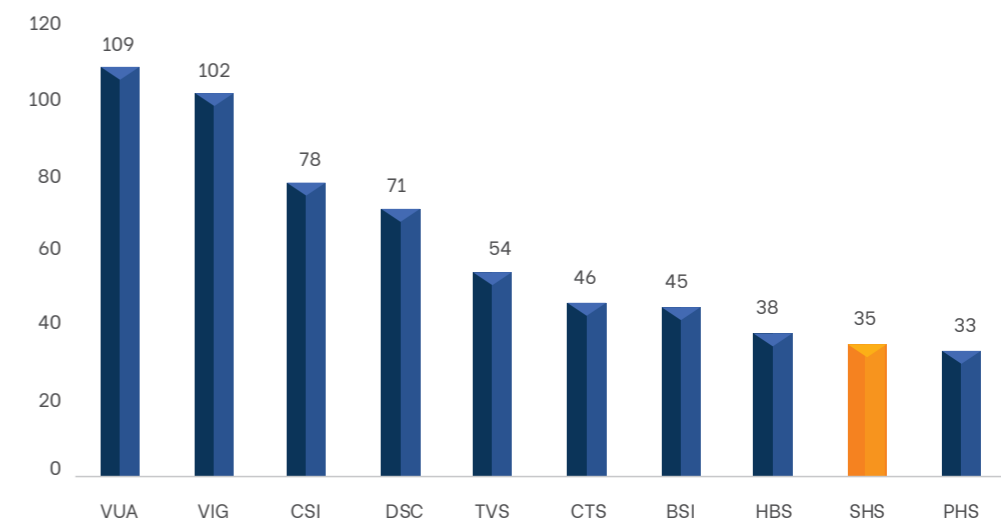
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)



EPS (đồng/CP)



P/E (lần)



(Nguồn: FiinPro)



▶▶ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá chung

SHS đã khẳng định được uy tín, vị thế trên thị trường đặc biệt là trong lĩnh vực Môi giới chứng khoán và Ngân hàng đầu tư với tệp khách hàng trải rộng, có nhiều tiềm năng. Hoạt động kinh doanh sản phẩm thu nhập cố định (Fixed income) cũng là một điểm sáng trong năm 2022, đạt Top 1 thành viên có thị phần giao dịch Môi giới trái phiếu Chính phủ lớn nhất tại sàn HNX (nhóm có thị phần trên 10%), trở thành nhà môi giới tin cậy của nhiều ngân hàng, doanh nghiệp bảo hiểm lớn trên thị trường.

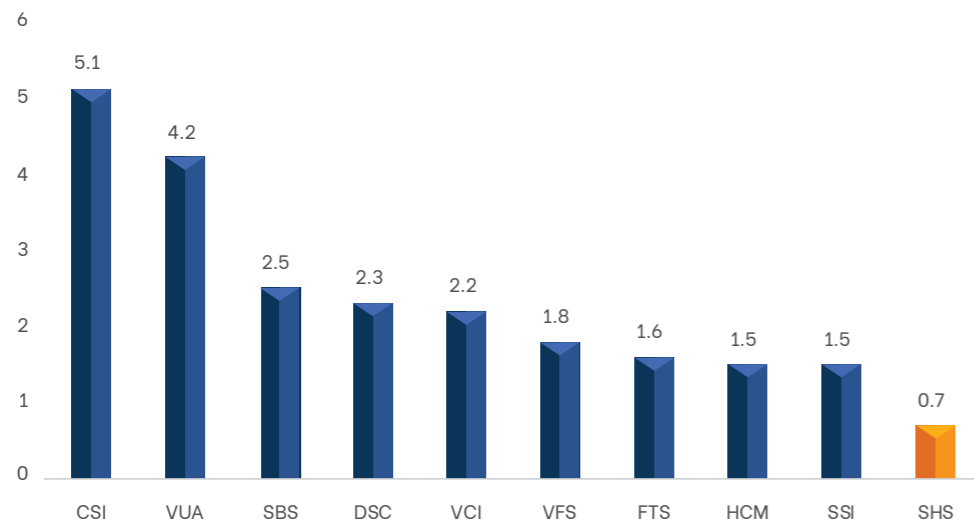
Năm 2022, SHS đã hoàn thành tăng vốn điều lệ lên mức 8.131,6 tỷ đồng, trở thành công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn thứ 4 trên thị trường. Nguồn vốn bổ sung được sử dụng để cấp vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, kinh doanh cổ phiếu, giấy tờ có giá trên thị trường. Việc sử dụng hiệu quả nguồn lực, gia tăng lợi ích cho cổ đông cũng như các khách hàng, đối tác là ưu tiên được Công ty đặt lên hàng đầu.

Công ty đã giới thiệu, triển khai phần mềm giao dịch SHTrading với nhiều tính năng hiện đại, giao diện thuận tiện cho người sử dụng, cho phép Nhà đầu tư dễ dàng giao dịch, theo dõi và quản lý tài sản. Nhân dịp kỷ niệm 15 năm thành lập, Công ty cũng đã triển khai nhiều chính sách ưu đãi, giảm lãi suất và phí giao dịch về mức cạnh tranh, nâng cao chất lượng dịch vụ để phù hợp với yêu cầu của Khách hàng và các nhà đầu tư, từng bước giành lại thị phần đồng thời đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

Việc triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2022 đã được thông qua

ĐHĐCĐ phiên họp thường niên năm 2022 đã thông qua Nghị quyết số 02-2022/NQ-ĐHĐCĐ về kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty trên cơ sở những giả định về tình hình kinh tế vĩ mô, sự phát triển của TTCK Việt Nam cũng như thị phần môi giới SHS có thể đạt được. Trên thực tế, việc thực hiện kế hoạch kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty được thực hiện như sau:

P/B (lần)



(Nguồn: FiinPro)

SHS đứng thứ 4 trong số các công ty chứng khoán về vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ, đứng thứ 8 về tổng tài sản và thứ 9 về doanh thu thuần. Tuy nhiên, SHS đứng thứ 18 về P/B. Điều đó cho thấy trong năm khó khăn 2022, Công ty đã chuẩn bị một bộ đệm vốn vững chắc, giảm dư nợ ngân hàng và trái phiếu, giảm áp lực lãi vay, duy trì các chỉ tiêu tài chính lành mạnh trong khi định giá cổ phiếu vẫn ở mức hấp dẫn so với các công ty chứng khoán khác.

	Ước/Kế hoạch	Thực hiện	Đánh giá
I. GIẢ ĐỊNH			
1. Tình hình kinh tế vĩ mô	Nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng ổn định trong cả năm	Tình hình kinh tế vĩ mô tương đối ổn định trong cả năm	Thực tế tốt hơn giả định
2. Giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường	27.250 tỷ đồng/phiên	20.680 tỷ đồng/phiên	Thực tế không khả quan như giả định
3. Thị phần SHS	<ul style="list-style-type: none"> Tại sàn HOSE: 3,8% Tại sàn HNX: 6,0% Tại sàn Upcom: 2,0% 	<ul style="list-style-type: none"> Tại sàn HOSE: 1,9% Tại sàn HNX: 2,2% Tại sàn Upcom: 1,35% 	Thực tế không khả quan như giả định
II. KẾ HOẠCH			
1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	3.428,2 tỷ đồng	1.547,6 tỷ đồng	Không đạt kế hoạch
2. Tổng chi phí	1.402,6 tỷ đồng	1.350,4 tỷ đồng	Không đạt kế hoạch
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.025,6 tỷ đồng	197,3 tỷ đồng	Không đạt kế hoạch

Trong năm 2022, thị trường chứng khoán có nhiều biến động khó lường, ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh của các công ty chứng khoán nói chung và SHS nói riêng. Lũy kế cả năm 2022, SHS ghi nhận 1.542 tỷ đồng doanh thu, giảm 47% so với kết quả thực hiện năm 2021. Lợi nhuận sau thuế đạt 162 tỷ đồng, giảm 76% so với cùng kỳ năm trước. Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để giảm thiểu rủi ro, bảo vệ tài sản cho các nhà đầu tư, khách hàng cũng như của chính Công ty như: thu hẹp quy mô cho vay margin, giảm quy mô đầu tư, giảm các nghĩa vụ tài chính, tăng nắm giữ tiền mặt, tiền gửi và liên tục khuyến cáo nhà đầu tư quản trị rủi ro khi thị trường sụt giảm, chưa rõ xu hướng hồi phục.

Kết quả kinh doanh của một số hoạt động kinh doanh chính của Công ty như sau:



Hoạt động Môi giới chứng khoán:

Trước diễn biến tình hình thị trường chứng khoán năm 2022 không thuận lợi, kết quả kinh doanh của hoạt động môi giới chứng khoán kém khả quan. Cụ thể, tổng doanh thu môi giới chứng khoán cả năm đạt 332,9 tỷ đồng, giảm 40% so với cùng kỳ năm trước và chưa đạt kế hoạch kinh doanh đề ra. Hoạt động môi giới đóng góp 21,6% trong tổng doanh thu cả năm của Công ty và vẫn đang được chú trọng đầu tư, phát triển nhằm mục tiêu mở rộng thị phần. Trong bối cảnh thị trường môi giới chứng khoán tiếp tục xu hướng cạnh tranh giảm phí giao dịch để chiếm thị phần và tăng tỉ lệ chia hoa hồng cho môi giới, cộng tác viên để thu hút nhân sự, SHS vẫn ưu tiên giữ vững biên lợi nhuận, bảo đảm hiệu quả kinh doanh. Vì lẽ đó, hoạt động môi giới còn gặp nhiều hạn chế trong việc thu hút thêm nhân sự và phát triển kinh doanh.



Hoạt động Dịch vụ tài chính:

Tương tự như hoạt động môi giới chứng khoán, hoạt động dịch vụ tài chính cũng gặp nhiều khó khăn trong năm 2022. Doanh thu từ hoạt động này đạt 567,9 tỷ đồng, giảm 17,5% so với năm 2021, tương đương 58% kế hoạch năm. Doanh thu dịch vụ tài chính chiếm 36,8% tổng doanh thu, trở thành nguồn doanh thu lớn nhất của Công ty. Các chính sách lãi suất được thiết kế linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của từng nhóm khách hàng. Chính sách kiểm soát, xử lý thu hồi nợ vay, giải chấp tài sản cũng được cơ cấu phù hợp để bảo đảm an toàn vốn và tuân thủ chặt chẽ chính sách quản trị rủi ro của Công ty. Quy mô cho vay tại thời điểm 31/12/2022 đạt 2.293,4 tỷ đồng, giảm 53% so với cùng kỳ năm 2021, hoạt động này chưa khai thác hết được tiềm năng của thị trường và thế mạnh về vốn của Công ty.



Hoạt động Đầu tư:

Tính chung cả năm 2022, hoạt động đầu tư ghi nhận lỗ 679,9 tỷ đồng, chủ yếu do chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư niêm yết hạch toán lãi lỗ theo giá thị trường. Phần lớn khoản lỗ này thực tế là các khoản "giảm lãi" của danh mục đầu tư trung hạn vì lợi nhuận theo giá thị trường đã được hạch toán vào các kỳ trước khi chỉ số VN-Index tăng cao và giá các cổ phiếu diễn biến thuận lợi. Tại thời điểm cuối năm 2022, quy mô đầu tư của Công ty đạt 5.911,7 tỷ đồng, tăng 73,7% so với cùng kỳ năm trước. Danh mục đầu tư cơ bản đã được đưa về trạng thái an toàn. Công ty chủ động nắm giữ lượng lớn tiền mặt để chuẩn bị cho những cơ hội đầu tư mới.



Hoạt động Tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành:

2022 là năm khó khăn với trái phiếu doanh nghiệp. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp năm 2022 diễn ra ảm đạm, khối lượng trái phiếu phát hành mới giảm 61% so với năm 2021. Các hoạt động IPO, niêm yết mới trên thị trường chứng khoán Việt Nam khá trầm lắng, công tác tư vấn thoái vốn, cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc chưa được giải quyết. Bên cạnh đó, một số sự kiện, vụ việc lớn xảy ra trên thị trường tài chính đã gây bất lợi cho thị trường chứng khoán nói chung và hoạt động tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành nói riêng. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành đạt 110,4 tỷ đồng, giảm 12% so với cùng kỳ năm trước, tương đương 61% kế hoạch năm.



Hoạt động Kinh doanh sản phẩm thu nhập cố định (Fixed income)

Là điểm sáng, đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh của Công ty năm 2022. Tổng doanh thu hoạt động năm 2022 đạt 295,9 tỷ đồng, tương đương 177,4% kế hoạch. Hoạt động môi giới trái phiếu Chính phủ của SHS lần đầu tiên đạt Top 1 thành viên có thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ lớn nhất tại sàn HNX (nhóm trên 10% thị phần). Giá trị giao dịch môi giới đặt lệnh cho khách hàng trong năm 2022 đạt 83.700 tỷ đồng, tăng 11,6% so với năm 2021. Công ty cũng thực hiện vai trò đại lý phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi cho các Tổ chức tín dụng với doanh số phát hành đạt 26.275 tỷ đồng.

Việc hoàn thiện hệ thống và đảm bảo an toàn tài chính, quản trị rủi ro

Trong năm 2022, Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Điều lệ Công ty cùng hệ thống các quy định nội bộ về tài chính, các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán đã được cập nhật, điều chỉnh để phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và tình hình thực tế hoạt động của Công ty. Công tác nhân sự và hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chế nội bộ vẫn được quan tâm, chú trọng. Công ty cũng đã thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao năng lực tài chính của Công ty như tăng vốn (thông qua chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu), cơ cấu lại danh mục tài sản, tắt toán nợ trái phiếu trước hạn, nâng cao hiệu quả kinh doanh... Tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty đáp ứng các quy định pháp luật hiện hành. Công ty không sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam trong năm 2022. Công tác quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ tiếp tục được chú trọng. Khối Quản trị luôn đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ cao nhất, cũng như hạn chế đến mức thấp nhất các rủi ro trong hoạt động của Công ty.

Việc nâng cao năng lực cạnh tranh và uy tín doanh nghiệp

Ban TGD và tập thể cán bộ, nhân viên luôn nỗ lực và thực hiện đồng bộ các giải pháp để từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của SHS, nắm bắt hiệu quả các cơ hội có được từ thị trường để cải thiện hiệu quả kinh doanh. Các quy trình nghiệp vụ cũng được hoàn thiện, chuẩn hóa theo hướng đơn giản hóa thủ tục, nâng cao chất lượng sản phẩm và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho khách hàng. Các sản phẩm, dịch vụ của SHS tuy không còn giữ được vị thế tiên phong, đi đầu thị trường nhưng vẫn được đánh giá cao bởi chất lượng, sự linh hoạt, đáp ứng đa dạng nhu cầu của nhà đầu tư.

Công ty đã sử dụng các nguồn vốn phát hành thêm và huy động được để bổ sung cho các hoạt động kinh doanh mũi nhọn như: cho vay margin, môi giới và sản phẩm thu nhập cố định (Fixed income) theo kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua. Các dự án Công nghệ thông tin trọng điểm được đẩy nhanh và đã hoàn thành đầu tư hạ tầng thông tin của Giai đoạn 1, tiếp tục triển khai Giai đoạn 2. Về giải pháp thanh toán, SHS đã kết nối thành công với SHB để thực hiện giải pháp thu chi hộ và triển khai thành công giải pháp mở tài khoản trực tuyến cho khách hàng (eKYC).

Trong năm 2022, Công ty tạm dừng mở rộng địa bàn hoạt động và tuyển dụng nhân sự số lượng lớn. Thay vào đó, SHS tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ nòng cốt, trau dồi kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho các phòng, ban thuộc Khối kinh doanh và Khối hỗ trợ, kết hợp với việc tuyển dụng có chọn lọc nhân sự có trình độ, nghiệp vụ chuyên môn, kinh nghiệm để bổ sung vào những vị trí thiếu và yếu. Mục tiêu của SHS là nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên hiện có, khơi dậy lòng trung thành, gắn bó, hiểu biết về văn hóa Công ty, tiết giảm chi phí đối với việc bổ sung nhân sự.

Hoạt động kinh doanh chứng khoán Phái sinh và Chứng quyền có bảo đảm đã được ĐHĐCĐ thông qua, Công ty đã chuẩn bị đủ nguồn lực và hồ sơ để nghị UBCKNN và các cơ quan quản lý Nhà nước cấp giấy phép kinh doanh. Trong thời gian gần nhất, Công ty sẽ tiến hành triển khai các dịch vụ này và đảm bảo tuân thủ pháp luật, mang lại lợi ích cho Cổ đông và Nhà đầu tư.

Với kết quả đạt được trong hoạt động kinh doanh cũng như trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty đã tiếp tục khẳng định thương hiệu và uy tín của mình với Khách hàng, Đối tác và Cơ quan quản lý, tiếp tục được các cơ quan, tổ chức vinh danh và trao tặng nhiều danh hiệu cao quý (Vui lòng xem tại Mục Giải thưởng đạt được – Phần Thông tin chung của Công ty).

Việc thực hiện trách nhiệm đối với vấn đề môi trường và xã hội

Năm 2022, bên cạnh nỗ lực thực hiện kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ giao phó, Công ty cũng chú trọng thực hiện trách nhiệm đối với các vấn đề xã hội, môi trường.

Về vấn đề môi trường và tiết kiệm năng lượng: toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty thực hiện tiết kiệm điện năng, nước, văn phòng phẩm trong quá trình làm việc, thực hiện tái sử dụng một cách hợp lý hoặc xử lý rác thải văn phòng một cách khoa học góp phần giảm thiểu tác hại đối với môi trường. Công ty cũng cố gắng đóng góp tích cực vào thị trường vốn xanh thông qua các hoạt động chính như: môi giới, phân tích, đầu tư, tư vấn... với ưu tiên vào lĩnh vực đầu tư xanh, cổ phiếu xanh và trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp xanh góp phần cùng với Chính phủ và các doanh nghiệp bảo vệ môi trường, an sinh xã hội.

Về vấn đề xã hội, Công ty đảm bảo công ăn việc làm ổn định với mức thu nhập cạnh tranh cho toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty, không sử dụng lao động trẻ em hay lao động cưỡng bức. Cân bằng giới tính trong lao động cũng như các quyền tự do của người lao động theo quy định của pháp luật luôn được bảo đảm. Thu nhập bình quân của cán bộ, nhân viên bình quân khoảng 27 triệu đồng/người/tháng dù điều kiện kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn. Công ty cũng tích cực triển khai các hoạt động khám sức khỏe định kỳ cho CBNV, kiểm soát, phòng chống dịch bệnh Covid-19 ở môi trường công sở, hỗ trợ CBNV và người thân tiêm phòng vacxin, duy trì sức khỏe đảm bảo công việc và sinh hoạt tại Công ty.

SHS luôn coi việc chung tay gánh vác trách nhiệm xã hội, chia sẻ, ủng hộ các hoạt động cộng đồng, y tế, giáo dục là nghĩa vụ và trách nhiệm của mình, đặc biệt khi Công ty ngày càng tăng trưởng lớn mạnh. Trong năm vừa qua, hơn 3 tỷ đồng tiền hỗ trợ đã được gửi đến cho cộng đồng và các địa phương gặp khó khăn.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Mặc dù kết quả kinh doanh năm 2022 chưa đạt kế hoạch do ĐHĐCĐ giao phó, HĐQT vẫn ghi nhận những nỗ lực to lớn của Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể nhân viên Công ty trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động khó lường. Ban TGD đã không ngừng nỗ lực tìm kiếm và phát triển khách hàng, đối tác, thu xếp nguồn vốn, phát triển sản phẩm và cơ cấu danh mục đầu tư để giữ vững thành quả tài chính cho Công ty và Cổ đông. Đồng thời, ổn định tổ chức, quản trị tốt rủi ro trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt của các công ty chứng khoán có nhiều lợi thế về vốn và công nghệ.

Ban TGD đã thể hiện tốt vai trò dẫn dắt, truyền lửa cho đội ngũ cán bộ, nhân viên Công ty, không ngừng phát huy tính sáng tạo, hành động và chủ động trong công việc; không ngừng học hỏi kiến thức và tích lũy kinh nghiệm cũng như huy động nhiều nguồn lực để tiếp cận thị trường và khách hàng; cẩn trọng, chặt chẽ trong quản trị, điều hành để bộ máy Công ty vận hành hiệu quả.

Ban TGD cũng đã nhìn nhận đúng đắn về khó khăn của năm tài chính 2022, chấp nhận những cơ hội của thị trường hồi phục những tháng cuối năm 2022 và đầu năm 2023, khai thác triệt để thời cơ cũng như lợi thế của SHS trong việc phát triển mạnh mẽ hoạt động kinh doanh chủ lực là đầu tư, dịch vụ tài chính, kinh doanh sản phẩm thu nhập cố định, tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2023

Bước sang năm 2023 với niềm tin kinh tế Việt Nam sẽ phát triển nhờ những chính sách mở cửa linh hoạt của Chính phủ, thị trường chứng khoán cũng sẽ tiếp tục phục hồi và tăng trưởng.

Năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ tiếp tục xu hướng phát triển theo hướng tăng tốc, bền vững và một kênh huy động vốn chủ lực cho nền kinh tế trong dài hạn. Và SHS tiếp tục là một chủ thể tự tin, năng động, ấn tượng và chất lượng với tư cách một công ty chứng khoán thành viên và một doanh nghiệp niêm yết.

Điểm nhấn trong năm 2023 là SHS đặt trọng tâm tăng cường đẩy mạnh mảng dịch vụ liên quan đến môi giới, số lượng tài khoản mới và giá trị tài sản ròng của khách hàng phải tăng trưởng cao hơn. Sau khi nâng cấp phần mềm, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin, SHS dự kiến đưa sản phẩm phái sinh vào triển khai trong năm 2023.

SHS định hướng phát triển bền vững với mục tiêu “**Tất cả vì tăng trưởng tài sản ròng của khách hàng**”, tiếp tục giữ vững vị thế là một trong số những Nhà môi giới chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, nằm trong Nhóm công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên cả 2 sàn HOSE và HNX. Bên cạnh đó, mảng kinh doanh cần phát triển hơn trong năm 2023 là dịch vụ, công ty đặt mục tiêu tiếp tục phát triển bền vững, an toàn, hiệu quả, năng lực tài chính vững mạnh, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đa dạng và khác biệt.

HĐQT chỉ đạo Ban TGD tiếp tục triển khai các nhiệm vụ chính sau:

- ▶ Thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược mà ĐHĐCĐ giao phó, tuân thủ đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và định hướng hoạt động của Cơ quan quản lý Nhà nước.
- ▶ Tiếp tục áp dụng các biện pháp nâng cao năng lực quản trị điều hành theo các chuẩn mực quốc tế về quản trị công ty, quản trị rủi ro và an toàn tài chính; đảm bảo SHS hoạt động minh bạch, an toàn, hiệu quả và tuân thủ các quy định pháp luật.
- ▶ Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình nghiệp vụ, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động kinh doanh trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật và nâng cao tính chuyên nghiệp.
- ▶ Tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ; duy trì phong cách tự doanh hiệu quả; hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình nghiệp vụ... trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật và nâng cao tính chuyên nghiệp.
- ▶ Tiếp tục đầu tư chứng khoán niêm yết, hiện thực hóa các khoản đầu tư chưa niêm yết, cơ cấu danh mục đầu tư thông qua việc tham gia đấu giá cổ phần hóa, IPO các DNNN, thoái vốn ngoài ngành của các Tập đoàn, Tổng công ty, hoạt động tái cơ cấu nợ của các ngân hàng.
- ▶ Bên cạnh đó, hoạt động phát hành và niêm yết cổ phiếu được đánh giá sẽ tiếp tục được đẩy mạnh qua đó tạo ra cơ hội lớn cho các hoạt động Đầu tư, Môi giới, Tư vấn và Bảo lãnh phát hành của SHS.
- ▶ Triển khai sử dụng hiệu quả nguồn vốn điều lệ mới với các điều kiện và mốc thời gian hợp lý để gia tăng lợi thế cạnh tranh cho SHS trong bối cảnh chịu nhiều áp lực cạnh tranh từ các công ty chứng khoán khác có nguồn vốn và vốn điều lệ dồi dào hơn; đồng thời để đáp ứng những yêu cầu mới về vốn kinh doanh, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ mới.
- ▶ Triển khai phương án kinh doanh chứng khoán phái sinh và chứng quyền có bảo đảm, các hoạt động đầu tư, tư vấn, môi giới khai thác phát triển sản phẩm trái phiếu phù hợp với tình hình thị trường và điều kiện của SHS;
- ▶ Đề cao tinh thần Chính trực – Đoàn kết – Trách nhiệm – Kỷ luật – Tự giác của mỗi cán bộ, nhân viên trong Công ty nhằm tạo dựng và duy trì sức mạnh tập thể.
- ▶ Phát triển SHS bền vững, chú trọng công tác cộng đồng, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội, thể hiện trách nhiệm cao với xã hội và cộng đồng.



▶▶ BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

So với kế hoạch

Nền kinh tế Việt Nam năm 2022 đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, chịu áp lực lớn từ những biến động khó lường của kinh tế thế giới cũng như trong nước. Tuy vậy, Việt Nam vẫn đạt nhiều thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế, ổn định vĩ mô. GDP năm 2022 tăng trưởng 8,02% so với cùng kỳ, vượt chỉ tiêu đề ra và là mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2011. Nền kinh tế đã phục hồi tích cực sau đại dịch nhờ những tiến triển tốt và đồng đều trên cả 3 khu vực: nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

Bất chấp các con số tăng trưởng vĩ mô tích cực, thị trường chứng khoán Việt Nam suy giảm mạnh, cả về điểm chỉ số và thanh khoản trong năm 2022. Các công ty chứng khoán đã trải qua một năm kinh doanh khó khăn, phần lớn các công ty không hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra, một số báo cáo lỗ.

Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2022 của SHS đạt 1.547,7 tỷ đồng, đạt 45% kế hoạch năm. Trong khi đó, tổng chi phí của Công ty trong năm là 1.350,4 tỷ đồng, tương đương 96% kế hoạch. Do đó, lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty năm 2022 đạt 197,3 tỷ đồng, tương đương 9,7% kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên giao phó.

(Đơn vị: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Thay đổi	
				Chênh lệch	TH so với KH (%)
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	3.428,2	1.547,7	(1.880,5)	45,1%
2	Tổng chi phí	1.402,6	1.350,4	(52,2)	96,3%
3	Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.025,6	197,3	(1.828,3)	9,7%

So với năm trước

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2021	Thay đổi	
			Số tiền	%
I. TỔNG DOANH THU, THU NHẬP KHÁC	1.547,7	2.899,8	(1.352,1)	-46,63%
Trong đó:				
1. Doanh thu hoạt động	1.542,5	2.895,3	(1.352,8)	-46,72%
- Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	464,4	1.484,3	(1.019,9)	-68,71%
- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30,8	-	30,8	100%
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	567,9	688,8	(120,9)	-17,55%

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2021	Thay đổi	
			Số tiền	%
- Doanh thu môi giới chứng khoán	332,9	553,9	(221,1)	-39,91%
- Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	26,8	113,4	(86,5)	-76,33%
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	11,9	18,6	(6,7)	-36,23%
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	23,5	24,0	(0,5)	-1,95%
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	83,6	12,0	71,6	596,99%
- Doanh thu hoạt động khác	0,7	0,4	0,2	51,21%
2. Doanh thu tài chính	5,0	3,9	1,1	28,13%
3. Thu nhập khác	0,2	0,6	(0,4)	-66,38%
II. TỔNG CHI PHÍ, trong đó:	1.350,4	1.146,9	203,4	17,74%
1. Chi phí hoạt động	1.088,8	832,9	255,9	30,73%
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	98,2	164,9	(66,7)	-40,44%
3. Chi phí tài chính	163,3	149,1	14,2	9,54%
4. Chi phí khác	-	-	-	-
III. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ TNDN	197,3	1.752,9	(1.555,6)	-88,75%
IV. CHI PHÍ THUẾ TNDN, trong đó:	35,1	356,6	(321,6)	-90,17%
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	86,8	316,5	(229,6)	-72,56%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(51,8)	40,2	(91,9)	-228,91%
V. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	162,2	1.396,3	(1.234,1)	-88,38%

Về doanh thu

Tổng doanh thu hoạt động của Công ty trong năm 2022 đạt 1.547,7 tỷ đồng, giảm 1.352,1 tỷ đồng tương đương 46,6% so với cùng kỳ năm trước. So với năm 2021, hầu hết các hoạt động kinh doanh chính của Công ty đều ghi nhận doanh thu giảm. Cụ thể:

- ▶ **Doanh thu từ đầu tư tài sản tài chính giảm 989 tỷ đồng, tương đương giảm 66,6% so với năm 2021.** Do diễn biến thị trường năm 2022 không thuận lợi, phần lớn các khoản đầu tư chủ chốt trong danh mục trung - dài hạn của Công ty chưa đạt kết quả như kỳ vọng. Tuy vậy, tại thời điểm cuối năm tài chính, Công ty đã thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư về trạng thái an toàn, thận trọng hơn, sẵn sàng nguồn lực tài chính để đón bắt các cơ hội đầu tư mới.
- ▶ **Doanh thu môi giới chứng khoán giảm 221,1 tỷ đồng, tương đương giảm 39,9% so với năm 2021.** Thị trường chứng khoán năm 2022 diễn ra với nhiều diễn biến bất thường, xu hướng chủ đạo là sụt giảm cả về thanh khoản và điểm chỉ số. Trong khi đó, cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán ngày càng khốc liệt, nhiều công ty thực hiện chiến lược miễn, giảm phí giao dịch, giảm lãi suất vay margin, tăng hoa hồng môi giới... để thu hút khách hàng và nhân sự môi giới. Việc chậm triển khai phần mềm giao dịch mới so với các công ty chứng khoán khác cũng là một trong những lý do khiến SHS mất lợi thế trong cuộc đua doanh thu và thị phần môi giới.

- ▶ **Lãi từ hoạt động cho vay và phải thu đạt 567,9 tỷ đồng, giảm 17,5% so với cùng kỳ năm trước.** Kết thúc năm 2022, quy mô cho vay tại thời điểm 31/12/2022 chỉ đạt 2.293,4 tỷ đồng, giảm 53% so với thời điểm cuối năm 2021 do nhu cầu vay giảm. Các chính sách lãi suất đã được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của khách hàng. Chính sách kiểm soát, xử lý thu hồi nợ vay, giải chấp tài sản cũng được cơ cấu phù hợp để bảo đảm an toàn vốn và tuân thủ chặt chẽ các chính sách quản trị rủi ro của Công ty.
- ▶ **Các mảng hoạt động còn lại cũng ghi nhận doanh thu giảm: doanh thu tư vấn tài chính & đại lý phát hành chứng khoán đạt 110,4 tỷ đồng (giảm 12% so với năm 2021), doanh thu lưu ký chứng khoán đạt 23,5 tỷ đồng (giảm 2% so với năm 2021).** Hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán năm 2022 gặp rất nhiều khó khăn. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp năm 2022 diễn ra âm ảm, khối lượng trái phiếu phát hành mới giảm 61% so với cùng kỳ năm trước. Các hoạt động IPO, niêm yết mới trên thị trường chứng khoán Việt Nam khá trầm lắng. Công tác tư vấn thoái vốn, cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc chưa được giải quyết.

Về chi phí

Tổng chi phí năm 2022 của Công ty là 1.350,4 tỷ đồng, đạt 96,3% kế hoạch và tăng 17,7% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể như sau:

- ▶ **Chi phí hoạt động kinh doanh đạt 1.088,8 tỷ đồng, tăng 30,7% so với năm 2021.** Chi phí hoạt động tăng chủ yếu liên quan đến các hoạt động môi giới, tự doanh... như dự phòng, lỗ bán tài sản tài chính, phí giao dịch, phí lưu ký, chi phí lương nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài ... Lỗ bán tài sản tài chính là khoản chi phí có tỷ trọng lớn nhất và là nguyên nhân chính kéo chi phí hoạt động của Công ty tăng mạnh.
- ▶ **Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 66,7 tỷ đồng so với năm trước, đạt 98,2 tỷ đồng.** Năm 2022, SHS đã chủ động tiết giảm các loại chi phí quản lý chung, tích cực thu hồi nợ. Do đó, cũng giảm chi phí dự phòng nợ phải thu, giảm áp lực tài chính cho Công ty.
- ▶ **Chi phí tài chính đạt 163,3 tỷ đồng, tăng 14,2% so với năm 2021.** Chi phí tài chính (chủ yếu là chi phí lãi vay) của Công ty tăng do trong giai đoạn 4 tháng đầu năm 2022, thị trường giao dịch sôi động, nhu cầu vốn cho vay margin và vốn lưu động của Công ty lớn. Trong giai đoạn 6 tháng cuối năm 2022, sau khi tăng vốn thành công, Công ty đã cơ cấu lại các nguồn vốn, tắt toán trên 2.300 tỷ đồng nợ vay ngân hàng và 500 tỷ đồng trái phiếu dài hạn. Nhờ đó, chi phí tài chính giai đoạn nửa cuối năm 2022 giảm đáng kể so với cùng kỳ năm 2021, giảm áp lực lãi vay.

Về lợi nhuận kế toán trước thuế và sau thuế

Lũy kế cả năm, SHS ghi nhận lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2022 là 197,3 tỷ đồng, giảm 88,75% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty là 162,2 tỷ đồng, giảm 88,38%.



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2021		Thay đổi	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	% tăng
TÀI SẢN NGẮN HẠN	10.832,4	99,4%	10.839,0	99,3%	(6,7)	-0,1%
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.039,7	9,5%	652,0	6,0%	387,7	59,5%
Các khoản đầu tư ngắn hạn	5.911,7	54,2%	3.403,3	31,2%	2.508,4	73,7%
Các khoản phải thu	3.860,3	35,4%	6.779,3	62,1%	(2.919,0)	-43,1%
Tài sản ngắn hạn khác	20,7	0,2%	4,5	0,0%	16,2	362,3%
TÀI SẢN DÀI HẠN	67,3	0,6%	71,8	0,7%	(4,6)	-6,4%
Tài sản cố định	16,9	0,2%	14,1	0,1%	2,8	20,1%
Tài sản dài hạn khác	50,3	0,5%	57,7	0,5%	(7,4)	-12,8%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	10.899,6	100,0%	10.910,9	100,0%	(11,3)	-0,1%

Về cơ cấu tài sản

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm cuối năm 2022 đạt 10.899,6 tỷ đồng thay đổi không đáng kể so với đầu năm. Tài sản ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2022 đạt 10.832,4 tỷ đồng, chiếm 99,3% Tổng tài sản, tăng nhẹ 0,1% so với năm 2021. Tài sản ngắn hạn của Công ty chủ yếu gồm:

- ▶ **Các khoản đầu tư ngắn hạn đạt 5.911,7 tỷ đồng, chiếm 54,2% Tổng tài sản, tăng 73,7% so với cùng kỳ năm 2021.** Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết như cổ phiếu, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu của ngân hàng và doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi của các ngân hàng... Bên cạnh hoạt động đầu tư cổ phiếu, Công ty cũng chọn cho mình các nguồn tài sản đảm bảo mang tính sinh lời ổn định và an toàn khác là trái phiếu phát hành từ các đối tác lớn và đáng tin cậy.
- ▶ **Các khoản phải thu ngắn hạn với số tiền 3.860,3 tỷ đồng, tỷ trọng giảm từ 62,1% (năm 2021) xuống còn 35,4% Tổng tài sản.** Các khoản phải thu ngắn hạn bao gồm: phải thu từ cho vay các dịch vụ tài chính, trả trước cho người bán, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi và phải thu khác.
- ▶ **Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chiếm 9,5% Tổng tài sản,** bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng dưới dạng tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi dưới 3 tháng, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

Về biến động tài sản so với năm 2021

Tổng tài sản năm 2022 của Công ty thay đổi không đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, cơ cấu tài sản có sự thay đổi đáng chú ý. Cụ thể như sau:

Tài sản ngắn hạn:

- ▶ **Các khoản phải thu giảm từ 6.779,3 tỷ đồng năm 2021 còn 3.860,3 tỷ đồng năm 2022.** Hoạt động cho vay ký quỹ năm 2022 chưa đạt kế hoạch đề ra do bối cảnh thị trường chứng khoán diễn biến không thuận lợi, thanh khoản và nhu cầu vay vốn của nhà đầu tư giảm sút. Việc thị phần môi giới của SHS giảm, chậm triển khai các sản phẩm phái sinh cũng như lãi suất cho vay còn cao cũng là những nguyên nhân ảnh hưởng đến quy mô cho vay ký quỹ của Công ty.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2022 đạt 5.911,7 tỷ đồng, tăng 2.508,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021. Danh mục đầu tư đã được tái cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu, giảm tỷ trọng cổ phiếu. Với giá trị tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu chiếm 50% tổng giá trị đầu tư, Công ty nhận định đây là trạng thái danh mục an toàn, thận trọng nhưng vẫn bảo đảm khả năng đón bắt các cơ hội đầu tư tốt trong thời gian tới.

Tài sản dài hạn: tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu gồm tài sản cố định và các chi phí trả trước dài hạn khác. Các khoản mục này có số dư 67,3 tỷ đồng, duy trì tỷ trọng dưới 1% Tổng tài sản.

Tình hình nguồn vốn

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2021		Thay đổi	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	%
NỢ PHẢI TRẢ	1.463,8	13,4%	4.855,3	44,5%	(3.391,5)	-69,9%
Nợ phải trả ngắn hạn	1.364,9	12,5%	4.204,7	38,5%	(2.839,8)	-67,5%
Nợ phải trả dài hạn	98,8	0,9%	650,6	6,0%	(551,8)	-84,8%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	9.435,9	86,6%	6.055,6	55,5%	3.380,3	55,8%
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	8.853,3	81,2%	3.742,3	34,3%	5.111,0	136,6%
Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	582,5	5,3%	2.313,3	21,2%	(1.730,7)	-74,8%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	10.899,6	100,0%	10.910,9	100,0%	(11,3)	-0,1%

Về cơ cấu nguồn vốn

Tổng nguồn vốn của Công ty tại thời điểm cuối năm 2022 đạt 10.899,6 tỷ đồng. Trong đó, vốn chủ sở hữu đạt 9.435,9 tỷ đồng, mức cao nhất kể từ khi thành lập và đứng thứ 4 trong số các công ty chứng khoán đang hoạt động trên thị trường. Vốn chủ sở hữu và nợ phải trả chiếm lần lượt 86,6% và 13,4% Tổng nguồn vốn.

Nợ phải trả của Công ty bao gồm:

- **Nợ ngắn hạn: đạt 1.364,9 tỷ đồng, giảm 67,5% so với năm 2021 và chiếm 12,5% Tổng nguồn vốn.** Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn và trái phiếu ngắn hạn chiếm 78% số dư phải trả ngắn hạn. Còn lại là các khoản phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả thuế và các khoản phải trả Nhà nước, phải trả cho người lao động, quỹ khen thưởng phúc lợi, phải trả, phải nộp khác...
- **Nợ dài hạn: có số dư 98,8 tỷ đồng tại ngày 31/12/2022.** Nợ dài hạn của Công ty chỉ bao gồm thuế thu nhập hoãn lại phải trả.

Vốn chủ sở hữu bao gồm:

- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu: đạt 8.853,3 tỷ đồng, chiếm 81,2% Tổng nguồn vốn,** bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần.
- **Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối: với số tiền 582,5 tỷ đồng, chiếm 5,3% Tổng nguồn vốn,** bao gồm quỹ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ, các quỹ khác và lợi nhuận chưa phân phối.

Về biến động nguồn vốn

Tổng nguồn vốn tại ngày 31/12/2022 là 10.899,6 tỷ đồng, thay đổi không đáng kể so với thời điểm cuối năm 2021. Trong đó, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu biến động ngược chiều nhau. Cụ thể:

- **Nợ phải trả giảm 3.391,5 tỷ đồng chủ yếu do giảm quy mô vay ngân hàng ngắn hạn và tất toán trái phiếu trước hạn.** Trong đó, nợ phải trả ngắn hạn giảm 2.839,8 tỷ đồng chủ yếu do Công ty thanh toán nợ cũ và giảm vay ngân hàng ngắn hạn mới. Nợ phải trả dài hạn giảm do Công ty tất toán trước hạn 500 tỷ đồng trái phiếu dài hạn.

- **Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tăng 3.380,3 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2021.** Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ thành công từ 3.252,7 tỷ đồng lên 8.131,6 tỷ đồng thông qua các phương thức: chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, chia cổ tức bằng cổ phiếu và tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối giảm 1.730,7 tỷ đồng chủ yếu do việc chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm.

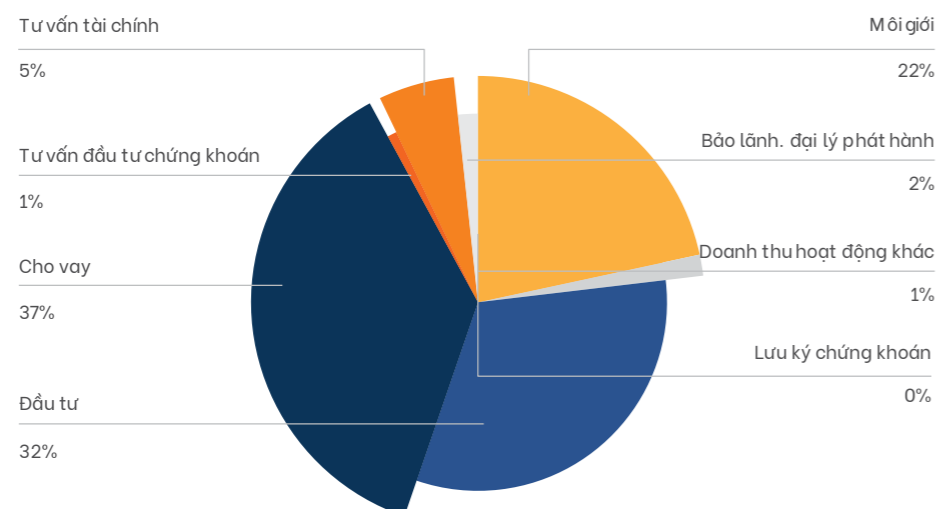
BÁO CÁO CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUAN TRỌNG

Chỉ tiêu	2022	2021	Tăng/Giảm
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Hệ số thanh toán nhanh	76,2%	15,5%	60,7%
Hệ số thanh toán hiện hành	793,6%	257,8%	535,8%
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	13,4%	44,5%	-31,1%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	15,5%	80,2%	-64,7%
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
Vòng quay các khoản phải thu (lần)	0,3	0,6	(0,3)
Vòng quay vốn lưu động (lần)	0,2	0,5	(0,3)
Vòng quay tổng tài sản (lần)	0,1	0,3	(0,2)
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
Tỷ lệ Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	29,4%	71,2%	-41,8%
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	12,7%	60,4%	-47,7%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	10,5%	48,2%	-37,7%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	2,1%	30,1%	-28,0%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	1,5%	15,7%	-14,2%
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS) (đồng/cp)	238	2.862	-2.624
CHỈ TIÊU VỀ AN TOÀN VỐN			
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại ngày 31/12	291,17%	386,62%	-94,45%

- Trong các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán của SHS năm 2022, tất cả các hệ số thanh toán đều được cải thiện vượt bậc so với năm 2021. Hệ số thanh toán hiện hành đạt 7,9 lần, tăng mạnh so với mức 2,57 lần năm 2021. Hệ số thanh toán nhanh cũng tăng từ 0,15 lần lên 0,76 lần. Các chỉ số này cho thấy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của SHS ổn định và có xu hướng tốt hơn qua các năm.
- Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn như hệ số Nợ/Tổng tài sản, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2022 tiếp tục giảm cho thấy mức độ chủ động về vốn tự có của Công ty so với năm trước. Trên thực tế, SHS vẫn ghi nhận lãi sau một năm kinh doanh rất nhiều khó khăn, đồng thời thực hiện thành công kế hoạch tăng vốn, nhờ đó nâng cao năng lực về nguồn vốn của Công ty.
- Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty như: vòng quay các khoản phải thu, vòng quay vốn lưu động, vòng quay tổng tài sản năm 2022 về cơ bản ổn định, chỉ giảm nhẹ so với năm 2021.
- Tỷ lệ an toàn tài chính tại 31/12/2022 đạt 291,17%, giảm 95,45% so với cùng kỳ năm trước, bảo đảm an toàn theo các quy định hiện hành của pháp luật.

BÁO CÁO VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Cơ cấu doanh thu năm 2022 của Công ty



Thông tin chi tiết về các mảng hoạt động của Công ty như sau:

MÔI GIỚI VÀ LƯU KÝ

Kết quả hoạt động năm 2022:

(Đơn vị: tỷ đồng)

Doanh thu	Năm 2021	Năm 2022		Thay đổi	
		Thực hiện	Kế hoạch	% thay đổi so với năm 2021	% so với kế hoạch năm 2022
Môi giới	553,9	332,9	856,9	-39,9%	38,8%
Lưu ký	24,0	23,5	23,1	-2,0%	101,7%
Tổng cộng	577,9	356,4	880,0	-38,3%	40,5%

Doanh thu hoạt động môi giới và Lưu ký năm 2022 đạt 356,4 tỷ đồng, giảm 38,3% so với cùng kỳ năm 2021 (đạt 40,5% kế hoạch và chiếm 23,1% Tổng doanh thu của SHS). Thị trường chứng khoán năm 2022 chịu sức ép lớn từ những thay đổi trong điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước trước áp lực tỷ giá và lãi suất. Giá trị giao dịch bình quân phiên trên toàn thị trường chứng khoán năm 2022 đạt 20.700 tỷ đồng/phiên, giảm khoảng 21% so với năm 2021. Năm 2022, chỉ số VN-Index giảm 32,78% so với cuối năm 2021, thuộc nhóm các thị trường chứng khoán giảm mạnh nhất trên thế giới. Những yếu tố không thuận lợi nói trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán trong năm vừa qua, trong đó có SHS.

Số lượng tài khoản quản lý tăng nhẹ

Số lượng tài khoản mở mới trong năm 2022 tại SHS đã tăng 5.770 tài khoản. Tính đến ngày 31/12/2022, tổng số lượng tài khoản chứng khoán mở tại SHS đạt xấp xỉ 64.000 tài khoản.

	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Số lượng tài khoản mở mới	5.023	15.445	2.799	4.466	8.759	5.770
Số lượng tài khoản tại ngày 31/12	27.210	42.655	45.454	49.920	58.485	63.987

Giới thiệu ứng dụng giao dịch chứng khoán SHTrading mới, nâng cao chất lượng dịch vụ

Sau thời gian dài chuẩn bị và hoàn thiện, tháng 9/2022, SHS đã giới thiệu và chính thức triển khai phần mềm giao dịch chứng khoán SHTrading mới với nhiều tính năng hiện đại, thuận tiện cho người sử dụng, cho phép Nhà đầu tư dễ dàng giao dịch, theo dõi và quản lý tài sản. Nhân dịp kỷ niệm 15 năm thành lập, Công ty cũng triển khai nhiều chính sách ưu đãi, giảm lãi suất và phí giao dịch về mức cạnh tranh.

Trong năm 2022, Công ty cũng đã hoàn thành các khóa đào tạo nội bộ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên bộ phận môi giới và khối hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng hoạt động nghiệp vụ, năng lực tư vấn đầu tư, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của khách hàng và các Nhà đầu tư.

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Kết quả hoạt động năm 2022

(Đơn vị: tỷ đồng)

Doanh thu	Năm 2021	Năm 2022		Thay đổi	
		Thực hiện	Kế hoạch	% thay đổi so với năm 2021	% so với kế hoạch năm 2022
Cho vay	688,8	567,9	1.143,4	-17,6%	49,7%
Tư vấn đầu tư	18,6	11,9	19,7	-36,2%	60,3%
Tổng cộng	707,4	579,8	1.163,1	-18%	49,8%

Hoạt động dịch vụ tài chính là nguồn doanh thu lớn nhất của Công ty trong năm 2022. Doanh thu dịch vụ tài chính ghi nhận 579,8 tỷ đồng, đạt 49,8% kế hoạch và giảm 18% so với năm 2021. Do những diễn biến bất lợi trên thị trường chứng khoán cả về thanh khoản và điểm chỉ số, hai hoạt động cho vay margin truyền thống và tư vấn đầu tư, quản lý tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà đầu tư của Công ty đều giảm so với năm trước.

Công ty tích cực phát triển nhiều giải pháp cải thiện chất lượng dịch vụ, cải tiến về công nghệ và hoàn thiện quy trình, nghiệp vụ. Cụ thể, về sản phẩm, nhiều loại hình sản phẩm và chính sách lãi suất được xây dựng phù hợp với nhu cầu của từng nhóm khách hàng. Về công nghệ, bộ phận Dịch vụ tài chính đã hoàn thiện hệ thống báo cáo hỗ trợ tác nghiệp, quản lý, kiểm soát, giúp nâng cao hiệu suất và đang phối hợp với các bộ phận có liên quan xây dựng quy trình, phần mềm chuẩn bị cho sản phẩm phái sinh. Hiện tại, hệ thống quy trình nghiệp vụ tiếp tục được rà soát, đánh giá để cập nhật, sửa đổi cho phù hợp với thực tế hoạt động.

Doanh thu dịch vụ tài chính năm 2022 giảm so với năm 2021. Trong cơ cấu doanh thu toàn Công ty năm 2022, doanh thu từ hoạt động cho vay chiếm 36,8%, doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chiếm 0,8%.

(Đơn vị: tỷ đồng)

Doanh thu	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Cho vay	337,5	375,1	425,5	464,0	688,8	567,9
Tư vấn đầu tư	58,2	59,7	34,1	10,7	18,6	11,9
Tổng cộng	395,7	434,8	459,6	474,7	707,4	579,8

Quy mô cho vay giảm mạnh so với năm 2021

(Đơn vị: tỷ đồng)

Phải thu dịch vụ tài chính	31/12/2022	1/1/2022	Thay đổi	
			Số tiền	%
Giao dịch ký quỹ	2.293,5	4.863,0	(2.570,5)	-52,84%
Ứng trước tiền bán chứng khoán	62,1	954,0	(891,9)	-93,49%
Hợp tác kinh doanh chứng khoán	435,0	434,6	0,4	0,10%
Hoạt động giao dịch chứng khoán khác	1.408,9	690,5	718,4	104,05%
Tổng cộng	4.199,5	6.942,1	(2.742,6)	-39,51%

Tại thời điểm 31/12/2022, phải thu các dịch vụ tài chính của Công ty đạt 4.199,5 tỷ đồng, giảm 2.742,6 tỷ đồng tương đương 39,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, phải thu cho vay margin đạt 2.293,5 tỷ đồng và ứng trước tiền bán chứng khoán đạt 62,1 tỷ đồng, giảm lần lượt 52,8% và 93,5% so với cùng kỳ năm trước. Riêng phải thu về các hoạt động giao dịch chứng khoán khác tăng mạnh 104%, đạt mức 1.408,9 tỷ đồng.

ĐẦU TƯ**Kết quả hoạt động năm 2022**

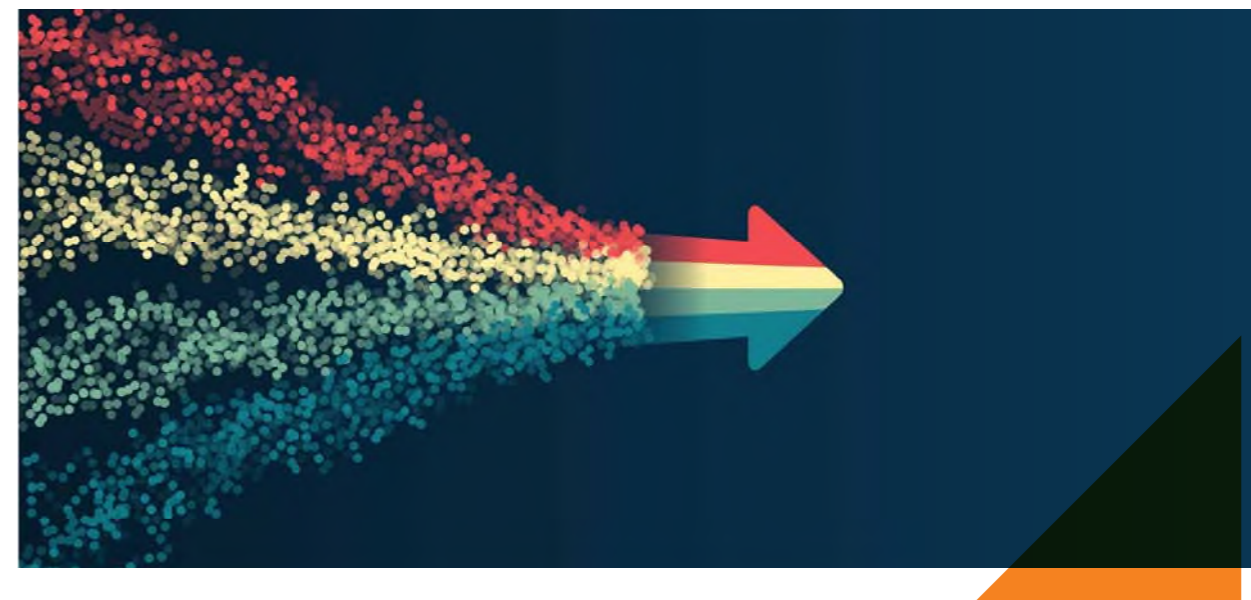
Hoạt động đầu tư năm 2022 kém khả quan so với cùng kỳ năm 2021 với doanh thu đạt 495,3 tỷ đồng, thực hiện được 40,5% kế hoạch và giảm 66,6% so với năm trước. Kết quả này thực tế là các khoản giảm lãi đã được hạch toán trước đó khi chỉ số Vn-Index tăng cao và giá các cổ phiếu diễn biến thuận lợi. Từ Quý IV năm 2022, danh mục đầu tư của Công ty đã được cơ cấu lại, trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là tiền gửi ngân hàng, trái phiếu của các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp.

(Đơn vị: tỷ đồng)

Doanh thu	Năm 2021	Năm 2022		Thay đổi	
		Thực hiện	Kế hoạch	% thay đổi so với năm 2021	% so với kế hoạch năm 2022
Đầu tư	1.484,3	495,3	1.223,8	(66,6%)	40,5%

Tại thời điểm 31/12/2022, SHS nắm giữ nhiều khoản đầu tư có hiệu quả như:

- ▶ Danh mục cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết: GEE, SAF, PMC...
- ▶ Danh mục trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết: trái phiếu của các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp lớn, có uy tín trên thị trường.

**Quy mô đầu tư được mở rộng, cơ cấu đầu tư có sự thay đổi**

Tại thời điểm 31/12/2022, danh mục đầu tư của Công ty có giá trị 5.774,7 tỷ đồng, tăng 3.397,3 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2021.

(Đơn vị: tỷ đồng)

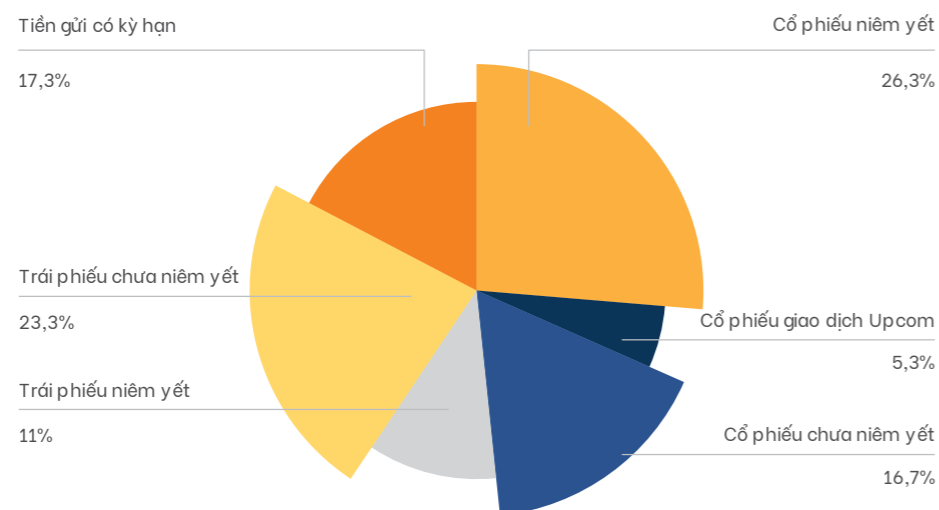
Chỉ tiêu	Tại 01/01/2022	Tại 31/12/2022	Thay đổi	
			Số tiền	%
GIÁ MUA	2.377,4	5.774,7	3.397,3	142,9%
Tài sản FVTPL	2.202,0	4.099,5	1.897,5	86,2%
Cổ phiếu niêm yết	1.444,4	843,9	(600,5)	-41,6%
Cổ phiếu giao dịch Upcom	266,4	307,9	41,5	15,6%
Cổ phiếu chưa niêm yết	202,4	965,3	762,9	376,9%
Trái phiếu niêm yết	34,3	636,0	601,6	1.753,1%
Trái phiếu chưa niêm yết	254,5	1.346,4	1.091,9	429,0%
Tài sản AFS	175,4	675,2	499,8	284,9%
Cổ phiếu niêm yết	175,4	675,2	499,8	284,9%
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	1.000,0	1.000,0	100%
Tiền gửi có kỳ hạn	-	1.000,0	1.000,0	100%

Trong ngắn hạn, Công ty thực hiện chiến lược đầu tư thận trọng trong bối cảnh các yếu tố vĩ mô chưa có nhiều khởi sắc. Trong trường hợp thị trường đã chiết khấu đủ sâu, tích lũy tốt, phòng Đầu tư sẽ nắm bắt cơ hội đầu tư vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản vững chắc, hoạt động kinh doanh ổn định, tình hình tài chính lành mạnh, dòng tiền hoạt động dồi dào và nhận được sự quan tâm của các nhà đầu tư tổ chức. Về trung và dài hạn, phòng Đầu tư đa dạng hóa chiến lược đầu tư vào 02 nhóm: doanh nghiệp niêm yết và doanh nghiệp tư nhân có nhiều tiềm năng - Private Equity/PE kết hợp với việc triển khai các công cụ quản trị rủi ro hiện đại (hệ thống đánh giá danh mục đầu tư thường xuyên, công cụ phái sinh...).

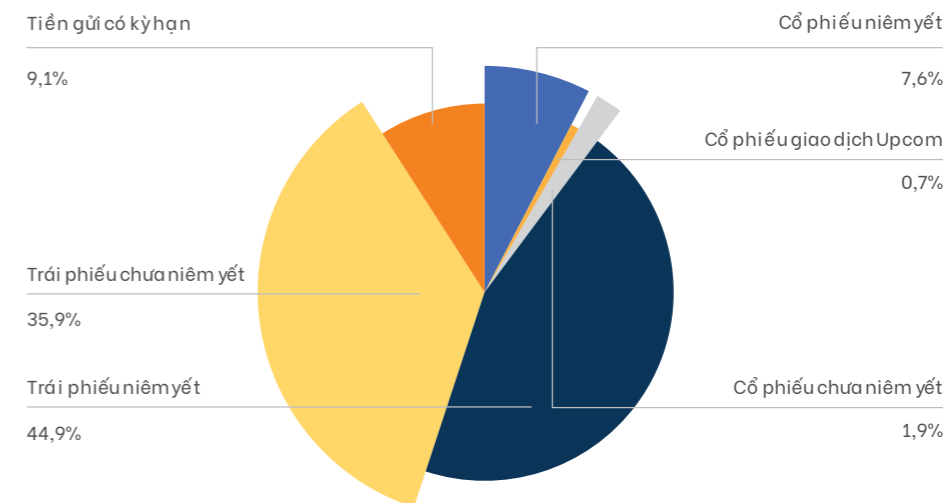
(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Tại 01/01/2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại 31/12/2022
GIÁ MUA	2.377,4	40.759,5	37.362,2	5.774,7
Tài sản FVTPL	2.202,0	36.559,7	34.662,2	4.099,5
Cổ phiếu niêm yết	1.444,4	2.602,0	3.202,4	843,9
Cổ phiếu giao dịch Upcom	266,4	278,6	237,1	307,9
Cổ phiếu chưa niêm yết	202,4	762,9	-	965,3
Trái phiếu niêm yết	34,3	18.299,5	17.697,8	636,0
Trái phiếu chưa niêm yết	254,5	14.616,8	13.524,9	1.346,4
Tài sản AFS	175,4	499,8	-	675,2
Cổ phiếu niêm yết	175,4	499,8	-	675,2
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	3.700	2.700	1.000,0
Tiền gửi có kỳ hạn	-	3.700	2.700	1.000,0
CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ	1.025,9	(497,4)	(391,5)	137,0
Tài sản FVTPL	498,8	(146,9)	(111,9)	240,0
Tài sản AFS	527,1	(350,5)	(279,6)	(103,0)
Tổng cộng	3.403,3	40.262,1	36.970,7	5.911,7

Cổ phiếu niêm yết chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu đầu tư của Công ty, với tỷ trọng 26,3% tại ngày 31/12/2022, tiếp theo là trái phiếu chưa niêm yết, đạt 23,3%. Tiền gửi có kỳ hạn chiếm tỷ trọng 17,3% danh mục đầu tư.



Tính chung cả năm 2022, quy mô đầu tư của Công ty chủ yếu tập trung vào trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Tổng số tiền đầu tư năm 2022 của Công ty vào trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết chiếm lần lượt 44,9% và 35,9%. Đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ.



TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ BẢO LÃNH, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH

Kết quả hoạt động năm 2022

(Đơn vị: tỷ đồng)

Doanh thu	2021	2022		Thay đổi	
		Thực hiện	Kế hoạch	% thay đổi so với năm 2021	% so với kế hoạch năm 2022
Tư vấn tài chính, bảo lãnh và đại lý phát hành	125,4	110,4	155,0	(11,9%)	71,3%

Hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng của sự thay đổi các quy định pháp lý về chào bán và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và một số sự kiện, vụ việc trên thị trường tài chính trong thời gian vừa qua. Tính chung cả năm 2022, doanh thu tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành của Công ty đạt 110,4 tỷ đồng, giảm 11,9% so với năm trước và đạt 71,3% kế hoạch năm. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp năm 2022 diễn ra âm ảm, với tổng khối lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành thành công đạt 255.164 tỷ đồng, giảm 66% so với cùng kỳ năm trước. Do vậy, mảng tư vấn phát hành trái phiếu năm vừa qua gặp rất nhiều khó khăn. Không chỉ điều kiện phát hành và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp bị siết chặt mà số lượng các tổ chức phát hành phải mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc hoặc chậm trả gốc, lãi trái phiếu đang ngày một gia tăng.

Bên cạnh đó, các hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp Nhà nước chưa có tiến triển. Hoạt động tư vấn cổ phần hóa dù đã hoàn thiện cơ chế pháp lý, nhưng lại phát sinh vướng mắc khi xử lý các vấn đề liên quan đến sở hữu đất đai. Hoạt động tư vấn thoái vốn không vướng cơ chế thực hiện, nhưng lại vướng về việc thông qua đề án tái cơ cấu tại các Tập đoàn, Tổng công ty... dẫn đến kết quả đều không triển khai được.



Nguồn vốn

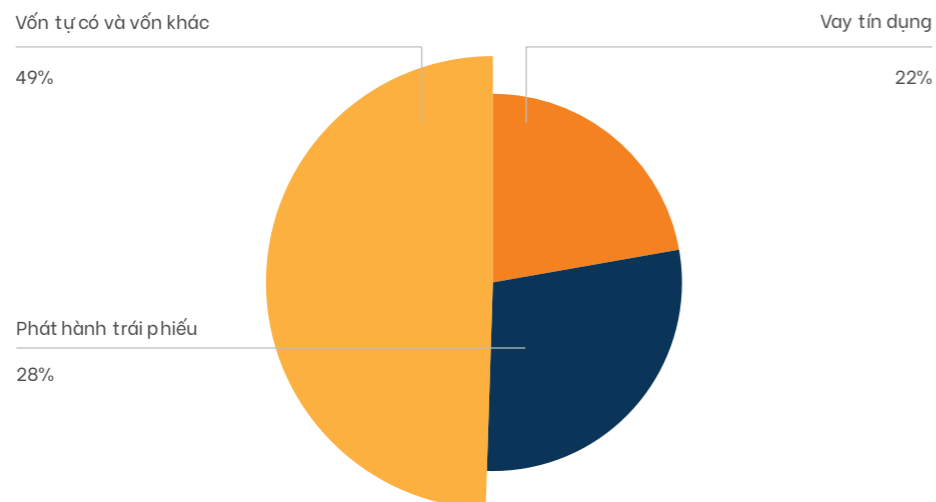
Kết quả hoạt động năm 2022

- ▶ Hoạt động cân đối nguồn vốn
 - Công ty đã đảm bảo về thanh khoản cho tất cả các hoạt động kinh doanh trong năm 2022.
 - Đã đáp ứng được nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty và cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng.

▶ Hoạt động huy động nguồn vốn

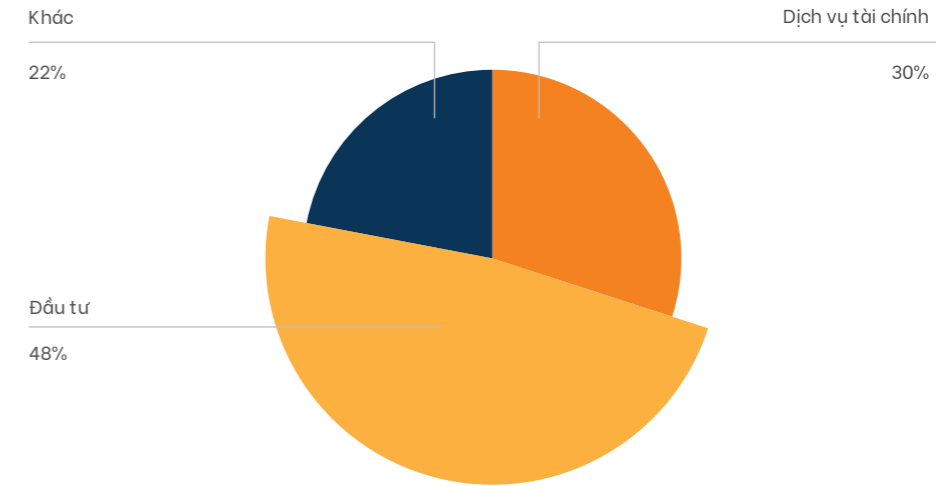
Trong năm 2022, nguồn vốn huy động của Công ty bình quân là 4.061 tỷ đồng, giảm 64% lần so với năm 2021. Các nguồn vốn được huy động bao gồm:

- Nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng bình quân là 906 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 22,3% tổng nguồn huy động toàn Công ty. SHS vẫn giữ được các mối quan hệ với các đối tác ngân hàng truyền thống như: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Ngân hàng TMCP An Bình, Ngân hàng Indovina Bank, Ngân hàng TMCP Bắc Á, Ngân hàng VPBank...
- Nguồn vốn huy động từ phát hành trái phiếu bình quân là 1.154 tỷ đồng, chiếm 28,4% tổng nguồn huy động toàn Công ty. Vào thời điểm cuối năm 2022, SHS đã tất toán khoản trái phiếu dài hạn có giá trị 500 tỷ đồng, chỉ còn khoản trái phiếu ngắn hạn với giá trị 660 tỷ đồng.
- Nguồn vốn tự có và nguồn vốn khác bình quân là 2.001 tỷ đồng, chiếm 49,3% tổng nguồn huy động toàn Công ty. Nguồn vốn này đã đóng góp không nhỏ giúp Công ty bảo đảm nguồn vốn ổn định cho hoạt động kinh doanh, giảm chi phí vốn của Công ty.



▶ Hoạt động sử dụng nguồn vốn

- Nguồn vốn của Công ty trong năm 2022 được sử dụng chủ yếu cho hoạt động đầu tư (5.784 tỷ đồng, chiếm 48,5% tổng nguồn sử dụng), hoạt động dịch vụ tài chính (3.557 tỷ đồng, chiếm 29,8% tổng nguồn sử dụng) còn lại là các hoạt động khác.



Công nghệ thông tin

Kết quả hoạt động năm 2022

Năm 2022, Phòng công nghệ thông tin của SHS đã hoàn thành một số dự án quan trọng, bên cạnh việc đảm bảo hoạt động ổn định của hệ thống, hỗ trợ tốt cho các hoạt động kinh doanh và khách hàng. Cụ thể:

- ▶ Hoàn thành nâng cấp nền tảng hạ tầng core chứng khoán cơ sở tại SHS, bao gồm: hạ tầng phần cứng, hạ tầng phần mềm nền tảng (middleware, OS, GCC...), cơ sở dữ liệu. Chuyển đổi toàn bộ dữ liệu và ứng dụng hiện có lên hoạt động trên nền tảng mới.
- ▶ Hoàn thành kiểm thử hệ thống theo quy định với HNX, HOSE để chính thức đưa hệ thống core nâng cấp 1.5 vào hoạt động chính thức.
- ▶ Đã thực hiện gói thầu số 02 dự án nâng cấp core giao dịch (giai đoạn 2 – Bổ sung hạ tầng máy chủ là lưu trữ). Gói thầu số 1 và số 3 đang được đánh giá lại trước khi thực hiện.
- ▶ Cập nhật bug, hotfix và các features nâng cao trên core với đối tác cung cấp phần mềm Lotte-HPT: Hoàn thành tính năng Thu chi hệ với SHB (qua 2 phase: kênh nội bộ SHB, kênh NAPAS); triển khai xong eKYC; chuyển đổi xong mô hình quản lý Remisier/Broker trên core;
- ▶ Thực hiện dự án nâng cấp phần mềm mobile trading mới (MTS) phối hợp với đối tác FTL (golive ngày 09/09/2022).
- ▶ Bổ sung, hoàn thiện các tính năng, hệ thống báo cáo của các phần mềm in-house như CRM, HRM, phần mềm ĐHCĐ, quản lý đầu tư...
- ▶ Hoàn thiện Master Plan giai đoạn 2022-2024 cho bộ phận CNTT.
- ▶ Đảm bảo duy trì môi trường hoạt động của các ứng dụng ổn định, sẵn sàng cho mở rộng hệ thống khi có yêu cầu.
- ▶ Bổ sung thêm các phân hệ đại lý lưu ký, quản lý giao dịch bán lẻ của SHB và tại SHS, API kết nối SHB, LPB... của hệ thống Phần mềm quản lý giao dịch trái phiếu.
- ▶ Phối hợp với đối tác thử nghiệm hệ thống giao dịch thuộc dự án KRX của HOSE, thay đổi thanh toán bù trừ T2 với VSD.

Phân tích

Kết quả hoạt động năm 2022

Trong năm 2022, bên cạnh các hoạt động định kỳ, bộ phận Phân tích tập trung vào đổi mới về hình thức và chất lượng các sản phẩm hiện có, bao gồm Bản tin ngày và Bản tin tuần. Cụ thể, ngoài việc bố trí lại các nội dung cho hợp lý hơn, bộ phận đã bổ sung Danh mục các mã chứng khoán khuyến nghị dành cho các nhà đầu tư. Danh mục chứng khoán này được xây dựng dựa trên các tiêu chí: Cơ bản, Phân tích kỹ thuật và Thị trường. Đối với các bản tin tuần, các nội dung cũng được điều chỉnh, bổ sung thêm các thông tin liên quan tới các ngành, tổng hợp tình hình kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, bộ phận cũng phát triển sản phẩm Báo cáo Chiến lược hàng tháng gồm các nội dung: tổng hợp tình hình thị trường chứng khoán của tháng liền trước, tổng kết và nhận định vĩ mô, triển vọng thị trường trong tháng kế tiếp và danh mục các mã chứng khoán khuyến nghị.

Đối với hoạt động cho vay ký quỹ, bộ phận thường xuyên phối hợp với bộ phận Dịch vụ tài chính, Môi giới để kịp thời đánh giá về tình hình thị trường, qua đó chỉnh sửa, cập nhật danh mục các mã cho giao dịch ký quỹ nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng và các bên có liên quan.

Pháp chế

Kết quả hoạt động năm 2022

Trong những năm qua, hoạt động pháp chế đã đóng góp tích cực vào việc hỗ trợ tất cả các hoạt động chính của Công ty như: môi giới, dịch vụ tài chính, tư vấn tài chính, đầu tư... Đứng trước những sự thay đổi lớn của pháp luật, Bộ phận pháp chế đã tập trung phối hợp với các phòng ban, nghiệp vụ nghiên cứu định hướng của Cơ quan quản lý Nhà nước để tư vấn cho Ban Điều hành thực hiện các công việc chuẩn bị cần thiết, định hướng các hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật. Một số kết quả điển hình của hoạt động pháp chế trong năm 2022 như sau:

- ▶ Tư vấn pháp lý về nhân sự, cơ cấu Công ty và hỗ trợ thực hiện Hồ sơ liên quan tới việc xin cấp mới/điều chỉnh Giấy phép thành lập, hoạt động của các Đơn vị và của Công ty.
- ▶ Soạn thảo và hỗ trợ soạn thảo các văn bản, hồ sơ, giấy tờ của Công ty theo yêu cầu của Ban TGD và các phòng ban, chi nhánh trong Công ty.
- ▶ Rà soát, soát xét và cho ý kiến pháp lý về các văn bản, hồ sơ, giấy tờ của Công ty.
- ▶ Rà soát và phối hợp với các phòng ban, chi nhánh chuẩn hóa các quy trình, quy chế nội bộ, các mẫu biểu của toàn Công ty.
- ▶ Rà soát, đề xuất, soạn thảo các giấy ủy quyền và theo dõi việc thực hiện ủy quyền trong Công ty.
- ▶ Cập nhật, phổ biến các quy định pháp luật trong toàn Công ty và xây dựng các bản tin pháp luật.
- ▶ Tham gia các hội thảo pháp lý do cơ quan Nhà nước chủ trì, đóng góp/gửi văn bản đóng góp ý kiến.
- ▶ Ban hành danh mục rủi ro SHS, quy định tính hạn mức rủi ro, các mẫu biểu quản lý rủi ro áp dụng nội bộ; triển khai kiểm soát các rủi ro trọng yếu và lập báo cáo quản trị rủi ro;
- ▶ Xây dựng quan hệ hợp tác với các tổ chức có chức năng hỗ trợ công tác pháp chế.



Xử lý nợ xấu

Kết quả hoạt động năm 2022

Tổng giá trị phải thu khó đòi của Công tại ngày 31/12/2022 là 605,5 tỷ đồng. Trong năm, Công ty trích lập bổ sung 45,3 tỷ đồng, đồng thời hoàn nhập dự phòng 548 triệu đồng. Tổng số dư dự phòng phải thu khó đòi của Công ty đến thời điểm cuối năm 2022 đạt 509,2 tỷ đồng. Tỷ lệ số dư dự phòng/Giá trị phải thu khó đòi tại 31/12/2022 là 95,4% tăng nhẹ so với các năm trước. Tỷ lệ số trích lập dự phòng trong năm/Giá trị phải thu khó đòi là 7,5%.

(Đơn vị: tỷ đồng)

Năm	Giá trị phải thu khó đòi	Số dư dự phòng đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số dư dự phòng cuối năm	Tỷ lệ số dư dự phòng/ Giá trị phải thu khó đòi	Tỷ lệ số trích lập dự phòng trong năm/ Giá trị phải thu khó đòi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]=[3]+[4]-[5]	[7]=[6]/[2]	[8]=[4]/[2]
2022	605,5	464,4	45,3	0,5	509,2	95,4%	7,5%
2021	551,7	466,1	48,1	49,8	464,4	84,2%	8,7%
2020	553,9	442,1	35,0	11,0	466,1	84,1%	6,3%
2019	520,6	432,8	14,2	4,9	442,1	84,9%	2,7%
2018	495,5	266,7	168,9	2,8	432,8	87,3%	3,6%
2017	360,2	280,3	6,2	19,8	266,7	74,0%	1,7%
2016	343,6	275,6	6,4	1,7	280,3	81,6%	1,9%

Công tác xử lý nợ xấu trong năm 2022 tiếp tục tập trung vào việc hoàn thiện hồ sơ, theo dõi nợ xấu, phối hợp với các phòng ban, chi nhánh, cá nhân liên quan đôn đốc khách hàng trả nợ.

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư lớn

Đầu tư tài chính

Xem Mục Báo cáo của Ban Điều hành → Báo cáo các mặt hoạt động của Công ty → Đầu tư.

Đầu tư dự án

- ▶ Công ty không có khoản đầu tư dự án nào trong năm 2022.
- ▶ Công ty không có bất kỳ công ty con, công ty liên kết nào trong năm 2022.

NHỮNG TIẾN BỘ TRONG NĂM



Tăng vốn điều lệ lên 8.131,6 tỷ đồng

Năm 2022, trải qua 02 lần tăng vốn, vốn điều lệ hiện tại của SHS đạt 8.131,6 tỷ đồng. Nhờ đó, SHS vươn lên đứng thứ 4 về quy mô vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu trong số các công ty chứng khoán trên thị trường. Đây là một dấu mốc lớn cho thấy sự lớn mạnh về tiềm lực tài chính của công ty. Nguồn vốn mới bổ sung được kỳ vọng sẽ tạo thêm tiền đề tốt để SHS tiếp tục phát triển trong trung và dài hạn.



Dư nợ ngân hàng và trái phiếu giảm mạnh, các chỉ số tài chính vượt trội, giảm áp lực lãi vay

Trong năm 2022, SHS đã tất toán dư nợ vay ngân hàng và trái phiếu dài hạn với số tiền lần lượt là 2.300 tỷ đồng và 500 tỷ đồng. Nhờ vậy, tất cả các hệ số thanh toán của Công ty đều ở mức cao và được cải thiện vượt bậc so với năm 2021. Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn như hệ số Nợ/Tổng tài sản, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2022 tiếp tục giảm, mức độ chủ động về vốn tự có và năng lực về nguồn vốn đều tăng mạnh.



Những nỗ lực đã được ghi nhận

Năm 2022, SHS vinh dự được nhận nhiều khen thưởng của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội: Cúp Thăng Long dành cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội, Cờ Thi đua dành cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội và Bằng khen dành cho cá nhân Ông Vũ Đức Tiến - Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty. Đây không chỉ là vinh dự đối với Công ty và Tổng Giám đốc mà còn thể hiện sự ghi nhận của chính quyền thành phố Hà Nội với những kết quả, thành tích của Công ty và nỗ lực chỉ đạo, điều hành không ngừng nghỉ của nhà lãnh đạo doanh nghiệp trong thời gian qua.



Cải thiện chất lượng quản trị doanh nghiệp

Các hoạt động quản trị, điều hành doanh nghiệp của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành tiếp tục đi vào chiều sâu trên cơ sở có sự định hướng xuyên suốt nhằm nắm bắt tốt các cơ hội của thị trường, tuân thủ các quy định của pháp luật và các thông lệ quản trị hiện đại. Các hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro tiếp tục được tăng cường nhằm bảo vệ những thành quả đạt được của hoạt động kinh doanh.

Hoạt động quan hệ cổ đông, báo cáo và công bố thông tin ngày càng được chuẩn hóa góp phần nâng cao hình ảnh, thương hiệu của Công ty. Bám sát các mục tiêu phát triển bền vững theo tiêu chuẩn GRI, SHS ngày càng chú trọng, quan tâm tới lợi ích của các bên liên quan mà trọng tâm là các hoạt động đóng góp cho cộng đồng. Năm 2022, SHS tiếp tục có nhiều hoạt động đóng góp cho cộng đồng (Vui lòng xem Mục Báo cáo Phát triển bền vững năm 2022).

Với định hướng xuyên suốt trở thành công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam và là thương hiệu uy tín trên thị trường chứng khoán châu Á, SHS coi trọng việc minh bạch thông tin cũng như tiếp tục đầu tư bài bản cho ấn phẩm Báo cáo thường niên với mong muốn truyền tải đi các thông tin đầy đủ nhất về Công ty cũng như thông điệp về sự phát triển bền vững trên cơ sở gắn kết hài hòa với lợi ích của các bên liên quan.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Năm 2022, Công ty tạm dừng mở rộng địa bàn hoạt động và tuyển dụng nhân sự số lượng lớn. Thay vào đó, SHS tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ nòng cốt, trau dồi kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho các phòng, ban thuộc Khối kinh doanh và Khối hỗ trợ. Cụ thể, một số nội dung đào tạo đã được triển khai trong năm 2022 tới đội ngũ quản lý và chuyên viên môi giới và các cán bộ nhân viên khác có nhu cầu nâng cao kiến thức của SHS gồm: phân tích vĩ mô, phân tích cơ bản, định giá, phân tích kỹ thuật... Công ty cũng đã kết hợp với tuyển dụng có chọn lọc nhân lực có trình độ, nghiệp vụ chuyên môn, kinh nghiệm để bổ sung vào những vị trí thiếu và yếu. Mục tiêu của SHS là nâng cao chất lượng đội ngũ CBNV hiện có, khơi dậy lòng trung thành, gắn bó, hiểu biết về văn hóa Công ty, tiết giảm chi phí đối với việc bổ sung nhân sự.





34

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

- ▶ NHẬN ĐỊNH TỔNG QUAN NĂM 2023
- ▶ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

▶ NHẬN ĐỊNH TỔNG QUAN NĂM 2023

BỐI CẢNH THẾ GIỚI

Bối cảnh kinh tế toàn cầu năm 2023 vẫn đi kèm với nhiều biến số khó đoán định: căng thẳng địa chính trị của cuộc chiến Nga - Ukraine; rủi ro suy thoái kinh tế; rủi ro lạm phát và lãi suất; chính sách mở cửa nền kinh tế của Trung Quốc sau giai đoạn đóng cửa vì COVID-19; việc điều hành tiền tệ lệch pha giữa các nền kinh tế lớn... Dưới đây là nhận định và góc nhìn của các định chế tài chính lớn trên thế giới như IMF, World Bank, JPMorgan, ING, Credit Suisse, Morgan Stanley, Deutsche Bank, S&P Global, Wells Fargo về tình hình tăng trưởng kinh tế và lạm phát toàn cầu trong năm 2023:

Nhận định	Tăng trưởng kinh tế	Lạm phát
Nhận định của IMF	<p>Tăng trưởng toàn cầu được dự đoán sẽ giảm từ mức ước tính 3,4% vào năm 2022 xuống 2,9% vào năm 2023, sau đó tăng lên 3,1% vào năm 2024. Dự báo cho năm 2023 cao hơn 0,2% so với dự đoán trong Báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới (WEO) tháng 10/2022 nhưng thấp hơn mức trung bình trong lịch sử (2000-2019) là 3,8%. Việc ngân hàng trung ương tăng lãi suất để chống lạm phát và cuộc chiến của Nga ở Ukraine tiếp tục đè nặng lên hoạt động kinh tế. Sự lây lan nhanh chóng của COVID-19 ở Trung Quốc đã làm giảm tốc độ tăng trưởng vào năm 2022, nhưng việc mở cửa trở lại gần đây đã mở đường cho sự phục hồi nhanh hơn dự kiến.</p> <p>Đối với các nền kinh tế phát triển, tăng trưởng dự kiến sẽ giảm mạnh từ 2,7% năm 2022 xuống 1,2% năm 2023 trước khi tăng lên 1,4% năm 2024, với mức điều chỉnh giảm 0,2% vào năm 2024. Khoảng 90% các nền kinh tế phát triển dự kiến sẽ chứng kiến đà suy giảm trong tăng trưởng GDP vào năm 2023.</p> <p>Đối với các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi, tăng trưởng được dự báo sẽ tăng nhẹ, từ 3,9% năm 2022 lên 4,0% năm 2023 và 4,2% năm 2024, với mức điều chỉnh tăng 0,3% vào năm 2023 và điều chỉnh giảm 0,1% vào năm 2024. Khoảng một nửa nền kinh tế thị trường mới nổi và đang phát triển có mức tăng trưởng thấp hơn vào năm 2023 so với năm 2022.</p>	<p>Lạm phát toàn cầu dự kiến sẽ giảm từ 8,8% năm 2022 xuống 6,6% năm 2023 và 4,3% năm 2024, vẫn cao hơn mức trước đại dịch (2017-2019) là khoảng 3,5%.</p> <p>Đối với các nền kinh tế phát triển, lạm phát trung bình hàng năm được dự đoán sẽ giảm từ 7,3% năm 2022 xuống 4,6% năm 2023 và 2,6% năm 2024 - cao hơn mức mục tại một số quốc gia.</p> <p>Đối với các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi, lạm phát hàng năm dự kiến sẽ giảm từ 9,9% năm 2022 xuống 8,1% năm 2023 và 5,5% năm 2024, trên mức trung bình 4,9% trước đại dịch (2017-2019). Ở các nước đang phát triển có thu nhập thấp, lạm phát dự kiến sẽ ở giảm từ 14,2% năm 2022 xuống 8,6% năm 2024 - tỷ lệ vẫn cao, nhưng gần với mức trung bình trước đại dịch Covid.</p>

Nhận định	Tăng trưởng kinh tế	Lạm phát
Nhận định của World Bank	<p>Triển vọng toàn cầu: Các dự báo mới nhất của World Bank cho thấy một sự suy giảm nghiêm trọng và kéo dài, với tốc độ tăng trưởng toàn cầu giảm xuống 1,7% vào năm 2023 từ mức 3,0% dự kiến chỉ sáu tháng trước. Tình trạng suy thoái dự báo sẽ diễn ra trên diện rộng: ở hầu hết tất cả các khu vực trên thế giới, tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người sẽ chậm hơn so với thập kỷ trước COVID-19. Sự suy giảm tăng trưởng toàn cầu có thể sẽ tiếp tục: Đến cuối năm 2024, GDP ở các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi (EMDE) sẽ thấp hơn khoảng 6% so với mức dự kiến trước đại dịch. Ngoài ra, mức thu nhập trung bình đang bị xói mòn đáng kể do lạm phát, đồng tiền mất giá và sự suy giảm đầu tư trong khu vực kinh tế tư nhân.</p> <p>Triển vọng khu vực: Dự báo tăng trưởng trong năm 2023 và 2024 của World Bank đã bị hạ bậc cho mọi khu vực EMDE. Chính sách tiền tệ thắt chặt và các điều kiện tài chính toàn cầu hạn chế đang làm chậm tốc độ tăng trưởng, đặc biệt là ở Châu Mỹ Latinh và Caribe (LAC), Nam Á (SAR) và Châu Phi cận Sahara (SSA). Giá năng lượng tăng liên tục dự kiến sẽ làm giảm triển vọng đối với các nhà nhập khẩu năng lượng ở tất cả các khu vực, trong khi giá kim loại giảm sẽ ảnh hưởng đến các điều kiện thương mại ở LAC và SSA. Dự kiến nhu cầu nhập khẩu của các nền kinh tế tiên tiến sẽ chậm lại dự kiến sẽ tác động đặc biệt đến Đông Á và Thái Bình Dương (EAP) và Châu Âu và Trung Á (ECA). Thêm vào đó là sự suy thoái do đại dịch và sự phục hồi không hoàn toàn, triển vọng cho thấy mức tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người yếu ở LAC, Trung Đông và Bắc Phi (MNA) và SSA trong nửa thập kỷ tới năm 2024.</p> <p>Rủi ro trọng yếu bao gồm rủi ro căng thẳng tài chính và tác động từ sự suy thoái của các nền kinh tế phát triển (dự kiến ảnh hưởng nhiều đến EAP, ECA, LAC và SSA), cú sốc giá hàng hóa (dự kiến ảnh hưởng nhiều đến ECA, EAP và SAR), xung đột địa chính trị (dự kiến ảnh hưởng nhiều đến ECA, MNA và SSA) và thiên tai (dự kiến ảnh hưởng nhiều đến EAP, LAC và SAR).</p> <ul style="list-style-type: none"> ▶ EMDE: các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi ▶ EAP: Đông Á và Thái Bình Dương ▶ ECA: Châu Âu và Trung Á ▶ LAC: Châu Mỹ Latinh và Caribe ▶ MNA: Trung Đông và Bắc Phi ▶ SAR: Nam Á ▶ SSA: Châu Phi cận Sahara 	<p>Lạm phát toàn cầu đã bị đẩy lên cao hơn do áp lực về nhu cầu, bao gồm cả những áp lực từ tác động trễ của hỗ trợ chính sách trước đó và cú sốc cung, bao gồm sự gián đoạn đối với cả chuỗi cung ứng toàn cầu. Ở một số quốc gia, lạm phát cũng được thúc đẩy bởi sự mất giá lớn của tiền tệ so với đồng đô la Mỹ.</p> <p>Lạm phát vẫn ở mức cao trên toàn thế giới và cao hơn nhiều so với mục tiêu của NHTW ở hầu hết các nền kinh tế. Mặc dù lạm phát có thể sẽ giảm dần trong suốt cả năm, nhưng có những dấu hiệu cho thấy áp lực lạm phát cơ bản có thể trở nên dai dẳng hơn. Trên thực tế, các ngân hàng trung ương trên thế giới đã thắt chặt chính sách nhanh hơn dự kiến trước đây. Việc thắt chặt chính sách tiền tệ ở các nền kinh tế tiên tiến, đồng đô la Mỹ mạnh, căng thẳng địa chính trị và lạm phát cao đã làm giảm khẩu vị rủi ro và dẫn đến dòng vốn chảy ra trên diện rộng và làm chậm quá trình phát hành trái phiếu ở các EMDE.</p>

Nhận định	Tăng trưởng kinh tế	Lạm phát
<p>Nhận định của JPMorgan</p>	<p>Tăng trưởng kinh tế các quốc gia phát triển sẽ chậm lại với thị trường nhà ở chịu tác động chính</p> <p>Thị trường nhà ở thường là thị trường đầu tiên phản ứng tiêu cực với chính sách tiền tệ, do lãi suất thế chấp cao ảnh hưởng tới nhu cầu nhà mới, và hoạt động bất động sản yếu đi sẽ ảnh hưởng tới nền kinh tế toàn cầu năm 2023. Xây dựng sẽ suy yếu, tiêu dùng nội thất và hàng hóa gia dụng lâu bền sẽ giảm, gây áp lực lên tiêu dùng vài quý tới.</p> <p>Tuy vậy, rủi ro suy thoái như giai đoạn 2008 khó xảy ra, do hoạt động xây dựng đã âm ảm suốt thập kỷ, khiến nguồn cung không bị quá tải, và số người sử dụng lãi suất thả nổi rất ít (5% tại Mỹ, 14% tại Anh). Tại châu Âu, không có nhiều hộ gia đình sử dụng thế chấp, và tiết kiệm hộ gia đình theo % GDP cao hơn Anh và Mỹ. Do đó họ sẽ ít chịu ảnh hưởng bởi lãi suất tăng, thậm chí còn hưởng lợi.</p> <p>Châu Âu xử lý khủng hoảng năng lượng tốt</p> <p>Nhờ những quyết định chính xác, châu Âu đã vượt qua khủng hoảng năng lượng sau khi 40% nguồn cung khí đốt từ Nga bị cắt. Châu Âu đã lấp đầy kho chứa bằng việc chuyển nguồn cung sang Mỹ, đồng thời, mùa thu ôn hòa đã giúp họ bước vào mùa đông với dự trữ dồi dào. Trừ khi mùa đông đầu năm 2023 khắc nghiệt hơn, châu Âu sẽ không phải chia khẩu phần khí đốt.</p> <p>Dù khí đốt được mua vào với giá cao, chính phủ đang hỗ trợ phần lớn chi phí năng lượng cho người dân. Phải chờ đến mùa xuân để biết xem liệu ngân sách công có đủ tiếp tục hỗ trợ không.</p> <p>Trung Quốc mở cửa, chuỗi cung ứng được cứu</p> <p>Trung Quốc đã trải qua những thách thức khác hoàn toàn so với các quốc gia phát triển với phong tỏa Covid diện rộng vẫn được áp dụng. Các nhà chức trách đã chặn chừ trong quyết định mở cửa nền kinh tế, do tỷ lệ tiêm chủng thấp và mạng lưới bệnh viện mỏng. Nhưng hoạt động kinh tế của Trung Quốc sẽ sớm trở lại để đáp ứng nhu cầu.</p> <p>Quan trọng hơn là việc Trung Quốc bình thường hóa hoạt động kinh tế sẽ giải quyết những gián đoạn chuỗi cung ứng đang gây ra lạm phát. Dù kinh tế hồi phục có thể khiến giá hàng hóa tăng, về cơ bản, đây lại là một động lực giảm lạm phát khác.</p>	<p>Lạm phát hạ nhiệt, các ngân hàng trung ương tạm dừng thắt chặt chính sách tiền tệ</p> <p>Kinh tế suy yếu tại phương Tây và Trung Quốc trở lại sẽ hạ nhiệt lạm phát trong suốt năm 2023, với năng lượng và hàng tiêu dùng hạ áp lực giá nhiều nhất trong các tháng tới.</p> <p>Số lượng việc làm còn trống sẽ tiếp tục là chỉ báo quan trọng. Hoạt động nhà việc có vẻ đang giảm bớt, và với việc lý do nhảy việc chủ yếu là lương cao hơn, đây là dấu hiệu tăng trưởng lương sẽ hạ nhiệt.</p> <p>Với lạm phát và tăng trưởng lương hạ nhiệt, lãi suất Fed dự kiến sẽ đạt mức đỉnh quanh 4,5-5% vào quý I/2023; ECB quanh 2,5-3% vào cùng thời gian. BoE có thể cần đến quý II để đưa lãi suất lên mức đỉnh 4-4,5%, do lạm phát tại đây dường như dai dẳng hơn. Ngoài ra, với việc lãi suất đã tăng tương đối và nguồn cung trái phiếu dồi dào, hoạt động thắt chặt định lượng sẽ không ảnh hưởng nhiều.</p> <p>Lạm phát sẽ không quá nghiêm trọng</p> <p>Trong các tháng tới, lạm phát sẽ bắt đầu phản ứng với hoạt động kinh tế suy yếu. Dù lạm phát khó giảm nhanh xuống 2%, các ngân hàng trung ương vẫn có thể tạm dừng tăng lãi suất nếu thực sự lạm phát đang đi đúng hướng.</p>

Nhận định	Tăng trưởng kinh tế	Lạm phát
<p>Nhận định của ING</p>	<p>Mỹ: Thị trường nghi ngờ mục tiêu của Fed</p> <p>Nền kinh tế trải qua nửa sau năm 2022 đầy bùng nổ. Biên chế và tiền lương tiếp tục tăng, hộ gia đình vẫn chi tiêu khi Fed giảm tốc độ tăng lãi suất. Các quan chức Mỹ cho biết có thể sẽ không giảm lãi suất cho đến 2024 do lo ngại về sự gia tăng kéo dài của lạm phát dịch vụ. Tuy nhiên, lạm phát lõi hạ nhiệt, dữ liệu thị trường nhà ở và niềm tin kinh doanh xấu đi khiến thị trường dự đoán lãi suất sẽ bắt đầu giảm vào nửa sau năm 2023.</p> <p>Eurozone: Suy thoái tạm thời được ngăn chặn nhờ giá năng lượng hạ nhiệt</p> <p>Giá khí đốt tự nhiên giảm do thời tiết mùa thu ẩm áp bất thường, tâm lý tiêu cực đã được ngăn chặn tạm thời dù hầu hết các chỉ báo vẫn còn yếu. Tuy nhiên, suy thoái chỉ được ngăn chặn tạm thời.</p> <p>Trong năm 2023, tăng trưởng dự báo sẽ giảm sâu, bởi lãi suất tăng cao sẽ bắt đầu gây ảnh hưởng, giá năng lượng vẫn cao, trong khi kích thích ngân sách chắc chắn sẽ giảm dần trong năm 2023. Lạm phát giảm xuống còn 10% vào tháng 11, nhưng vẫn ở mức cao, còn lạm phát lõi vẫn kẹt ở mức 5%. ECB có thể tăng lãi suất thêm 50 bp vào quý I/2023, cũng như bắt đầu thu hẹp dần bảng cân đối kế toán, mặc dù thời gian đầu tốc độ sẽ rất chậm.</p> <p>Anh: Thị trường tài chính ổn định và việc trì hoãn thi hành chính sách tài khóa thắt chặt cũng không đủ để ngăn chặn suy thoái</p> <p>Thị trường tài chính dần ổn định và một số đợt tăng thuế đã cho phép Bộ trưởng Tài chính hoãn việc cắt giảm chi tiêu cho đến sau cuộc bầu cử tiếp theo vào năm 2024/25 trong Tuyên bố Mùa thu của mình. Tuy nhiên, hỗ trợ năng lượng sẽ suy giảm một cách đáng kể với các hộ gia đình từ tháng 4 và thị trường nhà ở cho thấy dấu hiệu chứng lại ban đầu. Giờ đây suy thoái là điều khó tránh được, dù phải đến quý I/2023 mới thấy những dấu hiệu quan trọng của suy thoái. ING kỳ vọng BoE sẽ tăng 50bp nữa vào tháng 2/2023, đánh dấu đỉnh chu kỳ thắt chặt.</p> <p>Trung Quốc: Số ca Covid không ngừng tăng gây áp lực lớn</p> <p>Dù chính phủ đã tăng hỗ trợ các nhà phát triển bất động sản, nhiều dự án vẫn đang bị bỏ dở. Đa số các dự án do chính quyền địa phương chỉ đạo tìm kiếm công ty tư nhân để hoàn thành xây dựng. Điều này cần thời gian, nên thị trường nhà đất khá im ắng khi giá nhà tiếp tục giảm.</p> <p>Về Covid, nhiều địa phương đã nới lỏng biện pháp phòng dịch. Nhưng số ca mắc vẫn tăng cho thấy tác động hạn chế của sự điều chỉnh này lên nền kinh tế. Giãn cách cục bộ sẽ tiếp tục, ảnh hưởng xấu đến doanh số bán lẻ và sản xuất. Doanh số bán lẻ chạm đáy vào tháng 10/2022. Xuất khẩu sẽ yếu kém do lạm phát cao ở châu Âu và Mỹ. Yếu tố duy nhất hỗ trợ nền kinh tế hiện tại là chi tiêu tài khóa vốn đang đổ vào lĩnh vực công nghệ cao và năng lượng mới.</p>	<p>Mỹ: Lạm phát lõi đã giảm mạnh & lạm phát giảm nhanh hơn dự đoán của nhiều nhà hoạch định chính sách</p> <p>Ở Mỹ, lạm phát lõi đã giảm mạnh, một số khảo sát cho thấy quyền định giá của doanh nghiệp đã giảm trên diện rộng khi họ thận trọng hơn về triển vọng và trong bối cảnh mức tồn kho đang tăng lên. Các quan chức Fed cũng cảnh báo về lạm phát dịch vụ trừ nhà ở (chiếm 25% rổ lạm phát) và tiền lương tăng cao gần đây khiến họ càng phải cân nhắc. ING tin rằng tỷ lệ đóng góp cao của nhà ở và ô tô đã qua sử dụng trong thước đo lạm phát (hơn 40% rổ lạm phát) có thể giúp lạm phát giảm nhanh hơn dự đoán của nhiều nhà hoạch định chính sách.</p> <p>Eurozone: Lạm phát có thể dai dẳng hơn</p> <p>Ở Eurozone, lạm phát có thể dai dẳng hơn nếu nhận định về nhà ở của ING chính xác và giá khí đốt vẫn cao trong mùa đông 2023. Việc giá khí đốt bán buôn cao hơn được chuyển sang người tiêu dùng diễn ra theo từng đợt và sẽ tiếp tục kéo dài khá lâu trong năm nay. Do đó, lạm phát sẽ giảm từ từ và ECB sẽ chỉ đạt được lạm phát mục tiêu 2% vào 2024.</p> <p>Đến năm 2024, lạm phát có thể về mức mục tiêu 2%, nhưng sẽ biến động mạnh trong dài hạn</p> <p>Kịch bản cơ sở của ING là lạm phát các nước phát triển sẽ giảm về mức 2% vào năm 2024. Tuy nhiên, trong dài hạn, sự dịch chuyển cấu trúc của kinh tế toàn cầu có thể đẩy giá tăng cao dẫn đến lạm phát. Phi toàn cầu hóa - tái cơ cấu chuỗi cung ứng nhưng cũng tạo ra rào cản thương mại mới - sẽ là chi phí mới của doanh nghiệp. Thay đổi thời tiết và quá trình chuyển đổi phát thải ròng về số 0 khiến chi phí năng lượng và hàng hóa tăng, gây ra biến động lạm phát mạnh hơn trong những năm tới.</p>

Nhận định	Tăng trưởng kinh tế	Lạm phát
Nhận định của Credit Suisse	<p>Hoa Kỳ: Tăng trưởng sụt giảm</p> <p>Theo ước tính của Credit Suisse, tăng trưởng trung bình của Mỹ sẽ gần bằng 0% vào năm 2023 và duy trì ở mức 0,5% trong quý IV/2023 so với cùng kỳ năm trước. Xác suất xảy ra suy thoái là rất lớn (hơn 40%), nhưng suy thoái không nằm trong kịch bản cơ sở của Credit Suisse. Điều kiện tài chính thắt chặt hơn dẫn đến chi tiêu theo chu kỳ điều chỉnh tăng, cụ thể là tiêu thụ hàng hóa và nhà ở, nhưng băng cân đối kế toán lành mạnh và thị trường lao động mạnh mẽ sẽ đóng vai trò như một tấm khiên chống lại suy thoái, một phần nhờ vào sự phục hồi liên tục trong chi tiêu cho các dịch vụ.</p> <p>Eurozone: Khủng hoảng năng lượng tiếp tục chi phối</p> <p>Credit Suisse cho rằng suy thoái xảy ra ở Eurozone vào quý IV/2022 và sẽ kéo dài đến cuối quý I/2023, mức giảm từ đỉnh xuống đáy của GDP là 1%. Hỗ trợ chính sách tài khóa, thị trường lao động thắt chặt và mức tiết kiệm cao sẽ giảm độ nghiêm trọng của suy thoái, nhưng vẫn tồn tại rủi ro trong bối cảnh nguồn cung khí đốt bất ổn.</p> <p>Anh: Độ tín nhiệm là một câu hỏi lớn</p> <p>Vương Quốc Anh đã bước vào suy thoái trong quý III/2022. Credit Suisse kỳ vọng kinh tế Anh sẽ tiếp tục trì trệ trong nửa đầu năm 2023, với mức giảm từ đỉnh xuống đáy của GDP là 1,1%. Gói kích thích tài chính của Anh có thể dẫn đến một cuộc suy thoái ít nghiêm trọng hơn vào mùa đông, nhưng vẫn có nguy cơ tăng trưởng âm, do sự đảo ngược một số biện pháp kích thích tài khóa, cắt giảm chi tiêu, giảm dần hỗ trợ năng lượng và thắt chặt điều kiện tài chính.</p> <p>Trung Quốc: Hồi phục nhẹ trong năm 2023</p> <p>Credit Suisse kỳ vọng tăng trưởng Trung Quốc dưới mức đồng thuận là 4,5% vào năm 2023, tăng 3,3% so với năm 2022. Tiềm năng tăng trưởng thấp hơn, củng cố tài khóa và chính phủ thay đổi chính sách Zero-Covid một cách thận trọng sẽ gây ra hạn chế với nền kinh tế. Doanh số bán đất có thể tiếp tục giảm sau năm 2022 sẽ kéo dài nguy cơ chính quyền địa phương do dự với các chính sách dù tình trạng gián đoạn cuối cùng do Covid-19 đã kết thúc. Yếu tố quyết định là Trung Quốc có thể thoát khỏi những gián đoạn này nhanh như thế nào, và Credit Suisse cho rằng họ sẽ tiến hành chậm rãi. Theo thời gian, Credit Suisse dự báo Trung Quốc sẽ mở cửa chậm hơn 6 tháng so với Hồng Kông. Do đó, bất kỳ động thái mở cửa quan trọng nào dự kiến sẽ chỉ diễn ra vào cuối quý I/2023.</p> <p>Nhật Bản: Tiến tới dịch chuyển chính sách</p> <p>Kinh tế Nhật Bản sẽ tăng trưởng nhẹ ở mức 0,5% vào năm 2023, được hỗ trợ bởi việc nới lỏng các biện pháp phòng Covid-19 và thị trường lao động phục hồi. Vẫn chưa rõ JPY suy yếu mang lại bao nhiêu lợi ích cho xuất khẩu của Nhật khi mạng lưới cung ứng bị thiệt hại và chu kỳ điện tử toàn cầu gặp áp lực.</p>	<p>Hoa Kỳ: Lạm phát sẽ dần ôn hòa hơn, nhưng lạm phát chỉ tiêu dùng cá nhân (PCE) lõi - thước đo lạm phát yêu thích của Fed - có thể duy trì ở mức cao 3% vào cuối năm 2023. Do đó, Credit Suisse kỳ vọng Fed sẽ tiếp tục thắt chặt mạnh mẽ, tăng lãi suất thêm 100 bp vào cuối quý I/2023, đánh dấu lãi suất đạt đỉnh ở mức 4,75%-5% và duy trì ổn định trong năm 2023.</p> <p>Eurozone: Lạm phát có thể đạt đỉnh nhưng chỉ giảm dần khi áp lực giá lan rộng và tăng trưởng tiền lương đạt mức ổn định. Credit Suisse dự báo lạm phát cao sẽ còn dai dẳng và đồng tiền suy yếu sẽ thúc đẩy ECB thắt chặt mạnh tay đến khi lãi suất dài hạn đạt mức 3% vào đầu năm 2023. Khó có khả năng ECB cắt giảm lãi suất trong năm 2023.</p> <p>Anh: Lạm phát sẽ đạt đỉnh trong ngắn hạn, nhưng Credit Suisse nhận định lạm phát sẽ chỉ giảm từ từ và duy trì trên mức mục tiêu trong năm 2023. Hỗ trợ tài chính đang duy trì áp lực lạm phát cơ bản tăng trong trung hạn. Gói tài khóa đắt đỏ của chính phủ và phản ứng của BoE đã thách thức niềm tin của thị trường vào chính sách của Anh. Ở một mức độ nào đó, niềm tin đã được phục hồi nhờ sự đảo ngược ở các thái cực của gói tài khóa và công bố một kế hoạch đáng tin nhiệm về mặt tài khóa. Việc khôi phục uy tín hoàn toàn đòi hỏi BoE phải thắt chặt tiền tệ liên tục. Credit Suisse kỳ vọng lãi suất tăng lên mức 4,5% vào giữa năm 2023.</p> <p>Nhật: Thay đổi quan trọng mà ta thấy ở nền kinh tế Nhật Bản là lạm phát có thể duy trì trên mức mục tiêu 2% trong nửa đầu năm 2023. Credit Suisse cho rằng điều này cùng với việc JPY chịu áp lực do quan điểm của Fed sẽ khiến BoJ thay đổi chính sách kiểm soát đường cong lợi suất vào đầu năm 2023 để lợi suất tăng nhẹ.</p>

Nhận định	Tăng trưởng kinh tế	Lạm phát
Nhận định của Morgan Stanley	<p>Mỹ: Hạ cánh mềm và hồi phục chậm</p> <p>Sự kết hợp của tăng trưởng suy yếu và lạm phát hạ nhiệt sẽ khiến Fed giảm tốc độ tăng lãi suất. Morgan Stanley dự báo đỉnh lãi suất sẽ ở mức 4,5-4,75% trong tháng 1/2023, giữ tại đó cho tới hết năm và giảm dần trong năm 2024. Kinh tế Mỹ sẽ hạ cánh mềm và hồi phục nhẹ, thay vì hạ cánh cứng và hồi phục nhanh. Hơn nữa, dù doanh nghiệp đang giảm tốc độ tuyển dụng, biên chế tinh gọn cùng khó khăn trong việc tìm kiếm lao động có tay nghề khiến kịch bản sa thải hàng loạt khó xảy ra trong năm 2023. Tăng trưởng lao động ròng đã giảm đáng kể cuối năm ngoái, cùng với tỷ lệ tham gia lực lượng lao động không thay đổi nhiều, sẽ khiến thất nghiệp tăng (nhưng vẫn ở mức vừa phải), lên 4,3% vào cuối năm.</p> <p>Eurozone và Anh: Nhiều khó khăn phía trước</p> <p>Morgan Stanley dự báo kinh tế Eurozone sẽ suy giảm 0,2% trong năm 2023 trước khủng hoảng năng lượng và chính sách tiền tệ thắt chặt. Lạm phát sẽ duy trì trên mức mục tiêu suốt năm 2023, dù đã giảm về dưới 10%. ECB sẽ tăng lãi suất lên 2,5% trong quý I/2023 trước khi bắt đầu hạ lãi suất đầu năm 2024. Tăng trưởng năm 2024 sẽ đạt 0,9%.</p> <p>Về mặt tích cực, thất nghiệp trong khu vực vẫn đang ở mức thấp kỷ lục 6,5%, biên chế và giờ làm việc đều cao hơn cuối năm 2019 và tỷ lệ tham gia lực lượng lao động cao hơn trước giai đoạn khủng hoảng năng lượng. Dù thị trường lao động có thể suy yếu, thất nghiệp sẽ tăng không đáng kể.</p> <p>Trong khi đó, tại Anh, do lạm phát 2 chữ số, GDP được dự báo suy giảm 1,5% trong năm 2023, mức giảm lớn nhất trong số các quốc gia phát triển. BoE do đó sẽ kết thúc chu kỳ thắt chặt tại mức lãi suất 4% và hạ lãi suất đầu năm 2024. Thu nhập khả dụng giảm sẽ tiếp tục gây ảnh hưởng lên chi tiêu tiêu dùng, cùng với bất ổn kinh tế khiến nhiều người chuyển sang tiết kiệm. Ngoài ra, lãi suất thế chấp tăng sẽ siết nhu cầu bất động sản nhà ở.</p>	<p>Lạm phát đã chạm đỉnh trong quý IV/2022. Nhu cầu giảm, giá cả được chiết khấu do thừa cung và giá nhà giảm, cùng nhiều yếu tố khác, sẽ tiếp tục hạ nhiệt lạm phát, khiến các ngân hàng trung ương toàn cầu tạm dừng tăng lãi suất và đánh giá lại chu kỳ thắt chặt lịch sử này.</p>





Nhận định	Tăng trưởng kinh tế	Lạm phát
<p>Nhận định của Morgan Stanley</p>	<p>Châu Á: Triển vọng lạc quan, với ba nền kinh tế lớn sẽ là đầu tàu tăng trưởng của phương Đông</p> <p>Tại Trung Quốc, chi tiêu tư nhân hồi phục có thể giúp kinh tế phục hồi nhẹ trong năm tới. Morgan Stanley dự báo GDP Trung Quốc tăng trưởng 5% trong năm 2023, với phần lớn động lực tăng trong H2/2023, khi nước này đã giải quyết xong vấn đề Covid và chính sách chống dịch. Đây là một cải thiện đáng kể so với dự báo 3,2% trong năm 2022, mức giảm rất sâu so với trung bình của thập kỷ trước.</p> <p>Tại Nhật Bản, kinh tế phát triển cùng dân số già đã kìm hãm tăng trưởng bất chấp tình hình vĩ mô ổn định. Morgan Stanley dự báo GDP Nhật Bản tăng 1,2% trong năm 2023. Các hộ gia đình đang có lượng tiền tiết kiệm khổng lồ và điều này sẽ hỗ trợ tăng trưởng trong năm nay.</p> <p>Tại Ấn Độ, GDP được dự báo sẽ tăng 6,2% trong năm 2023 và 6,4% trong năm 2024, được hỗ trợ bởi hạ tầng kỹ thuật số tiên tiến. Với đà này, Ấn Độ sẽ vượt Nhật Bản và Đức để trở thành nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới vào năm 2027. Ấn Độ có đủ điều kiện để kinh tế bùng nổ, với hoạt động offshoring mạnh mẽ, đầu tư sản xuất và chuyển đổi năng lượng.</p> <p>Không chỉ các nền kinh tế lớn nhất tại châu Á sẽ hưởng lợi. Nhiều quốc gia khác trong khu vực được dự báo tăng trưởng ổn định trong năm nay, và đây sẽ là dấu hiệu tốt cho kinh tế toàn cầu. Bình thường hóa tại châu Á sẽ giúp giải tỏa nhiều vấn đề: kích thích nhu cầu xuất khẩu tại châu Âu, cải thiện chuỗi cung ứng và hạ nhiệt lạm phát, cho phép các thị trường mới nổi thoát khỏi chu kỳ bị kìm hãm bởi USD.</p>	

Nhận định	Tăng trưởng kinh tế	Lạm phát
<p>Nhận định của Deutsche Bank</p>	<p>Đối với Mỹ & Châu Âu:</p> <p>Động lực kinh tế yếu sẽ tiếp tục kéo dài sang đầu năm 2023. Cả Châu Âu và Mỹ đều đang kẹt giữa chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm kiểm chế cả lạm phát và chính sách tài khóa mở rộng nhằm thúc đẩy nền kinh tế cũng như giảm bớt tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng cùng nhiều vấn đề khác. Với Eurozone, điều này đồng nghĩa với việc lãi suất tiền gửi của ECB được kỳ vọng sẽ tăng lên 3% trong năm, còn Đức đã lên kế hoạch kích thích tài khóa tương đương khoảng 7,5% GDP.</p> <p>Deutsche dự báo một cuộc suy thoái nhẹ tại Eurozone vào đầu năm 2023. Với đà phục hồi bắt đầu tăng tốc từ quý II, tăng trưởng kinh tế cho cả năm 2023 dự kiến sẽ đạt 0,3%. Rủi ro chính vẫn là vấn đề năng lượng, cùng khả năng thiếu khí đốt vào mùa đông 2023/2024.</p> <p>Mỹ cũng có thể hạ cánh mềm, với kinh tế giảm tốc nhưng vẫn chưa khiến tỷ lệ thất nghiệp tăng đáng kể (và vẫn còn rất nhiều việc làm trống). Bằng chứng ngày càng tăng về xu hướng lạm phát suy yếu tại đây có thể khiến Fed chuyển hướng sang mục tiêu tăng trưởng kinh tế, với việc giảm tốc độ tăng lãi suất trong thời gian tới. Nếu lạm phát tiếp tục giảm và Fed không cần can thiệp mạnh tay, kinh tế Mỹ có thể tăng trưởng trở lại vào nửa sau năm 2023, và chốt năm tăng 0,4%.</p> <p>Đối với Trung Quốc:</p> <p>Động lực tăng trưởng kinh tế tại Trung Quốc sẽ mạnh hơn nhiều trong năm nay. Deutsche Bank kỳ vọng tăng trưởng tại Trung Quốc đạt 5% vào năm 2023, sau khi tăng trưởng 3% trong năm 2022. Tiềm năng tăng trưởng kinh tế dài hạn sẽ phụ thuộc vào các yếu tố sản xuất như lao động, nguồn vốn và đổi mới công nghệ. Tầm quan trọng của công nghệ đã được nhấn mạnh bởi tình trạng thiếu lao động lành nghề trên toàn cầu và yêu cầu trong việc sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên. Tăng trưởng năng suất và cùng với đó là tiềm năng tăng trưởng kinh tế đã giảm đáng kể trong những thập kỷ gần đây, đặc biệt là ở các thị trường phát triển.</p> <p>Các nền kinh tế đã và đang hành động để chống lại điều này. Tại các thị trường phát triển, đang có sự tập trung rõ ràng vào việc tăng năng suất trong lĩnh vực dịch vụ, mảng chiếm tới 80% lực lượng lao động. Các công nghệ chính bao gồm dịch vụ đám mây, trí tuệ nhân tạo và số hóa. Tăng cường tự động hóa trong công nghiệp cũng có thể cải thiện năng suất, đặc biệt là ở các nền kinh tế mới nổi. Năng suất công nghệ sẽ được thúc đẩy nhờ kinh tế quy mô - chẳng hạn như nhờ sự thâm nhập thị trường ngày càng tăng của bộ phận năng lượng tái tạo và công nghệ pin.</p> <p>Do đó, phát triển kinh tế sau năm 2023 sẽ phụ thuộc nhiều vào sự thành công trong việc thương mại hóa công nghệ mới và tích hợp chúng vào chu kỳ kinh tế. Về lâu dài, công nghệ là chìa khóa để đẩy mạnh tăng trưởng.</p>	<p>Lạm phát vẫn sẽ cao hơn nhiều so với mục tiêu mà các ngân hàng trung ương tại Châu Âu và Hoa Kỳ đặt ra vào năm 2023. Lạm phát toàn phần đã tạo đỉnh tại Mỹ, nhưng rất có thể sẽ tăng tiếp tại Đức và Eurozone cho đến tháng 2-3/2023. Nhìn chung, trong năm 2023, Deutsche kỳ vọng lạm phát Đức đạt 7.0%, Eurozone đạt 6.0% và Mỹ đạt 4.1%. Lạm phát sẽ tiếp tục dai dẳng sau năm 2023, rất khó để về mức thường thấy trước giai đoạn Covid trong tương lai gần.</p> <p>Năng lượng sẽ tiếp tục là động lực lớn của lạm phát. Giá dầu giảm nhẹ gần đây có thể kéo theo một đợt tăng rõ rệt khác vào năm tới, do các yếu tố bên cầu như sự tăng tốc của kinh tế Trung Quốc và cả bên cung như việc OPEC+ cắt giảm sản lượng và công ty dầu không đủ năng lực sản xuất do thiếu vốn đầu tư những năm gần đây. Những nỗ lực của Liên minh Châu Âu và Mỹ nhằm loại bỏ dầu Nga khỏi thị trường cũng sẽ gây thêm áp lực. Giá khí đốt đã giảm gần đây, nhưng vẫn cao hơn nhiều so với trước chiến dịch quân sự đặc biệt của Nga đối với Ukraine. Mức tiêu thụ khí đốt hiện tại cũng như việc bổ sung kịp thời dự trữ cho mùa đông 2023/2024 sẽ rất quan trọng.</p> <p>Do đó, các ngân hàng trung ương đang quan tâm nhiều hơn đến lạm phát cơ bản, loại bỏ giá năng lượng và lương thực biến động mạnh. Lạm phát cơ bản phản ứng mạnh mẽ hơn với lãi suất so với lạm phát toàn phần, chủ yếu đến từ vấn đề nguồn cung. Chu kỳ tăng lãi suất bắt đầu tương đương đối tượng của ECB có thể liên quan đến sự thay đổi trọng tâm này.</p> <p>Nhìn chung, các ngân hàng trung ương lớn sẽ giữ chính sách tiền tệ tương đối thắt chặt. Tuy nhiên, vẫn có nguy cơ lạm phát tăng cao hơn dự kiến, buộc các ngân hàng trung ương phải can thiệp mạnh hơn.</p>



Nhận định	Tăng trưởng kinh tế	Lạm phát
<p>Nhận định của S&P Global</p>	<p><i>Suy thoái được cho là điều không thể tránh khỏi khi lãi suất tăng nhanh nhất trong bốn thập kỷ, căng thẳng địa chính trị kéo dài và gián đoạn nguồn cung năng lượng do chiến dịch quân sự đặc biệt của Nga đối với Ukraine.</i> Tương tự với quan điểm này, các chỉ số tâm lý như PMI đã báo hiệu đà suy yếu mạnh mẽ trong nhiều tháng tới. Một loạt các chỉ số niềm tin người tiêu dùng và doanh nghiệp cũng đưa ra những tín hiệu tương tự.</p> <p><i>Tuy nhiên, các dữ liệu hoạt động không cho thấy điều tương tự và GDP quý III/2022 bất ngờ hồi phục.</i> Nền kinh tế Mỹ tăng trưởng 2,6% so với năm ngoái do tăng trưởng tiêu dùng chậm lại nhưng vẫn ghi nhận con số dương, đặc biệt là trong lĩnh vực dịch vụ, và xuất khẩu đã bù đắp cho sự yếu kém trong lĩnh vực bất động sản vốn nhạy cảm với lãi suất. Nền kinh tế Eurozone gây bất ngờ khi tăng trưởng toàn diện, dự kiến sản lượng tăng 0,8% hàng năm, và tất cả các quốc gia lớn bao gồm cả Đức đều ghi nhận sản lượng cao hơn. Trung Quốc cũng mang đến bất ngờ tương tự, tăng trưởng ở mức 3,9% hàng năm nhờ xuất khẩu rùng và chi tiêu chính phủ. Lĩnh vực bất động sản vẫn còn khó khăn do chính sách hạn chế đối với lĩnh vực nhà ở và các biện pháp phòng dịch Covid-19 nghiêm ngặt.</p> <p><i>Nền kinh tế Mỹ ghi nhận tốc độ tăng trưởng vẫn ở mức vừa phải,</i> mặc dù sản lượng trong quý III/2022 bất ngờ tăng 2.6% so với cùng kỳ năm ngoái. Doanh số bán lẻ tăng trở lại trong tháng 10, nhưng dữ liệu tâm lý người tiêu dùng và doanh nghiệp mới nhất tiếp tục giảm, cả hai chỉ số vẫn ở trên mức trung bình 50. Biên chế trong tháng Mười cũng tăng mạnh, áp lực bắt đầu xuất hiện ở các lĩnh vực nhạy cảm với lãi suất như bất động sản. Lạm phát tháng Mười giảm xuống mức 7,7% so với cùng kỳ năm ngoái và thấp hơn dự kiến, lạm phát lõi cũng giảm xuống còn 6,3%. Tuy nhiên, Fed vẫn thắt chặt mạnh tay, tăng lãi suất thêm 75 bp lần thứ Tư liên tiếp vào đầu tháng 11. S&P dự báo Mỹ tăng trưởng 1,8% trong năm 2022 và tăng trưởng âm nhẹ vào năm 2023 cùng suy thoái không quá nghiêm trọng vào nửa đầu năm 2023.</p>	<p><i>Lạm phát vẫn cao một cách dai dẳng, đặc biệt ở các nền kinh tế lớn.</i> Lãi suất đã tăng lên tới 400bp tại Mỹ và Canada (các quốc gia khác tăng ít hơn), nhưng lạm phát vẫn chưa đạt đỉnh. Lạm phát từ phía cung đã bắt đầu ôn hòa hơn khi chuỗi cung ứng bình thường hóa và giá năng lượng và thực phẩm dần ổn định ít nhất là cho đến hiện tại. Tuy nhiên, lạm phát từ phía cầu - bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi chính sách của ngân hàng trung ương - vẫn chưa hạ nhiệt. Điều này cho thấy lãi suất cần tăng hơn nữa. Độ trễ kéo dài và biến động của chính sách tiền tệ khiến bức tranh u ám hơn.</p> <p>Thị trường lao động vẫn khá kiên cường và là điểm nhấn trong câu chuyện suy thoái theo quan điểm của S&P Global. Tăng trưởng việc làm đã chậm lại ở hầu hết các nền kinh tế do hoạt động kinh tế giảm sút, dù vậy vẫn đủ giữ cho tỷ lệ thất nghiệp ở gần mức thấp nhất trong bốn thập kỷ. Những lĩnh vực nhạy cảm với lãi suất như bất động sản và hàng hóa bền vững đã suy yếu, nhưng hoạt động và nhân sự ngành dịch vụ vẫn duy trì. Và chứng nào người dân vẫn còn việc làm hoặc nghĩ rằng họ sẽ có việc làm, họ sẽ tiếp tục chi tiêu, có thể là điều độ hơn, và hỗ trợ hoạt động của nền kinh tế.</p>

Nhận định	Tăng trưởng kinh tế	Lạm phát
<p>Nhận định của Wells Fargo</p>	<p><i>Wells Fargo cho rằng kinh tế Mỹ và toàn cầu sẽ đối mặt với suy thoái nhẹ trong suốt mùa hè năm 2023, sau đó phục hồi vào nửa cuối năm, kéo dài sang năm 2024. Lạm phát giảm sẽ là chủ đề chính trong năm 2023, định hình quỹ đạo của tăng trưởng kinh tế và lãi suất.</i></p> <p>Các nền kinh tế định hướng sản xuất, nhạy cảm với thương mại sẽ đối mặt với suy thoái kinh tế mạnh hơn do lãi suất tăng và áp lực thanh khoản thị trường nghiêm trọng hơn so với Mỹ. Chi phí nhiên liệu đã tăng cao hơn. Triển vọng xuất khẩu đang bị kìm hãm bởi đà tăng trưởng kinh tế suy giảm ở Trung Quốc, triển vọng thương mại thế giới mờ mịt và áp lực từ việc USD tăng trong năm 2023. Ngay cả khi USD đi ngang, thậm chí đảo ngược một phần vào năm 2023, sức mạnh còn lại của đồng bạc xanh vẫn sẽ hạn chế các cơ hội đầu tư nước ngoài.</p> <p>Mỹ sẽ tránh một số thách thức góp phần gây ra suy thoái sâu và phục hồi kéo dài trong quá khứ. Tài chính hộ gia đình và ngân hàng đang ở tình trạng khá tốt. Nền kinh tế cũng được hỗ trợ bởi một thị trường lao động mạnh mẽ. Wells Fargo cũng dự báo lạm phát sẽ giảm vào năm 2023 để giảm bớt áp lực mất sức mua và lãi suất nhằm giảm bớt suy thoái kinh tế.</p> <p>Suy thoái kinh tế toàn cầu sẽ kết thúc vào khoảng giữa năm 2023. Một đợt suy thoái sâu khó xảy ra, nhưng cũng cần theo dõi hai rủi ro chính. Đầu tiên là rủi ro các điều kiện tài chính thắt chặt do lãi suất cao hơn, Fed thắt chặt định lượng và giảm tăng trưởng cung tiền. Thứ hai, bất kỳ sự thiếu hụt hàng hóa mới nào cũng có thể khiến giá nguyên vật liệu tăng, kéo dài lạm phát và chính sách tiền tệ hạn chế, và do đó kéo dài suy thoái.</p>	<p><i>Wells Fargo tin rằng lạm phát sẽ giảm xuống dưới 3% vào cuối năm 2023, do những yếu tố khiến giá cả tăng mạnh đang dần suy yếu:</i></p> <p>Suy thoái kinh tế sẽ làm giảm nhu cầu đối với một loạt hàng hóa và dịch vụ nhạy cảm với nền kinh tế, như du lịch và giải trí. Lạm phát giá hàng hóa đã bắt đầu phản ứng với việc dịch chuyển chi tiêu sang dịch vụ và giảm chi phí vận chuyển hàng hóa vào năm 2022.</p> <p>Lạm phát các loại sản phẩm ít nhạy cảm hơn với nền kinh tế - không bao gồm nhà ở - đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 12/2021 vào cuối tháng 9/2022.</p> <p>Giá nhà sẽ tiếp tục hạ nhiệt, còn lãi suất thế chấp cao cùng hoạt động kinh tế trì trệ sẽ ngăn cản thị trường hồi phục.</p>

Nguồn: Báo cáo triển vọng kinh tế thế giới 2023 IMF; Báo cáo triển vọng kinh tế toàn cầu 2023 World Bank; Báo cáo triển vọng đầu tư 2023 JP Morgan; Báo cáo triển vọng toàn cầu 2023 ING; Báo cáo triển vọng đầu tư 2023 Credit Suisse; Báo cáo triển vọng đầu tư 2023 Morgan Stanley; Báo cáo triển vọng đầu tư 2023 Deutsche Bank; Báo cáo triển vọng vĩ mô 2023 S&P Global; Báo cáo triển vọng đầu tư 2023 Wells Fargo

Về Động lực, những xúc tác chính hỗ trợ nền kinh tế vĩ mô, đặc biệt là những nền kinh tế mới nổi trong năm 2023:

Fed tạm dừng tăng lãi suất

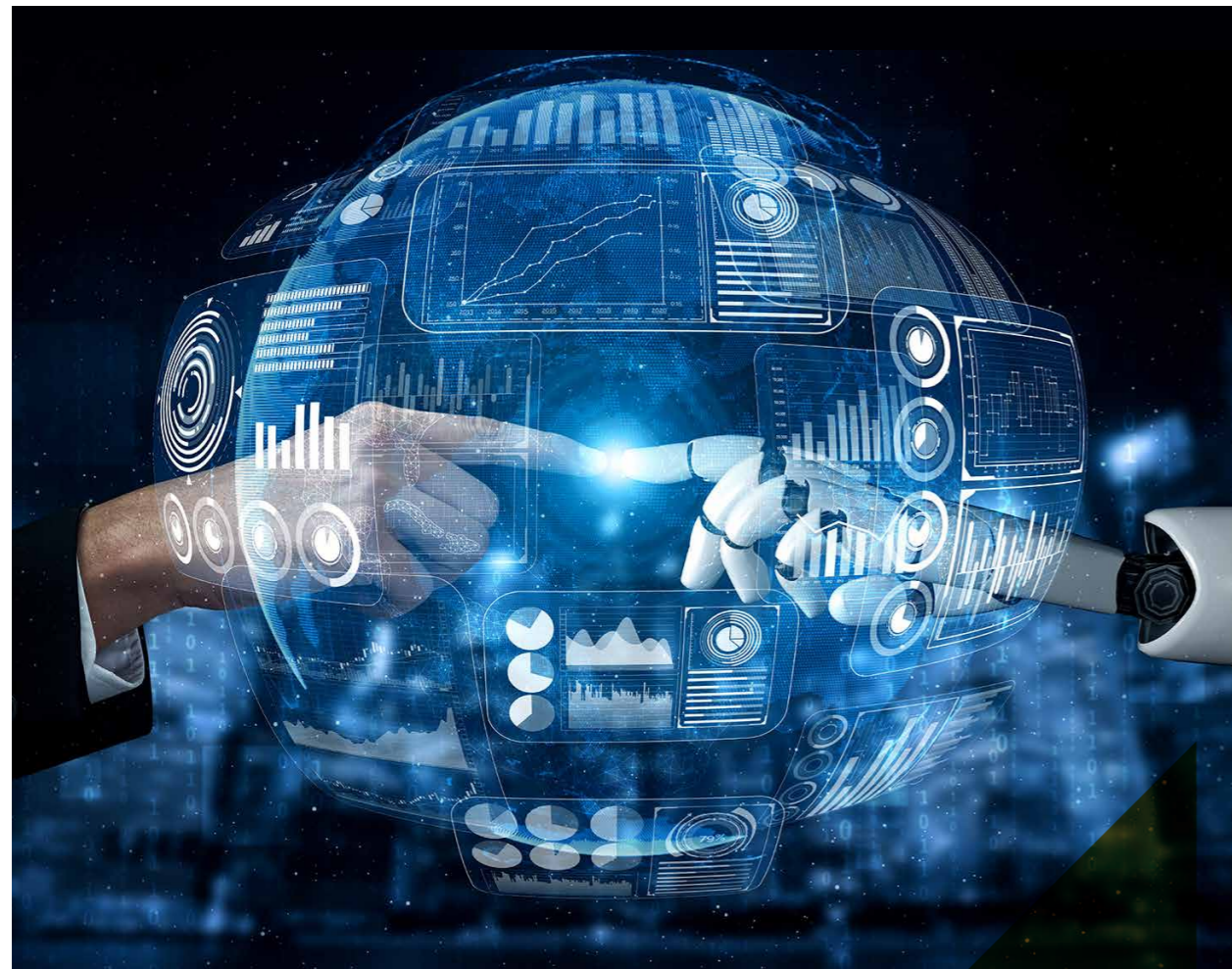
Lãi suất, giá năng lượng và chi phí đầu vào tăng và hành vi tiêu dùng thay đổi đang siết nhu cầu hàng hóa và hoạt động sản xuất. Với kịch bản cơ sở là suy thoái nhẹ tại Mỹ và châu Âu, lạm phát hạ nhiệt và Fed sớm dừng thắt chặt trong năm 2023, cổ phiếu chu kỳ (công nghệ) và thị trường mang tính chu kỳ (Hàn Quốc, Đài Loan) sẽ hưởng điều kiện thuận lợi hơn và nền kinh tế dự kiến sẽ sớm hồi phục.

Trung Quốc từ bỏ Zero-Covid

Dù vẫn còn hiện tượng phong tỏa cục bộ, Trung Quốc cũng đã nói lỏng rất nhiều, và đây sẽ là xúc tác cho nhu cầu hồi phục.

Rủi ro chính trị suy yếu

Vấn đề địa chính trị cũng đã gây sức ép lên kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính, từ chiến dịch quân sự đặc biệt của Nga đối với Ukraine, đến căng thẳng Trung-Mỹ. Dù điều này rất khó đoán trước, giới đầu tư cũng cần thừa nhận rủi ro chính trị suy yếu là một kịch bản khả thi. Trung Quốc cần nhu cầu từ quốc tế, và người tiêu dùng quốc tế cần hàng hóa Trung Quốc, một mối quan hệ đôi bên có lợi.



Về Rủi ro, IMF nhận định một số rủi ro chính sau có thể ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng toàn cầu:

- ▶ **Thứ nhất, những sai lầm về chính sách.** Chính sách tiền tệ chưa đủ thắt chặt hoặc thắt chặt quá mức. Một mặt, chính sách tiền tệ chưa đủ thắt chặt thì sẽ là nguy cơ khiến lạm phát kéo dài, thúc đẩy quan điểm tăng lãi suất, tạo áp lực chi phí đáng kể đối với hoạt động sản xuất và việc làm. Mặt khác, thắt chặt quá mức có nguy cơ nhấn chìm nhiều nền kinh tế vào suy thoái kéo dài.
- ▶ **Thứ hai, sự khác biệt trong các chính sách kinh tế có thể tiếp tục góp phần làm tăng sức mạnh của đồng đô la Mỹ.** Quá trình thắt chặt chính sách tiền tệ ở Hoa Kỳ và khu vực đồng Euro có thể tiếp tục khác nhau nếu lạm phát kéo dài lâu hơn và việc thắt chặt hơn nữa chính sách tiền tệ khó thực hiện ở khu vực đồng Euro. Năm 2022, đồng đô la đã tăng giá hơn 10% so với đồng Nhân dân tệ, khoảng 15% so với đồng Euro, 20% so với đồng bảng Anh và 25% so với đồng Yên. Do việc định giá đồng đô la chiếm ưu thế trong thương mại quốc tế, các biến động về định giá tiền tệ có thể làm gia tăng căng thẳng xuyên biên giới về khả năng cạnh tranh; gây ra lạm phát ở nhiều nền kinh tế và khiến một số quốc gia thắt chặt chính sách tiền tệ hơn nữa để ngăn chặn đồng tiền mất giá quá mức, gây tác động tiêu cực đến tăng trưởng.
- ▶ **Thứ ba, các tác nhân gây lạm phát tồn tại lâu hơn.** Lạm phát dự kiến sẽ hạ nhiệt vào năm 2023, tuy nhiên tốc độ giảm lạm phát ở các nền kinh tế phát triển nhanh hơn so với ở các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi. Trong khi đó, một số yếu tố có thể khiến việc kiểm soát lạm phát trở nên khó khăn hơn như những cú sốc về giá năng lượng và lương thực, xung đột ở Ukraine và khả năng bùng phát các cuộc xung đột địa chính trị khác.
- ▶ **Thứ tư, tình trạng nợ lan rộng ở các quốc gia đang phát triển và thị trường mới nổi dễ bị tổn thương.** Xung đột ở Ukraine đã làm gia tăng chênh lệch nợ công đối với một số nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi trong bối cảnh nợ kỷ lục do đại dịch gây ra. Nếu lạm phát vẫn ở mức cao, việc thắt chặt chính sách tiền tệ hơn nữa ở các nền kinh tế phát triển có thể gây thêm áp lực lên chi phí đi vay đối với các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi.
- ▶ **Thứ năm, sự bùng phát trở lại của những quan ngại về y tế toàn cầu.** Mặc dù các biến thể vi-rút corona mới nhất ít gây tử vong hơn những biến thể trước đó nhưng chúng cũng rất dễ lây lan. Sự phát triển của các biến thể vi-rút corona mạnh hơn và nguy cơ tử vong vẫn tiềm ẩn rủi ro đối với nền kinh tế toàn cầu. Những khu vực có mức độ phơi nhiễm với các biến thể mới cao nhất và những khu vực có tỷ lệ tiêm chủng thấp như châu Phi có nguy cơ chịu hậu quả nặng nề hơn trong các đợt tái bùng phát đại dịch.
- ▶ **Thứ sáu, khủng hoảng bất động sản ở Trung Quốc ngày càng trầm trọng.** Những rủi ro tiêu cực đối với phục hồi tăng trưởng của Trung Quốc là do sụt giảm đáng kể trong lĩnh vực bất động sản, vốn là động lực tăng trưởng của nền kinh tế nước này.
- ▶ **Cuối cùng, sự phân mảnh của nền kinh tế thế giới cản trở hợp tác quốc tế.** Xung đột ở Ukraine đã làm rạn nứt quan hệ giữa Nga và nhiều quốc gia khác. Những căng thẳng địa chính trị mới như ở Đông Á và nhiều nơi khác có nguy cơ xảy ra thường xuyên hơn. Những căng thẳng này sẽ làm gián đoạn thương mại và xói mòn các trụ cột của khuôn khổ hợp tác đa phương.

Ngoài ra, rủi ro đối với hệ thống ngân hàng toàn cầu sau sự kiện sụp đổ của Ngân hàng Silicon Valley Bank (SVB). Cuối năm 2022, tổng tài sản của SVB đạt xấp xỉ 209 tỷ USD, chiếm khoảng 0,9% tổng quy mô tài sản của toàn hệ thống ngân hàng Mỹ. Trong bối cảnh lãi suất tăng mạnh, khoản lỗ chưa ghi nhận thuộc danh mục chứng khoán đầu tư (chiếm hơn 55% tổng tài sản) của SVB đã lên tới 17,7 tỷ USD, tương đương 114% vốn chủ sở hữu. Trong khi đó, phần lớn tiền gửi huy động của SVB tập trung vào các công ty khởi nghiệp (startup). Do đó, SVB đã rơi vào khủng hoảng vào tháng 03/2023 khi nhiều khách hàng bắt đầu rút tiền do hoạt động huy động vốn mới của các startup này gặp khó khăn. Theo nhận định của nhiều chuyên gia, sự sụp đổ của SVB chỉ mang tính chất đơn lẻ và có tác động không lớn. Tuy nhiên, rủi ro vẫn hiện hữu đối với một số ngân hàng có tài sản tập trung lớn ở trái phiếu chính phủ và ghi nhận ở tài khoản tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) trong trường hợp FED vẫn tiếp tục tăng lãi suất nhằm kiềm chế lạm phát.

DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

Năm 2022 kết thúc, Việt Nam ghi nhận tăng trưởng GDP ở mức 8,02%, lạm phát ở mức 3,15% và đã có sự phục hồi rõ nét. Kết quả này được thể hiện qua việc gia nhập và quay trở lại thị trường của các doanh nghiệp, tăng trưởng xuất nhập khẩu, thúc đẩy phục hồi ngành du lịch, hay việc mở ra những cơ hội ngày càng tốt hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Năm 2023, dù nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phục hồi mạnh mẽ, nhưng những bất định cũng gia tăng khiến tăng trưởng kinh tế và xuất nhập khẩu có thể chậm lại và thu hút vốn đầu tư nước ngoài chưa có đột phá rõ rệt. Là nền kinh tế có độ mở cao, tiềm ẩn nhiều rủi ro trước xu hướng kinh tế thế giới đang ở thời điểm nhạy cảm, tăng trưởng chậm lại, thậm chí rơi vào suy thoái cục bộ ngắn hạn; biến đổi khí hậu ngày càng bất thường, cùng với các căng thẳng địa chính trị ngày càng phức tạp, Việt Nam đang đối diện với áp lực từ nhiều phía, nhiều khả năng sẽ nương theo xu hướng thế giới để điều hành chính sách phù hợp, thay vì tiếp tục thực hiện chính sách điều hành độc lập.

Động lực tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2023 sẽ đến từ những yếu tố sau:



Theo góc độ sản xuất

- ▶ **Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản:** trong khó khăn, luôn thể hiện vai trò là bộ đỡ của nền kinh tế, đồng thời Ngành này cũng đang thực hiện quá trình Tái cơ cấu chuyển từ “sản xuất nông nghiệp” sang “kinh tế nông nghiệp” và cũng đã đạt được những kết quả tích cực. Do vậy, kết quả tăng trưởng sẽ ổn định khoảng 3% như những năm gần đây.
- ▶ **Ngành công nghiệp, nhóm ngành công nghiệp chế biến chế tạo, nhất là sản xuất hàng tiêu dùng xuất khẩu** (may mặc, da giày, điện tử, đồ gỗ): dự báo sẽ suy giảm, do cầu tiêu dùng thế giới giảm, đặc biệt trong Quý 1 và có thể sang Quý 2/2023. Vì vậy, chuyển hướng sang khai thác hiệu quả thị trường nội địa 100 triệu dân còn nhiều tiềm năng sẽ là giải pháp khả thi để bù đắp sự sụt giảm từ thị trường xuất khẩu.
- ▶ **Ngành xây dựng:** sẽ có nhiều tín hiệu khả quan, khi trong năm 2023 khởi công đồng loạt 12 dự án thành phần thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025.
- ▶ **Ngành dịch vụ:** trong năm 2023 được dự báo sẽ tiếp tục có sự tăng trưởng khá, nhất là hoạt động thương mại điện tử có xu hướng phát triển mạnh trong những năm gần đây. Khách du lịch trong nước và quốc tế tiếp tục dự báo tăng cao, khi đó những ngành chưa hoàn toàn phục hồi, hoặc phục hồi chậm so với trước đại dịch sẽ tăng trưởng cao như: Dịch vụ lưu trú, ăn uống; vận tải; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; nghệ thuật vui chơi, giải trí.



Theo góc độ sử dụng

- ▶ **Động lực từ đầu tư công & giải ngân vốn NSNN:** Theo số liệu từ Bộ Tài Chính, tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư công nguồn NSNN năm 2023 là 756.112 tỷ đồng (vốn trong nước là 727.112 tỷ đồng, và vốn nước ngoài là 27.975 tỷ đồng). Năm 2023, là điểm rơi của đầu tư công trung hạn và giải ngân thực hiện gói đầu tư cơ sở hạ tầng thuộc chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội. Khi thực hiện đây sẽ là nguồn vốn mới thúc đẩy đầu tư tư nhân, thúc đẩy sản xuất, kích cầu nền kinh tế. Tốc độ giải ngân đầu tư công có thể đạt mức cao khi các dự án tuyến đường Bắc - Nam đã đến giai đoạn đấu thầu vào cuối năm 2022. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng cho thấy quyết tâm trong việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân đầu tư công trong năm 2023 khi ban hành quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03/12/2022 với nhiều điểm mới trong kế hoạch giao vốn đầu tư NSNN.

- ▶ **Động lực từ dòng vốn FDI:** Theo báo cáo của Ban Kinh tế Trung ương, khu vực FDI hiện đóng góp hơn 20% trong cơ cấu GDP của Việt Nam. Do đó, sự tăng trưởng của dòng vốn FDI giải ngân và tổng vốn đăng ký (bao gồm đăng ký cấp mới và đăng ký tăng thêm) có ý nghĩa quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Theo tính toán của Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong năm 2023, tổng vốn FDI đăng ký dự kiến đạt khoảng 36 - 38 tỷ USD (năm 2022 đạt 22,4 tỷ USD), trong khi vốn giải ngân dự kiến tương đương năm 2022 (khoảng 22 - 23 tỷ USD). Tổng vốn FDI đăng ký ước tính tăng mạnh đến từ sự dịch chuyển dòng vốn của Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan,...khỏi Trung Quốc dự kiến sẽ được đẩy nhanh hơn sau khi Trung Quốc mở cửa trở lại hậu Covid-19 và Việt Nam là một trong những nước hưởng lợi lớn nhất từ dòng vốn FDI dịch chuyển này.
- ▶ **Động lực từ các FTA thế hệ mới:** Mặc dù việc xuất khẩu đến các đối tác thương mại lớn của Việt Nam như Mỹ, EU được dự báo sẽ khó khăn trong năm 2023, tuy nhiên, Việt Nam có thể bù đắp ở các thị trường FTA thế hệ mới như RCEP. Đặc biệt, với việc Trung Quốc mở cửa trở lại, nới lỏng chính sách Zero Covid, khi đó Việt Nam có thể xuất khẩu những mặt hàng tiêu dùng vào thị trường hơn 1,4 tỷ dân sau thời gian dài cách ly. Cùng với đó, lượng lớn khách du lịch từ Trung Quốc sẽ đến Việt Nam (năm 2019 khách Trung Quốc chiếm 30% khách du lịch quốc tế vào Việt Nam), kéo theo xuất khẩu dịch vụ sẽ tăng mạnh.



Tuy vậy, các thách thức sẽ bao gồm

- ▶ **Khả năng rơi vào suy thoái của nền kinh tế thế giới:**
 - Khó khăn, thậm chí là suy thoái của nền kinh tế toàn cầu vào năm 2023 là cảm nhận chung và là tâm điểm trong các thảo luận hiện nay trên thế giới.
 - Đối với một quốc gia có độ mở lớn như Việt Nam, tác động của nền kinh tế thế giới là rất lớn. Trên thực tế, kết quả hoạt động xuất nhập khẩu không có khả quan từ nửa Quý 3/2022, số lượng đơn hàng của rất nhiều doanh nghiệp xuất khẩu đã giảm đi đáng kể.
- ▶ **Khó khăn trong việc sử dụng công cụ chi tiêu ngân sách:**
 - Theo số liệu từ Bộ Tài chính, kết thúc năm ngân sách 2022 (tính đến 31/1/2023), ước tính tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của cả nước đạt xấp xỉ 539.277 tỷ đồng, tương đương 80,6% kế hoạch. Trong đó, chỉ có 13 bộ, cơ quan trung ương và 20 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt trên 90%; 27 bộ, cơ quan trung ương và 21 địa phương có tỷ lệ giải ngân dưới 80% (gồm 8 bộ và 1 địa phương có tỷ lệ giải ngân dưới 50%).
- ▶ **Áp lực từ chính sách thắt chặt & sự bất ổn của thị trường:**
 - Chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất ngân hàng tăng cao trong nửa cuối năm 2022 là những nguyên nhân chính cho sự suy giảm trong lĩnh vực sản xuất. Những bất ổn của thị trường trái phiếu và đóng băng của thị trường bất động sản kéo dài cũng là dấu hiệu cho thấy áp lực suy thoái sẽ tiếp tục gia tăng cho nửa đầu năm 2023 cho đến khi xuất hiện các cú hích đến từ chính sách nới lỏng tiền tệ và sự hồi phục của các đơn hàng đến từ thị trường xuất khẩu truyền thống của Việt Nam.
 - Trong tháng 03/2023, NHNN đã thực hiện điều chỉnh giảm một số lãi suất điều hành, thể hiện nỗ lực trong việc ổn định mặt bằng lãi suất tuy nhiên khả năng xoay chuyển trong chính sách tiền tệ vẫn cần đánh giá thêm. Cụ thể, vào ngày 14/03/2023, NHNN đã công bố việc giảm một số lãi suất điều hành với mức giảm từ 0,5% đến 1,0% và có hiệu lực từ ngày 15/03/2023. Theo đó, lãi suất tái chiết khấu sẽ được điều chỉnh giảm từ 4,5%/năm còn 3,5%/năm; lãi suất cho vay qua đêm liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN giảm 1% xuống còn 6,0%/năm. Đồng thời, lãi suất tối đa cho vay ngắn hạn các lĩnh vực ưu tiên cũng giảm từ 5,5%/năm còn 5,0%/năm. Mặc dù vậy, lãi suất tái cấp vốn và trần lãi suất tiền gửi tiết kiệm với kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng vẫn giữ nguyên ở mức 6,0%/năm.

Một số dự báo về nền kinh tế Việt Nam trong năm 2023

- Báo cáo “Kinh tế Việt Nam năm 2022, triển vọng năm 2023” của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương công bố mới đây đã đưa ra 2 kịch bản tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2023. Cụ thể, kịch bản thứ nhất, tăng trưởng GDP đạt 6,47%; lạm phát bình quân 4,08%; tăng trưởng xuất khẩu 7,21% và cán cân thương mại là 5,64 tỷ USD. Kịch bản thứ hai tích cực hơn khi tăng trưởng GDP tăng 6,83%; lạm phát 3,69%; tăng trưởng xuất khẩu 8,43% và cán cân thương mại là 8,15 tỷ USD. Các mức tăng trưởng này khá cao so với mức dự báo tăng trưởng bình quân của thế giới là 2,2% mà báo cáo đưa ra.
- Trong báo cáo triển vọng kinh tế toàn cầu vừa công bố, Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo GDP thế giới năm 2023 tăng trưởng ở mức 1,7%, thấp hơn nhiều so với mức 3% mà WB công bố hồi tháng 6/2022. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn được dự báo GDP sẽ tăng trưởng 6,3%. Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2023 sẽ được hưởng lợi khi việc nới lỏng các hạn chế liên quan đến đại dịch cho phép hoạt động ở Trung Quốc dần phục hồi. Mức tăng trưởng GDP năm 2023 của Việt Nam mà WB dự báo cũng tương đồng với mục tiêu mà Quốc hội đề ra.
- Dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam của các tổ chức định chế lớn khác trên thế giới như Fitch, Goldman Sachs, HSBC, Standard Chartered, Citi Group, DBS Group trong năm 2023 cũng dao động quanh mức 5,8-7,2%, với mức bình quân là 6,34%. Tỷ lệ lạm phát năm 2023 của Việt Nam được dự báo dao động quanh mức 3,5-5,5%.

Dự báo Tăng trưởng GDP và Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam năm 2023 - 2024

Nguồn		Chỉ tiêu	2023	2024
Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương	Kịch bản 1	Tăng trưởng GDP thực	6,47%	-
		CPI	4,08%	-
	Kịch bản 2	Tăng trưởng GDP thực	6,83%	-
		CPI	3,69%	-
World Bank		Tăng trưởng GDP thực	6,3%	6,5%
Fitch Solutions		Tăng trưởng GDP thực	6,5%	6,7%
Fitch Ratings		Tăng trưởng GDP thực	6,2%	6,7%
		CPI	4,2%	4,0%
		Tỷ lệ thất nghiệp	2,2%	2,2%
Goldman Sachs Group		Tăng trưởng GDP thực	5,8%	7,3%
		CPI	4,4%	3,9%
		Tỷ lệ thất nghiệp	3,5%	3,4%
HSBC Holdings		Tăng trưởng GDP thực	5,8%	6,7%
		CPI	4,0%	3,5%
		Tỷ lệ thất nghiệp	2,2%	2,2%
Standard Chartered		Tăng trưởng GDP thực	7,2%	6,7%
		CPI	5,5%	5,5%
Citi Group		Tăng trưởng GDP thực	6,4%	-
		CPI	4,3%	-
DBS Group		Tăng trưởng GDP thực	6,5%	-
		CPI	3,5%	-

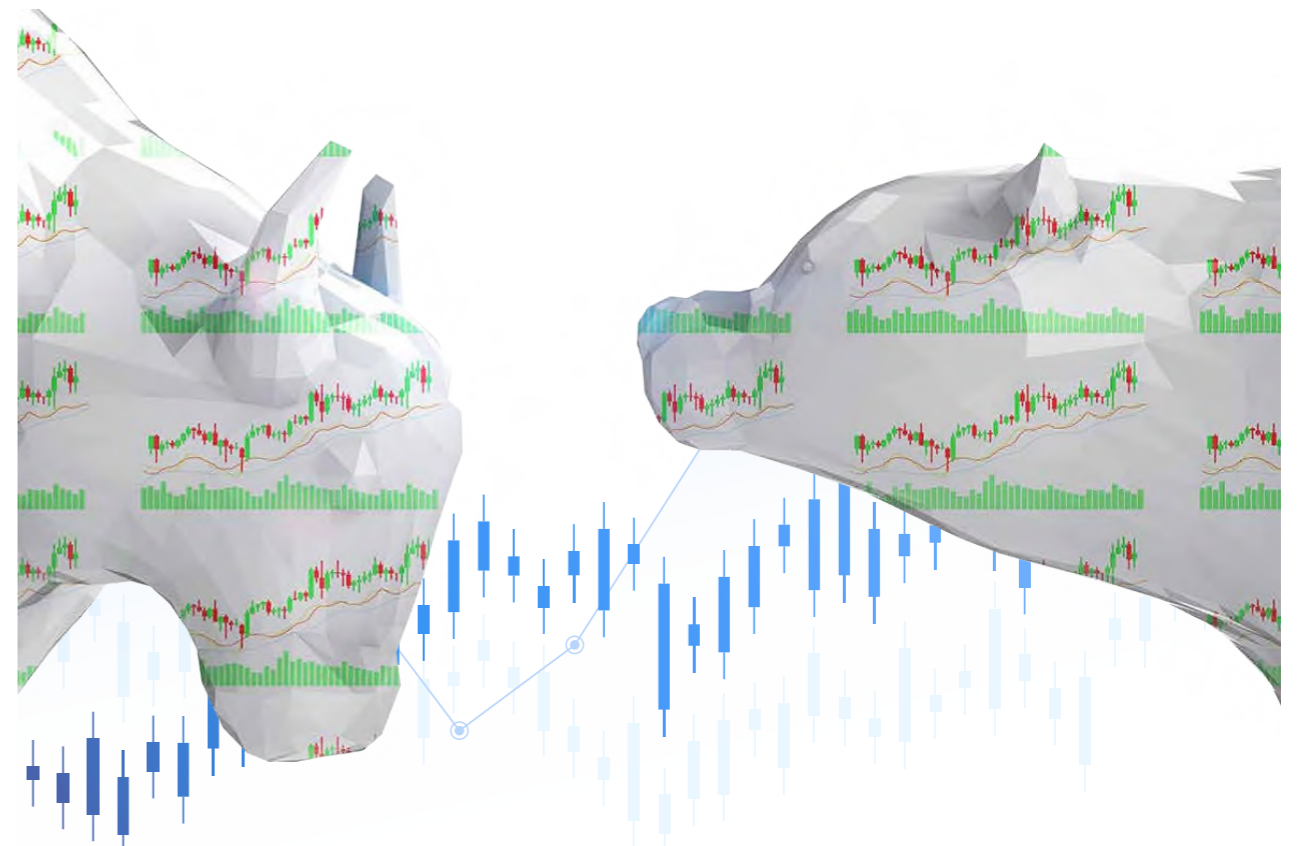
(Nguồn: SHS Research)

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI TTCK VIỆT NAM

Thị trường chứng khoán Việt Nam tuy đối mặt với một số rủi ro khi lạm phát và lãi suất đều có xu hướng tăng, nhưng triển vọng tăng trưởng trong năm 2023 và trong dài hạn vẫn rất tích cực.

Cơ hội

- Thị trường đang ở mức định giá hấp dẫn:** Vào thời điểm cuối năm 2022, chỉ số VN-Index đang được giao dịch ở mức P/E khoảng 11 lần, thuộc vào vùng định giá rẻ nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Mức P/E này cũng thấp hơn khoảng 30% so với các thị trường mới nổi trong khu vực ASEAN, trong khi trong giai đoạn trước 2022, mức chiết khấu của thị trường Việt Nam trung bình chỉ khoảng 15%. Thực tế, các nhà đầu tư nước ngoài đã thấy được sự hấp dẫn này và đã mua ròng khoảng 1,3 tỷ USD trong tháng 11 và 12/2022.
- Triển vọng nâng hạng thị trường Việt Nam từ “cận biên” sang “mới nổi”:** Hiện tại Việt Nam vẫn nằm trong nhóm thị trường cận biên, có tỷ trọng lớn nhất trong nhóm chỉ số thị trường cận biên của MSCI. Nếu được nâng hạng lên thị trường mới nổi, nguồn vốn từ Nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt từ các quỹ lớn có uy tín sẽ đầu tư vào nhiều hơn. Dự báo thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ thu hút dòng tiền lên tới 1,4 tỷ USD đến từ các quỹ đầu tư chỉ số hoặc quỹ đầu tư chủ động theo chỉ số FTSE Global All-Cap, FTSE All-World và FTSE Emerging Markets, MSCI Emerging Markets và các quỹ được lập ra để theo dõi theo các chỉ số chỉ riêng về Việt Nam như FTSE Vietnam Index hoặc FTSE Vietnam 30 Index.
- Đẩy mạnh đầu tư công:** Trong năm 2023, môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước được dự báo sẽ gặp nhiều khó khăn. Do đó, hoạt động đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư NSNN sẽ là một trong những động lực quan trọng giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và mở ra tiềm năng hồi phục cho thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2023.
- Nhiều chính sách sẽ tiếp tục hỗ trợ ngành chứng khoán trong năm 2023,** trong đó quan trọng nhất là việc phê duyệt Nghị định 65 sửa đổi (Nghị định 08/2023/NĐ-CP) và các biện pháp hỗ trợ thanh khoản khác của Chính phủ và NHNN sẽ tạo điều kiện tái cấu trúc ngành một cách quy củ hơn, giúp thị trường trái phiếu doanh nghiệp hạ cánh mềm, đồng thời cũng tạo niềm tin cho thị trường. Các doanh nghiệp bất động sản đang kỳ vọng NĐ 65 sửa đổi được ban hành sẽ giúp gia hạn khoản vay trái phiếu, tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn ngân hàng, từ đó giúp cân đối dòng tiền hoạt động, trong bối cảnh thị trường BĐS đang rơi vào cảnh trầm lắng như hiện nay.





Thách thức

- ▶ **Rủi ro suy thoái kinh tế tại các nước phát triển:** Suy thoái kinh tế sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ tại một số thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam như Mỹ hay châu Âu. Hiện tại, nhu cầu sụt giảm nhanh chóng dẫn đến nhiều ngành nghề, lĩnh vực sản xuất phục vụ cho xuất khẩu trong nước đang chịu ảnh hưởng tiêu cực từ cuối Quý IV/2022 và có thể sẽ kéo dài đến Quý I và II của năm 2023 như: dệt may, da giày, thủy sản... Gần đây, một số khu công nghiệp không còn duy trì được sản xuất lớn như trước đây. Rủi ro này sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, gia công, doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài.
- ▶ **Rủi ro lạm phát tăng cao và các ngân hàng trung ương duy trì xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ:** Giá cả tăng cao và lạm phát cùng với áp lực lạm phát dai dẳng đã buộc Ngân hàng Trung ương (NHTW) tại nhiều nước phải thắt chặt tiền tệ, rủi ro kinh tế tăng cao và việc cân bằng chính sách trở thành thách thức chưa từng có trong lịch sử. Nếu lạm phát tiếp tục tăng cao trong năm 2023, các ngân hàng trung ương sẽ buộc phải tiếp tục duy trì chính sách thắt chặt tiền tệ, từ đó khiến mặt bằng lãi suất duy trì ở mức cao. Trong kịch bản này, các doanh nghiệp niêm yết sẽ phải đối mặt với áp lực chi phí tài chính gia tăng đáng kể, từ đó ảnh hưởng đến triển vọng doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Đối với Việt Nam, sang năm 2023, áp lực lạm phát vẫn còn tồn tại, nhất là trong bối cảnh một số các chính sách hỗ trợ về thuế, phí hết hiệu lực từ đầu năm 2023 như: chính sách giảm VAT, giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu,... Ngoài ra, giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý như giá điện, giá giáo dục,... cũng có thể điều chỉnh tăng trong 2023 sau thời gian trì hoãn, gây sức ép cho NHNN phải tiếp tục thắt chặt CSTT.
- ▶ **Rủi ro thị trường bất động sản:** Trong bối cảnh kinh tế thế giới được dự báo khó khăn và kinh tế trong nước bị ảnh hưởng đồng thời với kinh tế vĩ mô diễn biến đi ngang, các doanh nghiệp bất động sản đối mặt với rủi ro gia tăng đối với các khoản nợ đến hạn, đặc biệt là trái phiếu doanh nghiệp. Thị trường bất động sản được dự báo sẽ đối mặt với khó khăn kéo dài và cần tái cơ cấu lại. Trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bất động sản là một trong những nhóm ngành quan trọng có ảnh hưởng lớn đến diễn biến chỉ số VN-Index với giá trị vốn hóa chiếm hơn 20% toàn thị trường. Do đó, những diễn biến bất lợi đối với thị trường bất động sản cũng sẽ tạo ra những thách thức đáng kể đến hiệu suất chung của toàn bộ thị trường chứng khoán Việt Nam.
- ▶ **Rủi ro thị trường trái phiếu doanh nghiệp:** Thị trường trái phiếu doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng như là một kênh dẫn vốn trung - dài hạn cho nền kinh tế. Sau giai đoạn phát triển bùng nổ từ năm 2019 đến 2021, thị trường trái phiếu dự kiến sẽ phải chịu áp lực tái cơ cấu trái phiếu đến hạn lớn trong giai đoạn 2023 - 2024. Theo ước tính, giá trị trái phiếu đến hạn trong năm 2023 và 2024 lần lượt là khoảng 296 nghìn tỷ đồng và 360 nghìn tỷ đồng. Trong bối cảnh các nguồn huy động vốn mới thắt chặt như hiện nay, rủi ro mất khả năng thanh toán tạm thời hoặc nguy cơ vỡ nợ ngày càng trở nên hiện hữu, đặc biệt là đối với các tổ chức phát hành sử dụng đòn bẩy tài chính cao trong khi dòng tiền hoạt động yếu. Tác động của rủi ro kể trên sẽ không chỉ dừng lại ở quy mô từng tổ chức phát hành đơn lẻ mà có thể tác động đến toàn quy mô thị trường ngân hàng - tài chính - chứng khoán nói chung (ở một mức độ nhất định) do mối quan hệ liên thông lớn giữa các thị trường này.

▶▶ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

Trên cơ sở nhận định tổng quan về thế giới và Việt Nam trong năm 2023, Công ty tập trung vào phân tích điểm mạnh, điểm yếu của SHS cũng như cơ hội và thách thức đối với Công ty làm cơ sở cho việc lập kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2023 của SHS.

PHÂN TÍCH



Điểm mạnh

- ▶ SHS là công ty chứng khoán có thương hiệu và uy tín trên thị trường.
- ▶ Có sự hỗ trợ mạnh mẽ của SHB, Tập đoàn T&T và hệ sinh thái trong Tập đoàn cũng như các định chế tài chính liên kết về nguồn lực tài chính, hệ thống khách hàng, định hướng chiến lược.
- ▶ Hệ thống khách hàng và đối tác lớn.
- ▶ Đội ngũ nhân sự có trình độ, kinh nghiệm và gắn bó lâu năm với Công ty.
- ▶ Sản phẩm dịch vụ tài chính đa dạng, linh hoạt.
- ▶ Công ty mới được bổ sung nguồn vốn chủ sở hữu trong năm 2022, làm tiền đề, cơ sở cho hoạt động kinh doanh trong năm 2023 và kế hoạch kinh doanh dài hạn.



Điểm yếu

- ▶ Kết quả hoạt động kinh doanh, tăng trưởng lợi nhuận của Công ty chịu tác động và ảnh hưởng lớn từ các biến động của thị trường chứng khoán.
- ▶ Mặc dù quản lý số lượng khách hàng lớn, nhưng hầu hết vẫn là khách hàng cá nhân trong nước, do đó, Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện chiến lược tập trung hóa.
- ▶ Nguồn vốn kinh doanh dồi dào nhưng lãi suất cho vay chưa thực sự cạnh tranh.
- ▶ Hệ thống phần mềm giao dịch hiện tại cần phải nâng cấp và làm mới.



Cơ hội

- ▶ Kinh tế vĩ mô ổn định, hoạt động đầu tư công được đẩy mạnh và thị trường chứng khoán đang ở mức định giá hấp dẫn, tạo cơ hội cho hoạt động Môi giới, Tự doanh, Dịch vụ tài chính của Công ty.
- ▶ Các chính sách sẽ tiếp tục hỗ trợ ngành chứng khoán trong năm 2023, trong đó, quan trọng nhất là việc phê duyệt Nghị định 65 sửa đổi (Nghị định 08/2023/NĐ-CP) và các biện pháp hỗ trợ thanh khoản khác của Chính phủ và NHNN. Các động thái này được dự báo sẽ tạo điều kiện tái cấu trúc ngành chứng khoán quy củ hơn, tạo ra nhiều thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp trong ngành, đồng thời củng cố niềm tin cho thị trường. Việc này sẽ mang đến nhiều cơ hội hơn cho hoạt động Đầu tư, Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành của Công ty.



Thách thức

- ▶ Thị trường chứng khoán có thể tiếp tục trải qua nhiều biến động mạnh trong năm 2023, đòi hỏi hoạt động của SHS phải linh hoạt, nhanh nhạy để hạn chế rủi ro và nắm bắt các cơ hội.
- ▶ Các quy định về cho vay công ty chứng khoán/nhà đầu tư chứng khoán của ngân hàng thương mại vẫn theo hướng kiểm soát chặt, qua đó ảnh hưởng tới dòng tiền vào thị trường, trong đó có SHS.
- ▶ Áp lực cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán trên thị trường ngày càng gay gắt, đặc biệt là từ các công ty chứng khoán có vốn nước ngoài (về cả lãi suất và phí dịch vụ môi giới). Bên cạnh đó, sản phẩm tài chính của SHS đang được đánh giá là kém cạnh tranh hơn so với các công ty chứng khoán cùng ngành khi SHS vẫn đang chuẩn bị tham gia thị trường phái sinh và phát hành chứng quyền.
- ▶ Sự cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán bên cạnh việc mở rộng quy mô, còn tiếp tục đi vào chiều sâu. Các dịch vụ tài chính ngày càng được hoàn thiện và nâng cấp, đòi hỏi SHS phải tiếp tục đầu tư về nhân sự và công nghệ hơn nữa để duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ, kết quả kinh doanh, thị phần, hình ảnh. Điều này có thể làm gia tăng chi phí hoạt động, tạo sức ép đối với SHS trong ngắn hạn.
- ▶ Bối cảnh thế giới đang diễn biến phức tạp với nhiều biến số khó đoán định như: căng thẳng địa chính trị của cuộc chiến Nga - Ukraine; rủi ro suy thoái kinh tế; rủi ro lạm phát và lãi suất; tác động chéo sau sự sụp đổ của một số ngân hàng lớn trên thế giới... Những biến động bất ngờ có thể ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng, qua đó tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh của SHS.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

Đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022

Đối chiếu	Kế hoạch 2022	Thực tế thực hiện 2022	Đánh giá
Giả định	Tình hình kinh tế vĩ mô: Nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng ổn định trong cả năm	Tình hình kinh tế vĩ mô tương đối ổn định trong cả năm	Thực tế khá tương đồng với giả định
	Giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường: 27.250 tỷ đồng/phiên.	Giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường: 20.680 tỷ đồng/phiên.	Thực tế không khả quan như giả định
	Thị phần SHS: ▶ Tại sàn HOSE: 3,8% ▶ Tại sàn HNX: 6,0% ▶ Tại sàn Upcom: 2,0%	Thị phần SHS: ▶ Tại sàn HOSE: 1,9% ▶ Tại sàn HNX: 2,3% ▶ Tại sàn Upcom: 1,4%	Thực tế không khả quan như giả định
Kế hoạch tổng thể năm 2022	Tổng doanh thu: 3.428,2 tỷ đồng	Tổng doanh thu: 1.547,7 tỷ đồng	Chưa đạt kế hoạch về tổng doanh thu.
	Tổng chi phí: 1.402,6 tỷ đồng	Tổng chi phí: 1.350,4 tỷ đồng	Chưa đạt kế hoạch chi phí.
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 2.025,6 tỷ đồng	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 197,3 tỷ đồng	Chưa đạt kế hoạch về lợi nhuận kế toán trước thuế.
Kế hoạch chi tiết năm 2022	Đẩy mạnh phát triển hoạt động môi giới cả bề rộng về quy mô và chiều sâu về chất lượng, nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn đầu tư, giữ được sự ổn định nguồn tài chính phục vụ nhu cầu nhà đầu tư. Mục tiêu là lấy lại thị phần trong Top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu niêm yết lớn nhất trên cả hai sàn HNX, HOSE		Chưa đạt. Do áp lực cạnh tranh nên SHS đang có xu hướng sụt giảm thị phần.

Đối chiếu	Kế hoạch 2022	Thực tế thực hiện 2022	Đánh giá
Kế hoạch chi tiết năm 2022	Tập trung nghiên cứu, xây dựng và triển khai mô hình cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư cho các khách hàng.		Chưa đạt. Do hạn chế của phần mềm quản lý hiện tại.
	Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để triển khai nghiệp vụ chứng khoán phái sinh.		Đạt. Đã chuẩn bị đầy đủ các điều kiện nhưng chưa triển khai.
	Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ tài chính, nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới mang tính cạnh tranh so với thị trường và phù hợp với các phân khúc khách hàng.		Đạt.
	Hoạt động đầu tư chứng khoán niêm yết tận dụng các cơ hội có được trên thị trường, tìm kiếm cơ hội đầu tư giá trị thông qua việc tham gia làm cổ đông chiến lược, đấu giá các DNNN sẽ IPO trong năm 2022.		Chưa đạt. Do thị trường khó khăn, hoạt động IPO đóng băng.
	Tiếp tục tận dụng các cơ hội giao dịch cũng như tư vấn, bảo lãnh phát hành trái phiếu của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng trong năm 2022.		Chưa đạt. Thị trường trái phiếu năm 2022 rất khó khăn.
	Xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức mới theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp.		Chưa đạt. Công ty dự kiến tìm đối tác tư vấn chuyên nghiệp thực hiện.
Kế hoạch chi tiết năm 2022	Tăng cường nhân sự có chất lượng cho các mảng hoạt động		Tương đối đạt. Tuyển dụng được nhân sự cấp cao về CNTT, Quản trị nguồn nhân lực, và Cán bộ quản lý Chi nhánh.
	Đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin hiện tại đồng thời đầu tư mới hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh.		Tương đối đạt. HĐQT đã phê duyệt nhưng Công ty chưa kịp triển khai thực hiện một số hạng mục.
	Công tác kiểm soát, quản trị rủi ro, tăng cường an toàn tài chính vẫn phải được chú trọng, tăng cường trong hoạt động kinh doanh.		Đạt.

Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2023

Do cho tới thời điểm lập Báo cáo này, SHS chưa tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 nên số liệu kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2023 dưới đây chỉ là dự kiến. Các số liệu này sẽ được cập nhật sau khi Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của SHS được chính thức thông qua.

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2022 (tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2023 (tỷ đồng)	% kế hoạch năm 2023 so với thực hiện năm 2022
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.547,7	1.942,2	125,5%
2	Tổng chi phí	1.350,4	838,8	62,1%
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	197,3	1.103,4	559,2%



05

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- ▶ GIỚI THIỆU CHUNG
- ▶ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2022
- ▶ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2023

GIỚI THIỆU CHUNG

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Từ những ngày đầu thành lập, SHS đã định hướng hoạt động kinh doanh gắn liền với các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường. Đây là những yếu tố cơ bản, cần thiết đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

SHS không ngừng nỗ lực theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững gắn liền với tầm nhìn dài hạn “**Trở thành công ty chứng khoán hoạt động đa năng theo mô hình ngân hàng đầu tư hàng đầu Việt Nam. Là thương hiệu công ty chứng khoán có uy tín trên Thị trường Chứng khoán Châu Á. Đóng góp, xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam an toàn, hiệu quả. Tạo ra lợi nhuận tối đa cho các cổ đông. Cung cấp những dịch vụ tài chính, chứng khoán đa dạng, chất lượng cho khách hàng và đối tác. Tạo môi trường làm việc tốt, an toàn, thu nhập cao và cơ hội thăng tiến cho cán bộ, nhân viên. Gắn mục tiêu kinh doanh của Công ty với các mục tiêu môi trường và xã hội, đảm bảo hài hòa lợi ích với các bên liên quan**”. Như vậy, mô hình phát triển bền vững của SHS dựa trên định hướng tạo ra những ảnh hưởng tích cực trên 3 yếu tố cơ bản là Kinh tế, Xã hội và Môi trường.

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Tác động tích cực đến Kinh tế

- ▶ Duy trì hoạt động kinh doanh tăng trưởng ổn định và bền vững, từ đó đóng góp các nghĩa vụ tài chính cho NSNN.
- ▶ Nâng cao thu nhập và lợi ích cho Người lao động.
- ▶ Mang lại lợi ích kinh tế cho Cổ đông thông qua chính sách trả cổ tức ổn định, tăng trưởng.
- ▶ Phát triển kinh doanh gắn liền với quản trị tốt rủi ro.
- ▶ Lấy lợi ích Người lao động và Cổ đông là trọng tâm.



Tác động tích cực đến Xã hội


- ▶ Không ngừng nâng cao phúc lợi cho Người lao động.
- ▶ Tôn trọng sự bình đẳng của môi trường kinh doanh.
- ▶ Không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm, dịch vụ lấy khách hàng là trọng tâm.
- ▶ Tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật.
- ▶ Chủ động thực hiện các trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các hoạt động xã hội nhằm duy trì và xây dựng một xã hội an toàn, văn minh và tiến bộ.



Tác động tích cực đến Môi trường


- ▶ Xây dựng môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp, giảm thiểu các tác động từ tiêu dùng năng lượng và xả thải ra môi trường trong các hoạt động hằng ngày.
- ▶ Hưởng ứng các sáng kiến bảo vệ môi trường thông qua công tác truyền thông và sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG




Hội đồng Quản trị

- ▶ Định hướng chiến lược phát triển bền vững của Công ty.
- ▶ Chỉ đạo chung về chiến lược.
- ▶ Phê duyệt các mục tiêu, kế hoạch hành động.



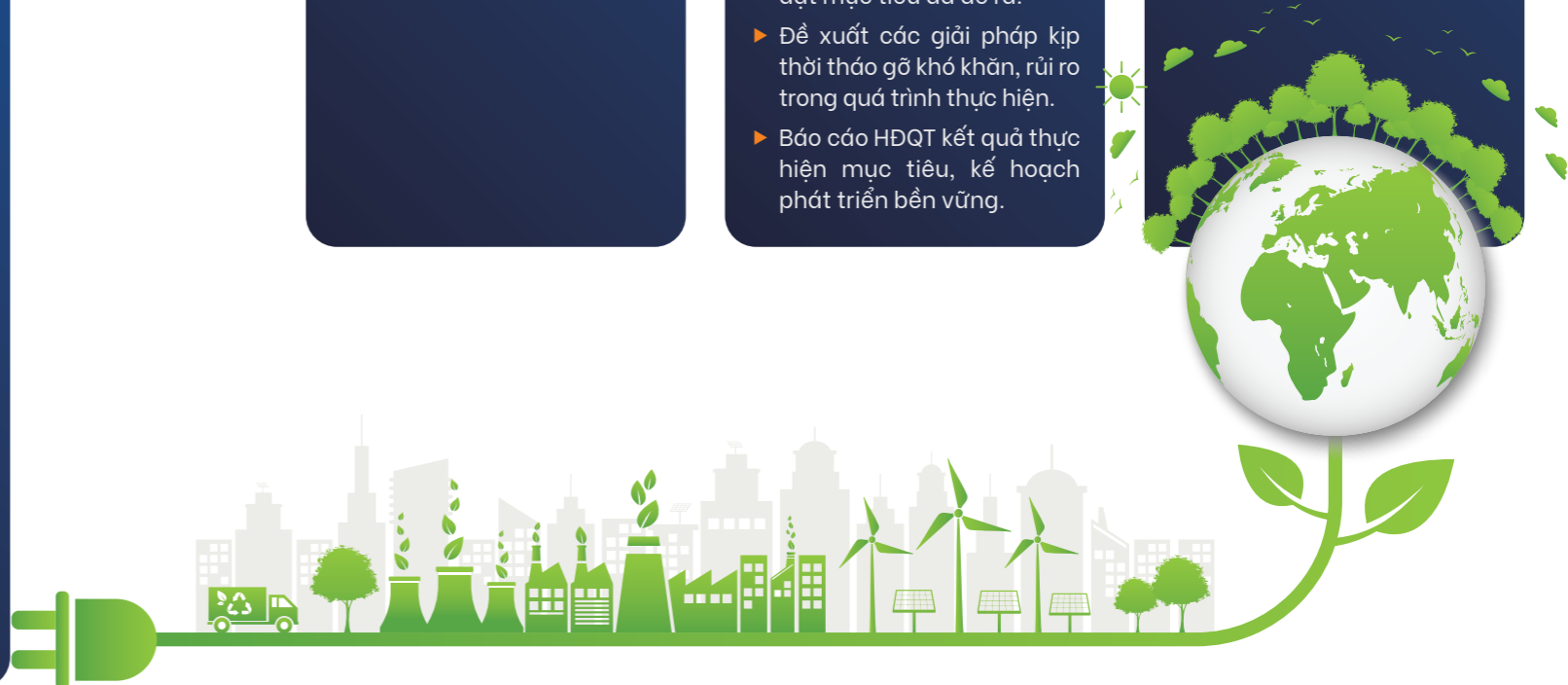
Ban Tổng Giám đốc

- ▶ Xây dựng các mục tiêu, kế hoạch hành động về phát triển bền vững trình HĐQT.
- ▶ Truyền thông chiến lược, mục tiêu, kế hoạch hành động phát triển bền vững đến toàn Công ty.
- ▶ Chỉ đạo, phân công triển khai thực hiện mục tiêu, kế hoạch hành động về phát triển bền vững đã được HĐQT phê duyệt.
- ▶ Triển khai thực hiện mục tiêu, kế hoạch hành động được HĐQT phê duyệt.
- ▶ Theo dõi sát sao đảm bảo kế hoạch được thực hiện và đạt mục tiêu đã đề ra.
- ▶ Đề xuất các giải pháp kịp thời tháo gỡ khó khăn, rủi ro trong quá trình thực hiện.
- ▶ Báo cáo HĐQT kết quả thực hiện mục tiêu, kế hoạch phát triển bền vững.



Các phòng ban, cán bộ, nhân viên

- ▶ Triển khai thực hiện các kế hoạch hành động phát triển bền vững theo sự chỉ đạo và phân công.
- ▶ Đóng góp các sáng kiến cải thiện kế hoạch phát triển bền vững.
- ▶ Chia sẻ, lan tỏa những giá trị phát triển bền vững tới cộng đồng.



QUY TRÌNH QUẢN TRỊ THÔNG TIN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



PHỤ TRÁCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ông Mai Xuân Sơn

(từ 01/01/2022 đến 26/04/2022)

- ▶ Học vấn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh thương mại – Đại học Thương mại, Cử nhân tiếng Anh – Đại học Ngoại ngữ
- ▶ Kinh nghiệm: 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại, sản xuất, tài chính, ngân hàng, chứng khoán
- ▶ Chức vụ tại SHS: Thành viên HĐQT
- ▶ Điện thoại: 024.38.181.888 (0)
- ▶ Email: investor@shs.com.vn.

Ông Lê Đăng Khoa

(từ 27/04/2022)

- ▶ Học vấn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Đại học Kinh tế Quốc dân, Cử nhân Kế toán – Học viện Ngân hàng
- ▶ Kinh nghiệm: 20 năm kinh nghiệm trong quản lý, điều hành, cố vấn tại các tổ chức kinh tế, tài chính tín dụng lớn
- ▶ Chức vụ tại SHS: Thành viên HĐQT
- ▶ Điện thoại: 024.38.181.888 (0)
- ▶ Email: investor@shs.com.vn.

Bà Trần Thị Trang

- ▶ Học vấn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Đại học LaTrobe, Australia
- ▶ Kinh nghiệm: 16 năm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán
- ▶ Chức vụ tại SHS: Phó trưởng phòng Kế hoạch & Phát triển thị trường
- ▶ Điện thoại: 024.38.181.888 (Máy lẻ 333)
- ▶ Email: trang.tt3@shs.com.vn

▶▶ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2022

Báo cáo phát triển bền vững năm nay tiếp tục tham chiếu theo các tiêu chuẩn của Hướng dẫn lập Báo cáo phát triển bền vững – Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI) – Phiên bản mới nhất, tùy chọn cốt lõi dựa trên sự tổng hợp thông tin, số liệu từ các hoạt động thực tế của SHS trong năm tài chính 2022. Báo cáo được thực hiện bởi Nhóm lập Báo cáo Phát triển bền vững của Công ty và đến từ nhiều phòng ban khác nhau nhằm cung cấp các thông tin, số liệu một cách đầy đủ, trung thực nhất.

ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO

Đối tượng báo cáo được hướng đến là toàn bộ cán bộ, nhân viên Công ty cũng như các bên liên quan quan tâm đến các hoạt động của SHS như đối tác, khách hàng, nhà cung cấp, nhà đầu tư, cổ đông, cộng đồng địa phương, xã hội...

PHẠM VI BÁO CÁO

Báo cáo tập trung đánh giá việc thực hiện một số tiêu chí điển hình, phù hợp với đặc điểm ngành nghề và hoạt động kinh doanh của SHS theo Bộ tiêu chuẩn GRI Standards.

TIÊU CHUẨN CHUNG

GRI 102
THÔNG TIN CHUNG

CHỦ ĐỀ KINH TẾ

GRI 201
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

GRI 202
SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG

CHỦ ĐỀ MÔI TRƯỜNG

GRI 301
VẬT LIỆU

GRI 302
NĂNG LƯỢNG

GRI 303
NƯỚC

GRI 306
CHẤT THẢI VÀ NƯỚC THẢI

GRI 307
TUÂN THỦ QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CHỦ ĐỀ XÃ HỘI

GRI 401
VẬT LIỆU

GRI 403
AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

GRI 404
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GRI 405
SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

GRI 407
TỰ DO LẬP HỘI VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ

GRI 413
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

GRI 418
QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

GRI 102 THÔNG TIN CHUNG



GRI 102 - 1 TÊN TỔ CHỨC

GRI 102 - 2 CÁC HOẠT ĐỘNG, THƯƠNG HIỆU, SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ

GRI 102 - 3 ĐỊA ĐIỂM CỦA TRỤ SỞ CHÍNH

GRI 102 - 4 CÁC ĐỊA ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

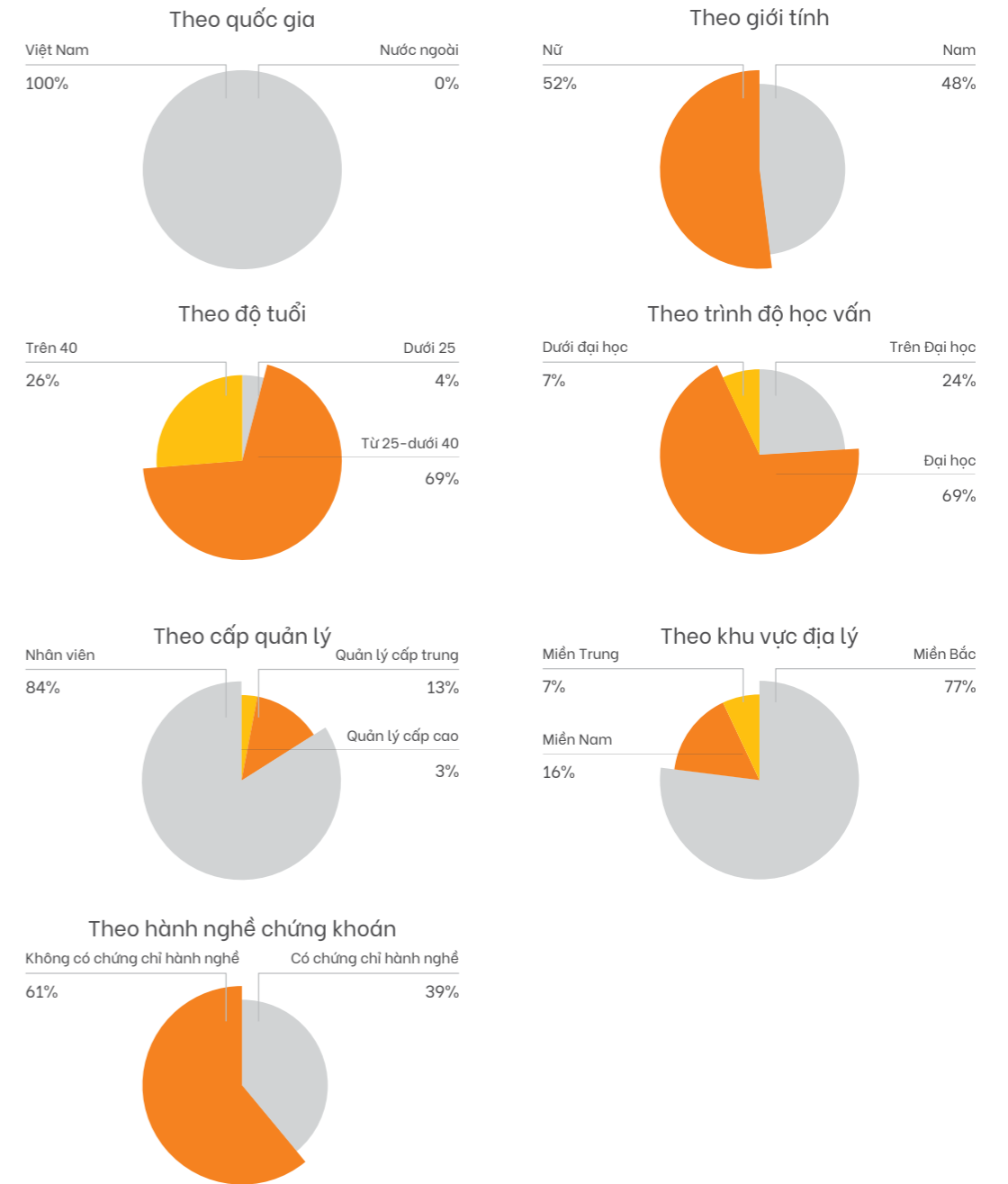
GRI 102 - 5 QUYỀN SỞ HỮU VÀ HÌNH THỨC PHÁP LÝ

GRI 102 - 6 CÁC THỊ TRƯỜNG PHỤC VỤ

(Chi tiết xem tại Chương 1 từ trang 04 đến trang 21 của Báo cáo này)

GRI 102 - 8

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ



GRI 102 - 13

QUYỀN HỘI VIÊN TRONG CÁC HIỆP HỘI

SHS là hội viên của Hiệp hội kinh doanh chứng khoán, Hiệp hội kinh doanh trái phiếu, Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ Thành phố Hà Nội.

GRI 102 - 14

TUYÊN BỐ CỦA NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH CẤP CAO

Người thực hiện: Vũ Đức Tiến

Chức vụ: Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật

Tuyên bố:

Đây là năm thứ tám SHS thực hiện Báo cáo phát triển bền vững theo Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững dành cho lĩnh vực Tài chính của Tổ chức Báo cáo sáng kiến toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI). Theo đó, SHS lựa chọn các nguyên tắc sau trong việc lập báo cáo năm nay:



Nguyên tắc xác định nội dung

- ▶ Sự tham gia của các bên
- ▶ Tính trọng yếu



Nguyên tắc xác định chất lượng

- ▶ Đầy đủ
- ▶ Rõ ràng
- ▶ Nhất quán
- ▶ Tin cậy
- ▶ Có thể so sánh

GRI 102 - 16

CƠ CẤU QUẢN TRỊ

(Chi tiết xem tại Chương 2 - Quản trị Công ty từ trang 22 đến trang 95 của Báo cáo này)

GRI 102 - 40

NHẬN DIỆN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên trong doanh nghiệp

- ▶ Cổ đông/Nhà đầu tư
- ▶ Người lao động

Bên ngoài doanh nghiệp

- ▶ Khách hàng
- ▶ Nhà cung cấp
- ▶ Cơ quan quản lý Nhà nước
- ▶ Các Hiệp hội
- ▶ Cơ quan báo chí, truyền thông
- ▶ Cộng đồng địa phương

GRI 102 - 41

THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ

Tỷ lệ phần trăm Người lao động tham gia Thỏa ước lao động tập thể: 100%

GRI 102 - 43

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN CÁC BÊN LIÊN QUAN

SHS thực hiện các phương pháp và kênh tiếp cận để gắn kết và tìm hiểu các mối quan tâm của các bên liên quan như sau:

Đối với Cổ đông/Nhà đầu tư

- ▶ ĐHCĐ thường niên và bất thường
- ▶ Website của SHS
- ▶ Thông qua Bộ phận quan hệ cổ đông (gọi điện thoại, gửi thư, email, facebook...)
- ▶ Gặp gỡ trực tiếp Nhà đầu tư
- ▶ Chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu cơ hội đầu tư

Đối với Người lao động

- ▶ Thông qua Người quản lý trực tiếp, bộ phận nhân sự, công đoàn
- ▶ Thông qua hội nghị sơ kết, tổng kết
- ▶ Thông qua trao đổi trực tiếp, gọi điện thoại, gửi thư, email, facebook
- ▶ Thông qua các chương trình đào tạo nội bộ

Đối với Khách hàng

- ▶ Thông qua ý kiến của đội ngũ môi giới và nhân viên tiếp xúc khách hàng
- ▶ Trực tiếp tiếp xúc tại Sàn giao dịch, hội thảo, hội nghị tri ân khách hàng...
- ▶ Tổng đài chăm sóc khách hàng
- ▶ Khách hàng gọi điện thoại, gửi thư, email, facebook

Đối với Nhà cung cấp

- ▶ Gặp gỡ, đàm phán trực tiếp
- ▶ Thông qua website, hồ sơ đánh giá năng lực, tài liệu

Đối với Cơ quan quản lý Nhà nước

- ▶ Tiếp xúc trực tiếp
- ▶ Qua hội thảo, hội nghị, chương trình đào tạo
- ▶ Thông qua thanh, kiểm tra định kỳ và bất thường

Đối với các Hiệp hội

- ▶ Tham gia các cuộc họp của thành viên hiệp hội, hội thảo, diễn đàn
- ▶ Thông qua trao đổi trực tiếp, gọi điện thoại, email, các cuộc thanh kiểm tra định kỳ

Đối với cơ quan báo chí, truyền thông

- ▶ Phòng vấn
- ▶ Tổ chức họp báo
- ▶ Chương trình gặp mặt
- ▶ Tiếp xúc trực tiếp, điện thoại, email...

Đối với Cộng đồng địa phương

- ▶ Thông qua chính quyền địa phương, cơ quan sở tại
- ▶ Tiếp xúc trực tiếp
- ▶ Thông qua facebook, điện thoại





CÁC MỐI QUAN TÂM VÀ HÀNH ĐỘNG

Bên liên quan	Mối quan tâm	Hành động của SHS
Cổ đông/ Nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Hoạt động kinh doanh hiệu quả. ▶ Công bố thông tin đầy đủ, minh bạch, kịp thời. ▶ Đảm bảo cổ tức và các quyền lợi hợp pháp của cổ đông. ▶ Giá cổ phiếu ổn định và có xu hướng tăng. 	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh đã được ĐHCĐ thông qua. ▶ Chuyên nghiệp hóa hoạt động của Văn phòng HĐQT, Bộ phận công bố thông tin và Bộ phận PR&Marketing. ▶ Thực hiện đúng các cam kết đối với cổ đông về việc chi trả cổ tức và các quyền lợi hợp pháp khác. ▶ Hoàn thiện và không ngừng nâng cao hệ thống quản trị Công ty theo quy định pháp luật và các thông lệ quản trị tốt nhất.
Người lao động	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Môi trường làm việc tốt. ▶ Công việc ổn định. ▶ Cơ hội thăng tiến, phát triển. ▶ Trả lương, thưởng, phúc lợi cạnh tranh, đầy đủ, minh bạch. ▶ Chính sách đào tạo và phát triển đội ngũ tốt. 	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Không ngừng mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo công việc ổn định và thu nhập ngày càng cao cho cán bộ, nhân viên. ▶ Không ngừng hoàn thiện văn hóa công ty nhằm tạo dựng môi trường làm việc hiệu quả, cạnh tranh. ▶ Lên kế hoạch và thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo phù hợp trong và ngoài Công ty. ▶ Thường xuyên tổ chức đánh giá nhân sự, đề bạt, khen thưởng cán bộ, nhân viên công tác tốt.
Khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Đáp ứng số lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt, cạnh tranh với giá phí hợp lý. ▶ Ứng dụng công nghệ thông tin nhanh, hiện đại trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ. ▶ Đảm bảo quy mô và sự ổn định nguồn vốn cho vay. ▶ Trình độ và sự chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự. 	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Chuyên nghiệp hóa Bộ phận nghiên cứu phát triển sản phẩm. ▶ Thường xuyên nghiên cứu, cập nhật và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin. ▶ Chủ động nguồn vốn tự có cũng như liên kết với nhiều tổ chức, cá nhân để đảm bảo quy mô nguồn vốn cho vay ngày càng lớn, đa dạng, chi phí huy động vốn hợp lý. ▶ Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nội bộ, đào tạo trong công việc cũng như cử cán bộ, nhân viên tham gia các khóa đào tạo bên ngoài để nâng cao trình độ và kỹ năng chăm sóc khách hàng.
Nhà cung cấp	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Quy trình lựa chọn nhà cung cấp đảm bảo công bằng, minh bạch. ▶ Uy tín trong thanh toán 	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Xây dựng quy trình đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp. ▶ Duy trì hoạt động của Hội đồng xét chọn nhà thầu gồm nhiều phòng ban, bộ phận đảm bảo có sự phản biện. ▶ Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, kiểm soát đối với quy trình mua sắm cũng hoạt động pháp chế, kế toán đối với hoạt động rà soát hợp đồng.
Cơ quan quản lý Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Tuân thủ pháp luật. ▶ Hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. ▶ Quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro. ▶ Đóng góp đầy đủ vào Ngân sách Nhà nước. ▶ Chia sẻ ý kiến, quan điểm về thị trường. ▶ Góp ý hoàn thiện văn bản. 	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Đẩy mạnh các hoạt động quản trị Công ty, pháp chế, kiểm tra, kiểm soát nội bộ. ▶ Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh được ĐHCĐ thông qua. ▶ Chủ động gửi báo cáo, cung cấp thông tin, chia sẻ ý kiến góp ý và kinh nghiệm chuyên môn.
Hiệp hội	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hiệp hội. ▶ Đóng góp ý kiến xây dựng và phát triển hoạt động của Hiệp hội. ▶ Đóng góp đầy đủ nghĩa vụ tài chính cho Hiệp hội. 	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Theo dõi và bố trí nhân sự tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hiệp hội. ▶ Chủ động góp ý kiến và bố trí nhân sự tham gia đầy đủ các đợt góp ý kiến do Hiệp hội khởi xướng. ▶ Thực hiện đóng góp đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ tài chính theo thông báo của Hiệp hội.
Cơ quan báo chí, truyền thông	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Khả năng tiếp cận thông tin về Công ty kịp thời, hiệu quả. ▶ Phối hợp với các cơ quan báo chí trong công tác truyền thông. 	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Chủ động gửi các thông cáo báo chí. ▶ Công bố thông tin minh bạch, kịp thời về các sự kiện, hoạt động quan trọng của Công ty. ▶ Cung cấp thông tin, số liệu, phân tích, đánh giá theo yêu cầu đầy đủ, kịp thời, minh bạch. ▶ Cử chuyên gia trả lời phỏng vấn, nhận định, đánh giá.
Cộng đồng địa phương và xã hội	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. ▶ Triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng. ▶ Triển khai các hoạt động thiện nguyện. ▶ Triển khai các hoạt động đầu tư, hỗ trợ đầu tư vào các lĩnh vực phát triển bền vững. ▶ Tài trợ các chương trình, hoạt động phát triển thể hệ trẻ. 	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Thực hiện các chương trình, giải pháp tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước tại văn phòng. ▶ Dành hạn mức tối thiểu hàng năm tham gia đóng góp, ủng hộ, tài trợ cho các chương trình an sinh xã hội. ▶ Dành hạn mức tối thiểu hàng năm đầu tư vào các cổ phiếu, trái phiếu xanh. ▶ Dành hạn mức tối thiểu hàng năm tài trợ các chương trình, hoạt động phát triển thể hệ trẻ.

GRI 201 HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

GRI
201 - 1

GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP ĐƯỢC TẠO RA VÀ PHÂN BỐ

Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra:

Tổng tài sản

10.899,63 tỷ đồng

Tổng doanh thu và thu nhập khác

1.547,66 tỷ đồng

Giá trị kinh tế được phân bổ:

Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông:

25%

Các khoản thanh toán cho Nhà cung cấp

29,74 tỷ đồng

Lợi nhuận chưa phân phối

765,35 tỷ đồng

Cung cấp cho khách hàng:

▶ Dịch vụ quản lý tiền:

1.309,53 tỷ đồng

▶ Dịch vụ quản lý chứng khoán:

3.024,26 tỷ đồng

▶ Dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ:

2.293,48 tỷ đồng

Vốn điều lệ

8.131,56 tỷ đồng

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

197,29 tỷ đồng

Lương và các khoản trích theo lương cho Người lao động

108,95 tỷ đồng

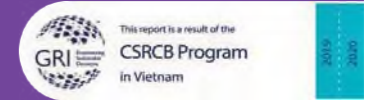
Tổng số phải nộp vào NSNN

303,77 tỷ đồng

Đầu tư cho cộng đồng

3,22 tỷ đồng

GRI 202 SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG



SHS tiếp tục củng cố sự hiện diện của mình trên TTCK Việt Nam thông qua một số sự kiện quan trọng sau:

- ▶ SHS tiếp tục nằm trong top các công ty niêm yết vốn hóa vừa có báo cáo thường niên tốt nhất.
- ▶ SHS tiếp tục nhận được bằng khen của UBND Thành phố Hà Nội, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Sở Công thương, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, ... cho những thành tích trong hoạt động kinh doanh cũng như những đóng góp cho TTCK Việt Nam và xã hội.

GRI
201 - 3

CÁC NGHĨA VỤ THEO CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI

Tỷ lệ đóng bảo hiểm bắt buộc của Công ty và Người lao động được thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành là: 32%, trong đó SHS là 21,5% - Người lao động là 10,5%.

GRI 301-302-303-306 VẬT LIỆU, NĂNG LƯỢNG, ĐIỆN, NƯỚC, CHẤT THẢI, RÁC THẢI



Phạm vi của chủ đề

Với đặc thù của công ty chứng khoán, vật liệu chủ yếu Công ty sử dụng là giấy in, mực in, biểu mẫu, sách báo, tài liệu, văn phòng phẩm các loại với số lượng sử dụng hàng năm không lớn. Công ty cũng không sử dụng nhiều điện, nước như các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực khác như sản xuất, chế biến... Tuy vậy, Công ty luôn gắn kết mục tiêu bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh với việc nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên trong việc bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước.

Nơi phát sinh tác động và sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó

Hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty phải sử dụng đến vật liệu, năng lượng, điện, nước và sẽ xả ra một lượng rác thải ra môi trường xung quanh. Đây là tác động trực tiếp của doanh nghiệp đến môi trường.

Phương pháp quản trị

SHS quản lý số vật liệu, năng lượng, điện, nước tiêu hao trên cơ sở hóa đơn mua hàng, hóa đơn thanh toán hàng tháng trên cơ sở khối lượng, số lượng mua và chỉ số sử dụng theo công tơ. Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn nhận thức được ảnh hưởng của việc sử dụng vật liệu, năng lượng, điện, nước đối với môi trường nên nỗ lực quản trị để điều chỉnh việc sử dụng cách hiệu quả, tiết kiệm, góp phần giảm thiểu tác động đến môi trường.

Phòng Tổ chức Hành chính được giao tổng hợp và so sánh chi phí sử dụng vật liệu, năng lượng, điện, nước hàng tháng của từng Phòng ban, Chi nhánh, để từ đó phát hiện ra những bất thường trong quá trình sử dụng cũng như tìm kiếm cách thức tiết kiệm chi phí sử dụng.

Việc sử dụng các loại vật liệu của Công ty trên cơ sở đề xuất hàng năm của các Phòng ban, Chi nhánh. Trong năm, các Phòng ban, Chi nhánh sử dụng theo định mức được phân bổ. Trong trường hợp phát sinh đột biến thì Trưởng phòng chức năng phải gửi giải trình thỏa đáng mục đích sử dụng có phát sinh đột biến đó cho Thành viên Ban TGD phụ trách và Phòng Tổ chức Hành chính. Tất cả các loại vật liệu đều được tận dụng tối đa và sau khi sử dụng đều được xử lý phù hợp để đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường như phân loại, chuyển cho đơn vị chuyên thu gom...

Công ty lắp đặt toàn bộ hệ thống chiếu sáng bằng các thiết bị tiết kiệm điện. Các phòng ban đều được thiết kế có nhiều cửa sổ để tăng cơ hội sử dụng ánh sáng mặt trời và gió tự nhiên. Hệ thống điều hòa tổng luôn đặt ở chế độ hợp lý nhằm tránh chênh lệch nhiệt độ quá nhiều so với bên ngoài. Công ty không khuyến khích cán bộ nhân viên làm việc ngoài giờ hành chính để đảm bảo tái sản xuất sức lao động cũng như tiết kiệm điện năng cho Công ty. Muốn làm việc thêm giờ, cán bộ, nhân viên phải đăng ký trước. Phòng Tổ chức Hành chính có trách nhiệm đi kiểm tra, tắt các thiết bị điện chiếu sáng, điều hòa ở hành lang và ở các phòng nếu bị bỏ quên. Công ty ký Hợp đồng bảo dưỡng định kỳ hệ thống điều hòa và máy móc (máy tính, máy in...) để đảm bảo duy trì công suất máy, hạn chế thất thoát điện năng.

Phòng Tổ chức Hành chính cũng được phân công thường xuyên kiểm tra các vòi nước đảm bảo không bị rò rỉ nước, bỏ quên không tắt vòi nước... Nước uống đóng bình được cấp cho từng tầng theo hạn mức.

Để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, Công ty cũng thực hiện nhiều biện pháp để giảm thiểu việc phát thải các chất thải ra môi trường. Công ty sử dụng hệ thống điều hòa với công nghệ mới và thuê nhà cung cấp thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng để tránh rò rỉ, phát thải chất khí gây hại cho môi trường. Rác thải từ văn phòng được phân loại thành các loại rác hữu cơ, rác có thể tái chế, rác thải độc hại. Nhân viên thu dọn rác được yêu cầu phân loại rác trước khi bàn giao cho Công ty thu gom rác.



Đối với rác thải hữu cơ: Tại mỗi phòng ban và hành lang, nhà vệ sinh đều có đặt thùng rác đầy kín. Nhân viên vệ sinh được yêu cầu thu dọn rác hàng ngày để tránh gây ô nhiễm văn phòng làm việc.

Đối với rác thải có thể tái chế như giấy, bia, chai, lọ nhựa, thủy tinh: nhân viên vệ sinh sẽ gom riêng để bán hoặc tái sử dụng, khuyến khích nhân viên tái sử dụng giấy in một mặt, sử dụng vật dụng thân thiện với môi trường như ly thủy tinh, ly giấy, túi vải..., đặc biệt là không sử dụng chai và ly nhựa trong các buổi họp.

Đối với rác thải độc hại như mực in, pin, bóng đèn: được gom riêng để bàn giao cho bên cung cấp mực in hoặc Công ty thu gom rác.

Bên cạnh thực hiện các chính sách, thủ tục tiết kiệm vật liệu, năng lượng, điện, nước, Công ty cũng ban hành các chế tài đối với các phòng ban, Người lao động vi phạm quy định về sử dụng và bảo vệ môi trường.

GRI 307 Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường

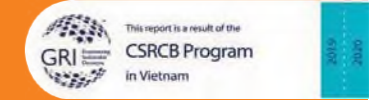


Để đảm bảo sức khỏe cho cán bộ, nhân viên vốn dành phần lớn thời gian trong ngày tại Công ty, góp phần giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp, nhân viên vệ sinh được yêu cầu quét dọn 2 lần/ngày các khu vực chung và 1 lần/ngày đối với các khu vực riêng. Cán bộ, nhân viên được yêu cầu thường xuyên lau dọn bàn làm việc và các thiết bị sử dụng đồng thời sắp xếp tài liệu gọn gàng, khoa học. Công ty đã thuê một công ty chuyên nghiệp cung cấp và bảo dưỡng định kỳ cây cảnh và máy móc trong toàn bộ văn phòng làm việc.

Trong năm 2022, Công ty không ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về bảo vệ môi trường.



GRI 401 Việc làm



Tuyển dụng nhân sự đáp ứng yêu cầu công việc và phù hợp với văn hóa Công ty

SHS tuyển dụng nhân sự trên cơ sở kế hoạch tuyển dụng hàng năm được Ban TGD phê duyệt. Kế hoạch tuyển dụng được xây dựng trên cơ sở đề xuất của các phòng ban, chi nhánh, phòng giao dịch căn cứ vào kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và mục tiêu phát triển hàng năm. Việc tuyển dụng nhân sự được thực hiện qua nhiều kênh khác nhau như thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, website Công ty, qua giới thiệu và qua các tổ chức tuyển dụng chuyên nghiệp... Tất cả các nhân sự ứng tuyển đều phải trải qua một số vòng thi tuyển và phỏng vấn nhằm lựa chọn ra những ứng viên có kinh nghiệm và phù hợp nhất với chiến lược kinh doanh và văn hóa Công ty. Trong năm 2022, SHS đã tuyển mới 49 cán bộ bổ sung vào đội ngũ nhân sự của Công ty trên cả 3 miền. Công ty tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức.



Quản lý nhân sự chuyên nghiệp

Công ty quản lý nhân sự theo địa điểm kinh doanh và theo phòng làm việc. TGD có trách nhiệm quản lý các Phó TGD và các Trưởng phòng. Ban TGD bao gồm TGD và các Phó TGD và có trách nhiệm quản lý các Trưởng phòng. Các Trưởng phòng có trách nhiệm quản lý nhân viên do mình phụ trách. Giám đốc các chi nhánh, phòng giao dịch và Trưởng văn phòng đại diện có trách nhiệm quản lý cán bộ, nhân viên của chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện.

Cán bộ, nhân viên đi làm có nghĩa vụ chấm công bằng vân tay. Cuối tháng, cán bộ, nhân viên có nghĩa hoàn thiện Bảng chấm công bổ sung, Phiếu nghỉ phép... cho những ngày không chấm công bằng vân tay trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và chuyển cho Phòng Tổ chức Hành chính để tính lương.

Công ty cũng đã trang bị phần mềm quản lý nhân sự chuyên nghiệp và nhiều tiện ích. Cán bộ, nhân viên có thể khai thác thông tin về lương, thưởng, phụ cấp, trợ cấp, nghỉ phép, tình hình chấm công... trên hệ thống. Bộ phận Nhân sự có thể quản lý trực tiếp nhân sự của Công ty trên phần mềm với nhiều phần hành khác nhau như tính lương, thưởng và các khoản trích trên lương, quản lý chấm công, nghỉ phép...

Mọi cán bộ, nhân viên của Công ty đều được phổ biến đầy đủ Nội quy lao động và các quy trình, quy chế, quy định liên quan ngay từ khi bắt đầu vào làm việc tại Công ty nhằm giúp cán bộ, nhân viên hiểu và nắm rõ các quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình thực hiện công việc.

Bổ nhiệm, chuyển đổi đáp ứng chiến lược kinh doanh của Công ty

Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện bổ nhiệm 4 cán bộ, đánh giá lại hợp đồng lao động 75 cán bộ, giải quyết chế độ nghỉ việc cho 27 cán bộ dựa trên nguyện vọng cá nhân, đánh giá khả năng cá nhân và sự phù hợp nhằm phát huy tốt nhất khả năng của mỗi nhân sự từ đó góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Chế độ lương, thưởng hấp dẫn

Quy chế lương, thưởng của Công ty được ban hành dựa trên nguyên tắc thỏa thuận đảm bảo sự cạnh tranh, minh bạch, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty và tạo động lực nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Thu nhập của người lao động tại SHS là thu nhập thuần hàng tháng. Cán bộ, nhân viên của Công ty được trả lương 2 lần/tháng, trong đó lần 1 là tạm ứng lương 30%, lần 2 là trả 70% lương còn lại. Công ty trích, nộp các khoản KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN, thuế TNCN cho 100% người lao động trước khi chi trả thu nhập cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật và Công ty.

Cơ cấu thu nhập của Người lao động bao gồm lương cơ bản trả hàng tháng, lương theo kết quả kinh doanh trả hàng tháng, thưởng theo kết quả kinh doanh, lương làm thêm giờ, tiền ăn ca và các khoản thu nhập khác... Riêng đối với Khối môi giới và các phòng ban, cá nhân hỗ trợ, Công ty có chính sách chia sẻ phí môi giới với các Môi giới và lương theo Doanh thu môi giới cho Bộ phận hỗ trợ.

Chi phí năm 2022

Chi phí lương, thưởng, ăn ca, làm thêm giờ...

103.174.523.914 đồng

Các khoản trích theo lương (KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN)

5.776.688.486 đồng

Tổng chi phí lương

108.951.212.400 đồng

Số lượng CBNV tại thời điểm cuối năm (cán bộ)

252

Chi phí lương, thưởng bình quân đầu người/tháng

27.000.000 đồng

Công ty đã tổ chức bình bầu và khen thưởng cán bộ, nhân viên xuất sắc, có những thành tích đóng góp tích cực cho hoạt động của Công ty trong năm 2022. Trong đó:

- ▶ Chủ tịch HĐQT đã khen thưởng 1 tập thể;
- ▶ Tổng Giám đốc đã khen thưởng 3 cá nhân.

Chế độ khen thưởng bằng cả tinh thần và vật chất đã tạo ra phong trào thi đua liên tục giữa các cán bộ, nhân viên và giữa các phòng ban nhờ đó tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Hỗ trợ đầy đủ chế độ phụ cấp, phúc lợi cho người lao động và thân nhân

Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác tùy thuộc theo đặc thù công việc, vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (như phụ cấp điện thoại, xăng xe, ăn ca, công tác phí, sinh nhật cá nhân, sinh nhật công ty 15/11, ngày 8/3, ngày 20/10, trợ cấp đối với cán bộ, nhân viên đã từng tham gia quân ngũ ...).

Lao động nữ được nghỉ đủ 6 tháng khi sinh con và được giảm 1 giờ làm khi mang thai từ tháng thứ 7 trở đi và sau khi sinh con trong vòng 1 năm. Lao động nam được nghỉ từ 5-14 ngày khi vợ sinh con. Trong năm, Công ty đã giải quyết chế độ thai sản cho 12 lao động nữ. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện đầy đủ các chế độ khác như nghỉ ốm, nghỉ dưỡng thai, dưỡng sức, nghỉ phép... đảm bảo tối đa quyền lợi cho người lao động và không có phát sinh khiếu nại nào về việc thực hiện chính sách cho người lao động trong năm 2022.

Công ty không chỉ quan tâm trực tiếp đến Người lao động mà còn quan tâm đến thân nhân, gia đình của Người lao động. Hàng năm, Công ty đều tổ chức khen thưởng các cháu có thành tích học tập tốt trong năm; tổ chức tặng quà các cháu nhân ngày Tết thiếu nhi, Rằm trung thu; hỗ trợ những gia đình có người thân đau ốm, cưới xin, ma chay... với mức chi đến 5 triệu đồng/người.

GRI 403

An toàn và sức khỏe nghề nghiệp



Lương cơ bản đóng bảo hiểm bắt buộc của toàn thể Người lao động trong Công ty cũng được nâng lên đáng kể so với các năm trước.

Công ty tiếp tục mua bảo hiểm nhân thọ cho toàn thể Người lao động trong Công ty với tổng chi phí khoảng 1,2 tỷ đồng tại Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội (BSH).

Công ty cung cấp chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho cán bộ, nhân viên với chi phí khoảng 620 triệu đồng tại Bệnh viện đa khoa Medlatec.

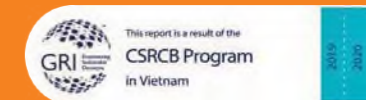
Công ty mua bảo hiểm tài sản của toàn Công ty với giá trị khoảng 1,9 tỷ đồng.

Việc duy trì và tăng các chế độ phúc lợi, bảo hiểm cho Người lao động trong năm 2022 đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Công ty đối với Người lao động nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, an tâm về tài chính trước những rủi ro không mong muốn cũng như gia tăng tài chính khi nghỉ hưu của Người lao động.



GRI 404

Giáo dục và đào tạo



SHS đặc biệt coi trọng vấn đề đào tạo vì cán bộ, nhân viên của Công ty được coi là tài sản quý giá nhất của Công ty. Công ty chỉ có thể phát triển bền vững nếu cán bộ, nhân viên được chăm lo và bồi dưỡng thường xuyên. Ngoài ra, việc giáo dục, đào tạo tại Công ty được định hướng theo hướng thiết thực và để phát triển đội ngũ nhân sự kế cận, tạo sự chủ động về vấn đề nhân sự cho Công ty. Do đó, trong năm 2022, Công ty đã tổ chức đào tạo nội bộ cho 60 cán bộ môi giới nhằm giúp nâng cao trình độ chuyên môn và chất lượng phục vụ khách hàng.

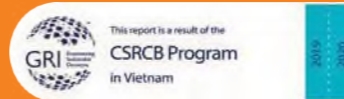
GRI 405 Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng



Công ty luôn đảm bảo sự công bằng trong môi trường làm việc cũng như cơ hội phát triển cho lao động nữ của Công ty. Tỷ lệ nữ giới trong Công ty là 52%. Chế độ lương, thưởng dành cho nữ giới của Công ty không có sự phân biệt nào so với lao động nam. Nữ giới luôn được khuyến khích đưa ý kiến và tham gia vào các vị trí quản lý của Công ty. Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về chính sách dành cho nữ giới như thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi khi mang bầu, sinh con...



GRI 407 Tự do lập hội và thương lượng tập thể



Cán bộ, nhân viên được tự do lập hội để nâng cao tinh thần, sức khỏe và trình độ chuyên môn.

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định hiện hành của Pháp luật. Thỏa ước lao động tập thể được toàn thể CBNV của Công ty thông qua và được đăng ký với Sở Lao động và Thương binh Xã hội. Toàn thể người lao động trong Công ty được hưởng lợi ích từ Thỏa ước lao động tập thể. Đời sống của cán bộ, nhân viên được chăm lo thông qua tổ chức công đoàn của Công ty và quý khen thưởng, phúc lợi. Bất kỳ xung đột lợi ích nào giữa Công ty và cán bộ, nhân viên (nếu có) đều được tổ chức công đoàn đứng ra giải quyết nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

GRI 413 Cộng đồng địa phương



Là thành viên tiêu biểu, có trách nhiệm của Cơ quan quản lý trực tiếp và các Hiệp hội

Công ty tham gia tích cực vào các hoạt động do các cơ quan quản lý trực tiếp và các Hiệp hội tổ chức. Cụ thể:

- Tham gia tất cả các hội thảo và các lần đóng góp ý kiến sửa đổi văn bản pháp luật do UBCKNN và Hiệp hội đầu tư chứng khoán tổ chức, tham gia tất cả các hội thảo phổ biến văn bản pháp luật, phổ biến quy định về quản trị công ty, quy định về lập báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững.
- Đóng góp nhiều ý kiến quan trọng cho cơ quan quản lý Nhà nước (như UBCKNN, SGDCK, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam VCCI, Bộ Tài chính, Bộ Công thương....) và Hiệp hội đầu tư chứng khoán, Hiệp hội Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ, Hiệp hội trái phiếu... góp phần xây dựng TTCK Việt Nam an toàn, hiệu quả và nâng cao chất lượng hoạt động, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp ở Việt Nam.
- Đã gửi các báo cáo và công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch cho nhiều cơ quan quản lý khác nhau như UBCKNN, SGDCK Việt Nam, SGDCK Hà Nội, SGDCK Tp.HCM, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan thuế, Cơ quan thống kê, Cơ quan bảo hiểm...
- Đã giải trình đầy đủ, hợp lý về tình hình kinh doanh, tình hình tài chính và tình hình khách hàng theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước khi được yêu cầu.
- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác truyền thông với nhiều cơ quan, báo, đài nhằm cung cấp thông tin chủ động, đầy đủ, kịp thời và có trách nhiệm đến công chúng.

Chính vì những đóng góp tích cực của mình trong năm 2022, Công ty đã vinh dự được nhận nhiều bằng khen, giấy khen của UBND Thành phố Hà Nội, Sở Công thương Thành phố Hà Nội, Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ Thành phố Hà Nội, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh,... (Vui lòng xem tại mục Giải thưởng đạt được)

Đóng góp tích cực vào Thị trường vốn xanh

Công ty tiếp tục kiên định chiến lược kinh doanh theo hướng sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có cũng như các nguồn lực huy động từ bên ngoài để nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững. Một trong những nội dung ưu tiên của chiến lược phát triển bền vững đó là dành một phần quan trọng nguồn lực để đầu tư và hỗ trợ thị trường vốn xanh thông qua các hoạt động môi giới, cung cấp dịch vụ tài chính, đầu tư, tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành....

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương và xã hội

Trong năm 2022, mặc dù không thực hiện được nhiều chương trình đóng góp cho cộng đồng tuy nhiên chất lượng của sự đóng góp là không hề nhỏ. Tổng số tiền đóng góp cho cộng đồng năm qua là hơn 3,2 tỷ đồng. Cụ thể:

STT	Năm 2022	Đơn vị tổ chức	Số tiền (đồng)
1	Ủng hộ xây nhà cho hộ nghèo trên địa bàn Tỉnh Điện Biên	UBMTTQ Tỉnh Điện Biên	3.000.000.000
2	Tài trợ chương trình “Ngọn nến tri ân” năm 2022 tri ân các anh hùng liệt sỹ tại mặt trận Quảng Trị	Hội truyền thống Cựu chiến binh và Công ty CP Thiên Sơn	216.000.000

GRI 418

Quyền bảo mật thông tin khách hàng



Công ty đã ban hành các quy định nội bộ về bảo mật thông tin khách hàng cũng như chế tài xử lý nếu làm lộ thông tin khách hàng. Các phần mềm giao dịch chứng khoán và kế toán của Công ty đều được mua từ các đối tác uy tín, phân quyền sử dụng và khai thác thông tin, số liệu dựa trên sự đề xuất bằng văn bản của trưởng phòng, sự phê duyệt của Ban lãnh đạo và sự thực hiện phân quyền của Phòng Công nghệ Thông tin. Công ty cũng mua các phần mềm để bảo mật, chống truy cập bất hợp pháp cho hệ thống website, phần mềm của công ty. Các hợp đồng, hồ sơ, giấy tờ liên quan đến thông tin khách hàng đều được các phòng liên quan quản lý trong các tủ có khóa, khi không còn sử dụng thì được tiêu hủy theo đúng quy định của Công ty.



▶▶ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2023

Đối chiếu với kế hoạch phát triển bền vững năm 2022 đưa ra, có thể nhận thấy Công ty mới hoàn thành được một phần các mục tiêu phát triển bền vững của năm 2022. Tuy nhiên, với mục tiêu và tầm nhìn dài hạn, Công ty tiếp tục đề ra kế hoạch phát triển bền vững năm 2023 không thấp hơn năm 2022, mặc dù dự đoán thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục gặp nhiều khó khăn và có thể ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện kế hoạch phát triển bền vững của năm 2023. Cụ thể như sau:

Tiếp tục nâng cao hiệu quả kinh doanh



- ▶ Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- ▶ Nằm trong Nhóm công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên cả 2 sàn HOSE và HNX.
- ▶ Hoàn thành các mục tiêu phi tài chính khác.

Đảm bảo cam kết với các bên liên quan



Với Người lao động

- ▶ Đảm bảo thu nhập, phúc lợi hiện tại cho Người lao động.
- ▶ Tạo môi trường làm việc bình đẳng, chuyên nghiệp và cơ hội thăng tiến.

Với Cổ đông

- ▶ Đảm bảo cổ tức và quyền lợi hợp pháp khác của Cổ đông.
- ▶ Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, minh bạch.

Với Khách hàng, Nhà cung cấp

- ▶ Hoàn thiện và tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ với giá phí cạnh tranh.
- ▶ Là đối tác thường xuyên, tin cậy và cùng chia sẻ lợi ích.

Với Cơ quan quản lý, Hiệp hội và truyền thông

- ▶ Hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.
- ▶ Là thành viên tích cực và đóng góp hiệu quả cho sự phát triển của TTCK Việt Nam và các Hiệp hội.
- ▶ Hợp tác đầy đủ, kịp thời trong công tác báo cáo, công bố thông tin và truyền thông.

Tăng cường trách nhiệm với môi trường, xã hội



Với môi trường

- ▶ Tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
- ▶ Thực hiện đồng bộ các giải pháp để tiết kiệm nước và năng lượng.
- ▶ Tích cực bảo vệ môi trường với nhiều hình thức khác nhau.

Với xã hội

- ▶ Tăng cường công tác thiện nguyện, làm tốt các chương trình an sinh xã hội.

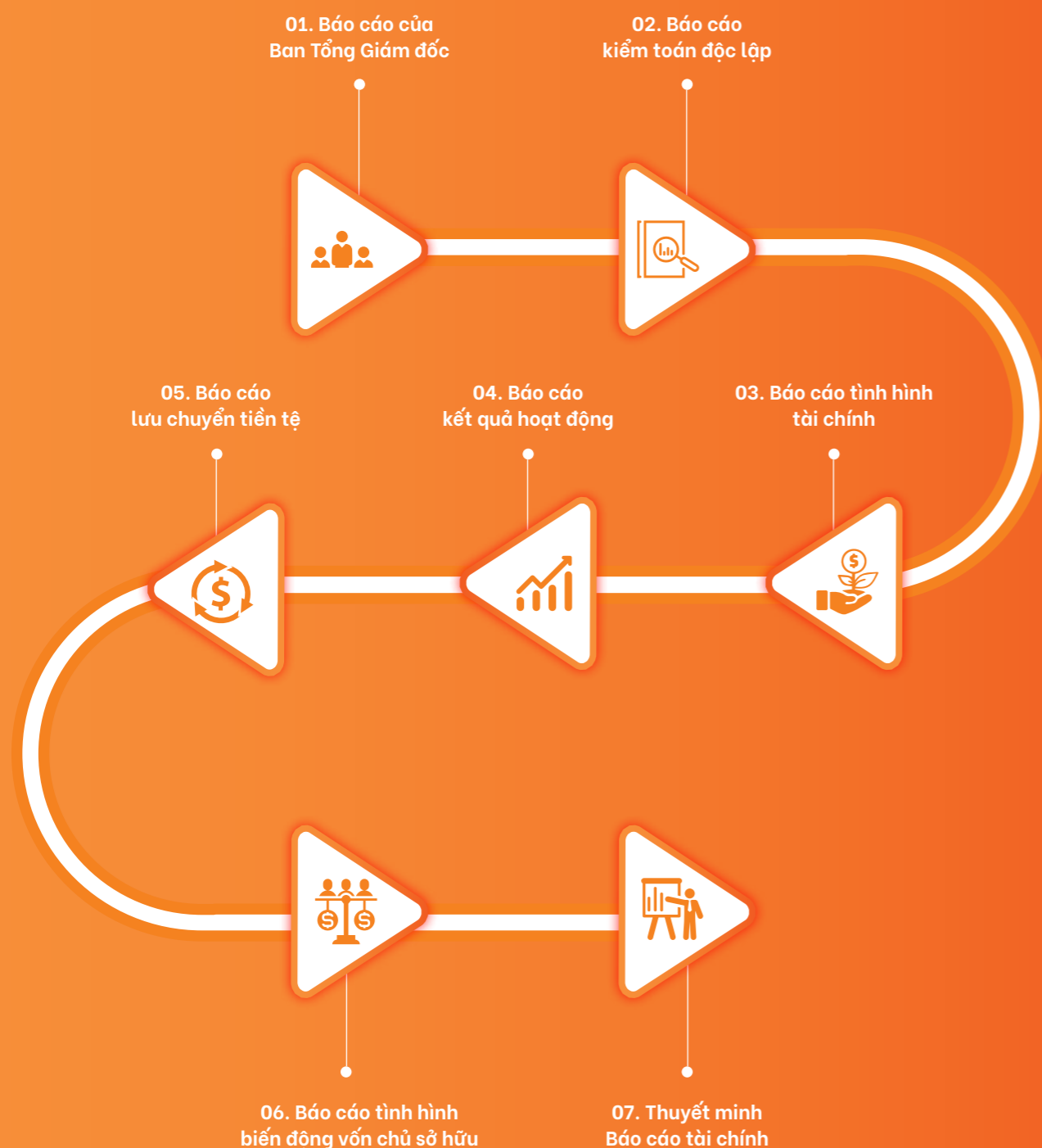


06

BÁO CÁO KIỂM TOÁN NĂM 2022

- ▶ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022 ĐƯỢC KIỂM TOÁN
- ▶ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH NĂM 2022 ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022 ĐƯỢC KIỂM TOÁN



▶▶ BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 85/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 09 năm 2022.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/04/2022
Ông	Đỗ Quang Hiển	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/04/2022
Ông	Vũ Đức Tiến	Thành viên	
Ông	Lê Đăng Khoa	Thành viên	
Ông	Lưu Danh Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2022
Ông	Mai Xuân Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2022
Bà	Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Vũ Đức Tiến	Tổng Giám đốc
Ông	Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông	Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban
Bà	Lương Thị Lựu	Thành viên
Ông	Vũ Đức Trung	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Vũ Đức Tiến

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023



Số: 270323.002/BCTC.KT2/BCTC.KT2

▶▶ BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 27 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

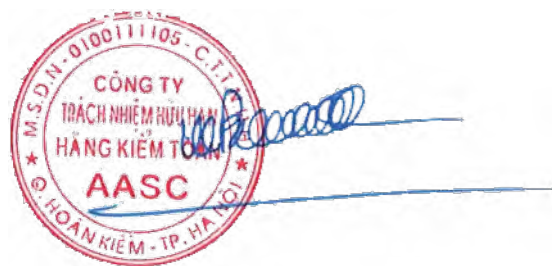
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Lê Công Thắng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4422-2019-002-1

▶▶ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.832.351.412.869	10.839.040.649.736
110	I. Tài sản tài chính		10.811.683.657.275	10.834.566.867.422
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.039.661.871.707	652.033.715.127
111.1	1.1 Tiền		1.039.661.871.707	652.033.715.127
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	4.339.477.987.075	2.700.773.774.103
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	1.000.000.000.000	-
114	4. Các khoản cho vay	5	2.355.668.531.748	5.817.012.626.522
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	572.237.987.350	702.541.229.300
117	6. Các khoản phải thu	6	51.117.381.554	38.853.352.485
117.2	6.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		51.117.381.554	38.853.352.485
117.3	6.1.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		51.117.381.554	38.853.352.485
118	7. Trả trước cho người bán	7	1.579.399.895	3.671.818.770
119	8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	1.916.111.404.544	1.222.721.168.220
122	9. Các khoản phải thu khác	6	45.008.845.285	161.352.205.033
129	10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(509.179.751.883)	(464.393.022.138)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		20.667.755.594	4.473.782.314
131	1. Tạm ứng		2.064.629.550	2.748.529.899
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	9	262.111.957	266.851.450
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	3.988.136.457	1.455.650.965
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11	2.750.000	2.750.000
136	5. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	14.350.127.630	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		67.274.353.894	71.842.950.288
220	II. Tài sản cố định		16.937.048.561	14.128.110.338
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	13.391.164.569	12.379.402.978
222	- Nguyên giá		40.786.012.398	35.401.233.922
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.394.847.829)	(23.021.830.944)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	3.545.883.992	1.748.707.360
228	- Nguyên giá		27.887.980.987	24.657.980.987
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(24.342.096.995)	(22.909.273.627)
250	V. Tài sản dài hạn khác		50.337.305.333	57.714.839.950
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11	3.154.800.343	1.435.890.343
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10	27.182.504.990	36.278.949.607
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	20.000.000.000	20.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		10.899.625.766.763	10.910.883.600.024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.463.766.337.166	4.855.303.932.291
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		1.364.948.808.240	4.204.719.054.422
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	407.000.000.000	2.748.000.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn		407.000.000.000	2.748.000.000.000
316	3. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	21	660.000.000.000	600.000.000.000
318	4. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17	600.000	9.791.264.000
320	5. Phải trả người bán ngắn hạn	18	114.159.297.216	-
321	6. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		4.360.500.000	1.925.200.000
322	7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	21.329.988.934	158.417.859.040
323	8. Phải trả người lao động		18.478.420.632	58.060.881.353
324	9. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		1.350.097.377	733.447.977
325	10. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	35.440.775.897	95.790.643.323
328	11. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	22	16.164.000	452.596.761.401
329	12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	23	9.119.376.526	29.739.559.838
331	13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		93.693.587.658	49.663.437.490
340	II. Nợ phải trả dài hạn		98.817.528.926	650.584.877.869
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	21	-	500.000.000.000
352	2. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	22	25.000.000	25.000.000
356	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	41.2	98.792.528.926	150.559.877.869
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.435.859.429.597	6.055.579.667.733
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	9.435.859.429.597	6.055.579.667.733
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		8.853.320.430.800	3.742.322.836.300
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		8.131.567.480.000	3.252.650.270.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		8.131.567.480.000	3.252.650.270.000
411.2	1.3 Thặng dư vốn cổ phần		721.752.950.800	489.672.566.300
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		(337.086.821.870)	293.029.794.376
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		77.136.777.489	77.136.777.489
415	4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		77.136.777.489	77.136.777.489
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối		765.352.265.689	1.865.953.482.079
417.1	5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		370.182.149.985	1.263.713.970.604
417.2	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		395.170.115.704	602.239.511.475
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.899.625.766.763	10.910.883.600.024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
002	1. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		1.500.000.000	1.500.000.000
003	2. Tài sản nhận thế chấp		6.903.330.000	6.903.330.000
006	3. Cổ phiếu đang lưu hành		813.156.748	325.265.027
008	4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	25	1.494.361.190.000	944.959.880.000
009	5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	26	76.790.020.000	32.037.470.000
010	6. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	27	4.235.100.000	-
012	7. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	28	799.358.780.000	143.201.130.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	29	44.641.325.860.000	41.578.629.440.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		36.784.515.100.000	35.808.331.870.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		1.350.251.430.000	2.156.424.300.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		6.316.152.530.000	3.064.116.280.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		65.747.990.000	44.946.540.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		124.658.810.000	504.810.450.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	30	2.510.912.030.000	2.017.813.130.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		1.121.600.510.000	971.686.500.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		1.389.311.520.000	1.030.830.950.000
022.3	c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố		-	15.295.680.000
023	4. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	31	468.708.950.000	499.119.960.000

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
026	5. Tiền gửi của khách hàng	32	1.309.534.815.623	2.384.987.371.174
027	5.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		786.530.289.831	787.074.410.882
028	5.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		522.927.021.500	1.597.617.003.500
030	5.1. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		77.504.292	295.956.792
031	7. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	33	1.309.457.311.331	2.384.691.414.382
031.1	7.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.308.640.251.227	2.384.062.038.382
031.2	7.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		817.060.104	629.376.000
035	8. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	34	77.504.292	295.956.792

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

▶▶ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		464.437.535.006	1.484.260.981.477
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	36.a)	457.309.337.888	1.252.757.842.307
01.2	b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	36.b)	(146.920.715.909)	179.816.966.577
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	36.c)	154.048.913.027	51.686.172.593
02	1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	36.c)	30.824.931.494	-
03	1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	36.c)	567.856.675.262	688.752.608.357
06	1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		332.853.242.032	553.924.680.674
07	1.5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		26.825.909.090	113.350.045.455
08	1.6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		11.882.697.584	18.631.198.852
09	1.7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		23.514.147.503	23.968.522.220
10	1.8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		83.618.136.467	11.997.070.845
11	1.9. Thu nhập hoạt động khác	36.d)	654.937.941	432.540.522
20	Cộng doanh thu hoạt động		1.542.468.212.379	2.895.317.648.402
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		724.967.169.134	91.564.916.885
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	36.a)	611.516.707.522	111.298.553.127
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	36.b)	111.916.028.805	(20.970.654.019)
21.3	c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		1.534.432.807	1.237.017.777
24	2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		21.786.592.904	346.859.867.321
26	2.3. Chi phí hoạt động tự doanh		12.747.553.484	17.019.229.906
27	2.4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		235.286.601.928	362.586.535.811
28	2.5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		6.796.302.872	9.450.657.869
29	2.6. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		11.546.785.243	14.282.770.989
30	2.7. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		11.934.361.917	10.355.731.111

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
31	2.8	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	7.385.409.181	13.141.337.584
32	2.9	Chi phí các dịch vụ khác	56.371.123.973	(32.359.689.663)
40		Cộng chi phí hoạt động	1.088.821.900.636	832.901.357.813
III.		DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	38	
42	3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	4.975.550.219	3.882.855.188
50		Cộng doanh thu hoạt động tài chính	4.975.550.219	3.882.855.188
IV.		CHI PHÍ TÀI CHÍNH	39	
52	4.1	Chi phí lãi vay	163.288.704.020	149.064.549.192
55	4.2	Chi phí tài chính khác	20.000.000	20.000.000
60		Cộng chi phí tài chính	163.308.704.020	149.084.549.192
62	VI.	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	40	98.238.383.658
70	VII.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	197.074.774.284	1.752.285.441.802
	VIII.	THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC		
71	8.1	Thu nhập khác	213.101.490	633.638.451
72	8.2	Chi phí khác	4.250	1.100.091
80		Cộng kết quả hoạt động khác	213.097.240	632.538.360
90	IX.	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	197.287.871.524	1.752.917.980.162
91	9.1	Lợi nhuận đã thực hiện	456.124.616.238	1.552.130.359.566
92	9.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	(258.836.744.714)	200.787.620.596
100	X.	CHI PHÍ THUẾ TNDN	41	35.071.817.414
100.1	10.1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	86.839.166.357	316.474.954.988
100.2	10.2	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(51.767.348.943)	40.157.524.119
200	XI.	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	162.216.054.110	1.396.285.501.055
300	XII.	THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN		
301	12.1	Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	(630.116.616.246)	249.640.824.776
400		Tổng thu nhập toàn diện	(630.116.616.246)	249.640.824.776
500	XIII.	THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		
501	13.1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	238	2.862



Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023



Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc

▶▶ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1.	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	197.287.871.524	1.752.917.980.162
02	2.	Điều chỉnh cho các khoản	209.048.872.323	145.935.350.129
03	-	Khấu hao tài sản cố định	5.948.988.777	2.554.072.130
04	-	Các khoản dự phòng	44.786.729.745	(1.663.143.278)
06	-	Chi phí lãi vay	163.288.704.020	149.064.549.192
07	-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(4.975.550.219)	(4.020.127.915)
10	3.	Tăng các chi phí phi tiền tệ	111.916.028.805	(20.970.654.019)
11	-	Lỗi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	111.916.028.805	(20.970.654.019)
18	4.	Giảm các doanh thu phi tiền tệ	146.920.715.909	(179.816.966.577)
19	-	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	146.920.715.909	(179.816.966.577)
30	5.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(1.395.943.279.200)	(4.842.885.362.864)
31	-	Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	(1.897.540.957.686)	(295.249.543.201)
32	-	Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	(1.000.000.000.000)	-
33	-	Tăng (giảm) các khoản cho vay	3.461.344.094.774	(3.645.328.462.021)
34	-	Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	(499.813.374.296)	8.107.397.476
36	-	(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	(12.264.029.069)	(5.719.182.692)
37	-	(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	(690.954.936.324)	480.332.548.541
39	-	(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	116.343.359.748	(68.768.452.147)
40	-	Tăng (giảm) các tài sản khác	(1.030.270.158)	(1.001.535.134)
41	-	Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	(54.488.074.894)	36.830.075.646
42	-	Tăng (giảm) chi phí trả trước	6.563.959.125	9.387.597.586
43	-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(207.085.531.914)	(239.038.559.074)
44	-	Lãi vay đã trả	(169.150.496.552)	(154.554.591.162)
45	-	Tăng, (giảm) phải trả cho người bán	116.251.716.091	(1.815.951.447)
46	-	Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	616.649.400	304.882.016

47	-	Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)	(31.191.632.179)	35.260.812.779
48	-	Tăng, (giảm) phải trả người lao động	(39.582.460.721)	25.698.814.010
50	-	Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác	(482.991.444.713)	(1.018.691.558.203)
52	-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(10.969.849.832)	(8.639.655.837)
60		Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(730.769.790.639)	(3.144.819.653.169)
		II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
61	1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	(8.757.927.000)	(12.309.440.702)
62	2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	-	137.272.727
65	3.	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.975.550.219	3.882.855.188
70		Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(3.782.376.781)	(8.289.312.787)
		III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
71	1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	3.903.180.324.000	1.447.060.363.500
73	2.	Tiền vay gốc	10.336.490.000.000	16.511.999.982.002
73.2	3	Tiền vay khác	10.336.490.000.000	16.511.999.982.002
74	4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	(13.117.490.000.000)	(14.557.999.982.002)
74.2	4.2	Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	(13.117.490.000.000)	(14.557.999.982.002)
76	5.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	(248.991.902.610)
80		Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	1.122.180.324.000	3.152.068.460.890
90		IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ	387.628.156.580	(1.040.505.066)
101		V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	652.033.715.127	653.074.220.193
101.1		- Tiền	652.033.715.127	653.074.220.193
103		VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	1.039.661.871.707	652.033.715.127
103.1		- Tiền	1.039.661.871.707	652.033.715.127

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		142.902.450.156.906	203.146.836.603.141
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(132.525.666.895.776)	(209.521.375.545.275)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(11.444.917.687.553)	7.456.981.432.393
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(7.099.676.628)	(9.480.928.396)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		14.655.197.829.610	14.058.460.714.982
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(14.655.416.282.110)	(15.606.247.095.746)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		(1.075.452.555.551)	(474.824.818.901)
	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		2.384.987.371.174	2.859.812.190.075
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		2.384.987.371.174	2.859.812.190.075
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		787.074.410.882	511.475.622.919
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		1.597.617.003.500	800.254.229.600
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		295.956.792	1.548.082.337.556
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	32	1.309.534.815.623	2.384.987.371.174
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		1.309.534.815.623	2.384.987.371.174
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		786.530.289.831	787.074.410.882
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		522.927.021.500	1.597.617.003.500
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		77.504.292	295.956.792

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

▶▶ BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
			01/01/2021	01/01/2022	Năm 2021		Năm 2022		31/12/2021	31/12/2022
					Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.295.262.472.800	3.742.322.836.300	1.550.687.613.500	103.627.250.000	5.529.447.264.000	418.449.669.500	3.742.322.836.300	8.853.320.430.800
1.1	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.072.682.010.000	3.252.650.270.000	1.179.968.260.000	-	4.878.917.210.000	-	3.252.650.270.000	8.131.567.480.000
1.2	Thặng dư vốn cổ phần		222.580.462.800	489.672.566.300	370.719.353.500	103.627.250.000	650.530.054.000	418.449.669.500	489.672.566.300	721.752.950.800
2.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		63.561.856.552	77.136.777.489	13.574.920.937	-	-	-	77.136.777.489	77.136.777.489
3.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		63.561.856.552	77.136.777.489	13.574.920.937	-	-	-	77.136.777.489	77.136.777.489
4.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		43.388.969.600	293.029.794.376	352.982.012.703	103.341.187.927	(350.516.616.246)	279.600.000.000	293.029.794.376	(337.086.821.870)
5.	Lợi nhuận chưa phân phối		760.539.664.100	1.865.953.482.079	1.396.285.501.055	290.871.683.076	162.216.054.110	1.262.817.270.500	1.865.953.482.079	765.352.265.689
5.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		318.930.249.102	1.263.713.970.604	1.235.655.404.578	290.871.683.076	369.285.449.881	1.262.817.270.500	1.263.713.970.604	370.182.149.985
5.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		441.609.414.998	602.239.511.475	160.630.096.477	-	(207.069.395.771)	-	602.239.511.475	395.170.115.704
TỔNG CỘNG			3.226.314.819.604	6.055.579.667.733	3.327.104.969.132	497.840.121.003	5.341.146.701.864	1.960.866.940.000	6.055.579.667.733	9.435.859.429.597
II. Thu nhập toàn diện khác										
1.	Lãi/lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		43.388.969.600	293.029.794.376	352.982.012.703	103.341.187.927	(350.516.616.246)	279.600.000.000	293.029.794.376	(337.086.821.870)
TỔNG CỘNG			43.388.969.600	293.029.794.376	352.982.012.703	103.341.187.927	(350.516.616.246)	279.600.000.000	293.029.794.376	(337.086.821.870)

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 85/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 09 năm 2022.

- ▶ Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- ▶ Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 8.131.567.480.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 8.131.567.480.000 đồng; tương đương 813.156.748 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.
- ▶ Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 252 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 230 người).

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3, tòa nhà Artex Sài Gòn, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thành phố Đà Nẵng	Tầng 8, tòa nhà Thành Lợi 2, số 03 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4. Áp dụng hướng dẫn mới

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC ("Thông tư 114") bãi bỏ toàn bộ thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ do Bộ tài chính ban hành. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

Một số thay đổi chủ yếu trong Thông tư 114 có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ hoạt động bao gồm:

- ▶ Quy định việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi thực hiện theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 ("Thông tư 48") do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- ▶ Quy định về việc sử dụng số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC. Hướng dẫn xử lý số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ như trình bày tại thuyết minh số 2.21.

Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn, Điều lệ của Công ty.

Ngày 07 tháng 04 năm 2022, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư 24") sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 48/2019/TT-BTC hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi. Theo đó, Thông tư 24 sửa đổi đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và Thông tư 24 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 05 năm 2022.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

▶ Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

▶ Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- ▶ Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- ▶ Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- ▶ Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- ▶ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- ▶ Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- ▶ Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- ▶ Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại..
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá thị trường của các chứng khoán này.

Đối với các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên, Công ty cũng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư. Trường hợp, chứng khoán có dấu hiệu giảm giá, Công ty sẽ đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Số chênh lệch đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị xác thực nhất (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK ở thời điểm cuối kỳ kế toán được theo dõi riêng trên Tài khoản cấp 2 “Chênh lệch đánh giá lại” của Tài khoản 121 - “Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ” mà không ghi tăng, giảm giá mua của các tài sản tài chính trên Tài khoản “Giá mua” và được xác định cụ thể cho từng lần đánh giá lại như sau:

- ▶ Ở kỳ đánh giá lại lần đầu, giá trị hợp lý đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được phản ánh vào Tài khoản 1212 “Chênh lệch đánh giá lại” là số chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL tại thời điểm đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá mua ban đầu của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK.
- ▶ Ở kỳ đánh giá lại lần thứ hai trở đi, giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được phản ánh vào Tài khoản 1212 “Chênh lệch đánh giá lại” là số chênh lệch giữa giá mua của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL và giá đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này. Chênh lệch giữa các kỳ đánh giá được hạch toán vào Tài khoản 51112 “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL” hoặc Tài khoản 63213 “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL”.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chỉ tiêu:

- ▶ Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu “Lỗ” và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL, chi tiết “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ” FVTPL.
- ▶ Chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu “Thu nhập”, chi tiết “Chênh lệch tăng về đánh giá lại - Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý”.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

2.7. Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.8. Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải	06 năm
Thiết bị văn phòng	04 - 05 năm
Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	03 - 05 năm

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 tháng đến 36 tháng.
- ▶ Lợi thế thương mại phát sinh khi sáp nhập với Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB, Công ty phân bổ trong vòng 07 năm.
- ▶ Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 tháng đến 36 tháng.

2.11. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính [riêng] căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí lãi hợp đồng môi giới chứng khoán ... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý được phản ánh khi đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá trị hợp lý. Tài sản được đánh giá lại bao gồm: tài sản tài chính sẵn sàng để bán; tài sản cố định; hoặc đánh giá lại tài sản khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản (nếu có).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối kỳ trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- ▶ Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- ▶ Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định hiện hành.

Như vậy, đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn, Điều lệ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15. Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- ▶ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.16. Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.17. Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- ▶ Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- ▶ Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- ▶ Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- ▶ Chi phí lãi vay;
- ▶ Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền, ...).

2.18. Các khoản thuế

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022.

2.19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
	VND	
Của Công ty Chứng khoán	517.528.736	41.060.455.745.701
- Cổ phiếu	192.744.235	5.881.872.436.240
- Trái phiếu	324.784.501	35.178.583.309.461
Của nhà đầu tư	8.561.206.752	272.994.574.595.301
- Cổ phiếu	8.011.275.583	198.884.190.063.340
- Trái phiếu	533.037.369	74.101.033.579.961
- Chứng khoán khác	16.893.800	9.350.952.000
	9.078.735.488	314.055.030.341.002

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	
Tiền mặt tại quỹ	86.172.886	49.609.061
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	1.038.297.781.494	651.568.405.302
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	1.277.917.327	415.700.764
	1.039.661.871.707	652.033.715.127

5. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND		VND	
Cổ phiếu niêm yết	843.927.075.531	874.575.042.120	1.444.350.955.349	1.927.556.323.850
Cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	307.905.957.905	565.524.342.000	266.368.044.436	301.267.061.500
Cổ phiếu chưa niêm yết	965.253.670.760	910.510.718.678	202.400.046.748	183.134.228.316
Trái phiếu niêm yết	635.964.330.926	642.442.754.743	34.319.374.487	34.319.374.487
Trái phiếu chưa niêm yết	1.346.425.129.534	1.346.425.129.534	254.496.785.950	254.496.785.950
	4.099.476.164.656	4.339.477.987.075	2.201.935.206.970	2.700.773.774.103

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND		VND	
Cổ phiếu niêm yết	675.238.748.169	572.237.987.350	175.425.373.873	702.541.229.300
	675.238.748.169	572.237.987.350	175.425.373.873	702.541.229.300

c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên (*)	1.000.000.000.000	-
	1.000.000.000.000	-

(*): Bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội với lãi suất từ 5,5%/năm đến 13%/năm.

d) Các khoản cho vay

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	
Hoạt động margin	2.293.481.012.669	4.862.983.913.394
Hoạt động ứng trước tiền bán	62.187.519.079	954.028.713.128
	2.355.668.531.748	5.817.012.626.522

e) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	4.099.476.164.656	2.201.935.206.970	4.339.477.987.075	2.700.773.750.103	385.254.045.220	532.174.761.129	(145.252.222.801)	(33.336.193.996)	4.339.477.987.075	2.700.773.774.103
Cổ phiếu niêm yết	843.927.075.531	1.444.350.955.349	874.575.042.120	1.927.556.323.850	112.267.933.818	488.057.713.120	(81.622.832.836)	(4.852.320.619)	874.572.176.513	1.927.556.347.850
<i>EIB</i>	421.789.454.939	2.821.218	497.231.506.200	3.740.700	75.442.051.261	919.482	-	-	497.231.506.200	3.740.700
<i>SAF</i>	125.312.500.000	-	123.307.500.000	-	-	-	(2.005.000.000)	-	123.307.500.000	-
<i>TCB</i>	-	403.266.343.189	-	579.569.500.000	-	176.303.156.811	-	-	-	579.569.500.000
<i>GEX</i>	-	284.319.898.883	-	444.886.608.000	-	160.566.709.117	-	-	-	444.886.608.000
<i>Các cổ phiếu khác</i>	296.825.120.592	756.761.892.059	254.036.035.920	903.096.475.150	36.825.882.557	151.186.927.710	(79.617.832.836)	(4.852.320.619)	254.033.170.313	903.096.499.150
Cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	307.905.957.905	266.368.044.436	565.524.342.000	301.267.061.500	265.937.687.585	42.366.548.009	(8.319.303.490)	(7.467.530.945)	565.524.342.000	301.267.061.500
<i>GEE</i>	138.750.000.000	-	172.050.000.000	-	33.300.000.000	-	-	-	172.050.000.000	-
<i>TBD</i>	61.200.000.000	-	100.000.000.000	-	38.800.000.000	-	-	-	100.000.000.000	-
<i>KTL</i>	55.114.674.800	19.108.674.800	138.421.900.000	30.980.416.000	83.307.225.200	11.871.741.200	-	-	138.421.900.000	30.980.416.000
<i>Các cổ phiếu khác</i>	52.841.283.105	247.259.369.636	155.052.442.000	270.286.645.500	110.530.462.385	30.494.806.809	(8.319.303.490)	(7.467.530.945)	155.052.442.000	270.286.645.500
Cổ phiếu hủy niêm yết	4.110.151.622	1.506.150.610	2.100.000.000	1.504.203.640	-	-	(2.007.286.015)	(1.946.970)	2.102.865.607	1.504.203.640
- Công ty Cổ phần Hanel	2.600.000.000	-	2.100.000.000	-	-	-	(500.000.000)	-	2.100.000.000	-
- Công ty CP Xây lắp dầu khí Hà Nội	1.503.750.000	1.503.750.000	-	1.503.750.000	-	-	(1.503.750.000)	-	-	1.503.750.000
- Các cổ phiếu khác	6.401.622	2.400.610	-	453.640	-	-	(3.536.015)	(1.946.970)	2.865.607	453.640
Cổ phiếu chưa niêm yết	961.143.519.138	200.893.896.138	908.410.718.678	181.630.000.676	-	1.750.500.000	(52.732.800.460)	(21.014.395.462)	908.410.718.678	181.630.000.676
- Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	200.000.000.000	-	200.000.000.000	-	-	-	-	-	200.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phong điện Chợ Long	176.000.000.000	-	176.000.000.000	-	-	-	-	-	176.000.000.000	-
- Công ty CP Đóng tàu và Dịch vụ Cảng Mỹ Xuân	170.000.000.000	-	169.773.500.986	-	-	-	(226.499.014)	-	169.773.500.986	-
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	145.257.484.500	145.257.484.500	145.257.484.500	145.257.484.500	-	-	-	-	145.257.484.500	145.257.484.500
- Các cổ phiếu khác	269.886.034.638	55.636.411.638	217.379.733.192	36.372.516.176	-	1.750.500.000	(52.506.301.446)	(21.014.395.462)	217.379.733.192	36.372.516.176
Trái phiếu niêm yết	635.964.330.926	34.319.374.487	642.442.754.743	34.319.374.487	7.048.423.817	-	(570.000.000)	-	642.442.754.743	34.319.374.487
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Bamboo Capital mã BCG122006	358.394.330.926	-	364.443.754.743	-	6.049.423.817	-	-	-	364.443.754.743	-
- Trái phiếu Ngân hàng Bưu điện Liên Việt mã LPB121035	200.570.000.000	-	200.000.000.000	-	-	-	(570.000.000)	-	200.000.000.000	-
- Trái phiếu niêm yết khác	77.000.000.000	34.319.374.487	77.999.000.000	34.319.374.487	999.000.000	-	-	-	77.999.000.000	34.319.374.487
Trái phiếu chưa niêm yết	1.346.425.129.534	254.496.785.950	1.346.425.129.534	254.496.785.950	-	-	-	-	1.346.425.129.534	254.496.785.950
- Trái phiếu Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải phát hành Ngày 28.12.2021 (1)	306.572.681.841	-	306.572.681.841	-	-	-	-	-	306.572.681.841	-

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Trái phiếu Công ty cổ phần Neo Floor phát hành ngày 04.08.2021 (2)	240.312.000.000	7.069.000.000	240.312.000.000	7.069.000.000	-	-	-	-	240.312.000.000	7.069.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Bắc Á phát hành Ngày 31.12.2021 (3)	203.587.260.200	-	203.587.260.200	-	-	-	-	-	203.587.260.200	-
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt phát hành ngày 30.12.2021	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-	-	-	-	-	100.000.000.000
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Sao đỏ Đà Nẵng phát hành ngày 23.09.2021	-	110.250.940.000	-	110.250.940.000	-	-	-	-	-	110.250.940.000
- Trái phiếu chưa niêm yết khác	595.953.187.493	37.176.845.950	595.953.187.493	37.176.845.950	-	-	-	-	595.953.187.493	37.176.845.950
AFS	675.238.748.169	175.425.373.873	572.237.987.350	702.541.229.300	176.599.239.181	527.115.855.427	(279.600.000.000)	-	572.237.987.350	702.541.229.300
Cổ phiếu niêm yết	675.238.748.169	175.425.373.873	572.237.987.350	702.541.229.300	176.599.239.181	527.115.855.427	(279.600.000.000)	-	572.237.987.350	702.541.229.300
- Sàn HSX	675.238.748.169	175.425.373.873	572.237.987.350	702.541.229.300	176.599.239.181	527.115.855.427	(279.600.000.000)	-	572.237.987.350	702.541.229.300
SHB	275.238.748.169	175.425.373.873	451.837.987.350	702.541.229.300	176.599.239.181	527.115.855.427	-	-	451.837.987.350	702.541.229.300
BCG	200.000.000.000	-	63.100.000.000	-	-	-	(136.900.000.000)	-	63.100.000.000	-
TCD	200.000.000.000	-	57.300.000.000	-	-	-	(142.700.000.000)	-	57.300.000.000	-
	4.774.714.912.825	2.377.360.580.843	4.911.715.974.425	3.403.314.979.403	561.853.284.401	1.059.290.616.556	(424.852.222.801)	(33.336.193.996)	4.911.715.974.425	3.403.315.003.403

Ghi chú:

- ▶ Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và cổ phiếu giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom): Giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2022 và 31/12/2021 trên các sàn giao dịch này.
- ▶ Trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch: Giá trị hợp lý được xác định theo giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm đánh giá lại.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- ▶ Đối với các chứng khoán còn lại, Công ty cũng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư. Trường hợp, chứng khoán có dấu hiệu giảm giá, Công ty sẽ đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu lãi hoạt động Margin	27.353.717.039	38.853.352.485
Phải thu lãi các hoạt động khác	23.763.664.515	-
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	1.916.111.404.544	1.222.721.168.220
- Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	435.066.742.834	435.066.742.834
- Phải thu lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh	57.783.454.316	58.805.149.410
- Phải thu về ứng trước để chi trả hệ cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000
- Phải thu hoạt động tư vấn	4.825.572.315	22.962.359.129
- Phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán khác	1.408.435.635.079	695.886.916.847
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu khác	45.008.845.285	161.352.205.033
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản (*)	45.006.580.297	45.006.580.297
- Tiền đặt cọc đấu giá tự doanh	-	99.785.300.000
- Phải thu khác	2.264.988	16.560.324.736
	2.012.237.631.383	1.422.926.725.738

(*) Đây là khoản tiền phải thu liên quan đến vụ kiện giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản về việc xử lý tài sản đảm bảo cho khoản cho vay ký quỹ. Ngày 16/01/2019, Công ty nhận được thông báo của Tòa án nhân dân tối cao trả lời Tòa án đã nhận được đơn của Công ty về việc đề nghị xem xét thủ tục giám đốc thẩm và sẽ thông báo lại cho Công ty khi có kết luận cuối cùng. Công ty đã gửi Công văn số 1278/2019/CV-SHS ngày 30/12/2019 đến Tòa án nhân dân tối cao có nội dung đề nghị xem xét thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 36/2017/KDTM-PT ngày 16/05/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Ngày 06/01/2020, Công ty nhận được công văn thông báo số 01/TB-ANDTC-VP của Tòa án nhân dân tối cao phúc đáp công văn trên về việc Tòa án nhân dân tối cao đã thụ lý và hiện đang xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 21/12/2020, Công ty có công văn số 1362/2020/CV-SHS đề nghị Tòa án nhân dân tối cao cung cấp thông tin về việc đề nghị giám đốc thẩm. Ngày 25/12/2020, Tòa án nhân dân tối cao có thông báo số 1252/TB-TANDTC-VP phúc đáp công văn số 1362/2020/CV-SHS, theo đó, Tòa án nhân dân tối cao đã thụ lý vụ án và hiện đang xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật, khi có kết quả giải quyết, Tòa án nhân dân tối cao sẽ thông báo cho Công ty biết. Khoản công nợ này được Công ty dự phòng toàn bộ theo đánh giá của Ban điều hành trong năm 2021 (Chi tiết tại thuyết minh số 08).

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Công ty cổ phần Công nghệ số FTL Việt Nam	540.000.000	190.000.000
Công ty TNHH thương mại- quảng cáo và in Phú Sỹ	289.798.895	292.061.990
Công ty TNHH Đức Uniform	-	1.586.117.500
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Cao Lotte- HPT Việt Nam	-	924.000.000
Các khoản ứng trước khác	749.601.000	679.639.280
	1.579.399.895	3.671.818.770

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Giá trị phải thu khó đòi	Năm nay		Số cuối kỳ
		Số đầu kỳ	Số trích lập	
		VND	VND	VND
Dự phòng khó đòi phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn	820.000.000	-	-	820.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	820.000.000	-	-	820.000.000
Dự phòng khó đòi phải thu hợp đồng giao dịch ký quỹ (margin)	102.090.953.651	29.585.999.548	(282)	47.677.799.566
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	502.591.264.804	15.748.721.107	(547.990.628)	460.681.952.317
- Phải thu gốc và lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	442.047.264.499	15.448.621.107	(371.490.628)	400.206.952.012
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản	45.006.580.297	-	-	45.006.580.297
- Phải thu về ứng trước để chi trả hệ cổ tức	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
- Phải thu hoạt động tư vấn	2.538.500.000	300.100.000	(176.500.000)	2.469.500.000
- Phải thu dịch vụ tài chính khác	2.998.920.008	-	-	2.998.920.008
	605.502.218.455	45.334.720.655	(547.990.910)	509.179.751.883

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Vật tư văn phòng	202.361.957	130.806.450
Công cụ, dụng cụ	59.750.000	136.045.000
	262.111.957	266.851.450

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí thuê nhà chờ phân bổ	1.824.801.000	129.525.000
Chi phí mạng viễn thông chờ phân bổ	137.580.000	10.120.000
Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên phân bổ	1.305.400.115	799.170.548
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	720.355.342	516.835.417
	3.988.136.457	1.455.650.965

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Lợi thế thương mại khi sáp nhập	23.390.176.328	33.785.810.252
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	753.078.003	846.856.217
Chi phí tư vấn chờ phân bổ	460.253.219	460.253.219
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	-	40.941.808
Chi phí mạng viễn thông chờ phân bổ	275.985.825	285.380.019
Chi phí bảo trì chờ phân bổ	1.528.986.272	153.949.100
Chi phí trả trước dài hạn khác	774.025.343	705.758.992
	27.182.504.990	36.278.949.607

11. CẦM CỔ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

a) Ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Đặt cọc bình nước	2.750.000	2.750.000
	2.750.000	2.750.000

b) Dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	3.150.400.343	1.431.490.343
Đặt cọc khác	4.400.000	4.400.000
	3.154.800.343	1.435.890.343

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	14.350.127.630	-
	14.350.127.630	-

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2022	28.419.669.212	6.580.850.000	400.714.710	35.401.233.922
Mua trong kỳ	5.527.927.000	-	-	5.527.927.000
Thanh lý, nhượng bán	(143.148.524)	-	-	(143.148.524)
Tại ngày 31/12/2022	33.804.447.688	6.580.850.000	400.714.710	40.786.012.398
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2022	19.023.203.175	3.678.818.120	319.809.649	23.021.830.944
Khấu hao trong kỳ	3.563.874.238	895.181.695	57.109.476	4.516.165.409
Thanh lý, nhượng bán	(143.148.524)	-	-	(143.148.524)
Tại ngày 31/12/2022	22.443.928.889	4.573.999.815	376.919.125	27.394.847.829
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2022	9.396.466.037	2.902.031.880	80.905.061	12.379.402.978
Tại ngày 31/12/2022	11.360.518.799	2.006.850.185	23.795.585	13.391.164.569

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.143.531.027 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm giao dịch, kế toán với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 lần lượt là: 27.887.980.987 VND và 24.342.096.995 VND. Khấu hao trong kỳ là 1.432.823.368 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

15. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	18.066.986.207	18.066.986.207
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	1.813.013.793	1.813.013.793
Số dư cuối kỳ	20.000.000.000	20.000.000.000

16. VAY VÀ NỢ

	01/01/2022	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.748.000.000.000	10.176.490.000.000	(12.517.490.000.000)	407.000.000.000
Vay ngân hàng	2.748.000.000.000	10.176.490.000.000	(12.517.490.000.000)	407.000.000.000
	2.748.000.000.000	10.176.490.000.000	(12.517.490.000.000)	407.000.000.000

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà nội	111.000.000.000	1.848.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	450.000.000.000
Ngân hàng TNHH CTBC chi nhánh Hồ Chí Minh	100.000.000.000	100.000.000.000
NGÂN HÀNG TNHH INDOVINA	-	200.000.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	-	150.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á - TTKD	196.000.000.000	-
	407.000.000.000	2.748.000.000.000

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty có khoản vay ngắn hạn theo kế ước có thời hạn từ 01 tháng đến 06 tháng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất vay từ 5,525%-14%. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay này được chi tiết theo từng hợp đồng tín dụng hoặc hợp đồng cầm cố thế chấp.

17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	600.000	9.791.264.000
	600.000	9.791.264.000

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	111.737.730.877	-
Phải trả các đối tượng khác	2.421.566.339	-
	114.159.297.216	-

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	249.931.787	899.665.181
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	105.896.237.927
Thuế Thu nhập cá nhân	21.080.057.147	51.621.955.932
	21.329.988.934	158.417.859.040

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	15.894.076.014	19.441.811.013
Chi phí lãi hợp đồng môi giới chứng khoán	-	37.061.732.939
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	15.357.449.316	17.671.506.849
Chi phí phải trả các sàn giao dịch	3.588.420.567	13.143.656.973
Chi phí phải trả khác	600.830.000	8.471.935.549
	35.440.775.897	95.790.643.323

21. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	01/01/2022	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Nợ ngắn hạn	600.000.000.000	-	(600.000.000.000)	-
- Công ty CP Quản Lý Quỹ Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	300.000.000.000	-	(300.000.000.000)	-
- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ CHUBB Việt Nam	40.000.000.000	-	(40.000.000.000)	-
- Quỹ đầu tư trái phiếu mở rộng CHUBB	10.000.000.000	-	(10.000.000.000)	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tài Chính Việt Nam	150.000.000.000	-	(150.000.000.000)	-
- Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm NH TMCP Công thương VN	100.000.000.000	-	(100.000.000.000)	-
Nợ dài hạn	500.000.000.000	160.000.000.000	-	660.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt	200.000.000.000	-	-	200.000.000.000
- Ngân hàng TNHH Indovina	200.000.000.000	-	-	200.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
- Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ PRUDENTIAL Việt Nam	-	160.000.000.000	-	160.000.000.000
	1.100.000.000.000	160.000.000.000	(600.000.000.000)	660.000.000.000

Số dư phản ánh các trái phiếu đã bán cho các tổ chức theo các đợt phát hành của Công ty, với các thông tin chi tiết sau:

- ▲ Mệnh giá: 1.000.000.000 đồng/trái phiếu (với số lượng 660 trái phiếu);
- ▲ Kỳ hạn: 02 năm đối với trái phiếu dài hạn;
- ▲ Phương thức phát hành: Đại lý phát hành;
- ▲ Tài sản đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo;
- ▲ Lãi suất: Được quy định và điều chỉnh chi tiết trong từng đợt phát hành theo từng thời kỳ;
- ▲ Mục đích phát hành: Bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Công ty.

(*) Nợ dài hạn tại thời điểm 31/12/2022 số tiền 660.000.000.000 đồng là nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng tới.

22. NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC

a) Ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nhận đặt cọc hợp đồng môi giới chứng khoán (*)	-	452.580.597.401
Các khoản khác	16.164.000	16.164.000
	16.164.000	452.596.761.401

b) Dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Các khoản khác	25.000.000	25.000.000
	25.000.000	25.000.000

(*) Số dư tại ngày 01/01/2022 phản ánh khoản nhận đặt cọc theo quy định tại các Hợp đồng môi giới mua chứng khoán giữa Công ty và các khách hàng. Theo đó, Công ty có trách nhiệm tìm kiếm các tổ chức, cá nhân có nhu cầu bán chứng khoán và thực hiện các thủ tục có liên quan để chuyển giao chứng khoán cho khách hàng. Trong trường hợp Hợp đồng không thực hiện được, Công ty có trách nhiệm hoàn trả tiền đã nhận đặt cọc và phí cơ hội tính trên số tiền đã nhận đặt cọc nhân với lãi suất quy định và số ngày nắm giữ thực tế.

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	697.318.134	697.318.134
Phải trả phí phát triển thị trường và tìm kiếm khách hàng	4.819.063.784	17.662.871.802
Phải trả trái phiếu bán lẻ	9.767.333	4.271.720.087
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.593.227.275	7.107.649.815
	9.119.376.526	29.739.559.838

24. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2022 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2022 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	5,60%	455.057.340.000	5,60%	182.022.940.000
Ông Nguyễn Duy Kiên	1,15%	93.860.000.000	5,78%	188.120.000.000
Vốn góp của cổ đông (dưới 5%)	93,25%	7.582.650.140.000	88,62%	2.882.507.330.000
	100%	8.131.567.480.000	100%	3.252.650.270.000

Trong kỳ, Công ty đã hoàn thành việc chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 01-2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 với mục đích bổ sung vốn cho hoạt động giao dịch ký quỹ chứng khoán và bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá trên thị trường. Kết quả phát hành như sau:

- ▶ Tổng số cổ phiếu phân phối cho cổ đông hiện hữu: 325.265.027 cổ phiếu với giá chào bán 12.000 VND/cổ phiếu;
- ▶ Vốn góp của chủ sở hữu tăng từ 3.252.650.270.000 VND lên 6.505.300.540.000 VND (tăng 3.252.650.270.000 VND) sau đợt chào bán thêm cho cổ đông cho cổ đông hiện hữu;
- ▶ Thặng dư vốn cổ phần tăng từ 489.672.566.300 VND lên 1.140.202.620.300 VND (tăng 650.530.054.000 VND) sau đợt chào bán thêm cho cổ đông cho cổ đông hiện hữu.

Thông tin chi tiết về các đợt tăng vốn tiếp theo xem Thuyết minh 24, mục c.

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	370.182.149.985	1.263.713.970.604
Lợi nhuận chưa thực hiện	395.170.115.704	602.239.511.475
	765.352.265.689	1.865.953.482.079

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	1.263.713.970.604	318.930.249.102
Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	-	602.239.511.475
Lãi đã thực hiện kỳ nay tính từ đầu kỳ	369.285.449.881	1.235.655.404.578
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	1.632.999.420.485	1.554.585.653.680
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(55.000.000.000)	(42.149.841.874)
- Quỹ dự trữ điều lệ	-	(13.574.920.937)
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	(13.574.920.937)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(55.000.000.000)	(15.000.000.000)
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn kỳ nay	(1.207.817.270.500)	(248.721.841.200)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	370.182.149.985	1.263.713.970.606

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 02-2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 và trích lập các quỹ như sau:

- ▶ Trích lập quỹ khen thưởng số tiền 15.000.000.000 VND, quỹ phúc lợi số tiền 40.000.000.000 VND.
- ▶ Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu tỷ lệ 18% (tính trên vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, dự kiến là: 6.505.300.540.000 VND), nguồn vốn sử dụng là lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của Công ty.
- ▶ Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ 7% (tính trên vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, dự kiến là: 6.505.300.540.000 VND), nguồn vốn sử dụng là thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của Công ty. Cụ thể, thặng dư vốn cổ phần là 418.449.669.500 VND và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 36.921.360.500 VND.

Theo báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 và phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu ngày 01 tháng 08 năm 2022, kết quả phát hành như sau:

- ▶ Kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021: Tổng số cổ phiếu đã phân phối là 117.092.515 cổ phiếu;
- ▶ Kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: Tổng số cổ phiếu đã phân phối là 45.534.179 cổ phiếu.

Sau đợt phát hành trên:

- ▶ Vốn góp của chủ sở hữu tăng từ 6.505.300.540.000 VND lên 8.131.567.480.000 VND;
- ▶ Thặng dư vốn cổ phần giảm từ 1.140.202.620.300 VND về 721.752.950.800 VND.

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.082.923.690.000	495.222.380.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	359.437.500.000	446.937.500.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	52.000.000.000	2.800.000.000
	1.494.361.190.000	944.959.880.000

26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	76.790.020.000	32.037.470.000
	76.790.020.000	32.037.470.000

27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Công ty	4.235.100.000	-
	4.235.100.000	-

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	799.358.780.000	143.201.130.000
	799.358.780.000	143.201.130.000

29. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	36.784.515.100.000	35.808.331.870.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	1.350.251.430.000	2.156.424.300.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	6.316.152.530.000	3.064.116.280.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	65.747.990.000	44.946.540.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	124.658.810.000	504.810.450.000
	44.641.325.860.000	41.578.629.440.000

30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.121.600.510.000	971.686.500.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	1.389.311.520.000	1.030.830.950.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	-	15.295.680.000
	2.510.912.030.000	2.017.813.130.000

31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	468.708.950.000	499.119.960.000
	468.708.950.000	499.119.960.000

32. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	786.530.289.831	787.074.410.882
1. Nhà đầu tư trong nước	785.713.229.727	786.445.034.882
2. Nhà đầu tư nước ngoài	817.060.104	629.376.000
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	522.927.021.500	1.597.617.003.500
Tiền gửi của tổ chức phát hành	77.504.292	295.956.792
2. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	77.504.292	295.956.792
	1.309.534.815.623	2.384.987.371.174

33. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	786.530.289.831	787.074.410.882
1.1. Nhà đầu tư trong nước	785.713.229.727	786.445.034.882
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	817.060.104	629.376.000
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	522.927.021.500	1.597.617.003.500
2.1. Nhà đầu tư trong nước	522.927.021.500	1.597.617.003.500
	1.309.457.311.331	2.384.691.414.382

34. PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	77.504.292	295.956.792
	77.504.292	295.956.792

35. PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	2.320.834.729.708	4.901.837.265.879
1.1. Phải trả gốc margin	2.293.481.012.669	4.862.983.913.394
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	2.293.481.012.669	4.862.983.913.394
1.2. Phải trả lãi margin	27.353.717.039	38.853.352.485
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	27.353.717.039	38.853.352.485
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	62.187.519.079	954.028.713.128
2.1. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	62.187.519.079	954.028.713.128
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	62.187.519.079	954.028.713.128
	2.383.022.248.787	5.855.865.979.007

36. THU NHẬP**a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Tổng giá trị bán		Tổng giá vốn		Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này		Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước	
	VND	VND	VND	VND	Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
Cổ phiếu niêm yết	2.895.377.714.140	3.202.415.348.473	209.543.746.772	516.771.205.884	835.252.933.491	76.341.478.638		
Cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	177.541.223.100	181.612.433.554	17.175.981.316	21.060.231.770	143.619.446.529	15.515.831.044		
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	34.860.000.000	-		
Trái phiếu niêm yết	17.685.999.384.287	17.616.614.070.092	106.956.707.115	36.445.599.726	211.214.714.149	6.053.646.695		
Trái phiếu chưa niêm yết	13.638.797.891.168	13.529.090.458.281	119.542.517.365	37.040.831.790	22.993.819.469	11.403.523.364		
Công cụ thị trường tiền tệ	20.958.359.054.794	20.954.268.669.374	4.090.385.320	198.838.352	4.816.928.669	1.984.073.386		
	55.356.075.267.489	55.484.000.979.774	457.309.337.888	611.516.707.522	1.252.757.842.307	111.298.553.127		

b) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo số kế toán	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2022		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2022		Chênh lệch điều chỉnh số kế toán	
		Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	4.099.476.164.656	385.254.045.220	(145.252.222.801)	532.174.761.129	(33.336.193.996)	(146.920.715.909)	111.916.028.805
Cổ phiếu niêm yết	843.927.075.531	112.267.933.818	(81.622.832.836)	488.057.713.120	(4.852.320.619)	(375.789.779.302)	76.770.512.217
Cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	307.905.957.905	265.937.687.585	(8.319.303.490)	42.366.548.009	(7.467.530.945)	223.571.139.576	851.772.545
Cổ phiếu hủy niêm yết	4.110.151.622	-	(2.007.286.015)	-	(1.946.970)	-	2.005.339.045
Cổ phiếu chưa niêm yết	961.143.519.138	-	(52.732.800.460)	1.750.500.000	(21.014.395.462)	(1.750.500.000)	31.718.404.998
Trái phiếu niêm yết	635.964.330.926	7.048.423.817	(570.000.000)	-	-	7.048.423.817	570.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết	1.346.425.129.534	-	-	-	-	-	-
Loại AFS	675.238.748.169	176.599.239.181	(279.600.000.000)	527.115.855.427	-	-	-
Cổ phiếu niêm yết	675.238.748.169	176.599.239.181	(279.600.000.000)	527.115.855.427	-	-	-
	4.774.714.912.825	561.853.284.401	(424.852.222.801)	1.059.290.616.556	(33.336.193.996)	(146.920.715.909)	111.916.028.805

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	154.048.913.027	51.686.172.593
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	30.824.931.494	-
Từ các khoản cho vay	567.856.675.262	688.752.608.357
	752.730.519.783	740.438.780.950

d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	654.937.941	432.540.522
Trong đó:		
- Doanh thu từ lãi hợp đồng ủy thác đầu tư	16.694.904	-
- Doanh thu khác	638.243.037	432.540.522
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	654.937.941	432.540.522

37. CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	56.371.123.973	(32.359.689.663)
- Chi phí dịch vụ tài chính khác	11.580.540.228	14.310.033.912
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	44.786.729.745	(46.669.723.575)
- Chi phí khác	3.854.000	-
	56.371.123.973	(32.359.689.663)

38. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.975.550.219	3.882.855.188
	4.975.550.219	3.882.855.188

39. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	163.288.704.020	149.064.549.192
Chi phí đầu tư khác	20.000.000	20.000.000
	163.308.704.020	149.084.549.192

40. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	56.494.914.501	73.883.976.930
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	2.126.425.291	1.487.688.398
Chi phí vật tư văn phòng	425.075.711	414.073.092
Chi phí công cụ, dụng cụ	334.827.332	172.647.274
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	5.110.570.287	2.325.748.624
Chi phí thuế, phí và lệ phí	188.978.636	114.243.286
Chi phí dự phòng	-	45.006.580.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.488.559.776	7.884.172.570
Chi phí khác	24.069.032.124	33.640.024.312
	98.238.383.658	164.929.154.783

41. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

41.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	197.287.871.524	1.752.917.980.162
Các khoản điều chỉnh tăng	229.282.134	45.465.563.554
- Chi phí không hợp lệ	229.282.134	45.465.563.554
Các khoản điều chỉnh giảm	236.678.678.123	(216.008.768.775)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(22.158.066.591)	(15.221.148.179)
- Chênh lệch về đánh giá lại các TSTC FVTPL	258.836.744.714	(200.787.620.596)
Thu nhập chịu thuế TNDN	434.195.831.781	1.582.374.774.941
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	86.839.166.357	316.474.954.988
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	105.896.237.927	28.459.842.013
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(207.085.531.914)	(239.038.559.074)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	(14.350.127.630)	105.896.237.927

41.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Số dư đầu kỳ	150.559.877.869	110.402.353.749
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng và giảm về đánh giá lại các TSTC FVTPL	(51.767.348.943)	40.157.524.120
	98.792.528.926	150.559.877.869
	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng và giảm về đánh giá lại các TSTC FVTPL	(51.767.348.943)	40.157.524.119
	(51.767.348.943)	40.157.524.119

42. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	(đã điều chỉnh) VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	162.216.054.110	1.396.285.501.055
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	162.216.054.110	1.396.285.501.055
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	680.459.324	487.891.721
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	238	2.862

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

43. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc/ Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc/ Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.039.661.871.707	-	652.033.715.127	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	4.339.477.987.075	-	2.700.773.774.103	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000.000	-	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	572.237.987.350	-	702.541.229.300	-
Các khoản cho vay	2.355.668.531.748	(47.677.799.566)	5.817.012.626.522	(18.091.800.300)
Các khoản phải thu	2.012.237.631.383	(461.501.952.317)	1.422.926.725.738	(446.301.221.838)
	11.319.284.009.263	(509.179.751.883)	11.295.288.070.790	(464.393.022.138)
			31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
Vay và nợ			1.067.000.000.000	3.848.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			123.279.273.742	39.530.823.838
Chi phí phải trả			35.440.775.897	95.790.643.323
			1.225.720.049.639	3.983.321.467.161

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	4.339.477.987.075	-	-	4.339.477.987.075
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	572.237.987.350	-	-	572.237.987.350
	4.911.715.974.425	-	-	4.911.715.974.425

Tại ngày 01/01/2022

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	2.700.773.774.103	-	-	2.700.773.774.103
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	702.541.229.300	-	-	702.541.229.300
	3.403.315.003.403	-	-	3.403.315.003.403

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi Công ty có phát sinh các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.039.661.871.707	-	-	1.039.661.871.707
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
Các khoản cho vay	2.307.990.732.182	-	-	2.307.990.732.182
Các khoản phải thu	1.550.735.679.066	-	-	1.550.735.679.066
	5.898.388.282.955	-	-	5.898.388.282.955

Tại ngày 01/01/2022

Tiền và các khoản tương đương tiền	652.033.715.127	-	-	652.033.715.127
Các khoản cho vay	5.798.920.826.222	-	-	5.798.920.826.222
Các khoản phải thu	976.625.503.900	-	-	976.625.503.900
	7.427.580.045.249	-	-	7.427.580.045.249

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	1.067.000.000.000	-	-	1.067.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	123.279.273.742	-	-	123.279.273.742
Chi phí phải trả	35.440.775.897	-	-	35.440.775.897
	1.225.720.049.639	-	-	1.225.720.049.639
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	3.348.000.000.000	500.000.000.000	-	3.848.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	39.530.823.838	-	-	39.530.823.838
Chi phí phải trả	95.790.643.323	-	-	95.790.643.323
	3.483.321.467.161	500.000.000.000	-	3.983.321.467.161

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

44. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

45. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán		Hoạt động đầu tư tự doanh		Các hoạt động khác		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	26.825.909.090	356.367.389.535	464.437.535.006	694.837.378.748	1.542.468.212.379					
Chi phí hoạt động	6.796.302.872	247.220.963.845	737.714.722.618	97.089.911.301	1.088.821.900.636					
Doanh thu không phân bổ					4.975.550.219					
Chi phí không phân bổ					261.547.087.678					
Kết quả hoạt động	20.029.606.218	109.146.425.690	(273.277.187.612)	597.747.467.447	197.074.774.284					
Chi phí mua sắm Tài sản cố định				8.757.927.000						
Tài sản bộ phận trực tiếp	-	20.000.000.000	5.911.715.974.425	3.406.785.913.302	9.338.501.887.727					
Tài sản không phân bổ	-	20.000.000.000	5.911.715.974.425	3.406.785.913.302	10.899.625.766.763					
Tổng tài sản	-	20.000.000.000	5.911.715.974.425	3.406.785.913.302	10.899.625.766.763					
Nợ phải trả không phân bổ					1.463.766.337.166					
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	1.463.766.337.166					
Theo khu vực địa lý										
Doanh thu hoạt động		1.337.587.594.929	61.173.972.221	143.706.645.229	1.542.468.212.379					
Tài sản bộ phận		9.437.346.463.047	584.269.716.135	878.009.587.581	10.899.625.766.763					
Nợ phải trả bộ phận		278.620.611.106	515.727.860.304	669.417.865.756	1.463.766.337.166					

46. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2022		Năm 2021	
		VND	VND	VND	VND
Giao dịch mua trái phiếu					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	1.403.897.611.562	-		
Nhận tiền vay					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	5.381.490.000.000	5.762.000.000.000		
Trả nợ vay					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	7.118.490.000.000	3.914.000.000.000		
Chi phí lãi vay					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	27.226.868.131	22.027.227.899		
Chi phí lãi ký quỹ					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	-	9.634.898.000		
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	10.363.636.363	25.664.090.910		
Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	-	245.000.000		
Doanh thu tư vấn tài chính					
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí	(***)	-	150.000.000		

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2022		01/01/2022	
		VND	VND	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	1.035.290.043.241	597.218.575.844		
Đầu tư cổ phiếu					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	451.837.987.350	175.425.373.873		
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	(****)	145.257.484.500	145.257.484.500		
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	(**)	-	2.170.000.000		
Phải thu của khách hàng					
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	(**)	-	38.000.000		
Vay ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	111.000.000.000	1.848.000.000.000		
Phải trả người bán					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	111.737.730.877	-		

(*) Ông Đỗ Quang Vinh Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội là con trai ông Đỗ Quang Hiến Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

(**) Ông Vũ Đức Tiến là Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội, đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa.

(***) Ông Vũ Đức Tiến là Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội, đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí.

(****) Ông Đỗ Quang Vinh Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội.

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Đỗ Quang Hiến	1.222.222.222	4.477.777.778
Ông Đỗ Quang Vinh	977.777.778	-
Ông Vũ Đức Tiến	(*)	(*)
Ông Lưu Danh Đức	155.555.556	-
Ông Lê Đăng Khoa	350.000.000	755.555.556
Ông Mai Xuân Sơn	194.444.444	755.555.556
Bà Nguyễn Diệu Trinh	350.000.000	755.555.556

(*) Đã được trình bày tại thu nhập của Ban Tổng Giám đốc.

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Vũ Đức Tiến	6.247.960.000	7.180.467.041
Ông Trần Sỹ Tiến	3.761.895.909	4.038.040.000
Ông Nguyễn Chí Thành	3.837.181.667	4.157.111.448
Bà Trần Thị Thu Thanh	3.391.960.000	3.814.833.848

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Ban kiểm soát		
Bà Phạm Thị Bích Hồng	574.811.108	761.960.000
Bà Lương Thị Lựu	200.000.000	296.000.000
Ông Vũ Đức Trung	200.000.000	296.000.000

47. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Thủy
Người lập



Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH NĂM 2022 ĐƯỢC KIỂM TOÁN



▶▶ BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 85/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 09 năm 2022.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/04/2022
Ông	Đỗ Quang Hiển	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/04/2022
Ông	Vũ Đức Tiến	Thành viên	
Ông	Lê Đăng Khoa	Thành viên	
Ông	Lưu Danh Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2022
Ông	Mai Xuân Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2022
Bà	Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Vũ Đức Tiến	Tổng Giám đốc
Ông	Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông	Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban
Bà	Lương Thị Lựu	Thành viên
Ông	Vũ Đức Trung	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng hệ thống thông tin và hệ thống kiểm soát nội bộ được xây dựng và duy trì để đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính được phản ánh trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào theo những yêu cầu của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Đức Tiến

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023



Số: 270323.003/BCTC.KT2

▶▶ BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 27 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 15, đã được Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội lập theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo các quy định pháp lý về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 800 - “Lưu ý khi kiểm toán báo cáo tài chính được lập theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt” và các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam khác có liên quan. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 đã được lập trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập để giúp Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

VẤN ĐỀ KHÁC

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đã lập một bộ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội vào ngày 27 tháng 03 năm 2023.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Lê Công Thắng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4422-2019-002-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN - HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022

Chúng tôi cam đoan rằng:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Trần Sỹ Tiến

Người lập

Nguyễn Thủy Hạnh Mai

Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ



Vũ Đức Tiến

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

▶▶ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	(1)	(2)	(3)
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	8.131.567.480.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	721.752.950.800		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	(337.086.821.870)		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	77.136.777.489		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	77.136.777.489		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận chưa phân phối	765.352.265.689		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	509.179.751.883		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		-	54.236.030.460
16	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	Tổng			9.999.275.211.940
B	TÀI SẢN NGẮN HẠN			
I	Tài sản tài chính			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			464.242.171.679
11	Phải thu nội bộ			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
13	Các khoản phải thu khác			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			45.006.580.297
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
15	Trả trước cho người bán		1.579.399.895	
II	Tài sản ngắn hạn khác		-	
1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ		262.111.957	
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		3.988.136.457	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		2.750.000	
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	
7	Tài sản ngắn hạn khác		-	
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác		-	
1B	Tổng			515.081.150.285
C	TÀI SẢN DÀI HẠN			
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1	Các khoản phải thu dài hạn		-	
2	Các khoản đầu tư			
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
2.2	Đầu tư vào công ty con		-	
2.3	Đầu tư dài hạn khác		-	
II	Tài sản cố định		16.937.048.561	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	
V	Tài sản dài hạn khác			
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		3.154.800.343	
2	Chi phí trả trước dài hạn		27.182.504.990	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		20.000.000.000	
5	Tài sản dài hạn khác		-	
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
1C	Tổng			67.274.353.894
D	TÀI SẢN KÝ QUỸ ĐẢM BẢO			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam		-	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ		-	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		-	
1D	Tổng		-	
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D			9.416.919.707.761

➤ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I	Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			-
1	Tiền mặt (VND)	0%	1.039.661.871.707	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	-	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	1.020.874.246.564	-
II	Trái phiếu chính phủ			-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương	3%	-	-
III	Trái phiếu tổ chức tín dụng			60.538.089.030
6	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	403.587.260.200	60.538.089.030
IV	Trái phiếu doanh nghiệp			400.758.735.715
7	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết			
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	77.999.000.000	7.799.900.000
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	364.443.754.743	54.666.563.211
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
8	Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết			
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	15.317.845.950	2.297.676.893
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	306.572.681.841	61.314.536.368
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	275.443.756.600	68.860.939.150
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	63.496.895.910	19.049.068.773
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%	120.652.485.876	42.228.370.057
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	361.354.203.157	144.541.681.263
V	Cổ phiếu			549.864.442.597
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	1.207.714.449.470	120.771.444.947
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	239.098.580.000	35.864.787.000

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	565.524.342.000	113.104.868.400
12	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
13	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	560.246.684.500	280.123.342.250
VI	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			-
14	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
15	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	-	-
VII	Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			2.882.584.000
16	Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định	30%	-	-
17	Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo	20%	-	-
18	Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25%	-	-
19	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	40%	-	-
20	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80%	3.603.230.000	2.882.584.000
VIII	Chứng khoán phái sinh			365.696.834.638
21	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%	-	-
22	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3%	-	-
23	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%	-	-
24	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100%	-	-
25	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8%	-	-
26	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10%	-	-
27	Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần.	100%	224.896.834.638	224.896.834.638
28	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	176.000.000.000	140.800.000.000

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
29	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành			
30	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)			
31	Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm			
IX	Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)			
Mã chứng khoán		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	...		-	-
2	...		-	-
3	...		-	-
A	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)			1.379.740.685.980

▶▶ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

B. RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
Hệ số rủi ro	0%	0,8%	3,2%	4,8%	6,0%	8,0%	
I Rủi ro trước thời hạn thanh toán							63.145.434.795
1 Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	61.252.454.794	1.892.980.001	63.145.434.795
2 Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3 Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4 Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5 Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

STT	Đối tác thanh toán cho tổ chức kinh doanh chứng khoán	Hệ số rủi ro thanh toán
1	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính Phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
2	Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	0,8%
3	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
4	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,8%
5	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6,0%
6	Các tổ chức, cá nhân, đối tượng khác	8,0%

II Rủi ro quá thời hạn thanh toán

Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1 Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	-	-
2 Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%	-	-
3 Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%	-	-
4 Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100%	-	-

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
III Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác							1.390.000.000.000
					Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1 Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 10 Thông tư này; Các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC) (Chi tiết từng đối tượng). Khoản tạm ứng chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày (Chi tiết từng đối tượng).					100%	1.390.000.000.000	1.390.000.000.000
IV Rủi ro tăng thêm (nếu có)							145.125.245.479
TT Chi tiết từng khoản vay, tới từng đối tác				Mức tăng thêm	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1 Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công nghệ Hà Nội				10%	100%	1.390.000.000.000	139.000.000.000
2 Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (tiền gửi có kỳ hạn)				10%	6%	1.020.874.246.564	6.125.245.479
B TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III+IV)							1.598.270.680.274

▶▶ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)		Giá trị rủi ro
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	1.350.368.988.314
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	325.940.451.347
	1. Chi phí khấu hao	5.948.988.777
	2. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp	-
	3. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
	4. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	44.786.729.745
	5. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác	-
	6. Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ	111.916.028.805
	7. Chi phí lãi vay	163.288.704.020
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	1.024.428.536.967
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	256.107.134.242
V	20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán	60.000.000.000
C	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})	256.107.134.242
D	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)	3.234.118.500.496

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	1.379.740.685.980	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	1.598.270.680.274	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	256.107.134.242	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	3.234.118.500.496	
5	Vốn khả dụng	9.416.919.707.761	
6	Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4)	291,17%	

Trần Sỹ Tiến
Người lập

Nguyễn Thủy Hạnh Mai
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2023



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 84-24-38 181 888

Fax: 84-24-38 181 688

Website: www.shs.com.vn